

Kinh Pháp Cú

Song Ngữ Chú Giải

Lời đầu sách

Kinh Pháp Cú là những câu nói ngắn gọn do Đức Phật nói ra tùy theo từng trường hợp. Những lời dạy này nhằm mục đích thức nhắc đương cơ lưu tâm để áp dụng tu hành cho có kết quả tốt đẹp. Những lời dạy này về sau đã được chur Tổ kết tập lại, thành Kinh gọi là Kinh Pháp Cú. Mỗi lời dạy đều có ghi rõ lý do xuất xứ.

Toàn Kinh gồm có 26 phẩm và có tất cả là 423 câu. Kinh này nằm trong Tiểu bộ (Khuddaka- Nikaya) của tạng Kinh Pali và đã được dịch ra nhiều thứ tiếng ở Á Châu và Âu Mỹ. Đại Đức Narada đã dịch ra bản chữ Anh, xuất bản tại Tích Lan. Một bản chữ Anh khác của giáo sư C.R Lanman, do Đại học đường Haward tại Mỹ quốc xuất bản; bản chữ Nhật của Phước đảo Trục tứ lang, xuất bản tại Nhật và các bản Hán dịch rất cổ với danh đề là Pháp Cú Kinh, Pháp tập yếu tụng v.v...

Kinh này rất được phổ cập tại các nước Phật giáo Nguyên Thủy như Tích Lan, Miến Điện v.v... Có thể nói Kinh này như là một quyển Kinh nhật tụng của giới Tăng già và cư sĩ ở các quốc gia đó. Họ coi như là một quyển kinh gối đầu giường. Đại đa số đều nhớ nằm lòng. Họ thường xuyên đem ra áp dụng vào đời sống thực tế hằng ngày. Kết quả, rất có lợi ích.

Riêng những bản chữ Việt, chúng tôi thấy có một vài bản dịch ra Việt văn như sau:

1. Bản dịch của Hòa Thượng Thích Thiện Siêu do nhà xuất bản Phú Lâu Na ấn bản tại Hoa Kỳ Phật lịch 2546- 2002.
2. Kinh Lời Vàng Dhammapada do Hòa Thượng Thích Minh Châu dịch từ nguyên bản Pali theo thể văn kệ.
3. Bản dịch của các Ni sinh thuộc thiền viện Viên Chiếu dịch theo bản chữ Anh của học giả Eugène Valson Buxlingame. Nhà học giả này đã căn cứ trên nguyên tác Pháp Cú Sơ giải bằng tiếng Pali, do nhà xuất bản Thành Phố Hồ Chí Minh ấn hành năm 1999. Đặc biệt bản dịch này, sau mỗi câu Kinh đều có nêu rõ điểm xuất xứ Phật dạy và có kèm theo sau đó là một mẩu chuyện, nêu rõ lý do chính yếu Phật nói ra câu Kinh đó.
4. Bản dịch của luật sư Đinh Sĩ Trang dịch đề là Lời Phật Dạy ấn hành tại Úc năm 1997. Ngoài ra, còn những quyển nào khác nữa, thì chúng tôi chưa được biết đến.

Nay chúng tôi y cứ vào bản dịch Việt ngữ của Hòa Thượng Thích Thiện Siêu làm tài liệu chính để giảng giải cho Tăng, Ni và chúng tôi cũng có thêm phần Kệ tụng do Hòa Thượng Thích Minh Châu dịch. Đồng

thời, chúng tôi cũng có thêm phần đối chiếu Anh ngữ trong quyển DHAMMAPADA của dịch giả Àcharya Buddharakkhita. Tác phẩm đã ấn hành vào ngày 16 tháng 10 năm 1986. Sở dĩ chúng tôi cho thêm phần Anh ngữ này, với mục đích là muốn giúp cho quý Tăng, Ni sinh tại Phước Huệ Công Đức Tông Lâm tiện đối chiếu học hỏi. Đồng thời sau mỗi câu Kinh chúng tôi có thêm phần chú thích từ ngữ và lược giảng.

Tài liệu biên soạn này, nhằm mục đích hướng dẫn, giúp thêm tài liệu cho quý tăng ni sinh tu học trong khóa an cư tại Phước Huệ Công Đức Tông Lâm năm 2005. Việc biên soạn này, dù có cố gắng đến đâu, chúng tôi cũng không tránh khỏi những thiếu sót sai lầm. Kính mong chư Tôn Đức cùng các bậc thức giả từ bi chỉ giáo, chúng tôi xin chân thành đa tạ.

Phước Huệ Công Đức Tông Lâm.

Ngày đầu an cư, 23 /5/ 2005

Nhằm ngày 16/ 4/ âm lịch năm Ất Dậu.

Thích Phước Thái

I. Phẩm Song Yếu¹

Yamakavaggo (*The pairs*).

1. Trong các pháp², tâm³ dẫn đầu, tâm làm chủ, tâm tạo tác tất cả. Nếu đem tâm ô nhiễm tạo nghiệp⁴ nói

¹ **Song yếu:** (Yamaka Vagga – The pairs) từng cặp đối nhau rất quan trọng. Quan trọng về hai mặt: ác pháp và thiện pháp theo chiều hướng nhân quả.

² **Pháp** (Dhammà - Mental states): Nghĩa rất rộng, chỉ chung cho tất cả sự vật có hình tướng hoặc không hình tướng. Những vật có hình tướng gọi là Hữu vi pháp; không hình tướng gọi là Vô vi pháp. Duy thức định nghĩa: nhận trì tự tánh quý sanh vật giải. Nghĩa là mỗi sự vật tự nó giữ gìn tính chất và hình thể của nó, để người ta nhìn vào biết rõ đặc tính của nó, gọi chung là một pháp. Dụ như cái tách, cái ly v.v...

³ **Tâm** (Mind): biết hay tri giác. Biết có hai phương diện: Chơn và vọng. Vọng tâm là cái biết sai lầm ở nơi sự vật. Ngược lại, chơn tâm là cái biết đúng với chân lý, tức biết đúng như thật ở nơi các pháp. Hằng sống với cái Biết này là giải thoát. Ngược lại, vọng tâm hay vọng thức, thuộc hiện tượng do duyên sanh, là nguyên nhân tạo nghiệp thiện ác, để rồi thọ báo khổ hoặc vui đi mãi trong vòng luân hồi bất tận.

⁴ **Nghiệp:** tiếng Phạn là Karma, tiếng Pali là Kamma, có nghĩa là một hành động hay một việc làm lặp đi lặp lại thành một thói quen. Thói quen ấy gọi là nghiệp. Chính thói quen có một sức mạnh thúc đẩy người ta tạo thành những điều lành hoặc điều dữ, sức mạnh thúc đẩy đó, gọi là

năng hoặc hành động, sự khổ sẽ theo nghiệp kéo đến như bánh xe lăn theo chân con vật kéo xe.

Mind precedes all mental states. Mind is their chief; they are all mind wrought. If with an impure mind a person speaks or acts, suffering follows him like the wheel that follows the foot of the ox.

Kệ Tụng

Tâm dẫn đầu mọi pháp

Tâm chủ, tâm tạo tác

Nếu nói hay hành động

Với tâm tư ô nhiễm

Khổ não sẽ theo ta

Như xe theo vật kéo.

2. Trong các pháp, tâm dẫn đầu, tâm làm chủ, tâm tạo tác tất cả. Nếu đem tâm thanh tịnh tạo nghiệp nói năng hoặc hành động, sự vui sẽ theo nghiệp kéo đến như bóng theo hình.

Mind precedes all mental states. Mind is their chief; they are all mind wrought. If with a pure mind a person speaks or acts, happiness follows him like his never departing shadow.

Kệ Tụng

Tâm dẫn đầu mọi pháp

Tâm chủ, tâm tạo tác

NGHIỆP LỰC, tức sức mạnh của nghiệp. Tác động của nghiệp được xây dựng theo chiều hướng nhân quả. Nghiệp chính là Nhân và đã có nhân tất nhiên phải có quả, nên cũng gọi là nghiệp quả hoặc nghiệp báo.

*Nếu nói hay hành động
Với tâm tư thanh tịnh
Hạnh phúc sẽ theo ta
Như bóng không rời hình.*

Lược giảng

Sống trong thế giới Tục đế, nghiệp lực đóng một vai trò rất quan trọng. Nó vừa là một tác nhân mà cũng vừa là một tác quả. Nhưng động lực chính thúc đẩy tạo thành là do tâm. Tâm ở đây, tức là tâm vọng. Tâm có công năng như một tướng soái chỉ huy toàn bộ. Vì vậy, những hành động được xuất phát tạo thành nghiệp quả phải qua 3 lãnh vực kết hợp chặt chẽ của: thân, khẩu, ý. Thân và khẩu chỉ thi hành theo mệnh lệnh của ý thức. Ý thức là một trong tám món tâm vương. Nó có oai quyền sức mạnh rất lớn. Mọi sự thành bại, tốt xấu, nên hư, đắc thất ... trong cuộc đời, đều do nó chủ động tạo thành. Nên nói: “tâm tạo tác tất cả”. Công hay tội đều do nó tạo ra. Nếu nó suy nghĩ điều ác tổn mình hại người, hại vật, thì nó sai khiến thân và miệng làm những điều xấu ác. Dĩ nhiên, kết quả sẽ là một tai hại khốc liệt vô cùng to lớn. Như những trường hợp khủng bố đã xảy ra nhan nhãn hằng ngày khắp nơi trên thế giới. Và đã có biết bao nhiêu chuyện thương tâm khác mà chính do con người tạo ra, thật không có bút mực nào kể cho hết được. Ngược lại, nếu nó suy nghĩ điều lành, thì cũng sẽ thúc đẩy thân và miệng gây nên những lợi ích cho mình và người rất lớn. Cho nên, cặp song yếu pháp cú trên, Phật đã cho chúng ta một hình ảnh song hành rất cụ thể qua hai phương diện thiện và ác. Thiện hay ác, đều do tâm chủ động tạo nghiệp và

rồi đưa đến một kết quả đúng theo luật nhân quả, như bánh xe lăn theo chân con vật kéo xe. Qua đó, chúng ta phải cẩn trọng giữ gìn tam nghiệp một cách nghiêm khắc như những quân lính giữ thành. Nếu kẻ giữ thành lơ đãng không cảnh giác quân giặc, thì thành trì sẽ bị mất về tay quân giặc và hậu quả rất tai hại. Cũng thế, người tu hành, nếu buông lung ở nơi tâm ý, thì hậu quả rất tai hại cho mình và người. Ngược lại, nếu chúng ta khéo gìn giữ tam nghiệp, nhưt là ý nghiệp một cách nghiêm nhặt, thì kết quả rất là tốt đẹp. Quả đúng với câu : “Tam nghiệp hằng thanh tịnh, đồng Phật vãng Tây phương”.

3. “Người kia lăng mạ⁵ tôi, đánh đập tôi, phá hại tôi và cướp đoạt⁶ của tôi. Ai còn ôm ấp tâm niệm⁷ ấy, thì sự oán giận không thể nào hết.

“He abused me, he struck me, he overpowered me, he robbed me”. Those who harbour such thoughts do not still their hatred.

Kệ Tụng

“Nó mắng tôi, đánh tôi

Nó hại tôi, cướp tôi”

⁵ **Lăng mạ:** Chửi mắng hạ nhục một cách thậm tệ. Dùng những ngôn từ dao to búa lớn để mạ nhục đối phương; chà đạp lên nhân cách phẩm giá của người khác, không một chút nương tay. Đây thuộc về nghiệp ác khẩu nặng.

⁶ **Cướp đoạt:** Một hành động táo bạo trắng trợn chiếm lấy tài sản của người làm của mình. Sự cướp đoạt này, tùy trường hợp lớn nhỏ khác nhau. Thông thường hành động của kẻ cướp đều có trang bị vũ khí. Ăn cướp khác với ăn trộm và ăn cắp.

⁷ **Tâm niệm:** Hằng nhớ nghĩ một điều gì đó ở trong tâm.

*Ai ôm ấp niệm ấy
Hận thù không thể nguôi.*

4. “Người kia lăng mạ tôi, đánh đập tôi, phá hại tôi và cướp đoạt của tôi”. Ai bỏ được tâm niệm ấy, thì sự oán giận tự nhiên san bằng.

“He abused me, he struck me, he overpowered me, he robbed me.” Those who do not harbour such thoughts still their hatred.

*Kệ Tụng
Nó mắng tôi, đánh tôi
Nó hại tôi, cướp tôi
Không ôm ấp niệm ấy
Hận thù sẽ tự nguôi.*

Lược giảng

Chấp thủ tướng là con đẻ của bản ngã. Thế gian đại loạn cũng bởi do lòng chấp ngã mà ra. Từ sự chấp ngã đó, mọi thứ trên đời đều muốn chiếm đoạt về mình. Khi chiếm đoạt không được, thì lòng sân hận nổi lên. Từ đó, như loại gây ra lăm cảnh chiến tranh tang thương cho nhau. Kẻ chiếm được thì vui cười đắc thắng. Kẻ bị thất bại mất mát, thì ôm ấp sự oán giận đau khổ ngập tràn. Cặp Pháp cú này, Phật dạy mọi người nên biết yêu thương lẫn nhau. Có lòng thương mới nhẫn nại trước mọi nghịch cảnh xảy đến. Muốn được an vui, con người phải biết tu hạnh hỷ xả. Vì mọi sự oán giận, chỉ gây thêm cho sự khổ đau chồng chất mà thôi. Muốn chấm dứt nhân khổ đau, thì Phật khuyên

mọi người không nên ôm lòng oán giận. Vì còn có ôm ấp tâm niệm oán giận là còn muốn trả thù. Chính tâm niệm đó là một tai hại cho mình rất lớn. Vì tâm hồn không lúc nào được an ổn. Sống mà tâm hồn lúc nào cũng đau khổ bức rức không an, thì thử hỏi còn gì là ý nghĩa của sự sống? Thế nên, lòng ta muốn được thanh thoát nhẹ nhàng, thì ta nên buông bỏ mọi sự dính mắc trong lòng, dù là kẻ đó đã gây ra cho ta đau khổ. Chỉ có lòng khoan dung, rộng lượng tha thứ, con người mới có được cuộc sống vui tươi thoải mái và an lạc. Ngược lại là một gánh nặng khổ sầu triền miên. Mọi người nên tập tu theo hạnh hỷ xả của Bồ tát Di Lặc. Được vậy, thì cuộc đời này còn gì là hạnh phúc cho bằng!

5. Ở thế gian⁸ này, chẳng phải hận thù⁹ trừ được hận thù, chỉ có từ bi¹⁰ mới trừ được hận thù. Đó là định luật của ngàn xưa¹¹.

⁸**Thế Gian:** Thế Trung Hoa dịch là thiên lưu, tức chỉ cho thời gian. Còn gian, Trung Hoa dịch là gián cách, tức chỉ cho không gian. Như vậy, hai chữ thế gian có nghĩa là chỉ cho thời gian và không gian. Trong nhà Phật có nêu ra hai loại thế gian: hữu tình thế gian và vô tình thế gian hay còn gọi là khí thế gian. Hữu tình thế gian là chỉ chung cho các loài động vật. Vô tình thế gian là chỉ chung cho các loài thực vật. Khí thế gian chỉ chung cho các loài khoáng vật.

⁹**Hận thù:** là một loại tâm sở phiền não trong 20 món tùy phiền não. Nói hận thù là một từ kép. Hận có nghĩa là hờn. Còn thù là đáp trả lại. Như nói thù ân là báo đáp lại ân sâu ông bà Tổ tiên v.v... Tánh của tâm sở này là ôm ấp oán ghét không bỏ. Nghiệp dụng của nó là nóng nảy, buồn phiền hay tìm cách trả thù.

¹⁰**Từ bi:** từ là cho vui, bi là cứu khổ. Từ bi là cứu khổ cho vui. Từ bi là lòng thương rộng lớn, không phân biệt thân sơ. Từ bi khác hơn ái kiến. Ái kiến là tình thương nhỏ hẹp xuất phát từ lòng chấp ngã mà ra.

Hatred is never appeased by hatred in this world. By non hatred alone is hatred appeased. This is Law Eternal.

Kệ tụng
Hận thù diệt hận thù
Đời này không thể có
Từ bi diệt hận thù
Là định luật thiên thu

6. Người kia¹² vì không hiểu rằng: “Chúng ta sắp bị hủy diệt¹³” (nên mới phí sức tranh luận hơn thua). Nếu họ hiểu rõ điều đó, thì chẳng còn tranh luận nữa.

There are those who do not realize that one day we all must die. But those who do realize this settle their quarrels.

Kệ tụng
Người khác không hiểu biết
Ở đây ta bị diệt

¹¹ **Định luật của ngàn xưa:** ngàn xưa, tiếng Phạn là: Sanantano. Từ ngữ này, chỉ cho tất cả pháp tắc vĩnh cửu bất dịch mà chư Phật và đệ tử quá khứ đã gìn giữ và truyền dạy.

¹² **Người kia:** Chỉ người tranh luận. Nhân khi Phật ở Kỳ Đà lâm, đối với vị Tỷ kheo ưa tranh luận tên Câu Sanh Bì (Kosambi) mà nói Kinh này, nên có sự xung hô đó.

¹³ **Hủy diệt:** Nguyên văn tiếng Phạn là: Mayam Ettha Yamamasa, nghĩa là do sự tranh luận bị thua mà bước đến con đường hư hỏng.

*Những ai hiểu điều này
Tranh luận tự nhiên tiêu.*

Lược giảng

Hận thù là một thứ tâm sở phiền não rất nguy hiểm. Nó luôn ôm ấp những gì xảy ra gây cho nó không vừa ý. Từ đó nó cứ nuôi mãi và theo thời gian càng ngày hận thù càng tăng trưởng, đến một lúc nào đó, thời cơ chín mùi, thì nó sẽ hiện hành ngay. Hận thù càng nuôi lớn, thì hậu quả càng nổ to. Điển hình như giữa Mỹ và Iraq cũng như một vài quốc gia Trung Đông khác. Hận thù nuôi lớn giữa cá nhân và lớn hơn đến tập thể, lớn hơn nữa là cả một quốc gia. Một hạt nhân lúc đầu tuy nhỏ, nhưng nó có một sức tàn phá rất mạnh. Thế giới ngày nay luôn xảy ra những tình trạng ăn miếng trả miếng, cứ trả đũa cho nhau, thì biết bao giờ nhen loại mới được sống chung hòa bình. Muốn yên ổn, chỉ có cách, theo lời đức Phật dạy ta phải chuyển đổi hận thù thành từ bi. Chỉ có nước cam lồ từ bi mới rưới lên dập tắt hận thù. Thật vậy, con người có thật sự hiểu thương nhau, thì mới tha thứ lỗi lầm cho nhau. Một khi cõi lòng rộng mở, thì hận thù sẽ tan biến mất. Hận thù không còn, thì hạnh phúc yêu thương sẽ đến với con người ngay tức khắc. Câu nói, mười năm trả thù chưa muộn, chứng tỏ lòng người còn quá hiểm độc, sâu nặng lòng chấp trước. Họ coi trọng bản ngã lớn hơn núi Tu di. Đã như thế, thì lòng họ thật là đau khổ. Chắc chắn, cõi lòng họ rất đen tối ảm đạm hơn đám mây mù che phủ. Như thế, thì còn đâu là hạnh phúc để vui hưởng với cuộc đời. Ngẫm lại, kiếp sống của con người có bao năm? Quý

vô thường sẽ cắt đứt mạng sống bất cứ lúc nào. Có người nói, đời này, họ không trả thù được, thì tiếp tục đời sau sẽ trả. Hoặc hiện đời họ chưa trả được mỗi thâm thù, thì đến đời con, đời cháu của họ tiếp nối phải trả. Thật là ghê gớm khủng khiếp thay! Nếu cứ thế, thì hận thù mãi chồng chất cao lên hơn núi. Như vậy, thì biết đến bao giờ mới chấm dứt trả xong! Xưa nay, có biết bao chuyện trả vay, vay trả của mỗi hận thù truyền kiếp này. Cặp Pháp cú trên, Phật cho chúng ta thấy rõ điều đó. Muốn hóa giải hận thù, thì không có gì khác hơn là từ bi. Vâng! Chỉ có từ bi mới thật sự tháo gỡ. Nếu không, thì không có một phép lạ hay lời cầu nguyện van xin nào giải tỏa được. Mỗi người, nếu không tự lực tìm phương tháo gỡ, hóa giải hận thù chính mình, thì không có một bàn tay thần thánh nào khác có thể cứu rỗi, xoay chuyển được. Cái gì do con người tạo ra, thì cũng chính do con người chịu lấy. Và cũng chính do con người chuyển hóa cải hối. Tốt hay xấu, vui hay khổ, tất cả đều do con người định đoạt. Ta nên ý thức theo luật nhân quả mà sống. Không một vật gì thoát ngoài luật nhân quả. Xin mỗi người hãy bình tâm chiêm nghiệm lại nhân quả ở nơi chính bản thân mình!

7. Những người chỉ muốn sống trong khoái lạc, không chịu nhiếp hộ các căn, uống ăn vô độ¹⁴ biếng nhác chẳng tinh cần, họ thật là người dễ bị ma nhiếp phục như cành mềm trước cơn gió lốc.

¹⁴ **Vô độ:** Vô là không, độ là chừng mực. Ăn uống hoặc ngủ nghỉ hay làm việc quá độ không có chừng mực, thì gọi là vô độ.

*Just as a storm throws down a weak tree, so does
Màra overpower the man who lives for the pursuit of
pleasures, who is uncontrolled in his senses,
immoderate in eating, indolent and dissipated.*

*Kệ Tụng
Ai sống theo dục lạc
Không nhiếp hộ các căn
Ăn uống thiếu tiết độ
Biếng nhác, chẳng tinh cần
Dễ bị ma nhiếp phục
Như gió lay cây yếu.*

**8. Những người nguyện ở trong cảnh chẳng khoái
lạc¹⁵, khôn khéo nhiếp hộ các căn¹⁶, uống ăn tiết độ,
vững tín và siêng năng, ma¹⁷ không dễ gì thắng họ
như gió thổi núi đá.**

*Just as a storm cannot prevail against a rocky
mountain, so Màra can never overpower the man who*

¹⁵ **Khoái lạc:** Trạng thái tâm lý hưởng thụ vật chất, một cảm giác sung sướng về thân thể.

¹⁶ **Các Căn:** Chỉ cho sáu căn, tức 6 cơ quan: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Những cơ quan này, có công năng tiếp xúc với 6 trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp rồi khởi ra 6 thứ nhận thức, gọi là Lục thức: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức.

¹⁷ **Ma:** Trong nhà Phật có nêu ra nhiều loại ma: nội ma và ngoại ma. Chữ ma có nghĩa là làm chướng ngại, hay phá hoại thiện căn của người tu hành, gọi chung là ma. Như nói Ngũ âm ma, Thiên ma, Phiền não ma, Tử ma.

lives meditating on the impurities, who is controlled in his senses, moderate in eating, and filled with faith and earnest effort.

*Kệ Tụng
Ai sống quán bất tịnh
Khó nhiếp hộ các căn
Ăn uống có tiết độ
Tín tâm hằng nhiệt thành
Tà ma khó nhiếp phục
Như gió thổi thạch sơn.*

Lược giảng

Một cuộc sống buông thả theo ngũ dục lạc thế gian, không tự chế phục, đó là cuộc sống sa đọa. Sống như thế, khác nào như một khúc gỗ trôi theo dòng nước, không định hướng. Hậu quả của một đời sống bê tha, thác loạn sẽ gây ra nhiều tai hại cho chính bản thân mình và xã hội. Con người sống thích hưởng thụ khoái lạc. Hiện trạng bức tranh xã hội ngày nay đã vẽ lên biết bao nhiêu cảnh thương tâm của thanh thiếu niên nam nữ đã và đang nướng mình trong những khoái lạc nghiện ngập hút sách xì ke ma túy..., cuối cùng lãnh lấy hậu quả thâm thân tàn ma dại. Cảm thọ hay xúc thực là một thứ tai hại khổ đau rất lớn, nếu con người không biết hạn chế nhiếp hộ 6 căn. Trong Kinh Lăng Nghiêm đức Phật có nói rõ: chúng sanh bị luân hồi khổ đau hay được giải thoát, cũng đều do ở nơi 6 căn. Nếu 6 căn khi tiếp xúc với 6 trần cảnh, mà chúng ta biết làm chủ, không để cho 6 trần lôi cuốn, thì đó là giải thoát. Ngược lại, thì đau khổ dài dài. Vì vậy, vấn đề nhiếp hộ 6 căn là một vấn đề tối hệ trọng đối với người tu.

Không nhiếp hộ 6 căn, khác nào như con khỉ bị dính nhựa và làm môi cho anh chàng thợ săn ngon bữa.

Đời sống hiện thực, chúng ta rất cần những nhu cầu cho sự sống. Nhu cầu hệ trọng trước tiên là ăn uống. Mọi nhu cầu khác đều là trợ duyên. Nhưng, nếu chúng ta không khéo biết tiết chế sự ăn uống cho có điều độ chừng mực, chọn lựa thức ăn thích hợp, thì đó cũng là một tai hại cho sức khỏe. Thực phẩm ngày nay có chứa quá nhiều độc tố. Các nhà kinh doanh chuyên sản xuất thực phẩm, vì muốn cạnh tranh trên thương trường để kiếm được nhiều tiền, làm giàu, nên họ bất chấp thủ đoạn trong khi chế tạo. Dù chánh phủ đã có theo dõi, đặc trách chuyên ngành kiểm thực, nhưng cũng không thể nào kiểm hết được. Do đó, ta thấy thỉnh thoảng hay xảy ra tình trạng bị nhiễm độc thức ăn. Đó là hậu quả tai hại mà hầu hết các quốc gia khắp nơi trên thế giới, nơi nào cũng có. Vì vậy, người tiêu thụ thực phẩm, thật khó tránh khỏi tai hại bệnh hoạn, tử vong. Dù vậy, nhưng nếu chúng ta chịu khó nghiên cứu tìm hiểu vấn đề ăn uống, theo sự chỉ dẫn của ngành y học, thì cũng rất có lợi cho sức khỏe. Hiện nay, có rất nhiều sách nói về thuật dưỡng sinh. Ta nên tìm kiếm để đọc, rất có lợi ích. Ta nên nhớ, bao giờ ngừa bệnh cũng hơn là chữa bệnh. Người ta thường nói tham thực cực thân. Chẳng những cực thân thôi, mà đôi khi còn phải bị mất mạng nữa.

Lười biếng cũng là một trạng thái sa đọa. Dù sống ở bất cứ lãnh vực nào, ngoài đời hay trong đạo, nhưt là đối với người xuất gia, nếu lười biếng thì sự nghiệp trí huệ

giải thoát khó thành. Ngoài đời, người nào mang chứng bệnh lười biếng, thì sự nghiệp không mong gì thành công được. Ở đây, Phật muốn nhắc khuyên bảo người xuất gia phải luôn siêng năng chuyên cần tu niệm. Vì đời người quá ngắn ngủi, vô thường đến không hẹn trước được. Nên người xuất gia muốn được giác ngộ giải thoát thì không thể nào giải đãi, xao lãng thờ ơ trong việc tu học. Pháp Cú này, Phật cho chúng ta thấy rõ kẻ nào vương phải những tệ hại nói trên, thì sẽ bị ma lực nhiếp phục một cách dễ dàng. Nói cách khác, kẻ đó sẽ là quyến thuộc của ma vương. Một khi làm quyến thuộc của ma vương rồi, thì ma vương muốn sai sử ta thế nào cũng được, có khác nào như cành mềm trước cơn gió lốc. Pháp cú thứ 8, Phật cho chúng ta thấy hình ảnh ngược lại của người khéo biết tu. Nếu người tu có được một đạo lực khá cao, thì bọn ma vương không dễ gì thắng họ được, khác nào như gió thổi núi đá, thật chẳng hề hấn gì.

9. Mặc áo ca sa¹⁸ mà không rời bỏ những điều uế trước, không thành thật khắc kỷ¹⁹, thì chẳng mặc còn hơn.

¹⁸ **Ca Sa** (Cà Sa – kasaya – Y phục): Tên gọi đầy đủ là Ca sa duệ, dịch là bất chính, hư nát, bẩn, nhiễm bẩn... giống với từ Già sa dã. Dịch là xích sắc (màu đỏ) Pháp y của thầy Tỳ kheo mặc, gồm có 3 loại: Đại y, Trung y và Tiểu y. Gọi Ca sa là vì pha trộn màu hoại sắc, tức pha trộn các màu: xanh, vàng, đỏ, trắng, đen lại mà thành. Y này còn có nhiều tên khác như Giải thoát y, Phước điền y v.v...

¹⁹ **Khắc kỷ**: Khắc phục chế ngự những tánh xấu ở nơi chính bản thân mình. Nghĩa là đối với người, thì khoan dung tha thứ, nhưng đối với bản thân mình thì phải kiểm soát, kỷ luật nghiêm khắc.

Whoever being depraved, devoid of self-control and truthfulness, should don the monk's yellow robe, he surely is not worthy of the robe.

Kệ Tụng

*Ai mặc áo cà sa
Tâm chưa rời uế trước
Chưa tự chế, chưa chơn
Không xứng mặc cà sa.*

10. Rời bỏ những điều uế trước, giữ gìn giới luật tinh nghiêm, khắc kỷ và chân thành, người như thế đáng mặc áo ca sa.

But whoever is purged of depravity, well-established in virtues and filled with self-control and truthfulness, he indeed is worthy of the yellow robe.

Kệ Tụng

*Ai rời bỏ uế trước
Giới luật giữ tinh nghiêm
Tự chế, thường chơn thực
Thật xứng mặc cà sa.*

Lược giảng

Hai pháp cú này, đức Phật chỉ dạy riêng cho người xuất gia. Người xuất gia, sau khi thọ đại giới, thì được phép mặc 3 y: Ngũ điều y, Thất điều y và Cửu điều y. Y hay ca sa là những chiếc áo giải thoát, hay còn gọi là phước điền y. Người xuất gia là người đoạn dục khử ái. Ngày xưa đức Phật và hàng Thánh chúng, nuôi thân bằng một bình bát và 3 chiếc y.

*“Nhứt bát thiên gia phạn,
Cô thân vạn lý du
Viễn ly sanh tử sự,
Giáo hóa độ xuân thu”.*

Tạm dịch:

*“Một bình bát xin ăn ngàn nhà,
Một mình đi muôn dặm,
Vì muốn thoát ly sanh tử khổ đau,
Giáo hóa độ muôn loài.”*

*Gót Tăng sĩ bốn phương trời rảo bước
Côi Ta bà đâu chẳng phải nhà ta
Một chiếc y một bình bát ca sa
Thoát sanh tử chan hòa nguyện độ khắp.*

Hình ảnh thật là giải thoát. Như thế, thì đối với ngũ dục lạc thế gian, đối với các ngài thật vô ý nghĩa. Các ngài không bao giờ đắm nhiễm. Cho nên ở đây nói, người xuất gia khi mặc vào mình chiếc áo Ca sa, thì phải rời bỏ những điều uế trược. Uế trược là những thứ dục vọng phiền não mà người xuất gia cần phải nỗ lực đoạn trừ. Phẩm hạnh của người xuất gia thật cao quý. Cao quý ở chỗ, các ngài dám từ bỏ tất cả những gì mà người thế gian ham muốn. Đồng thời các ngài giữ gìn giới luật rất tinh nghiêm. Nếu như đã xuất gia rồi mà còn khởi tâm tham mê danh lợi, còn đắm nhiễm theo thế sự, lục trần, thì quả thật không xứng đáng mặc áo Ca sa chút nào!

Kinh Tứ Thập Nhị Chương Phật đã dạy rất rõ về pháp hạnh của người xuất gia. Phật dạy: “Những bực xuất gia làm Sa môn, dứt bỏ ái dục, nhận biết nguồn tâm của mình, hiểu rõ lý mâu của Phật, ngộ pháp Vô vi, trong không sở đắc, ngoài không sở cầu; tâm không ràng buộc nơi đạo, cũng chẳng còn kiết nghiệp, dứt sự suy nghĩ, dứt sự tạo tác, chẳng phải do tu, cũng chẳng phải chứng được; chẳng cần trải qua các vị mà tự nó cao tột, gọi đó là Đạo”. Phật lại dạy tiếp: “Cạo bỏ râu tóc làm bực Sa môn, là người thọ lãnh đạo pháp, phải xa bỏ của cải ở đời, mong cầu vừa đủ, giữa ngày ăn một bữa, dưới gốc cây ngủ một đêm, cẩn thận không trở lại. Phải biết rằng: Những điều khiến cho người ta ngu tẻ là ái và dục”. (bản Việt dịch của giáo sư Thích Hoàn Quan do Hoa Đạo xuất bản năm 1999). Thật vậy, ái và dục là gốc rễ vô minh, là cội nguồn của sanh tử khổ đau. Bao lâu con người còn làm nô lệ cho hai thứ cội gốc phiền não này sai sử tạo nghiệp, thì bấy lâu con người vẫn còn phải đi mãi trong vòng sanh tử luân hồi. Thế nên, đối với người xuất gia, mỗi người cần phải tư duy, chiêm nghiệm thật kỹ qua những lời Phật dạy trên, để mỗi người tự cảnh tỉnh, thúc liễm tu hành mong cầu giải thoát. Có thế, thì mới xứng đáng là trưởng tử của đức Như Lai. Và mới thật sự là người khắc kỷ chân thành, xứng đáng mặc áo Ca sa mà không chút hổ thẹn. Bằng ngược lại, thì thật là xấu hổ!

11. Phi chơn²⁰ tưởng là chơn thật, chơn thật lại thấy là phi chơn, cứ tư duy²¹ một cách tà vạy²², người như thế không thể nào đạt đến chơn thật.

Those who mistake the unessential to be essential and the essential to be unessential, dwelling in wrong thoughts, never arrive at the essential.

Kệ Tụng

Phi chân, tưởng chân thật

Chân thật, tưởng phi chân

Do tư duy tà vạy

Chân thật không thể thành.

12. Chơn thật nghĩ là chơn thật, phi chơn biết là phi chơn, cứ tư duy một cách đúng đắn, người như thế mau đạt đến chơn thật.

Those who know the essential to be essential and the unessential to be unessential, dwelling in right thoughts, do arrive at the essential.

Kệ Tụng

Chân thật biết chân thật

²⁰ **Phi chơn:** Phi là chẳng phải, chơn là chơn thật. Vạn vật trên đời này, không có một vật nào chơn thật. Vì tất cả đều do duyên hợp. Đã có hợp, tất có tan, ngay cả những tư tưởng trong tâm cũng là không chơn thật, nên nói là phi chơn.

²¹ **Tư duy:** Tư là suy nghĩ; duy là chỉ. Do suy nghĩ chứ không phải do tri giác, cảm xúc mà biết được. (Hán Việt Từ Nguyên của Bửu Kế)

²² **Tà vạy:** Tà là cong queo, lệch lạc, nghiêng một bên.

*Phi chân biết phi chân
Do tư duy chân chánh
Chân thật tự nhiên thành.*

Lược Giảng

Sống trong vòng vọng tưởng nghiệp thức, con người luôn nhìn sự vật theo lăng kính chủ quan của mình. Do nhìn như thế, nên sự vật cũng lăn cuộn theo nhãn quan của họ. Ngược lại, những người đạt đạo có cái nhìn khác hơn. Cái nhìn của các ngài là cái nhìn khách quan. Cái nhìn không bóp méo vo tròn sự vật. Bởi vì: “Thị pháp trụ pháp vị, thể gian tướng thường trụ” (Kinh Pháp Hoa). Mọi vật, vật nào ở theo vị trí của vật đó. Tướng của nó là thường có mặt ở thể gian như thế. Trong Phẩm Phương Tiện của Kinh Pháp Hoa cho chúng ta thấy rõ hơn về sự có mặt của các pháp bằng cái nhìn của “Thập Như Thị”: “Như thị tướng, như thị tánh, như thị thể, như thị lực, như thị tác, như thị nhân, như thị duyên, như thị quả, như thị báo, như thị bản mặt cứu cánh”. Nghĩa là các pháp hiện đời này, Tướng của nó như vậy, Tánh của nó như vậy, Thể của nó như vậy, Lực của nó như vậy, Tác dụng của nó như vậy, Nhân của nó như vậy, Duyên của nó như vậy, Quả của nó như vậy, Báo của nó như vậy, và rốt ráo gốc ngọn trước sau của nó là như vậy. Đó là cái nhìn “Hiện lượng” hay “Trực giác” ở nơi các pháp. “Sự vật phi chơn mà tưởng là chơn, ngược lại, chơn thì cho là phi chơn”, đó là cái nhìn điên đảo. Cái nhìn của kẻ chạy dưới ánh trăng, thấy trăng chạy theo mình. Nhưng thật ra trăng nào có chạy. Vọng kiến, gốc bởi vô minh điên đảo mà ra. Bởi do phóng cái nhìn vọng động điên đảo

như thế, nên Nhơn loại mới có chiến tranh ý thức hệ. Rốt lại cũng chỉ làm cái việc của năm anh mù sờ voi mà thôi. Người nào hằng sống trong chánh niệm, thiền quán sâu sắc, mới có cái nhìn sự vật một cách đúng đắn. Pháp cú thứ 12, Phật dạy chúng ta phải có cái nhìn đúng như thật của các pháp. “Chân thật nghĩ là chân thật, phi chân biết là phi chân”, nhìn bằng con mắt trí tuệ như thế, thì thử hỏi trên đời này, còn có cái gì lường gạt, lừa bịp chúng ta được nữa chớ! Và như thế, thì chúng ta còn đi tìm chân hạnh phúc ở đâu? Cuối cùng hạnh phúc chỉ ở trong tầm tay của chúng ta mà thôi. Chỉ cần chúng ta mạnh dạn, khéo biết thay đổi lối nhìn đúng như thật của các pháp, thì chúng ta sẽ có nguồn hạnh phúc yêu thương tràn trề. Còn niềm vui nào hơn! Tại sao chúng ta không chịu thay đổi lối nhìn? Xin đừng viện lý do “tại bị” gì cả. Chúng ta đã có quá nhiều “Lý Do Tại Bị” lừa đảo chúng ta. Xin mọi người hãy thấp sáng ngọn đuốc chánh niệm lên để nhìn vào sự vật. Chánh niệm đồng nghĩa với hạnh phúc. Nơi nào có hạnh phúc, thì chắc chắn nơi đó không thể thiếu vắng chánh niệm được vậy.

13. Nhà lợp không kín ắt bị mưa dột thế nào, kẻ tâm không tu²³ tất bị tham dục²⁴ lọt vào cũng thế.

²³ **Tu:** Sửa đổi. Tu có 3 phương diện: tu thân, tu tâm và tu bổ. Tu thân là sửa thân hình cho được đoan chánh đàng hoàng. Tu tâm là sửa đổi những tâm xấu ác, thành tâm trong sạch và lương thiện. Tu bổ là sửa lại những gì đã hư nát.

²⁴ **Tham dục:** Lòng ham muốn vật chất không cùng. Tham dục có hai phương diện: Tham dục thiện và tham dục ác. Tham dục thiện là ham

Just as rain breaks through an ill-thatched house, so passion penetrates an undeveloped mind.

Kệ Tụng

*Như mái nhà vụng lợp
Mưa thấm dột dễ dàng
Cũng vậy tâm vụng tu
Tham dục dễ thâm nhập.*

14. Nhà khéo lợp kín ắt không bị mưa dột, kẻ tâm khéo tu tất không bị tham dục lọt vào.

Just as rain does not break through a well-thatched house, so passion never penetrates a well-developed mind.

Kệ Tụng

*Như mái nhà khéo lợp
Mưa khó thấm dột vào
Cũng vậy tâm khéo tu
Tham dục không xâm nhập*

Lược giảng

Pháp cú song hành này, đức Phật nêu ra một hình ảnh so sánh rất cụ thể dễ hiểu. “Nhà lợp không kín, ắt bị mưa dột”. Đây là lý đương nhiên. Muốn nhà không dột, thì phải lợp kín đáo. Khi lợp kín đáo, thì ta tránh khỏi cái cảnh bị mưa ướt. Hình ảnh này, Phật muốn diễn tả cho chúng ta thấy rõ sự tai hại, hậu quả của kẻ lợp nhà cẩu thả, thiếu sự cẩn trọng. Cũng thế, người tu hành,

muốn làm những điều lành. Tham dục ác là ham muốn làm những điều xấu ác. Đây là lòng tham nghịch chiều: hướng thượng và hướng hạ.

nếu không khéo giữ gìn ở nơi ý nghiệp, để cho tâm ý buông lung tạo nghiệp bất thiện, thì hậu quả rất là tai hại. Giống như mái nhà lợp không kín vậy. Ngược lại, nếu người nào, khi lợp nhà nên để ý cẩn trọng và quyết lòng lợp cho kín đáo, thì làm gì có cảnh nhà dột? Cũng vậy, trong khi tu hành, nếu chúng ta khéo biết cẩn trọng canh phòng giữ gìn con “vượn tâm và con ngựa ý”, thì làm gì chúng dẫm đạp phá phách được. Hai câu pháp cú này, tuy hết sức ngắn gọn, nhưng Phật đã chỉ cho chúng ta biết cách tu hành, điều phục tâm ý. Người tu, muốn có được đời sống tự do, không bị ràng buộc bởi ngoại cảnh, thì chúng ta khéo áp dụng câu pháp cú thứ 14 này. Tham dực phát sanh từ tâm. Nếu tâm đình chỉ, không dấy khởi suy nghĩ điều ác, thì làm gì nó thúc đẩy thân và miệng của ta tạo điều ác. Muốn giữ tâm ý cho được thanh tịnh, thì người tu cần phải giữ gìn giới luật nghiêm mật. Phải giữ giới luật như lợp nhà, không cho có kẻ hở. Có giữ giới như thế, thì ta mới có được đời sống thoải mái tự do. Tại sao vậy? Bởi vì khi giữ giới, thì tâm ý của ta không buông lung. Tâm ý không buông lung, thì không tạo nghiệp ác. Dụ như người không trộm cắp, thì làm gì sợ pháp luật, cảnh sát bắt bớ giam cầm. Ta muốn đi đâu tùy ý, không sợ ai cả. Như vậy, không tự do là gì? Nếu người Phật tử tại gia giữ gìn đúng 5 giới luật Phật cấm, thì bảo đảm đời sống thật sự tự do và hạnh phúc. Chẳng những an vui hạnh phúc trong hiện đời, mà đời sau cũng được an vui tốt đẹp nữa.

15. Ở chỗ này ăn năn, tiếp ở chỗ khác cũng ăn năn, kẻ làm điều ác nghiệp²⁵, cả hai nơi đều ăn năn; vì thấy ác nghiệp mình gây ra, kẻ kia sinh ra ăn năn và chết mòn.

The evil-doer grieves here and here-after; he grieves in both the worlds. He laments and is afflicted, recollecting his own impure deeds.

Kệ Tụng
Nay buồn, đời sau buồn
Kẻ ác hai đời buồn
Buồn năn, tự hủy diệt
Thấy việc ác mình làm.

16. Ở chỗ này vui, tiếp ở chỗ khác cũng vui, kẻ làm điều thiện nghiệp²⁶, cả hai nơi đều an vui; vì thấy thiện nghiệp mình gây ra, người kia sinh ra an lạc và cực lạc.

The doer of good rejoices here and hereafter; he rejoices in both the worlds. He rejoices and exults, recollecting his own pure deeds.

Kệ Tụng

²⁵ **Ác Nghiệp:** những điều ác hay dữ do ba nghiệp tạo tác, nên nói nghiệp ác. Ba nghiệp là thân miệng ý. Trong nhà Phật định nghĩa điều ác là những hành động nào làm hại mình, hại người đời này và đời sau, thì gọi đó là ác.

²⁶ **Thiện nghiệp:** những điều lành do ba nghiệp thân miệng ý tạo tác. Trong nhà Phật định nghĩa điều lành là những hành động, việc làm nào lợi mình, lợi người đời này và đời sau, gọi đó là lành.

*Nay vui, đời sau vui
Kẻ thiện, hai đời vui
An vui, quá an vui
Thấy việc thiện mình làm.*

Lược giảng

Ăn năn là một trong 4 món Bất định tâm sở của Duy Thức Học. Ăn năn cải hối có hai phương diện: thiện và ác. Thế nào là ăn năn ác? Thí dụ: mình thấy một món đồ chung bày quý giá thật đẹp, định lén lấy, nhưng vì lu bu công việc gì đó, mình lại quên không lấy, sau đó, nhớ lại, tự ăn năn hồi tiếc, rồi tự trách tại sao mình quên lấy. Cứ mãi hồi tiếc đồ vật ấy, gọi đó là ăn năn ác. Hơn thế nữa, khi mình vì một cơn nóng giận nổi lên không kiềm chế được, ra tay giết chết người, sau đó, cảm thấy rất hối hận ăn năn việc mình đã gây. Sự ăn năn đó, tuy cũng còn có chút lương tâm biết cải hối, nhưng đã có gây nhân, tất nhiên sẽ có quả báo. Sự thống trách hồi tiếc ăn năn là chuyện đã rồi. Dù đó là chuyện đã qua, nhưng không thể qua được lương tâm cắn rứt vầy vò ở nơi chính mình. Tòa án lương tâm của mình nó khộng để mình yên. Một sự trừng phạt, xét xử dai dẳng rất thích đáng. Chính vì sự thống hối ăn năn này, nó làm chướng ngại rất lớn trên bước đường tu của chúng ta. Cho nên, câu pháp cú 15 trên, đức Phật khuyên chúng ta không nên gây tạo nghiệp ác. Một khi đã gây tạo nghiệp ác, thì hiện đời, dù ở bất cứ nơi đâu, chúng ta cũng không thể nào tránh khỏi quả báo và do đó, nên tâm hồn của chúng ta lúc nào cũng bồn loạn bất an. Muốn được tâm an lạc, tốt hơn hết là chúng ta đừng gây tạo nhân ác. Có người suốt cả đời, sống trong sự

hồi hợp lo âu không bao giờ an ổn, vì đã làm một việc ác đức bất nhân. Việc làm ác đó, tuy vô hình, nhưng nó cứ bám theo ám ảnh cho đến ngày chúng ta nhắm mắt. Muốn tránh hậu quả tai hại này, chúng ta phải luôn tỉnh thức trong mọi hành động. Phàm làm việc gì, trước phải nghĩ đến cái hậu quả của nó. Người nào có tâm ý cẩn trọng như thế, thì đời sống của họ sẽ được lợi lạc an vui trong từng giây phút.

Câu pháp cú thứ 16, Phật cho chúng ta thấy rất rõ hình ảnh an vui đó. Trong một ngày, hay bất cứ thời gian nào, nếu chúng ta luôn luôn tạo nghiệp lành như cứu vật, giúp người v.v... thì ngày ấy, hay bất cứ ở đâu, chúng ta cũng cảm thấy rất an vui hạnh phúc. Trước khi ngủ, chúng ta mỉm cười nhẹ trên môi. Và trong giấc ngủ sẽ đem lại nhiều mộng đẹp. Đó là một tâm hồn rất thư thái, thanh thoát nhẹ nhàng. Hiện đời đã được an vui như thế, lo gì đời sau không được an vui. Chúng ta cứ thực nghiệm qua lời Phật dạy này, thì chúng ta mới thấy được cuộc sống rất có hạnh phúc. Một thứ hạnh phúc quý giá, chính do chúng ta tạo lấy. Một thứ hạnh phúc không thể mua được bằng tiền. Xin mời các bạn hãy thử thực nghiệm qua, sẽ thấy được hiệu quả tốt đẹp, thú vị của đời sống.

17. Ở chỗ này than buồn, tiếp ở chỗ khác cũng than buồn, kẻ gây điều ác nghiệp, cả hai nơi đều than buồn: nghĩ rằng “tôi đã tạo ác” vì vậy nên nó than

**buồn. Hơn nữa còn than buồn vì phải đọa²⁷
vào cõi khổ²⁸.**

The evil-doer suffers here and here-after; he suffers in both the worlds. The thought, “Evil have I done”, torments him, and he suffers even more when gone to realms of woe.

Kệ Tụng

Nay than, đời sau than

Kẻ ác, hai đời than

Than van: “Mình làm ác”

Đọa ác thú, than hơn.

18. Ở chỗ này hoan hỷ, tiếp ở chỗ khác cũng hoan hỷ, kẻ tu hành phước²⁹ nghiệp, cả hai nơi đều hoan hỷ³⁰: nghĩ rằng “tôi đã tạo phước” vì vậy nên nó hoan hỷ. Hơn nữa còn hoan hỷ vì được sanh vào cõi lành³¹.

²⁷ **Đọa:** Rơi rớt xuống. Hàm ý nói, cái gì từ ở trên chỗ cao ráo mà rớt xuống, đều gọi là đọa. Như nói: kẻ sát nơn bị đọa địa ngục.

²⁸ **Cõi khổ:** Chữ cõi dịch từ chữ Hán là chữ giới. Như nói Tam giới, tức ba cõi: dục giới, sắc giới và vô sắc giới. Chúng sanh vì tạo ác nghiệp, nên bị đọa vào cõi khổ.

²⁹ **Phước:** Hưởng những điều vui. Phước có ra là do tạo nghiệp lành. Phước gồm có phước hữu lậu và phước vô lậu. Phước hữu lậu hưởng phước có giới hạn. Phước vô lậu hưởng không có giới hạn.

³⁰ **Hoan hỷ:** Hoan là vui vẻ, hỷ là vui mừng. Niềm vui mừng này được khởi phát từ trong tâm và biểu lộ ra ngoài

The doer of good delights here and here-after; he delights in both the worlds. The thought, “Good have I done”, delights him, and he delights even more when gone to realms of bliss.

Kệ Tụng

*Nay sướng, đời sau sướng
Kẻ thiện, hai đường sướng
Sung sướng: “Mình làm thiện”
Sướng hơn, sanh thiện thú.*

Lược giảng

Buồn là một trạng thái tâm lý, không một ai thoát khỏi, ngoại trừ các bậc Thánh nhơn. Buồn có nhiều nguyên nhân. Có đôi lúc ta buồn một cách ngớ ngẩn. “Tôi buồn không hiểu vì sao tôi buồn”. Buồn than là chuyện thường tình ở thế gian. Vì nó là một trong nhiều thứ chi mạt phiền não. Có người buồn, do ngoại cảnh gây nên, vì ai đó làm cho họ trái ý nghịch lòng. Người ta thường nói: “Tâm sâu bạch phát”. Như trường hợp Vương Hóa buồn nhớ Tiểu Long Nữ, chỉ có một đêm thôi, mà trên đầu bạc trắng. Thật là tội nghiệp!

Buồn là một độc tố nguy hiểm âm thầm giết chết ta từng giây phút. Có người vì quá buồn rầu nên sanh bệnh hoạn không thuốc nào chữa hết. Người nào mang tâm trạng buồn nhiều thì cuộc đời của họ khác nào như bãi tha ma! Trong cuộc sống, nếu chúng ta biết quăng

³¹ **Cõi lành:** Nơi không có thọ những điều khổ làm bức xúc thân tâm. An hưởng những niềm vui. Như nói: Cực lạc là cõi vui an lành nhất.

đi những gánh nặng lo âu, thì cuộc đời sẽ vui sướng đẹp đẽ biết bao! Cụ Nguyễn Hiến Lê có viết một tác phẩm (hay dịch phẩm, xin lỗi không nhớ rõ) với nhan đề là: “Quãng gánh lo đi và vui sống”. Chúng ta nên cố gắng bắt chước học hỏi câu nói này. Được thế, thì chắc chắn hoa và trái sẽ nở rộ trên cây “Hỷ Xả”. Sở dĩ ta buồn nhiều, vì ta quá coi trọng bản ngã. Càng coi trọng bản ngã chừng nào, thì lòng tự ái của ta càng cao chừng nấy. Người mà ôm ấp quá nhiều tự ái, thì thử hỏi làm sao có được đời sống vui tươi cho được? Có người ở cảnh này than buồn không vừa ý, đi tìm tới cảnh khác có lẽ vui hơn. Nhưng than ôi! Khi đến cảnh khác, thì họ cũng không hài lòng vừa ý.

Cả hai nơi và thậm chí đến nhiều nơi, cũng không nơi nào vừa ý họ. Lúc nào họ cũng than buồn. Quả thật họ là hạng người đứng núi này trông núi nọ. Ta thử hỏi: tại sao họ lại có tâm trạng biến thái như thế? Câu trả lời thật đơn giản là vì tâm họ “chất chứa nặng trĩu u buồn”. Cõi lòng của họ đang chứa đầy “nội kết”. Một thứ nội kết ung nhọt độc còn hơn thứ “nội kết của nàng Kiều”. Do đó, họ sống không một chút cởi mở. Họ là mẫu người quá rắc rối chấp nhứt. Họ không hài lòng với bất cứ ai trong khi giao tiếp. Người ta nói: họ là người quá khó tánh. Thật ra, tánh là thứ gì mà khó hay dễ. Nó chỉ là thứ hư vọng không thật. Chẳng qua là do huân tập ngoại cảnh thói quen tạo thành. Cho nên buồn vui chỉ là một thứ tâm lý giả tạo. Có đó rồi không, chúng đắp đổi xoay vần nhau suốt cả cuộc đời. Song có điều, vì chúng không thật, nên chúng ta có quyền chuyển đổi chúng từ trạng thái này qua trạng thái khác. Và chúng

ta có quyền đình chỉ chúng không cho chúng hoạt động. Nhưng muốn đình chỉ chúng cho có hiệu quả, tất nhiên ta phải dùng đến trí huệ. Phải tắt sáng ngọn đuốc chánh niệm lên, rọi thẳng vào mặt chúng, thì bọn chúng sẽ tan biến ngay. Đó là quyền của chúng ta. Nhưng khổ nỗi không có mấy ai biết lấy lại chủ quyền này. Như vậy, buồn hay vui lỗi không phải ở nơi ngoại cảnh. Mà lỗi đó chính do ở nơi tâm trạng của mỗi người. Vì quá hiểu tâm lý này, nên Cụ Tiên Điền Nguyễn Du đã nói hai câu thơ bất hủ trong Truyện Kiều:

*“Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu,
Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ”.*

Thật vậy, một khi ta mang tâm trạng u buồn rồi, thì dù ở giữa chốn phồn hoa đô hội, hay ở những nơi dạ hội yến tiệc linh đình, thì ta cũng chẳng thấy vui gì!

Câu Pháp cú 17, Phật cho chúng ta thấy rõ tâm trạng của kẻ đã gây tạo nghiệp ác. Đã gây tạo nghiệp ác, thì dù ở đâu, cũng không thể nào vui được. Thí dụ như kẻ giết người, dù luật pháp chưa tìm ra họ, nhưng trong thời gian lẩn trốn, thử hỏi họ có được an vui như trước khi chưa gây ra án mạng hay không? Dù họ có lẩn trốn nơi đâu, giả sử chạy lên trên thiên đường, cũng không thể nào vui được. Như vậy, muốn có niềm vui, chỉ cần ta không gây tạo điều ác là ta đã có niềm vui rồi, không cần phải tìm kiếm ở đâu xa. Câu Pháp cú thứ 18, Phật nêu rõ cho chúng ta thấy một hình ảnh trái ngược lại. Người nào tạo nhiều phước lành, thì bảo đảm người đó

có một đời sống hoan hỷ. Hoan hỷ với chính mình và hoan hỷ với tha nhân. Niềm hoan hỷ tràn ngập cõi lòng, dù người đó ở bất cứ nơi đâu. Trong bất cứ hoàn cảnh thuận nghịch nào, nếu như ta cố gắng gây tạo những điều lành, thì tâm thức ta không có gì phải lo âu buồn bã. Sự cảm thọ niềm an lạc đó, chỉ có người làm lành mới thật sự cảm nhận một cách sâu sắc mà thôi. Như vậy, cảnh vui buồn không ở đâu khác, chỉ ở trong tâm của chúng ta. Tất cả đều do tâm ta tạo lấy. Cuộc sống an vui là một cuộc sống thánh thiện của đời người. Ngược lại, sống trong cảnh buồn thảm, tối ngày cứ mặt ủ, mày ê, thì thà chết cho rồi sướng hơn! Nhưng dễ gì chết được đâu. Bởi lẽ, nghiệp quả đã gây ra, họ chưa trả xong. Có người nói: kẻ gây tội ác tày trời, thì đời họ khó có ngày được an ổn. Dù họ sống giữa trần đời, nhưng không khác gì sống trong cảnh địa ngục. Lời nói này thật không sai ngoa chút nào. Hơn ai hết, người Phật tử mỗi người hãy tự tạo cho mình một nếp sống an vui và hài hòa, bằng cách luôn tạo nghiệp lành, thì chẳng những an vui trong hiện đời mà còn ở mãi mãi về sau nữa.

19. Dù tụng nhiều Kinh mà buông lung không thật hành theo, thì chẳng hưởng được phần ích lợi của Sa môn³², khác nào kẻ chăn bò, chỉ lo đếm bò cho

³² **Sa môn:** Còn gọi Ta môn, Tang môn, Sa môn na, dịch ý là: Tức, tức tâm (người dứt bỏ nghiệp ác) Tĩnh chí, Tịnh chí, Pháp đạo, Bản đạo v.v... Cách dịch mới là: Thất ma na noa, Xá la ma noa, dịch ý là công lao, cần tức (siêng năng làm việc thiện, dứt bỏ nghiệp ác), người cần cù tu hành đạo Phật, người siêng năng tu hành dứt bỏ phiền não v.v... Nguyên nghĩa không phân biệt môn đồ đạo Phật hay ngoại đạo, mà dùng chung để chỉ xuất gia (Tỳ Điển Phật Học Hán Việt trang 1056)

người khác (để lấy công, chứ sữa thịt của bò thì không hưởng được).

Much though he recites the sacred texts, but acts not accordingly, that heedless man is like a cowherd who only counts the cows of others- he does not partake of the blessings of a holy life.

Kệ Tụng

*Dầu tụng nhiều kinh điển
Không hành trì, phóng dật
Chẳng khác đếm bò người
Không hưởng sa môn hạnh.*

20. Tuy tụng ít Kinh mà thường y giáo³³ hành trì³⁴, hiểu biết chân chánh, trừ diệt tham, sân, si, tâm hiền lành thanh tịnh, giải thoát, xa bỏ thế tục, thì dù ở cõi này hay cõi khác, người kia vẫn hưởng phần ích lợi của Sa môn.

Little though he recites the sacred texts, but puts the Teaching into practice, forsaking lust, hatred and delusion, with true wisdom and emancipated mind,

³³ **Y giáo:** Nói đủ là Y giáo phụng hành. Nghĩa là: y cứ theo lời dạy của Phật Tổ hoặc của những bậc tu hành chân chánh có đầy đủ đức hạnh mà vâng theo thật hành đúng với những lời chỉ dạy đó, gọi là y giáo phụng hành.

³⁴ **Hành trì:** Hành là làm; trì là gìn giữ. Hành là làm đúng theo những gì đã học hỏi được và việc làm đúng đắn đó luôn được duy trì mãi mãi, gọi là hành trì.

clinging to nothing of this or any other world- he indeed partakes of the blessings of a holy life.

*Kệ Tụng
Dầu tụng ít kinh điển
Nhưng y giáo phụng hành
Từ bỏ tham, sân, si
Giác tỉnh tâm giải thoát
Không chấp trước, hai đời
Tất hưởng sa môn hạnh.*

Lược giảng

Tụng đọc Kinh điển của lời Phật dạy, mục đích là để tìm hiểu nghĩa lý trong Kinh, rồi đem ra áp dụng hành trì, như thế mới có lợi ích. Nếu tụng đọc Kinh cho nhiều, với tâm ý buông lung hay làm cho có lệ, thì kết quả chẳng được lợi lạc gì. Chẳng những không được lợi lạc mà đôi khi còn có tác dụng ngược lại. Đa số người tu, chỉ biết tụng đọc Kinh điển cho nhiều để được có phước. Bởi vậy, có lắm người tụng Kinh tính bộ. Càng tụng đọc được nhiều bộ, thì cảm thấy mình tu nhiều hơn người khác. Từ đó sanh tâm cống cao ngã mạn. Như trường hợp ngài Pháp Đạt trong Kinh Pháp Bảo Đàn. Một hôm, ông đến tham vấn đức Lục Tổ, khi lạy Tổ mà đầu ông không sát đất, bị Tổ quở. Tổ hỏi nguyên do vì sao ông lạy như thế? Có phải ông đang chắt chứa một sự nghiệp gì không? Tổ gọi trụng tim đen của ông, ông liền thưa: Vâng! “Con đã tụng ba ngàn bộ Kinh Pháp Hoa”. Ông cho đó là một sự nghiệp vĩ đại khó có ai sánh bằng, kể cả Tổ cũng thế. Nhân đó, Tổ liền dạy cho ông một bài học, chớ có cậy mình tụng

kinh nhiều mà khinh khi người khác. Tổ dạy: “Nếu ông tụng đến muôn bộ, được cái ý Kinh mà chẳng cho là hơn, ắt cùng ta sánh vai”. Tổ lại hỏi tiếp: Ông tên là gì? Ngài Pháp Đạt thưa: con tên Pháp Đạt. Tổ bảo: “Ông tên Pháp Đạt mà chưa từng thấu đạt được pháp”. Tổ dạy cho ông một bài kệ:

*“Nhữ kim danh Pháp Đạt
Cần tụng vị hưu yết
Không tụng đản tuần thanh
Minh Tâm hiệu Bồ Tát
Nhữ kim hữu duyên cố
Ngô kim vị nhữ thuyết
Đản tín Phật vô ngôn
Liên hoa từng khấu phát”.*

Dịch:

*Nay ông tên Pháp Đạt,
Chuyên tụng chưa từng thôi.
Tụng rỗng chỉ theo tiếng
Sáng tâm gọi Bồ Tát
Nay ông vì có duyên
Nay tôi vì ông nói
Chỉ tin Phật không lời
Hoa sen từ miệng phát.
(Hòa Thượng Thích Thanh Từ)*

Sau khi nghe Tổ dạy, ông liền sám hối và được tỏ ngộ. Khi tỏ ngộ được đạo lý, ông có làm một bài tụng:

*Kinh tụng tam thiên bộ
Tào Khê nhứt cú vong
Vị minh xuất thế chỉ*

*Ninh yết lụy sinh cuồng.
Dương lộc ngư quyền thuyết
Sơ trung hậu thiện dương
Thùy tri hỏa trạch nội
Nguyên thị pháp trung vương.*

Tạm dịch:

*Tụng Kinh ba ngàn bộ
Tào Khê một câu vong
Chưa rõ (yếu) chỉ xuất thế
Sao tránh khỏi sinh cuồng
Đê, nai, trâu quyền lập
Đầu, giữa, sau khéo bày
Ai biết trong nhà lửa
Có một đấng Pháp Vương.*

Sự trình kệ của ông, chứng tỏ ông đã lãnh hội được yếu chỉ. Nếu tụng Kinh chỉ biết miệng tụng đọc không thôi, mà không thiết thiết thật hành theo những gì trong Kinh dạy, thì đó là tụng rỗng suông. Tụng như thế có khác nào một kẻ chăn bò thuê, chỉ biết đếm bò còn mất cho chủ. Suốt đời không hưởng được lợi ích gì của con bò cả. Nói theo ngày nay, giống như mấy người làm việc trong ngân hàng, suốt tháng quanh năm chỉ làm một công việc là đếm bạc cho ngân hàng mà thôi. Rốt lại mình không có hưởng được một đồng điều nào của ngân hàng. Hưởng tiền lương là ngân hàng chỉ trả công mình làm. Thế thôi!. Ngược lại, dù chúng ta không tụng nhiều Kinh, (như chỉ một bài Bát Nhã Tâm Kinh thôi) mà chúng ta y cứ theo lời Phật dạy, nỗ lực ứng dụng hành trì một cách nghiêm khắc thiết thiết, thì

cũng đủ giải thoát rồi. Pháp cú 20, Phật nói rất rõ về ý nghĩa lợi ích của việc tụng niệm. Người tụng niệm phải y giáo hành trì. Đàng này không, tụng thì cứ tụng, (giống như tụng kể công với Phật hay cho Phật nghe) nhưng hành trì thì không. Tụng như thế cả đời cũng không được lợi ích. Có người tụng niệm từ trẻ đến già, nhưng tam độc (tham sân si) vẫn còn nguyên vẹn.

Hỏi: Tại sao tụng Kinh nhiều và lâu quá mà chúng ta khổ vẫn hoàn khổ, không có chút tiến bộ nào trên đường tu hành hết vậy? Hỏi tức mỗi người chúng ta đã có sẵn câu trả lời rồi vậy. Tụng như thế làm sao tiến bộ được. Kinh Phật dạy để chúng ta tụng biết rõ mà diệt trừ tham sân si, chớ đâu phải Phật dạy để cho chúng ta tụng cầu phước. Cũng như chúng ta có bệnh đến bác sĩ khám, rồi bác sĩ ra toa để cho chúng ta mua thuốc uống. Có mua thuốc uống thì bệnh của chúng ta mới hết. Ngược lại, chúng ta cầm toa thuốc trên tay, tối ngày cứ đọc mà không chịu mua thuốc uống, rồi cứ trách sao tôi không hết bệnh! Buồn cười hơn nữa, có người tối ngày cứ cầm toa thuốc bác sĩ cho, rồi cầm đầu đọc lại cho bác sĩ nghe, để cho bác sĩ vui. Thử hỏi bác sĩ có vui không? Hay là ông ta chê trách người đó quá khờ dại. Tại sao tôi cho toa để mấy người mua thuốc uống, chớ tôi đâu có bắt buộc mấy người đọc lại cho tôi nghe? Toa thuốc này chính tôi cho, bộ tôi không biết sao mà cần quý vị phải đọc lại? Thật là ngớ ngẩn! Quả thật, nếu không khéo, thì chúng ta là những kẻ đang ngớ ngẩn như người bệnh kia không khác. Kinh do Phật nói, rồi ta cứ đem ra tụng lại cho Phật nghe. Tụng không thôi sao, có người còn phải luyện

giọng cho có ca có kệ nữa chớ. Nghĩ âm thanh của mình tụng hay chắc Phật khen. Thật là Phật thấy thương xót tội nghiệp cho chúng ta quá chừng! Hai câu Pháp cú này, quả thật là một hồi chuông lớn, đức Phật nhằm thức nhắc cảnh tỉnh chúng ta trong vấn đề tụng đọc Kinh điển. Tụng Kinh như thế nào có ích lợi cho việc tu hành và tụng như thế nào không bổ ích, Phật đã dạy quá rõ ràng. Còn lại là phần ứng dụng thật hành của chúng ta mà thôi. Vì thế, nên khi tụng đọc, chúng ta tụng đọc chậm rãi rõ ràng từng chữ, từng câu cho có mạch lạc, (không cần phải có chuông mõ, nếu tụng ở nhà) để chúng ta theo dõi từng lời, từng câu Phật dạy. Nếu có chỗ nào không hiểu, không thông, thì chúng ta nên thưa hỏi những vị thiện hữu tri thức; những người đã có trình độ Phật học khá vững chắc, thỉnh cầu quý vị đó chỉ dạy cho chúng ta hiểu. Xong rồi, chúng ta cố gắng đem ra áp dụng trong đời sống hằng ngày. Có thể, mới được lợi ích và mới thật sự là người biết tụng Kinh. Còn riêng phần chú Tăng, Ni trong chùa khi tụng niệm, dĩ nhiên phải cần sử dụng đến chuông mõ, vì có đông người tụng niệm. Đánh mõ là để giữ trường canh đều đặn, hòa âm trong khi tụng niệm. Nhưng, tất cả cũng vẫn phải theo nguyên tắc Phật dạy trên. Điều mà chúng tôi xin được nhấn mạnh rõ ở đây, là chúng tôi chỉ trình bày đại khái về việc lợi hại của việc tụng Kinh đúng pháp hay không đúng pháp theo lời Phật dạy mà thôi, chớ tuyệt nhiên, chúng tôi không có đề cập đến việc nghi thức tụng niệm. Vì đó là một lãnh vực chuyên môn khác. Xin chớ có lầm lẫn giữa hai lãnh vực khác nhau này.

II. Phẩm Không Buông Lung (Appamadavaggo)

21. Không buông lung³⁵ đưa tới cõi bất tử, buông lung đưa tới đường tử sanh³⁶; người không buông

³⁵ **Buông lung** (Heedlessness): Chữ Hán là phóng dật. Phóng dật hay buông lung, thuộc tâm sở bất thiện, ngược lại, tâm sở thiện là bất phóng dật hay không buông lung. Tâm sở này rất tai hại, sống phóng túng không kèm chế.

³⁶ **Sanh tử**: Sống chết. Trong Kinh nói có 2 loại sanh tử: phần đoạn sanh tử và biến dịch sanh tử. Phần đoạn sanh tử là sống chết từng phần từng đoạn. Nghĩa là do tạo nghiệp thiện hoặc bất thiện đi trong vòng luân hồi ở nơi 3 cõi (dục giới, sắc giới và vô sắc giới) để thọ sanh. Cứ

**lung thì không chết, kẻ buông lung thì sống như
thây ma.**

*Heedfulness is the path to the Death-less. Heedlessness
is the path to death. The heedful die not. The heedless
are as if dead already.*

Kệ Tụng

Không phóng dật, bất tử

Phóng dật, phải tử sinh

Không phóng dật, không chết

Phóng dật, như chết rồi.

Lược giảng

“Tại sao không buông lung đưa tới cõi bất tử?” Chữ bất tử ở đây là đồng nghĩa với Vô sanh hay Niết bàn. Bởi người không buông lung là người sống có đạo đức kỹ cương. Nói cách khác, những người này, họ ý thức được sự khổ đau của cuộc đời, nên họ quyết chí tu hành, nghiêm trì giới luật. Họ sống không cầu thả. Họ dè dặt cẩn trọng từng lời nói và việc làm. Họ là người khéo biết giữ gìn ba nghiệp: thân, khẩu, ý. Trong ba nghiệp, Ý là chủ động tạo nghiệp. Nhờ giữ giới, sanh định nên dừng được Ý nghiệp. Khi Ý nghiệp đã dừng, thì hành giả đạt được Niết Bàn an lạc, tức đã đạt được quả vị Niết Bàn A la hán. Đây là quả vị cuối cùng của

mỗi lần sanh ra rồi chết đi, tiếp tục mãi như vậy, gọi là phần đoạn sanh tử.

Biến dịch sanh tử, đây là sự biến đổi từng quả vị trên tiến trình tu chứng của các quả vị Thanh Văn. Như từ quả vị Tu Đà Hoàn biến đổi lên quả vị Tư Đà Hàm v.v... Cứ mỗi lần biến đổi như vậy, gọi là biến dịch sanh tử.

Thanh Văn. Đạt chúng quả vị này rồi, không còn sanh tử, tức dứt được hai phần sanh tử: Phần đoạn và Biến dịch, nên nói là “Bất tử”. Ngược lại, kẻ buông lung, tức sống theo dục vọng sở thích. Họ muốn làm chi thì làm, bất cần đời. Họ hành động theo bản năng tự do phóng túng. Như thế, nên họ đi mãi trong vòng luân hồi sanh tử khổ đau triền miên. Nên nói “*buông lung đưa tới đường tử sanh, hoặc sống như thầy ma*”. Lời dạy này, đức Phật nhằm cảnh giác và quở trách những người tu buông lung tâm ý rất nặng nề. Thật vậy, người tu hành mà khinh thường giới luật, sống buông thả không chút hổ thẹn, tạo nghiệp hơn người đời, như thế, thử hỏi chúng ta có xứng đáng người tu hay không? Sống không lý tưởng, khác nào như chiếc thuyền trôi không định hướng, mặc tình trôi dạt nơi đâu cũng được, miễn sao sống thỏa mãn dục tình thì thôi. Bởi vậy, Phật quở người tu như thế, có khác gì một cái thầy ma, sống mà cũng như chết. Nghiệm lại, chúng ta đang là thầy ma trong từng giây phút! Vì sao vậy? Vì chúng ta sống thiếu chánh niệm. Sống không chánh niệm, thì có khác gì là một cái máy. Nói cái máy, tức còn nhẹ, vì còn có sự hoạt động, nhưng một sự hoạt động theo duyên. Đủ bộ phận thì nó hoạt động, khi không đủ duyên thì thôi. Đã là máy, thì nó hoạt động chỉ là hoạt động, tuyệt nhiên, nó không biết gì cả. Người sống không có chánh niệm cũng như thế. Chúng ta sinh hoạt làm lụng suốt ngày, hết làm này đến làm kia, lúc nào cũng bận rộn, tưởng mình ngon lành lắm, nhưng thật ra, khi hỏi đến cái gì làm chủ để điều khiển sự hoạt động đó, thì chúng ta lại lúng túng mù tịt. Sống mà mất mình không hay biết. Thật đáng buồn thay! Chúng ta cứ ngỡ cái suy

nghĩ lung tung đó là mình. Nếu nó thật là mình, thì trong một giờ có biết bao nhiêu cái suy nghĩ. Khi thì nghĩ lành, lúc lại nghĩ dữ, nghĩ quấy. Nếu bảo, nghĩ lành là mình, thì khi nghĩ quấy, nghĩ dữ là ai? Chẳng lẽ mình là những thứ tạp nhạp. Rồi đến khi nhắm mắt, thì cái mình đó nó đi đâu? Bình thường nó trú ngụ nơi nào? Tại sao lúc nó dậy khởi nghĩ đủ thứ, bấy giờ nhìn lại, thì không thấy bóng dáng của một chú nào hết. Thế nó đi đâu? Sao tan biến mau lẹ như vậy? Nếu nó là mình, thì nó phải còn hoài. Cớ sao khi chúng ta xoay lại nhận diện nó, thì nó mất hình mất dạng. Quả thật, cái mà mình cho là mình đó, nó chỉ là cái bóng mờ mà thôi. Trong Kinh thường gọi những thứ này là “vọng tưởng”. Vậy mà cả đời chúng ta lại làm nô lệ cho những thứ vọng tưởng bóng mờ này. Tuy nó là bóng mờ, nhưng nó có một sức mạnh rất lớn. Nó luôn luôn sai sử chúng ta tạo nghiệp thiện, ác, cho đến ngày chúng ta nhắm mắt. Đến ngày nhắm mắt mà mình cũng không biết mình là ai. Như thế, có phải sống mà như chết không? Bởi vậy, Phật cho những kẻ sống buông lung, giống như một cái cây ma không hơn không kém. Thiết nghĩ mỗi người chúng ta nên ngẫm lại thật kỹ lời Phật dạy này.

22. Kẻ trí biết chắc điều ấy, nên gắng làm chớ không buông lung. Không buông lung thì đặng an vui trong các cõi Thánh³⁷.

³⁷ **Thánh:** Nói đủ là Thánh nhơn, chỉ chung cho các bậc tu chứng. Trên tiến trình tu chứng từ phàm phu đến quả vị Phật, hành giả phải trải qua nhiều quả vị. Quả vị cuối cùng là Phật. Tuy nhiên, chữ Thánh trong đây

*Clearly understanding this excellence of heedfulness,
the wise exult therein and enjoy the resort of the Noble
Ones.*

*Kệ Tụng
Biết rõ sự thật ấy
Kẻ trí không phóng dật
Hoan hỷ không phóng dật
An vui trong cõi thánh*

Lược giảng

Phật khuyên chúng ta nên cố gắng làm người trí. Người có trí huệ là người biết sống. Người biết sống là người không buông lung. Người sống có định hướng, có lý tưởng. Không sống trong sự nô lệ tình dục. Sống trong sự bảo dưỡng, thanh tịnh của giới luật. Người giữ giới luật tinh nghiêm là người hằng sống trong chánh niệm. Họ là người không đánh mất mình. Họ luôn luôn đang biết mình là ai và đang làm gì. Họ là người khéo biết sống tỉnh thức trong từng phút giây. Đi họ biết họ đi. Làm họ biết họ làm. Chỉ cần một chữ “Biết” sáng suốt trong mọi hành động, thì người đó là người trí huệ. Trái hẳn với hạng người vô trí, buông lung. Đó là hình ảnh của mẫu người giải thoát. Họ sống tiếp cận với cuộc đời, nhưng tâm hồn của họ lúc nào cũng trong sáng. Họ không làm nô lệ cho dục vọng sai khiến. Phật cho hạng người như thế là kẻ đã đạt được “Thánh” vị. Như vậy, Thánh và Phàm chỉ khác nhau giữa Mê và Ngộ. Mê là phàm phu, Ngộ là Thánh nhơn. Mê, Ngộ cũng là con

nói là chỉ cho quả vị A La Hán, tức quả vị cuối cùng của hàng Thanh Văn, thuộc Tiểu Thừa.

người. Chỉ khác nhau, một con người sống không buông lung, luôn tỉnh thức và một con người sống buông lung theo dục vọng mà thôi.

23. Nhờ kiên nhẫn, dũng mãnh tu thiền định và giải thoát, mà kẻ trí được an ổn, chứng nhập Vô thượng Niết bàn.

The wise ones, ever meditative and steadfastly persevering, alone experience Nibbàna, the incomparable freedom from bondage.

Kệ Tụng

*Người hăng tu thiền định
Thường kiên nhẫn, tinh cần
Kẻ trí hưởng Niết bàn
Thoát trước phiền, vô thường.*

Lược giảng

Phật cho chúng ta biết rõ thêm về con đường tu. Muốn đạt được quả vị Vô thượng Niết Bàn, tức Phật quả, hẳn chúng ta phải trải qua bao nhiêu chướng ngại. Trên lộ trình hành hóa, không phải lúc nào chúng ta cũng gặp hoa và trái. Mà đôi khi, chúng ta sẽ gặp nhiều gai chông hàm hồ. Khi gặp những chướng duyên thử thách đó, nếu chúng ta thiếu trang bị cho mình đức tánh nhẫn nhục, thì rất dễ ngã quỵ trên đường. Và đôi khi, chúng ta lại chán nản thôi bước trở về. Đã có sự kiên nhẫn, nhưng nếu thiếu tinh tấn cũng không thành công trên bước đường tu. Vì vậy, Phật khuyên bảo chúng ta phải kiên nhẫn và dũng mãnh thẳng tiến. Thẳng tiến như thế nào? Kế tiếp Phật nêu ra pháp tu Thiền Định.

Thật vậy, người tu, nếu không trang bị cho mình đầy đủ: “Tam vô lậu học: giới, định, huệ”, thì không thể nào đạt đến quả vị giải thoát được.

24. Không buông lung, cố gắng, hăng hái chánh niệm³⁸, khắc kỷ³⁹ theo tịnh hạnh, sinh hoạt đúng như pháp, thì tiếng lành càng ngày càng tăng trưởng.

Ever grows the glory of him who is energetic, mindful and pure in conduct, discerning and self-controlled, righteous and heedful.

Kệ Tụng

Tịnh cần, tu chánh niệm

Tịnh hạnh, khéo suy tư

Tự điều theo chánh mạng

Người sống không phóng dật

Tiếng lành ngày tăng trưởng.

Lược giảng

Nói lên cái kết quả mà người tu đạt được. Bằng vào sự kiên trì nỗ lực chuyên cần đó, nên kết quả, tự mình đã được giải thoát và do đó, tiếng lành ngày càng tăng

³⁸ **Chánh niệm:** Chánh là ngay giây phút hiện tại, ngay đây. Niệm là nhớ. Chánh niệm là chỉ nhớ ngay nơi giây phút hiện tại, không phóng nghĩ nhớ quá khứ và tương lai. Không nhớ nghĩ hai đầu là chánh niệm.

³⁹ **Khắc kỷ:** Nghiêm khắc với chính mình. Không dễ dãi tha thứ lỗi lầm ở nơi chính mình. Hằng quán xét kỹ lưỡng nội tâm và chế ngự những tâm niệm xấu ác.

trường. Nhờ thế, mà việc tự hành hóa tha mới được trọn vẹn vậy.

25. Bằng sự cố gắng, hăng hái không buông lung, tự khắc chế lấy mình, mà kẻ trí tự tạo cho mình một hòn đảo⁴⁰ chẳng có ngọn thủy triều⁴¹ nào nhận chìm được.

By effort and heedfulness, discipline and self-mastery, let the wise one make for himself an island which no flood can over-whelm.

Kệ Tụng

Tinh cần, không phóng dật

Tự điều, khéo chế ngự

Kẻ trí xây hòn đảo

Sóng nước khó ngập tràn.

Lược giảng

Phật dạy: Kẻ buông lung là kẻ sống chạy ra ngoài, tức “bối giác hiệp trần”, làm nô lệ cho ngoại cảnh. Đã sống theo ngoại cảnh, tức mất mình. Muốn nhận rõ bộ “Mặt thật xưa nay” của mình, tất nhiên, là phải nhìn thẳng lại mình. Ở đây, Phật dạy: “tự khắc chế lấy mình”, tức phải phản quan tự kỷ. Vua Trần Nhân Tôn khi còn theo học với Tuệ Trung Thượng Sĩ có hỏi một câu: Cái gốc của người tu thiền là gì? Tuệ Trung Thượng Sĩ trả lời: “

⁴⁰ **Hòn Đảo:** Chỉ cho cõi đất cao có thể tránh khỏi thủy tai. Đây ám chỉ cho quả vị A la hán.

⁴¹ **Thủy Triều:** Dòng nước chảy lên xuống, khi ròng khi lớn. Đây ám chỉ cho những thứ phiền não tham, sân, si, buộc ràng và sai sử chúng sanh trong ba cõi.

Phản quan tự kỷ bốn phận sự, bất tùng tha đắc”. Nghĩa là: phải hằng xem xét lại ở nơi chính mình, đó là bốn phận chính yếu của người tu, không chạy theo cảnh ngoài. Có nhìn kỹ lại mình, mới thấy rõ những vọng niệm đầy khởi để mình gạt lọc, lau chùi. Đó là nói theo nghĩa thường, trong phạm vi đối trị để tu. Nếu luận nghĩa siêu việt hơn, theo Thiên Tông, thì vọng tưởng vốn không thật, nên khi mình nhìn thẳng lại nó, thì nó sẽ tan biến mất hình mất dạng. Như trường hợp Tổ Huệ Khả đã ứng dụng thật hành, khi được sự chỉ thẳng của Tổ Bồ Đề Đạt Ma, qua câu chuyện An Tâm. Tổ Huệ Khả nói tâm con không an, cầu xin Tổ Bồ Đề Đạt Ma chỉ cho cách an tâm. Tổ Bồ Đề Đạt Ma bảo: “ngươi đem tâm ra ta an cho”. Khi đó, Tổ Huệ Khả nhìn lại, không thấy bóng dáng chú nào, mới thưa: “con tìm tâm không được”. Tổ bảo: “Ta đã an tâm cho ngươi rồi”. Nhân đó, Tổ Huệ Khả đã biết đường vào...

Lũ giặc phiền não luôn chực sẵn nhận chìm ta bất cứ lúc nào, nếu chúng ta thiếu cảnh giác, tỉnh thức. Vì thế, Phật bảo: “là kẻ trí phải tự tạo cho mình một hòn đảo vững chắc”. Từ vô thủy kiếp đến nay, chúng ta mãi lặn hụp đắm chìm trong biển đời sanh tử khổ đau, mặc dù chúng ta ai cũng sẵn có “Hòn đảo tánh giác”, nhưng vì bị mây mù vô minh che phủ, nên chúng ta quên mất. Nếu một phen chúng ta nghe lời Phật dạy, sớm biết hồi đầu tỉnh giác quay về hòn đảo an toàn đó, thì không có một ngọn thủy triều nào có khả năng nhận chìm chúng ta được.

**26. Người ám độn⁴² ngu si⁴³ đắm chìm trong vòng
buông lung, nhưng kẻ trí lại chăm giữ tâm mình
không cho buông lung như anh nhà giàu chăm lo
giữ của.**

*The foolish and ignorant indulge in heedlessness, but
the wise one keeps his heedfulness as his best treasure.*

Kệ tụng

Kẻ si, chúng ngu độn

Sống phóng đãng, buông lung

Người trí không phóng dật

Giữ gìn như vật báu.

Lược giảng

Phật dạy :Dù biết mình sẵn có “Hòn đảo” đó, nhưng chúng ta chưa chịu thiết thiết quay về để an thân lập mệnh, thì có cũng như không. Cho nên, pháp cú 26, Phật quở và thương xót chúng ta là kẻ ngu si ám độn, mãi đắm chìm trong vòng buông lung, chưa chịu tỉnh thức. Khổ đau hay an vui, chỉ khác nhau là kẻ trí với người ngu. Phật nêu ra cho chúng ta thấy một hình ảnh của người sống có trí huệ rất cụ thể. Kẻ trí là kẻ luôn gìn giữ tâm mình một cách miên mật cẩn trọng. Nhờ khéo giữ và ngăn chặn như thế, nên những vọng niệm

⁴² **Ám độn:** Ám là tối tăm, độn là ngu dần. Ám độn chỉ cho người không có trình độ, căn cơ ngu muội chậm lụt, không bén nhạy.

⁴³ **Ngũ si:** Tối tăm mê mờ. Chữ ngu si trong Kinh Phật thường quở, là chỉ cho những người bị màn vô minh che mờ trí giác, có những nhận định sai lầm đối với chân lý, chớ không phải Phật quở trách như người đời chưởi rủa.

khó có cơ hội phát sanh. Khác nào như anh nhà giàu chăm lo giữ cửa, vì sợ kẻ trộm đột nhập vào nhà lấy hết đồ vật quý báu của anh. Mỗi người chúng ta vốn sẵn đã giàu, nhưng vì không khéo giữ, nên thường xuyên bị kẻ trộm vào nhà lấy hết đồ. Một khi chúng ta khéo biết gìn giữ, thì không một kẻ trộm nào lấy được.

27. Chớ nên đắm chìm theo buông lung, chớ nên mê say với dục lạc⁴⁴; hãy nên cảnh giác⁴⁵ và tu thiền mới mong đạt đại an lạc⁴⁶.

Do not give way to heedlessness. Do not indulge in sensual pleasures. Only the heedful and meditative attain great happiness.

Kệ Tụng
Chớ buông lung phóng dật
Chớ mê say dục lạc
Người tự chế, thiền định
Mới hưởng đạt an lạc.

Lược giảng

⁴⁴ **Dục lạc:** dục là ham muốn; lạc là vui thích. Dục lạc chỉ cho những sự vui thích mà người ta đắm mê không bao giờ biết nhàm chán. Như nói ngũ dục lạc v.v...

⁴⁵ **Cảnh giác:** cảnh là răn nhắc; giác là thức tỉnh. Cảnh giác là răn nhắc để cho mọi người luôn đề ý đề phòng trước những cám dỗ của cuộc đời.

⁴⁶ **Đại an lạc:** Niềm vui an bình rất lớn. Nhờ tu thiền định nên tâm được an lạc lớn.

Phật nhắc lại cho chúng ta nhớ: nếu người tu muốn thật sự thoát ly sanh tử khổ đau, thì chớ nên đắm chìm theo buông lung, chớ nên mê say với dục lạc mà hãy nên cảnh giác tu thiền, mới mong đặng đại an lạc. Điều quan trọng của người tu là phải luôn tư duy thiền quán. Ta phải thiền quán một cách sâu sắc về các pháp hư ảo giả huyễn. Trên đời này không có gì là quan trọng. Bản thân ta, một ngày nào đó cũng tan rã, hà tất gì những vật ngoài ta. Quả đúng với câu:

*“Tuồng huyễn hóa đã bày ra đấy
Kiếp phù sanh trông thấy mà đau
Trăm năm còn có gì đâu
Chẳng qua một nắm cỏ khô xanh rì!”*
(Ôn Như Hầu Nguyễn Gia Thiệu).

Đời người cuối cùng cát bụi trả về cho cát bụi. Biết thế, thì ta còn tham đắm dục lạc thế gian làm gì! Hãy giải quyết vấn đề sống chết khổ đau, đó mới là điều quan trọng nhất của người tu.

28. Nhờ trừ hết buông lung kẻ trí không còn lo sợ gì. Bậc Thánh hiền khi bước lên lầu cao của trí tuệ, nhìn lại thấy rõ kẻ ngu si ôm nhiều lo sợ, chẳng khác nào khi lên được núi cao, cúi nhìn lại muôn vật trên mặt đất.

Just as one upon the summit of a mountain beholds the groundlings, even so when the wise man casts away heedlessness by heedfulness and ascends the high tower of wisdom, this sorrowless sage beholds the sorrowing and foolish multitude.

Kệ Tung
Kẻ trí diệt buồng lung
Với hạnh không phóng dật
Leo lâu cao trí tuệ
Bậc thánh, không âu lo
Nhìn quân manh sợ hãi
Chẳng khác lên núi cao
Nhìn muôn vật dưới đất

Lược giảng

Phật cho chúng ta biết rõ về kẻ đã tỉnh và người còn mê. Nói tỉnh là vì đã qua cơn mê. Muốn hết mê, thì phải dứt trừ buồng lung. Còn buồng lung là còn sanh tử. Vì tâm ý buồng lung là đầu mối của sự tạo nghiệp. Còn tạo nghiệp là còn đi trong sanh tử. Khi hết mây mù, thì bầu trời mới thật sự trong sáng. Mây mù buồng lung còn, thì làm gì bầu trời trí tuệ xuất hiện được. Kẻ thật tỉnh, nhìn lại thấy người còn mê mờ, mới thật lòng thương xót, tội nghiệp. Khác nào bậc Thánh Hiền bước lên lâu cao của trí tuệ, nhìn lại thấy thấy rõ kẻ ngu si ôm nhiều lo sợ, và chẳng khác nào người khi lên được núi cao, cúi nhìn lại muôn vật trên mặt đất. Mong sao mọi người sẽ đạt được đỉnh cao của trí tuệ và mãi an trú trên Hòn đảo an bình. Một khi tâm bình, thì thế giới sẽ bình. Ngược lại, thì đời ta khác nào như một kẻ lữ hành mãi làm khách phong trần đi trong sương gió hệ lụy khổ đau của cuộc đời. Mỗi người nên tự hỏi lại mình: “ta muốn mãi làm khách phong trần đi lang thang hay muốn trở về quê cũ?” Muốn trở về quê cũ, thì xin hãy mau chóng hồi đầu!

29. Tinh tấn giữa đám người buông lung, tỉnh táo giữa đám người mê ngủ, kẻ trí như con tuấn mã⁴⁷ thẳng tiến bỏ lại sau con ngựa gầy hèn.

Heedful among the heedless, wide-awake among the sleepily, the wise man advances like a swift horse leaving behind a weak jade.

Kệ Tụng

Tinh cần giữa phóng dật

Tỉnh thức giữa quân mê

Kẻ trí như tuấn mã

Bỏ sau con ngựa hèn.

Lược giảng

Sống trong một đoàn thể, người tinh tấn tu học, bao giờ cũng gặt hái nhiều kết quả tốt đẹp. Sống chung đưng giữa một đám người có ý chí hạ liệt, phóng túng, lười biếng tu học, thì tác động ảnh hưởng của những người đó đối với họ cũng không phải là nhỏ. Người muốn vượt qua sự ảnh hưởng này, phải là người có đức kiên nhẫn và ý chí cương quyết rất cao. Quả họ là mẫu người sống có lý tưởng. Họ âm thầm nhẫn nại cần mẫn trong việc tu học. Người như thế, chắc chắn sẽ bị những kẻ biếng lười đố kỵ, ganh tỵ. Chẳng những bị đố kỵ, ganh tỵ thôi, mà họ còn tìm đủ mọi cách nói xấu, hãm hại người đó nữa. Nhưng, với một con người có ý chí sắt đá như thế, thì dù cho họ có bị những kẻ xấu ác chung quanh trù dập tới bờ hoa lá, họ cũng cương

⁴⁷ **Tuấn mã:** Loại ngựa đua giỏi, không con ngựa nào chạy đua hơn nó.

quyết ngẩn cao đầu lên để mà đi tới. Họ bắt chập những chuyện thị phi khen chê. Vì không một ai hiểu họ rõ hơn là chính họ hiểu họ. Họ quả thật là một đóa hoa tuyệt mỹ giữa một đám hoa rừng cỏ dại. Người như thế, Phật khen là kẻ “tỉnh táo giữa đám người mê ngủ”. Đòi, nếu như tất cả đều mê hết, thì thử hỏi thế gian này sẽ ra sao? Ít ra trong số những người mê đó, cũng còn có kẻ tỉnh thức. Như thế, thì thiên hạ mới sống còn được. Nếu như ai nấy đều tỉnh hết, thì thế giới này sẽ là Cực lạc rồi. Nói gần hơn, nếu trong một đoàn thể, ai nấy đều tỉnh thức hết, đều biết lo tu hành, thì thật là hòa hợp an vui biết mấy. Như các vị đại đệ tử xuất gia của Phật thời xưa. Mặc dù sống trong một đoàn thể Tăng già đông đảo, có hơn 1250 vị, nhưng tất cả đều sống rất an vui giải thoát. Được thế là do đâu? Có phải do vì mọi người đều sống trong tỉnh thức và chánh niệm hết không? Quả thật, Các ngài đó có một sức thiên định khá cao. Người tu hành, ai lại không muốn được an vui giải thoát như thế, thế thì tại sao chúng ta không tập tu như các Ngài? Đó là câu hỏi được đặt ra, để mỗi người chúng ta xin tự trả lời lấy. Và chúng ta muốn làm con tuấn mã hay muốn làm con ngựa gầy yếu. Nếu làm con ngựa gầy yếu, thì không biết đời kiếp nào mới thoát khỏi khổ đau. Là người xuất gia tu hạnh giải thoát, muốn xuất ly tam giới, tất nhiên, chúng ta phải cố gắng tinh tấn vươn lên để làm con tuấn mã, bỏ lại sau lưng những con ngựa gầy hèn.

30. Nhờ không buông lung, Ma Già⁴⁸ lên là chủ cõi chư thiên. Không buông lung luôn luôn được khen ngợi, buông lung luôn luôn bị khen chê.

By heedfulness did Indra become the overlord of the gods. Heedfulness is ever praised, and heedlessness ever despised.

Kệ tụng

Đế Thích nhờ tinh tấn

Thành chủ cõi chư thiên

Không phóng dật được khen

Phóng dật bị khinh miệt.

Lược giảng

Phật đã dẫn chúng trời Đế Thích cho chúng ta thấy kết quả của sự không buông lung. Trời Đế Thích sở dĩ được làm vua của cõi trời Đao Lợi, tức cai trị 33 tầng trời là nhờ tinh tấn tu hành tài bồi phước đức nên mới được như thế. Kế tiếp, Phật lại so sánh cho chúng ta thấy hai hình ảnh rõ rệt giữa người buông lung và người không buông lung. Người không buông lung luôn luôn được khen ngợi. Ngược lại, người buông lung luôn luôn bị khinh chê. Người siêng năng cần mẫn trong chiều thẳng hoa, hương thượng, thì không những bản thân họ được lợi lạc mà họ còn làm những công việc lợi ích thiết thực cho mọi người. Có người, sau khi nhận lãnh trách nhiệm do cấp trên giao phó, họ âm thầm nỗ lực làm việc hết sức mình để phục vụ cho đại

⁴⁸ **Ma Già:** (Maghavà) tên khác của trời Đế Thích (Sakha). Khi chưa đủ phúc báo làm trời Đế Thích, ở nhân gian tên là Ma Già, nhờ công đức siêng năng quét tước sạch sẽ mà được làm chủ cõi chư Thiên.

chúng. Họ xem đó là một niềm vui của họ. Có đôi khi họ bị cấp trên khiển trách, vì một lỗi lầm sơ suất nào đó, nhưng họ quyết không buồn lòng, không thoái chí. Chẳng những thế, mà họ còn biết phục thiện cải tiến những điều sai lầm của họ. Trong khi đó, họ cũng bị bầm dập, vì bị những kẻ dưới dèm pha nói xấu đủ thứ. Nhưng dù thế nào, họ cũng không lùi bước. Họ không màn đến sự khen chê hay thưởng phạt, miễn sao họ được phục vụ giúp cho mọi người vui vẻ, chỉ ngần ấy, là họ cảm thấy mãn nguyện rồi. Quả thật họ là mẫu người thật đáng kính mến. Họ là người rất kiên nhẫn, chịu khó, và như thế, rất có tiến bộ trên đường tu. Nếu là người có tâm cầu tiến, và với tinh thần vị tha bất vụ lợi, chẳng nghĩ cho riêng mình, thiết nghĩ, ta cũng nên noi gương tốt của họ. Và nếu là người tốt, vì mọi người, ta cũng nên ủng hộ họ và bắt chước họ để làm những công việc giúp ích cho mọi người. Ta nên diệt trừ cái tâm nhỏ hẹp, đố kỵ ganh tỵ, vì những thứ đó là những con vi trùng độc hại, chúng đục khoét tàn phá cuộc đời ta. Người có tâm ích kỷ như thế, thì đối với đạo và đời, không một ai ưa thích họ cả.

31. Tỳ kheo nào thường ưa không buông lung hoặc sợ thấy sự buông lung, ta ví họ như ngọn lửa hồng,

đốt tiêu tất cả kiết sử⁴⁹ từ lớn chí nhỏ.

⁴⁹ **Kiết sử:** (Samyojana) kiết là trói buộc; sử là sai khiến, tức chỉ cho những thứ phiền não (Kilesa), đây là danh từ chuyên môn của nhà Phật. Vì những thứ phiền não này hay sai khiến người ta tạo nhiều nghiệp ác,

The monk who delights in heedfulness and looks with fear at heedlessness advances like fire, burning all fetters small and large.

Kệ Tụng

*Tỳ kheo sợ phóng dật
Ưa thích không phóng dật
Bước tới như lửa hừng
Thieu kiết sử lớn nhỏ.*

Lược giảng

Phật chỉ đề cập dạy riêng cho người xuất gia thọ đại giới Tỳ kheo. Người xuất gia với một chí nguyện cao cả sáng ngời: “thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh”. Với một chí nguyện cao cả xung thiên đó, thì thử hỏi làm sao họ có thể buông lung cho được. Người xuất gia mà buông lung thì sự nghiệp giải thoát khó mong thành tựu. Cho nên, đối với tự thân đã không buông lung, mà họ thấy người khác sống buông lung, thì họ cảm thấy rất thương xót và lo sợ. Họ lo sợ cho kẻ đó bị sa đọa, chẳng những trong hiện đời mà còn trải qua nhiều kiếp nữa. Vì thế, những Tỳ kheo nào sống không buông lung, thức tỉnh tinh tấn tu hành, Phật ví những vị đó như ngọn lửa hồng cao ngọn, có năng lực đốt tan tất cả những kiết sử phiền não. Dù những phiền não căn bản hay chi mạng, thấy đều bị thiêu hủy cháy rụi hết.

rồi chính những nghiệp ác mà họ đã gây tạo trở lại trói buộc họ, nên gọi chúng là kiết sử phiền não.

32. Tỳ kheo nào thường ưa không buông lung hoặc sợ thấy sự buông lung, ta biết họ là người gần tới Niết bàn, nhất định không bị sa đọa dễ dàng như trước.

The monk who delights in heedfulness and looks with fear at heedlessness will not fall. He is close to Nibbàna.

Kệ Tụng

*Tỳ kheo sợ phóng dật
Ưa thích không phóng dật
Nhất định gần Niết bàn
Không còn bị đọa lạc.*

Lược giảng

Phật quả quyết những Tỳ kheo luôn mặc áo giáp tinh tấn, với thanh gươm trí tuệ trong tay, chặt phá tất cả những phiền não, thì chắc chắn họ sẽ đạt được quả vị Niết bàn an lạc. Đã thế, thì còn lo gì đọa lạc. Chỉ trừ những kẻ sống không biết có ngày mai. Họ chủ trương sống là phải hưởng thụ vật chất. Họ không tha thiết gì trong việc tu hành. Họ là người đam mê theo danh lợi dục lạc thế gian. Đối với họ những nhu cầu vật chất, không bao giờ biết đủ. Họ sống phóng túng trái với giới luật Phật dạy. Họ chê cười và ganh ghét tìm cách dèm pha nói xấu những bậc tu hành đạo cao đức trọng. Họ là người không biết tầm quý. Họ coi trời bằng vung, khinh người dưới mắt. Bản ngã của họ thật là to lớn. Phật cho những hạng người đó là “Tăng thượng mạn”. Họ không biết tôn kính những bậc trưởng thượng đức hạnh. Dù họ biết, những bậc ấy đáng bực Tôn sư của họ. Nhưng với lòng tự ái cao ngạo, không cho phép họ

hạ mình học hỏi. Quả họ là hạng người quá trung thành tôn thờ chủ nghĩa vị kỷ. Hạng người này thời nào cũng có. Họ có biệt tài biện hộ và phũ tàng những lỗi lầm của họ. Phật rất thương xót những hạng người này. Đây là hạng người mà cửa địa ngục đang chờ đón họ. Đó là hạng người sống buông lung sa đọa, không có đạo đức, dù bề ngoài họ trang phục là đạo đức. Họ lợi dụng Phật pháp để làm kế nuôi sống, miễn sao họ sống sung sướng phè phỡn là được rồi. Quả đúng như lời người đời thường nói: “chiếc áo không làm nên thầy tu”. Hành động tôn đạo, hại đời, phá pháp, đó là hành động của một con người đã đánh mất lương tâm đạo đức làm người.

III. Phẩm Tâm (Citavaggo)

33. Tâm kẻ phạm phu thường xao động biến hóa⁵⁰ rất khó chế phục gìn giữ, nhưng kẻ trí lại chế phục tâm mình làm cho chánh trực⁵¹ một cách dễ dàng, như thợ khéo uốn nắn mũi tên.

⁵⁰ **Biến hóa:** Biến đổi thành ra cái khác hoặc sang trạng thái, hình thức khác. Quá trình tu học biến đổi từ xấu trở thành tốt.

⁵¹ **Chánh trực:** Chánh là ngay, trực là thẳng. Tâm chánh trực là tâm ngay thẳng, không lệch hai bên: có và không ...

Just as a fletcher straightens an arrow shaft, even so the discerning man straightens his mind – so fickle and unsteady, so difficult to guard and control.

Kệ Tụng

*Tâm phàm hay giao động
Khó chế, khó nhiếp phục
Kẻ trí khiến tâm chánh
Như thợ khéo nắn tên.*

Lược giảng

Người tu hành, còn là phàm phu khi chưa lên Thánh vị A la hán, thì không một ai dám bảo đảm tin ở nơi tâm mình. Tại sao? Vì cái tâm đó là tâm vọng, thay đổi bất thường. Đã là vọng, tất nhiên nó không bao giờ yên. Suốt ngày nó phan duyên theo trần cảnh. Giống như con vượn chuyền cây và con ngựa chạy rong nơi đồng nội. Bởi thế, các nhà Duy Thức gọi nó là “tâm viên ý mã”, nghĩa là vượn lòng ngựa ý. Nhà thiền gọi nó là loại trâu hoang, thật không dễ gì chế phục. Muốn chế phục được nó, người tu trước tiên phải biết mặt mũi nó. Nếu không biết nó, thì làm sao chế phục? Trong nhà thiền gọi là chăn trâu. Muốn chăn thì phải biết trâu là gì và hình dáng nó ra sao? Trâu tức là vọng tưởng. Vì vọng tưởng, cho nên nó luôn xao động bất an. Đã thế, thì làm sao biết hình dáng của nó được. Nó luôn biến hóa không lường. Vì biến hóa không lường, nên rất khó chăn nó. Bởi thế, nên Pháp cú 33, Phật nói: “*tâm kẻ phàm phu thường xao động biến hóa rất khó chế phục gìn giữ*”. Đó là nói kẻ phàm phu tâm còn thô động rất khó gìn giữ. Ngược lại, Phật nói: “*những kẻ*

trí chế phục tâm mình làm cho chánh trực một cách dễ dàng, như thợ khéo uốn nắn mũi tên". Người trí là người giác ngộ sáng suốt. Đã giác ngộ sáng suốt, (chưa hoàn toàn) thì tâm vọng tưởng thô phù không còn. Cho nên đối với những vị này, họ điều phục tâm ý của họ một cách dễ dàng. Nói cách khác, họ đã làm chủ được họ. Vọng tưởng không còn thì làm sao khuấy động họ được. Ví như mặt trời xuất hiện, thì mây mù phải tan biến. Mặt trời chánh niệm của họ luôn thấp sáng. Do đó mà tâm của họ được chánh trực. Đến đây, họ mới có thể tin tưởng ở nơi tâm mình.

34. Như con cá bị quăng lên bờ sợ sệt và vùng vẫy thế nào, thì cũng như thế, các người hãy đem tâm lo sợ, phấn đấu để mau thoát khỏi cảnh giới ác ma⁵².

As a fish when pulled out of water and cast on land throbs and quivers, even so is this mind agitated. Hence should one abandon the realm of Māra.

Kệ Tụng

*Như cá quăng lên bờ
Vắt ra ngoài thủy giới
Tâm này phải vùng vẫy
Vây hãy thoát ma giới.*

Lược giảng

Phật cho chúng ta một hình ảnh cụ thể về sự dễ duôi tin ở nơi tâm mình. Người tu, khi chưa điều phục được

⁵² **Cảnh giới ác ma:** Chỉ chung cho các loại phiền não chướng.

tâm, hay rõ hơn chưa làm chủ được 6 căn, nên khi tiếp xúc trần cảnh, thì tâm khó được an ổn. Khác nào quăng cá lên bờ, làm sao tránh khỏi sự vùi vẫy. Vì cá có nước mới sống được. Rời nước cá không thể nào tồn tại. Nay quăng cá lên đất khô, thì cá phải chết. Cũng thế, nếu người tu, khi chưa làm chủ được tâm, thì khó thoát khỏi ác ma nhiều hại. Thế nên, nếu muốn thoát khỏi cảnh giới ma, thì người tu cần phải có mũi tên trí tuệ và cây cung thiền định. Bằng không, thì sẽ tán thân mất mạng như con cá chết vẫy trên bờ.

35. Tâm phàm phu cứ xoay vần theo ngũ dục⁵³, xao động không dễ nắm bắt; chỉ những người nào đã điều phục được tâm mình mới được yên vui.

Wonderful, indeed, it is to subdue the mind, so difficult to subdue, ever swift, and seizing whatever it desires. A tamed mind brings happiness.

Kệ Tụng

*Khó nắm giữ, giao động
Tâm phàm, dục chi phối
Lành thay, điều phục tâm
Tâm điều, hưởng an lạc.*

Lược giảng

Phật nhấn mạnh cái mà đại đa số người tu không được giải thoát, là do quá đam mê ngũ dục lạc thế gian. Đây cũng do tập khí đắm nhiễm lâu đời. Vì sống theo vọng

⁵³ **Ngũ dục:** Có 2 loại: thô và tế. Ngũ dục thô: tài, sắc, danh, thực, thù. Ngũ dục tế: sắc, thanh, hương, vị, xúc.

tình, nên càng ngày càng lún sâu vào trong bùn lầy ngũ dục. Khác nào như con trâu hoang dong ruồi ẩn khuất trong đám rừng rậm, không biết lối ra. Người đấm theo ngũ dục cũng thế. Muốn cho trâu hoang kia hồi đầu để thoát ra, thì người chăn phải khéo léo tìm cách dẫn dụ điều phục nó. Cũng thế, người tu muốn thoát khỏi ngũ dục, thì phải khéo dùng những phương tiện tu hành để nhiếp hóa điều phục tâm. Như niệm Phật hay thiền quán v.v.... Phải thường xuyên quán sát các pháp thế gian là vô thường huyễn hóa. Tất cả đều do nhân duyên giả hợp tạo thành, không có gì bền chắc. Mọi sự vật trên đời, chỉ là trò ảo mộng mà thôi. Nhờ quán sát như thế, thì tâm tham cầu ham muốn ngũ dục sẽ bớt dần. Từ đó, tâm ta mới được nhẹ nhàng an thoát.

36. Tâm phàm phu cứ xoay vần theo ngũ dục, biến hóa u ẩn khó thấy, nhưng người trí lại thường phòng hộ tâm mình, và được yên vui nhờ tâm phòng hộ ấy.

Let the discerning man guard the mind, so difficult to detect and extremely subtle, seizing whatever it desires. A guarded mind brings happiness.

Kệ Tụng
Tâm tinh vi khó thấy
Ái dục thường chi phối
Kẻ trí hộ trì tâm
Tâm hộ, hưởng an lạc.

Lược giảng

Phật nhấn mạnh việc phòng hộ tâm mình. Tại sao Phật bảo ta phải phòng hộ? Bởi vì tâm dễ theo cảnh. Từ xưa tâm cảnh liên quan, cảnh mà xao động tâm an mấy người. Người tu, nhứt là người xuất gia, muốn tâm được yên, thì phải lặng bớt duyên đời. Mà muốn lặng bớt duyên đời, theo kinh nghiệm của chư Tổ và các bậc Tôn đức, thì cách hay nhứt là phải tránh duyên để chuyên tu, bằng cách nhập thất chẳng hạn. Cảnh sắc tuy nó không có lỗi, nhưng nó có một sức hút hấp dẫn, lôi cuốn, rất dễ làm lung lạc tâm ý người tu. Thí dụ: tiền tài, sắc đẹp, danh vọng v.v... Đa số người tu hành đều bị sức hút của những thứ này làm chướng ngại trên đường tu rất lớn. Trong Kinh Tứ Thập Nhị Chương có nhiều bài Kinh Phật nói về tai hại của ngũ dục. Chẳng hạn như chương 21 Phật dạy: “Người theo tình dục cầu được thanh danh, khi thanh danh vừa hiển lộ thì thân đã chết rồi! Nếu người tham thứ thường danh ở đời mà chẳng học đạo, thì chỉ uống công mệt xác, thí như: đốt hương, người ta vừa nghe được mùi hương thì hương kia đã cháy hết, mà thứ lửa hại thân lại theo liền sau đó”.

Chương 22 Phật dạy: “Tài sắc đối với người, người không bỏ được, chẳng khác nào trên lưỡi dao có dính chút mật, không đủ một bữa ăn ngon, thế mà đưa bé liếm vào quyết sẽ bị cái hại đứt lưỡi.” (*Giáo Sư Hoàn Quan dịch*)

Thế đủ biết tai hại của ngũ dục dường nào! Nếu người thật sự tu hành muốn thoát ly sanh tử khổ đau, thì nên

xa lánh ngũ dục như tránh xa hầm lửa. Vì gần nó sẽ có ngày cháy mất mạng!

37. Tâm phạm phu cứ lén lút đi một mình, đi rất xa, vô hình vô dạng như ẩn nấu hang sâu, nếu người nào điều phục được tâm, thì giải thoát khỏi vòng ma trói buộc.

Dwelling in the cave (of the heart), the mind, without form, wanders far and alone. Those who subdue this mind are liberated from the bonds of Māra.

Kệ tụng

Đi xa vời, cô độc

Vô hình, ẩn hang sâu

Ai điều phục tâm ấy

Thoát khỏi ma trói buộc.

Lược giảng

Phật gọi cho chúng ta một hình ảnh về “tâm vọng” qua những từ ngữ để chúng ta có thể hình dung tâm vọng của chúng ta. Những cụm từ “lén lút đi một mình”, “đi rất xa”, “ẩn nấu hang sâu”, đủ để chúng ta thấy rõ điều đó. Trong cuộc sống hằng ngày, ít khi nào chúng ta thật sự quán chiếu lại nội tâm để biết rõ tâm ta. Thường chúng ta bị đồng hóa với ngoại cảnh. Cho nên ta không nhận diện được nó. Nó luôn luôn gây cho ta bất an. Ta đau khổ cũng chỉ vì nó. Ta muốn nó ở yên, nhưng nó nào có chịu. Nó cứ lén lút rời bỏ ta đi một mình. Hai chữ “lén lút”, nói lên một hành động thiếu sự kiểm soát

chặt chẽ. “Đi một mình, đi rất xa, vô hình, vô dạng như ẩn nấu hang sâu”. Cái gì lén lút? Và tại sao phải đi như thế? Sợ ai mà phải lén lút? Tại sao không đi công khai? Đó là những câu hỏi mà ta cần phải nêu ra để tìm hiểu. Thông thường, chỉ có những kẻ bất chánh mới hành động lén lút, vì sợ người ta nhận diện biết được. Chớ nếu là kẻ quang minh chánh đại, thì sợ ai mà phải lén lút. Kẻ lén lút là kẻ dối trá, tà vạy là kẻ mà ta cần phải luôn luôn đề phòng. Vì chúng như là kẻ trộm. Chỉ hai chữ “lén lút” thôi, mà Phật đã cho chúng ta có thể hình dung được tâm “lũ tâm vọng phiền não của ta”. Thật vậy, tâm ta là thứ vọng tưởng, giả dối không thật. Vì dối trá, gian xảo, nên thường làm những việc lén lút. Kẻ gian dối bao giờ cũng muốn hành động một mình, sợ người khác để ý dòm ngó. Vì vậy, nên chúng chọt đến, chọt đi, như bóng ma trời. Nó biến dạng, tàng hình dưới mọi hình thức không ai biết được. Lũ tâm vọng phiền não này bình thường như ẩn trốn hang sâu, nhưng khi gặp duyên, xúc cảnh, thì bọn chúng xuất đầu lộ diện tràn ra như ong vỡ tổ tha hồ đốt cắn mọi người. Thật là ghê gớm đáng sợ thay! Tuy vậy, chúng chỉ là một thứ đội quân tạp nhạp, thiếu kỷ luật, không có đội hình trật tự và tất cả cũng chỉ là một thứ bóng mờ mà thôi. Dù chúng có một sức mạnh rất lớn! Nhưng, sức mạnh đó, cũng không thể nào chống cự nổi với cây “thanh đao, bảo kiếm” của người trí tuệ. Khi người trí tuệ giơ cao ngọn thanh đao, hay bảo kiếm lên, thì bọn chúng thấy sẽ kinh hồn khiếp đảm tan hình biến dạng hết. Cho nên, câu kệ tiếp Phật mới nói rằng: “Nếu người nào điều phục được tâm, thì giải thoát khỏi vòng ma trói buộc”. Như vậy, là kẻ đó đã chiến thắng ca

khúc khải hoàn, phục hồi lại đất nước tâm thanh bình thịnh trị.

38. Người tâm không an định, không hiểu biết chánh pháp⁵⁴, không tín tâm kiên cố⁵⁵, thì không thể thành tựu được trí tuệ cao siêu.

Wisdom never becomes perfect in one whose mind is not steadfast, who knows not the Good Teaching and whose faith wavers.

*Kệ tụng
Ai có tâm bất an
Chẳng hiểu chân diệu pháp
Tín tâm không kiên cố
Trí tuệ khó viên thành.*

Lược giảng

Phật cho chúng ta biết hình ảnh của một con người yếu đuối, thiếu trang bị cho mình một cây thanh đao và bảo kiếm. Bởi không có trí huệ, nên không thể có khả năng để sử dụng những loại vũ khí sắc bén này. Bởi vậy, nên Phật nói: “Người tâm không an định, không hiểu biết chánh pháp, không tín tâm kiên cố, thì không thể thành tựu được trí huệ cao siêu”. Đây là hình ảnh của một hạng người trái ngược ở trên. Người tu hành, dù tu bất cứ pháp môn nào, hay bất cứ tông phái nào, tựu trung

⁵⁴ **Chánh pháp:** Những lời Phật dạy đúng với chân lý, dù trải qua bao nhiêu đời cũng không thay đổi. Giáo pháp hợp với chân lý.

⁵⁵ **Tín tâm kiên cố:** Lòng tin vững chắc bền bỉ, không gì có thể làm lay động được.

cũng chỉ nhằm vào một mục đích duy nhất là diệt trừ phiền não (nói theo nghĩa đối trị). Phiền não hết, thì tâm hành giả mới được an định. Nếu còn một chút nào lai vãng, dù rất nhỏ, thì tâm thể cũng chưa thật sự được an định. Thế nên, muốn tâm an định, thì việc trước tiên, hành giả phải nhận và biết rõ lẽ giặc phiền não. Khi dùng trí huệ biết rõ rồi, thì bấy giờ mới dụng công chiếu phá. Tức biết rõ chỗ giặc trú ngụ, mới đem binh trừ diệt được. Đó là một yếu lý của sự tu. Nếu tâm không an định, thì làm gì có trí huệ phát sanh. Giống như ngọn đèn dầu, cứ bị gió thổi lay động hoài, thì làm sao chiếu tỏa ánh sáng cho được? Muốn có ánh sáng, thì cần phải có ống khói chụp vào. Nhờ có ống khói chụp vào mà ngọn đèn đứng yên. Khi đó, thì ánh sáng mới soi tỏ khắp nơi. Cũng thế, người tu sở dĩ tâm không an định, là vì thiếu sự hành trì giới luật nghiêm minh. Người giữ giới luật nghiêm minh, khác nào như ngọn đèn dầu kia có ống khói chụp vào. Ngọn đèn đứng yên là dụ cho tâm hành giả được an định. Nhờ an định mà tâm được sáng suốt. Cũng như ngọn đèn nhờ đứng yên, mà có ánh sáng soi tỏ. Tu, mà tâm chúng ta tối ngày cứ loạn động mãi, thì làm sao biết được chánh pháp. Chánh pháp là bản tâm chơn thật của ta. Vì giáo pháp Phật chỉ dạy, cũng chỉ nhằm mục đích cho mọi người nhận ra và sống được với tâm chơn thật của mình. Nhờ nhận rõ ở nơi bản tâm chơn thật, nên chúng ta mới có được niềm tin vững chắc. Bằng trái lại, thì làm sao chúng ta có được niềm tin vững chắc được. Câu pháp cú trên Phật cho chúng ta một chuỗi lý luận rất rõ ràng: Vì tâm không an định, nên không hiểu biết chánh pháp (không nhận rõ bản tâm). Vì không hiểu

biết chánh pháp, nên không có tín tâm kiên cố. Vì không có tín tâm kiên cố, nên không thể thành tựu được trí huệ cao siêu. Trí huệ cao siêu có hai ý: một, chỉ cho quả vị A La Hán, trí huệ cao tột trong hàng Thanh Văn. Hai, là chỉ cho quả vị Phật, cao tột trong hàng Bồ Tát.

39. Người tâm đã an tịnh⁵⁶, không còn các điều hoặc loạn⁵⁷, vượt trên những nghiệp thiện ác thông thường, là người giác ngộ chẳng sợ hãi.

There is no fear for an awakened one, whose mind is not sodden by lust) nor afflicted (by hate), and who has gone beyond both merit and demerit.

Kệ tụng

*Tâm không dục ái nhiễm
Không sân hận chi phối
Trừ diệt mọi thiện ác
Kẻ tỉnh không sợ hãi.*

Lược giảng

Phật cho chúng ta thấy hình ảnh của người tu giải thoát. Người nào, khi tâm đã thanh tịnh, thì không còn các điều hoặc loạn. Thanh tịnh là trong sạch. Đã trong sạch thì làm gì có hoặc loạn. Hoặc loạn là phiền não mê lầm

⁵⁶ **An Định:** An là an ổn không loạn, định là đứng yên, dừng lại không động. An định là không còn phiền não dấy động, ngược lại với bất an.

⁵⁷ **Hoặc loạn:** Hoặc là phiền não mê lầm. Vì phiền não mê lầm cứ nổi lên mãi làm cho tâm bất an, nên gọi là loạn. Muốn tâm an, phải dứt trừ phiền não hoặc loạn.

chấp trước. Cũng như nói, nước đã lóng trong, thì không có cặn cẩu. Tại sao không có cặn cẩu? Thừa, vì nước đã lóng trong. Ở đây, ta thấy quan trọng là ở hai chữ “lóng trong”. Nếu chúng ta hiểu rõ hai chữ này, là chúng ta đã biết cách tu hành. Nước trong, thì có ai lại không biết. Biết là một chuyện, còn thật sự lóng cho nước trong lại là một chuyện khác. Cũng như nói tâm thanh tịnh, ai không biết tâm thanh tịnh là tâm trong sạch. Nhưng làm cách nào để tâm được thanh tịnh, đó lại là một chuyện khó. Muốn tâm được thanh tịnh, tức không có hoặc loạn phiền não, câu kế tiếp, Phật chỉ cho chúng ta phương cách tu. Nghĩa là phương cách lóng cho nước trong. Phương cách đó như thế nào? Đó là: “Vượt trên những nghiệp thiện ác thông thường”. Thế nào là “vượt trên những nghiệp thiện ác thông thường”? Chúng ta sống thường bị kẹt hai đầu, nói cách khác là ý nghĩ của ta thường rơi vào hai bên: có, không, thiện, ác v.v... Đã có đối đãi, tất nhiên là có phiền não thương ghét, mừng giận, buồn vui v.v... Đó là đầu mối của sự tạo nghiệp để đi mãi trong sanh tử luân hồi. Ngược lại, ở đây, một vị đã chứng quả A la hán, tất nhiên, đã hết những thứ “hữu lậu thiện nghiệp” và “hữu lậu ác nghiệp”. Do đó, những vị này không còn tạo nghiệp mới nữa, và tuy ở trong đạo quả viên mãn mà thường làm những việc lợi tha một cách tự nhiên (đây là những vị Lợi căn A la hán hay Hồi tâm A la hán hướng về Đại thừa). Như vậy, người nào không còn bị mắc kẹt vào sự đối đãi hai đầu này, Phật nói đó là người giác ngộ giải thoát. Và một khi đã được như thế, thì thử hỏi còn gì nữa mà sợ hãi, nên nói: “là người giác ngộ, chẳng sợ hãi”.

40. Hãy biết rằng thân này mong manh như đồ gốm và giam giữ tâm người như thành quách, người hãy đánh dẹp ma quân với thanh huệ kiếm sẵn có của mình và nắm giữ phần thắng lợi, chứ đừng sanh tâm đắm trước.

Realizing that this body is as fragile as a clay pot, and fortifying this mind like a well-fortified city, fight out Māra with the sword of wisdom. Then, guarding the conquest, remain unattached

Kệ tụng

*Biết thân như đồ gốm
Hộ tâm như thành trì
Dẹp ma với gươm trí
Hãy giữ gìn chiến thắng
Vượt ngoài mọi nhiễm ô.*

Lược giảng

Phật dạy: “Thân này mong manh như đồ gốm và giam giữ tâm người như thành quách”. Tại sao Phật nói như thế? Chúng ta thử quán chiếu có đúng không. Nói đồ gốm tức là những thứ do đất sét tạo thành. Tất cả đều do duyên hợp giả có. Nếu thiếu một duyên thì không thành. Như thiếu lò để nung hay thiếu người làm, thì món đồ gốm đó không thể nào thành tựu được. Đã do duyên hợp, tất phải do duyên tan. Nhìn lại thân thể chúng ta đang mang có khác gì món đồ gốm. Người ta tạo ra đồ gốm, như cái bình, cái chậu v.v... mục đích là để đựng đồ. Cũng thế, thân này do bốn đại: đất, nước, gió lửa tạo thành. Đồ gốm nào cũng do 4 thứ đó tạo thành. Thiếu một trong 4 thứ đó thì không thành. Thân

này cũng thế. Thiếu một đại trong 4 đại, thì không thành thân. Đã có thân, thì nó chứa toàn là những thứ bất tịnh. Chúng ta đừng quên đồ gốm rất dễ bể. Chỉ cần sẩy tay là sẽ bể tan nát ngay. Thân này cũng thế, chỉ cần một cơn đau nặng, hoặc một tai nạn xảy ra, thì thân thể cũng không còn. Vô thường xảy ra trong nháy mắt. Phật so sánh thân này với đồ gốm, thật chẳng khác gì nhau. Bởi đồ gốm chỉ là thứ vật chất bất tri giác. Thân này cũng chỉ là thứ vật chất bất tri giác. Song có điều khác hơn là trong thân ta còn có thứ tri giác, đó là phần tinh thần, nói theo giáo lý Đại thừa, đây là do sự kết hợp của thất đại: đất, nước, gió, lửa, không, kiến và thức. Tại sao nói “giam giữ tâm như thành quách”? Vì rời thân này không có tâm. Thân và tâm không thể tách rời ra được. Nhưng thân không phải là tâm và tâm không phải là thân. Cũng như chiếc xe không phải anh tài xế, hay ngược lại, anh tài xế cũng không phải là chiếc xe. Nhưng chiếc xe, nếu thiếu anh tài xế điều khiển, thì xe cũng không thể chạy được. Nhưng, nếu chỉ có anh tài xế không thôi, thì thử hỏi anh tài xế lái cái gì? Cả hai, đều có sự tương quan mật thiết với nhau. Tuy nhiên, nếu người nào quá chấp nặng, lệ thuộc ở nơi thân, mà quên mất tâm, thì có khác nào kẻ chỉ biết có chiếc xe mà quên mất anh tài xế. Giống như kẻ giam tâm trong thành quách. Thành quách có ra là do tâm tạo. Giống như họa sĩ vẽ ra thành quách, chớ thành quách không vẽ ra người họa sĩ. Thành quách chỉ là ngọn chớ không phải gốc. Người nào nhận biết như thế, thì không còn nặng chấp ở nơi thân. Đã thế, thì thân không còn giam giữ tâm ta được nữa. Tâm ta vốn trùm khắp tất cả, chớ không phải hạn cuộc ở nơi thân.

Cũng như hư không ở trong cái bình sành, ta cứ ngỡ là hư không nhỏ như cái bình. Thật ra hư không, không nhỏ như cái bình. Một khi cái bình bể vỡ ra, thì hư không sẽ tràn ngập hòa đồng cùng hư không bên ngoài trùm khắp không có nơi chốn. Cũng thế, nếu chúng ta sống trở về với cái tâm chơn thật rồi, thì thân này còn mất chỉ là chuyện của thân, chớ không liên hệ gì đến tâm. Cũng như bình sành hư bể, không liên hệ gì với hư không trong bình. Như thế, thì chuyện thân còn hay mất là chuyện trò chơi. Còn như nếu ta chưa nhận ra được bản tâm chơn thật của ta, thì ta vẫn còn thấy thân này là quan trọng, như thành quách giam hãm ta. Nhưng muốn thấy thân này còn mất giả hợp như trò đùa, thì hành giả cần phải có thanh huệ kiếm trong tay mới có thể tiêu diệt được quân ma phiền não. Phật bảo chúng ta phải dành lấy phần thắng lợi. Nếu không, thì ta sẽ là kẻ đầu hàng làm nô lệ cho bọn chúng sai sử. Quyết định ta phải cố gắng dũng mãnh vươn lên để dành thắng lợi, nếu không được toàn triệt, thì ít ra cũng phải được chiếm cứ dành lấy chủ quyền từng phần theo kiểu hòa bình da beo. Như thế, thì đời ta mới có hy vọng chấm dứt khổ đau. Mong sao mọi người chúng ta cùng nhau cố gắng vươn lên dành lấy chủ quyền!

41. Thân này thật là ngắn ngủi ! Nó sẽ ngủ một giấc ngủ dài dưới ba thước đất, vô ý thức, bị vất bỏ như khúc cây khô vô dụng.

Ere long, alas! This body will lie upon the earth, unheeded and lifeless, like a useless log.

Kệ Tụng

*Không bao lâu thân này
Sẽ nằm dài trên đất
Bị vất bỏ, vô thức
Như cây khô vô dụng.*

Lược giảng

Đức Phật đã cảnh giác, nói rõ về thân vô thường. Cái “*thân này thật là ngắn ngủi*”. So với dòng thời gian bất tận, thì quả thật kiếp sống của con người nó ngắn ngủi còn hơn một nháy mắt. Mới thấy đó rồi mất đó. Khác nào như con phù du sáng sanh chiều chết. Tổ Qui Sơn nói: “*Sanh, già, bệnh, chết, không hẹn cùng người. Sớm còn tối mất, chợt qua đời khác. Thí như sương mùa xuân, đọng trên đầu ngọn cỏ, chợt có liền không, như cây trên bờ giây dưới giếng đầu đọng lâu dài*”. Quả thật:

*“Đời người khác thể loài hoa
Sớm còn tối mất nở ra lại tàn”.*

Hay:

*“Dẹp dưới giường lên giường vội biệt
Sống ngày nay để biết được ngày mai
Mạng người hô hấp lắm thay!
Nghĩ con vĩnh biệt tiền đài mà đau”.*

Phật nói tiếp: “*Nó sẽ ngủ một giấc ngủ dài dưới ba thước đất, vô ý thức, bị vất bỏ như khúc cây khô vô dụng*”. Thật là buồn tủi! Thử ngẫm lại, có thân ai mà không ngủ một giấc ngủ triền miên chôn sâu dưới lòng đất lạnh. Biết thế, mà con người khi còn ba tác hơi, thì vẫn còn tranh danh đoạt lợi, hơn thua từng chút, đấu đá

chém giết lẫn nhau, không một chút từ tâm yêu thương đồng loại. Nhưng họ quên rằng:

*“Mùi phú quý như làng xa mã
Bã vinh hoa lừa gã công khanh
Giác nam kha khéo bất bình
Bừng con mắt dậy thấy mình tay không”.*

Hãy:

*“Danh mà chi lợi lắm mà chi!
Của công danh như bọt nước có ra gì
Mùi phú quý như vàng mây tan hợp
Sang cho mấy cũng rồi một kiếp
Giàu đến đâu cũng chỉ hưởng một đời...”*

Tất cả, kết cuộc chỉ là một “bức tranh vân cẩu, vẽ người tang thương”. Sống mà không có ý thức đến sự vô thường nhanh chóng của kiếp con người, thì Phật cho đó là sống “vô ý thức”. Đã thế, thì có khác gì một khúc cây khô vô dụng vất bỏ bên đường! Mỗi người chúng ta hãy tự xét lại, xem mình có tỉnh thức về lý vô thường Phật dạy không? Và chúng ta có thật sự giác ngộ chưa? Nếu chưa, thì mỗi người nên cố gắng quán chiếu cho thật sâu sắc qua kinh nghiệm bản thân cũng như đối với tha nhân và ngoại cảnh. Để từ đó, chúng ta gắng sức tinh tấn tu hành thoát ly sanh tử khổ đau.

42. Cái hại của kẻ thù gây ra cho kẻ thù hay của oan gia⁵⁸ đối với oan gia, cũng không bằng cái hại của tâm niệm hướng về hành vi tà ác gây ra cho mình.

Whatever harm an enemy may do to an enemy, or a hater to a hater, an ill-directed mind inflicts on oneself a greater harm.

*Kệ Tụng
Kẻ thù hại kẻ thù
Oan gia hại oan gia
Không bằng tâm niệm tà
Gây ác cho tự thân.*

Lược giảng

Phật so sánh cái tai hại của kẻ có tâm niệm hướng về hành vi tà ác so với cái hại của kẻ thù gây ra đau khổ cho kẻ thù cũng như oan gia đối với oan gia. Tại sao Phật so sánh như thế? Bởi vì sự báo oán thù hận, chỉ gây tai hại cho nhau trong phạm vi nhỏ hẹp giữa cá nhân với nhau, còn kẻ có tâm niệm hành vi tà ác, tức gây tạo 10 điều ác, thì hậu quả tai hại rất lớn. Chẳng những hại mình mà hại rất nhiều người và những loài sinh vật khác. Đó là một tác hại chung cho xã hội loài người. Kẻ đã chất chứa ôm ắp quá nhiều tâm niệm ác, mà kẻ đó lại có thêm quyền cao chức trọng, thì chúng ta thử tưởng tượng họa hại cho nhơn loại sẽ biết là ngần nào! Lịch sử nhơn loại đã chứng minh cho chúng ta thấy rất rõ điều đó. Nước Đức có Hitler. Trung Hoa

⁵⁸ **Oan gia:** Nói đủ là oan gia tương báo. Nghĩa là mỗi thâm thù với nhau, sanh ra gặp nhau để trả.

có Tần thi Hoàng, v.v... là những kẻ hung ác bạo tàn, đã gây ra biết bao tang thương cho đồng loại. Họ chỉ vì có quá nhiều tham vọng, muốn làm bá chủ hoàn cầu, từ đó, họ bất chấp mọi thủ đoạn độc ác, miễn sao họ thỏa mãn được lòng dục vọng của họ thôi. Một người khi đã ôm ấp cái tâm niệm độc ác đó, tất nhiên, họ đã tự chuốc lấy nỗi thống khổ dày vò bức bách, đầy đọa tâm can của họ rồi. Họ không bao giờ cảm thấy an vui hạnh phúc. Bởi vì họ xây dựng sự nghiệp trên xác chết của đồng loại. Đã thế thì lòng họ có bao giờ được thanh thản vui sướng đâu! Và cuối cùng, họ phải trả một giá rất đắt, đáp lại xứng đáng những gì mà họ đã gây tạo. Bởi thế, nên Phật mới răn dạy pháp cú trên.

43. Chẳng phải cha mẹ hay bà con nào khác làm, nhưng chính tâm niệm hướng về hành vi chánh thiện⁵⁹ làm cho mình cao thượng hơn.

Neither mother, father, nor any other relative can do one greater good than one's own well-directed mind.

*Kệ Tụng
Cha mẹ và bà con
Không thể làm gì hơn
Không bằng tâm niệm chánh
Khiến tự thân cao thượng.*

Lược giảng

⁵⁹ **Chánh thiện:** Dem tâm hướng về 10 hạnh lành: bố thí, trì giới, tu thiền định, tôn kính, tác sự, hồi hướng công đức, tùy hỷ công đức, thỉnh pháp, thuyết pháp, chính kiến.

Phật cho chúng ta thấy luật nhân quả rất công bằng. Ai tu nấy thành, ai hành nấy đắc. Không thể người này ăn mà kẻ khác no được. Nhân nào quả nấy rất rõ ràng. Ta muốn có một kết quả hạnh phúc tốt đẹp cao thượng, thì không một ai tạo thể đem lại cho ta, dù đó là thân nhân ruột thịt nhứt của đời ta, như cha mẹ hay ông bà. Cha mẹ ta chỉ cho ta có được cái thân xác hình hài này, còn đạo đức an vui mà ta có được, chính phải do ta tự tạo lấy. Nếu ta chỉ một bề ỷ lại vào người khác, thì đó chỉ là không tưởng mà thôi. Trên đời này, không có ai ăn không ngồi rồi, mà có được kết quả như ý muốn. Thái độ của kẻ ngồi chờ sung rụng, đó là thái độ của kẻ biếng lười ỷ lại. Một học sinh nếu không chịu khó siêng năng cần mẫn học hành, thì làm gì có kết quả thi đậu đậu đó. Đành rằng, trong nhân quả, ngoài yếu tố chánh nhân ra, nó còn đòi hỏi nhiều trợ duyên tốt khác để giúp cho chánh nhân được tốt đẹp. Như một cậu học sinh, cậu ta lo chăm chỉ cần mẫn học hành đó là chánh nhân, còn cha mẹ, thầy bạn, trường học v.v... đó là những trợ duyên. Trợ duyên tốt, thì giúp cho chánh nhân tốt. Ngược lại, dù có chánh nhân tốt, mà thiếu những trợ duyên tốt, thì chánh nhân đó cũng không thể phát triển tốt đẹp được. Đối với người tu, dù mỗi người ai ai cũng sẵn có cái chánh nhân Phật tánh, nhưng, nếu không có những trợ duyên tốt, thì chánh nhân Phật tánh cũng không thể phát triển hiển lộ tốt được. Phật Tổ, cha mẹ, Thầy bạn, Kinh điển v.v... đều là những trợ duyên tốt cho ta.

Tuy nhiên, dù chúng ta có được đầy đủ những trợ duyên tốt đó, nhưng, nếu ta không nỗ lực quyết chí tu

hành, thì cũng không thể nào đạt được kết quả tốt đẹp. Do đó, nên Phật dạy: “*Chẳng phải cha mẹ hay bà con nào khác làm, nhưng chính tâm niệm hướng về hành vi chánh thiện làm cho mình cao thượng hơn*”. Hành vi chánh thiện, tức Phật muốn nói đến đem tâm hướng về mười hạnh lành. Mười hạnh lành đó là: Bồ thí, trì giới, tu thiền định, tôn kính, tác sự, hồi hướng công đức, tùy hỷ công đức, thỉnh pháp, thuyết pháp, chánh kiến. Mười hạnh lành này là chiếc thuyền đưa chúng ta đến bến bờ an vui giải thoát.

IV. Phẩm Hoa (Puppavaggo)

44. Ai chinh phục⁶⁰ được địa giới, diêm ma giới⁶¹, thiên giới, và ai khéo giảng nói pháp cú, như tay thợ khéo nhặt hoa làm tràng?

Who shall overcome this earth, this realm of Yama and this sphere of men and gods? Who shall bring to perfection the well-taught path of wisdom as an expert garland-maker would his floral design?

Kệ tụng

Ai chinh phục địa giới

Dạ ma giới, thiên giới

Ai khéo giảng pháp cú

Như thợ khéo nhặt hoa.

Lược giảng

Phẩm này có tên là Phẩm Hoa, theo ngài Ngô Chi Khiêm dịch là Phẩm Vương Hoa. Phật dùng hoa để thí

⁶⁰ **Chinh phục:** 1 Đánh chiếm và bắt phải khuất phục. 2. Nắm được quy luật của tự nhiên và lợi dụng được theo yêu cầu của mình. Chinh phục thiên nhiên. Chinh phục vũ trụ 3. Thu hút về mình, làm cho bị hấp dẫn mà hướng về mình (Tứ Điển Tiếng Việt xuất bản 1994)

⁶¹ **Diêm ma giới** (Yamlokà), theo nguyên chú thì bao quát cả 4 giới: Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh và A tu la. Bản chú bằng Anh văn của ngài Narada rằng: 4 the Four woeful states, viz: hell (địa ngục), Animal kingdom (súc sanh) Peta realm (ngạ quỷ) and the Asura realm (A tu la)

dụ, vì ở Ấn Độ thời Phật có tục lệ người ta xỏ hoa kết thành tràng để đeo vào cổ. Tục lệ này người Ấn Độ đến nay vẫn còn giữ.

Phật cho rằng, người nào chinh phục hay chế ngự được tự thân (địa giới), (nói cách khác là phải nhận biết rõ mình), và 4 cảnh giới: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, A tu la, cũng như thiên giới (6 cõi trời lục dục), thì kẻ đó mới thật sự giảng nói pháp cú, như tay thợ khéo nhặt hoa làm tràng. Tại sao người chinh phục tự thân mà gọi là địa giới? Bởi vì, chữ Địa ở đây, chúng ta đừng hiểu đất ở bên ngoài. Trong Kinh Phật thường nói, tâm chúng sanh là tâm địa hay tâm điền. Nói tâm địa là lấy đất để dụ cho tâm. Vạn vật trên thế gian này, tất cả cũng đều phát sanh từ đất. Rời đất ra, thì không thể nào có được. Do đó, nên Phật dùng đất để dụ cho tâm. Trong nhà Phật có quyển Kinh gọi là Tâm Địa Quán. Tổ Nam Nhạc Hoài Nhượng có nói bài kệ:

*Tâm địa hàm chư chủng
Ngộ trạch tức giai manh
Tam muội hoa vô tướng
Hà hoại phục hà thành.*

Dịch:

*Đất tâm chứa các giống
Gặp ướt liền nảy mầm
Hoa tam muội không tướng
Nào hoại lại nào thành.*

Qua bài kệ này, ngài Mã Tổ Đạo Nhất đã lãnh hội được yếu chỉ và theo hầu Tổ Nam Nhạc suốt mười năm trường.

Đến như 4 cảnh giới: Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, A tu la cũng đều từ tâm mà ra. Bốn cảnh giới này, không phải đợi đến sau khi chết mới sa đọa, mà ngay trong đời sống hiện tại của chúng ta cũng đã có xảy ra. Địa ngục là cảnh giới tối tăm, si mê. Ngạ quỷ là loài quỷ đói, thèm thuồng, khao khát, ham muốn vật chất không cùng. Súc sanh là loài sống không có cương thường đạo lý, đần độn không biết phải trái chánh tà. A tu la là loài nóng nảy sân hận quá độ. Qua 4 loài này, trong tâm thức mỗi người chúng ta đều có đủ và hiện tướng bên ngoài cũng rõ thấy. Mỗi người hãy tự nghiệm lấy trong từng giây phút, xem mình đang rơi vào loài nào. Như vậy, chúng ta đã đi trong luân hồi ngay khi còn sống. Muốn thoát luân hồi, Phật dạy chúng ta phải luôn tỉnh táo sáng suốt và phải thường xuyên niệm Phật. Đến thiên giới cũng thế. Nghĩa là cũng từ tâm thức của chúng ta mà ra. Phật kết thúc Pháp Cú trên bằng một câu hỏi được đặt ra là: *“Ai khéo giảng nói Pháp cú (Dhammapada) như tay thợ khéo nhặt hoa làm tràng?”*

45. Bậc hữu học chinh phục được địa giới⁶², diêm ma giới, thiên giới⁶³ và bậc hữu học⁶⁴ khéo giảng nói pháp cú như tay thợ khéo⁶⁵ nhặt hoa làm tràng.

⁶² Địa giới: (Pathavi) là chỉ tự kỷ hay tự thân (Attabhava). Bản Dhammapada Anh văn của Đại Đức Narada dịch, trang 8 có chú thích

A striver-on the path shall overcome this earth, this realm of Yama and this sphere of men and gods. The striver-on the-path shall bring to perfection the well taught path of wisdom, as an expert garland-maker would his floral design.

Kệ Tụng

*Hữu học nhiếp địa giới
Dạ ma giới, thiên giới
Hữu học giảng pháp cú
Như thợ khéo nhất hoa.*

Lược giảng

Phật cho chúng ta biết ai là người đã chinh phục được *địa giới, diêm ma giới và thiên giới*. Đó là bậc Hữu học, tức ba quả vị Thanh văn: Tu đà hoàn, Tư đà hàm và A na hàm. Tại sao những vị này đã chinh phục được những thứ đó? Bởi vì những vị này đã thấy được chơn lý nên dứt được những sự mê lầm. Dứt những sự mê lầm cả nhân lẫn quả. Do đó, Phật nói: “*Những vị này*

rằng: This is one who will understand this self as it really is”. Câu này có nghĩa là như thật tự biết rõ mình.

⁶³ **Thiên giới:** (Sadevakam), theo nguyên chú thì bao quát 6 cõi trời dục giới và nhân giới.

⁶⁴ **Hữu học** (sekha) tức là các vị chứng sơ quả Tu đà hoàn, nhị quả Tư đà hàm và tam quả A na hàm. Những vị này còn phải học tập giới, định, huệ, đến khi chứng tứ quả A la hán mới được gọi là Vô học (Asekha).

⁶⁵ **Thợ khéo:** Thợ làm tràng hoa, để ví dụ cho người khéo giảng nói pháp cú, có lớp lan không lộn xộn như thợ khâu hoa vậy.

khéo giảng nói Pháp Cú như tay thợ khéo nhặt tràng hoa”. Đây là Phật đã trả lời cho câu hỏi đã được nêu ra ở trên

46. Hãy biết thân này như bọt nổi, rõ ràng là pháp huyễn hóa, để bẻ gãy mũi tên cám dỗ của bọn ma quân, mà thoát ngoài vòng dòm ngó của tử thần.

Realizing that this body is like froth, penetrating its mirage-like nature, and plucking out Māra's flower-tipped arrows sensuality, go beyond sight of the King of Death!

Kệ tụng

*Biết thân như bọt nổi
Giác thân tựa huyễn hóa
Bẻ mũi tên ma ái
Vượt tầm mắt tử thần.*

Lược giảng

Phật bảo chúng ta phải nhận rõ thân này như bọt nổi, rõ ràng là pháp huyễn hoá. Tại sao nói thân này như bọt nổi? Đây là Phật nêu ra một đề tài lớn để cho chúng ta tự quán sát. Nói bọt nổi, vì nó giả có không thật. Không có ai ngu muội đến nỗi cho bọt nổi là thật. Thấy rõ bọt nổi là không thật có, thì cái thấy đó đối với chúng ta cho là quá dễ. Nhưng Phật bắt chúng ta phải nhìn lại thật kỹ cái thân này giả dối như bọt nổi, thì thật là quá khó. Hầu hết chúng ta không một ai không cho thân này là thật. Làm sao có thể nhìn nó như bọt nổi cho được? Sở dĩ thấy nó không như bọt nổi là vì chúng ta

còn quá si mê. Vì quá si mê tầm tối, nên không có trí huệ để nhận thấy như thế. Ở đây, Phật bảo ta phải vận dụng trí huệ để nhìn thẳng lại thân này. Nếu dùng trí huệ Bát nhã mà nhìn, thì quả thật thân này nó vô thường nhanh chóng còn hơn bọt nổi. Vì nhận hiểu được lẽ vô thường của thân này quá mỏng manh, nên Thiền Sư Vạn Hạnh đời Lý đã cho chúng ta biết rất rõ qua bài kệ Thị chúng như sau:

*Thân như điện ảnh hữu hoàn vô
Vạn mộc xuân vinh thu hựu khô
Nhậm vận thịnh suy vô bố úy
Thạnh suy như lộ thảo đầu phô.*

Dịch:

*Thân như bóng chớp chiều tà
Xuân qua tươi tốt thu qua rụng rời
Sá chi suy thịnh việc đời
Thạnh suy như hạt sương rơi đầu cành.*
(Ngô Tất Tố)

Với cái nhìn của người đạt đạo, đã nói lên một lẽ thật như thế. Một lẽ thật ngàn đời bất di bất dịch, nhưng đối với chúng ta thì khác. Chúng ta vì thiếu tuệ giác, nên nhìn thấy thân này là thật. Bởi thấy thật, nên chúng ta không bẻ nổi mũi tên ngũ dục. Chúng ta là những kẻ đang bị những mũi tên “Ngũ dục, Lục trần” cắm sâu vào xương tủy. Muốn bẻ gãy những mũi tên độc hại cắm đổ này, Phật dạy chúng ta cần phải có trí huệ để nhìn vào cuộc đời và thân này là huyễn hóa. Có nhìn như thế, mới mong thoát khỏi sự cám dỗ của bọn ma quân và mới thoát ngoài vòng dòm ngó của tử thần.

Bằng không, thì chúng ta mãi sống trong đau khổ, và mãi làm một kẻ khách phong trần đi mãi trong sương gió của cuộc đời. Hẳn chúng ta không một ai muốn làm kẻ lữ khách phong trần nữa. Vì đời ta đã có quá nhiều đau khổ rồi! Không một ai muốn cất bước đi thêm!

47. Như nước lũ cuốn phăng những xóm làng say ngủ giữa đêm trường, tử thần sẽ lôi phăng đi những người mê muội sinh tâm ái trước những bông hoa mình vừa góp nhặt được.

As a mighty flood sweeps away the sleeping village, so death carries away the person of distracted mind who only plucks the flowers (of pleasure).

Kệ Tụng

Người nhặt hoa (dục lạc)

Tâm ái nhiễm mê cuồng

Bị tử thần mang đi

Như nước trôi làng ngủ.

Lược giảng

Phật dạy: Những kẻ nào còn sống trong mê muội, còn sanh tâm ái trước những bông hoa (dục lạc) thì chắc chắn, những kẻ này sẽ bị tử thần lôi phăng đi, khác nào như nước lũ cuốn phăng đi tất cả xóm làng. Hình ảnh này gợi cho chúng ta nhớ lại trận đại hồng thủy vừa qua, đã gây ra hằng cả mấy trăm ngàn người chết. Phật cho rằng, người nào còn say mê ái dục cũng bị chết thảm thương như thế. Điều này, cứ nhìn vào thực trạng xã hội ngày nay, chúng ta thấy quá rõ ràng. Có biết bao cảnh tử vong, vì những kẻ quá say mê sắc dục. Và có

biết bao cảnh tang thương, tai họa khác, như cướp của, giết người, hiếp dâm, tù tội v.v... đã xảy ra hằng ngày trên thế giới. Tất cả cũng chỉ vì quá nô lệ cho lòng dục vọng mà ra. Quả thật, hiện trạng chúng ta là những kẻ đang say ngủ, say ngủ trong một giấc mộng dài của vô minh dục vọng. Giấc mộng dài này, chưa biết đến bao giờ chúng ta mới chịu thức giấc. Dù Phật Tổ rất thương xót, nên đã hết lời kêu gọi đánh thức. Thế mà ta ngủ vẫn cứ ngủ, chẳng màng đến những lời kêu gọi thức nhắc đó. Đôi lúc, không những ta không mang ơn người kêu gọi đánh thức, mà còn tức giận họ nữa chớ! Vì thế, mà Phật cho chúng ta là những kẻ quá ngu si mê muội. Bao lâu con người còn mê say ngủ vùi trong đêm trường tăm tối của vô minh, thì bấy lâu con người vẫn còn phải chịu đau khổ dài dài. Và nhưt định sẽ bị nước lũ “ngũ dục” cuốn phăng đi tất cả, để rồi trôi dạt vào bể trầm luân khổ hải không biết đến bao giờ mới được thoát ra! Thật là khổ khổ!

48. Cứ sinh tâm ái trước⁶⁶ và tham luyện mãi không chán những bông hoa mà mình vừa góp nhặt được, đó chính là cơ hội tốt cho tử thần lôi đi.

The Destroyer brings under his sway the person of distracted mind who, insatiate in sense desires, only plucks the flowers (of pleasure).

Kệ Tụng
Người nhặt hoa dục lạc

⁶⁶ **Ái trước:** Ái là yêu thích; trước là dính mắc. Ái trước là yêu thích đắm nhiễm dính mắc ở nơi trần cảnh.

*Tâm ái nhiễm mê cuồng
Đắm say trong dục vọng
Bị nô lệ tử thần.*

Lược giảng

Nói lên cái tệ hại của người tu hành lòng còn ái trước và tham luyến danh lợi thế gian. Bông hoa mà mình góp nhặt được là để dụ cho những thứ tài sản của cải mà mình cóp nhóp tạo ra. Trong 12 nhân duyên, “ái” là nguyên nhân hiện đời để gây ra sanh tử khổ đau tiếp nối đời sau. Vì “ái trước”, nên mới có “chấp thủ”. Do có chấp thủ, nên tạo nghiệp, để rồi thọ sanh trong các cõi (hữu). “Ái, thủ, hữu”, ba thứ này có sự liên hệ với nhau rất chặt chẽ, khác nào như chùm trái ác xoa. Sở dĩ con người có lòng ái trước sâu nặng, là vì con người chấp ngã quá lớn. Chấp ngã có 2 thứ: “Ngã và ngã sở”. Ngã là chấp cho cái “ta” là chơn thật. “Ngã sở” là chấp những thứ tài sản của cải do mình tạo ra cũng là chơn thật. Nhưng Phật nói, tất cả đều là huyền mộng giả dối. Vì cho là thật, nên những gì con người tạo ra đều muốn bảo vệ nó cho đến cùng. Có đôi khi, vì quá nô lệ bảo vệ tài sản mà con người phải tán thân mất mạng. Do đó, mới thấy lòng tham luyến chấp trước của con người thật quá sâu nặng. Sâu nặng còn hơn núi Tu di. Nhưng con người quên rằng, càng chấp nặng nhiều chừng nào thì khổ đau nhiều chừng nấy. Bản thân mình còn không gìn giữ được, nói chi đến những thứ tài sản ngoài mình. Thí như, gốc cây không có thì làm gì có ngọn cây. Ấy thế mà, còn một tất hơi tàn, con người vẫn còn bám víu bảo thủ, không bao giờ biết thức tỉnh buông ra. Kinh nói: Tài sản của cải thuộc về năm nhà: *“hỏa gia, thủy*

gia, tặc gia, tử gia và sung công gia”. Trong 5 nhà này, nhà nào cũng có quyền cướp đoạt hết tài sản của ta. Chẳng những chúng cướp đoạt tài sản của ta thôi, mà chúng còn cướp đoạt luôn mạng sống của ta nữa. Chúng không dung tha bất cứ ai cả. Điều ta nên nhớ, dù mình có tạo tiền của cho nhiều, cuối cùng rồi, thân chết cũng không dung tha. Một khi “nhà nước tử thần” ban hành lệnh gọi nhập ngũ, thì dù cho ở bất cứ lứa tuổi nào cũng đều phải phục tùng chấp hành nghiêm chỉnh. Một khi đã “nhập ngũ” rồi, thì một đi không hẹn ngày trở lại. Dù cho có địa vị chức tước quyền uy tột đỉnh hay giàu sang tột bậc đến đâu, cũng không ai có thể tránh né hay hối lộ cho nhà nước tử thần được. Hàng hàng lớp lớp đều phải xuôi tay cúi đầu tuân lệnh. Biết thế, mọi người nên thức tỉnh tu hành, bớt lòng ái trước tham luyến thế gian, để chuẩn bị cho ngày mình nhập ngũ được an toàn nhẹ gánh. Vì vậy, pháp cú trên, Phật thức nhắc chúng ta mỗi người nên nhớ đến ngày “tử thần lôi đi” mà ráng lo cố gắng tu hành. Cõi đời này, rốt lại cũng chỉ là ảo ảnh phù du mà thôi! Nên nhớ: “Cát bụi cũng trở về cát bụi. Xin người nhớ cho và xin người nhớ cho!”.

49. Hàng Sa môn (mâu ni)⁶⁷ đi vào xóm làng để khát thực⁶⁸ ví như con ong đi kiếm hoa, chỉ lấy mật rồi đi chứ không làm tổn thương về hương sắc.

⁶⁷ **Mu ni:** Tiếng Phạn gọi là Muni, Trung Hoa dịch là Tịch mặc. Nghĩa là người thích cảnh vắng lặng, cũng có nghĩa nhân từ, trí tuệ, thánh giả. Chỉ chung cho những hàng Sa môn sống đời sống khát thực.

⁶⁸ **Khát thực:** Khát là xin; thực là ăn. Nghĩa là người xin ăn. Khát thực có 2 nghĩa: Trên xin giáo pháp của Phật để nuôi lớn pháp thân huệ

*As a bee gathers honey from the flower without
injuring its colour or fragrance, even so the sage goes
on his almsround in the village.*

*Kệ Tụng
Như ong chỉ lấy nhụy
Không hại hương sắc hoa
Cũng vậy vị sa môn
Ra vào giữa thôn làng.*

Lược giảng

Phật dạy riêng cho người xuất gia. Người xuất gia, sau khi thọ đại giới gọi là Sa môn hay Tỳ kheo. Đời sống thường nhật của những vị này là đi khất thực. Ngoài việc nuôi sống bằng cách xin ăn ra, các ngài còn thích sống những nơi vắng vẻ tĩnh mịch. Một phần do muốn yên tịnh để tu thiền quán. Phần khác, là do thời tiết khí hậu ở Ấn Độ lạnh nóng quá khắc nghiệt. Nhứt là vào mùa nóng, thời tiết nóng dữ dội. Có thể nói, nóng cháy da người. Do đó, cách tốt nhứt, là các ngài vào trong thâm sâu rừng núi, nơi nào có nhiều tàn cây che mát, thì các ngài đến trú ngụ. Vì vậy, mới có danh từ “Mâu ni” để gọi tên các ngài. Chữ Mâu ni có nghĩa là Tịch mặc. Tức là người thích sống trầm lặng, vắng vẻ an nhàn. Ngoài những thời giờ tham thiền nhập định ra, các ngài còn phải rày đây mai đó để giáo hóa chúng sanh. Có khi các ngài do Phật sai đi, cũng có lúc các ngài tự đi một mình. Nhưng điều lý thú của pháp cú này, là Phật dạy: “*Các vị đó, khi vào xóm làng khất*

mạng, dưới xin thức ăn của Đàn na thí chủ để trường dưỡng vóc thân tứ đại.

thực ví như con ong đi kiếm hoa, chỉ lấy mật rồi đi chứ không làm tổn thương về hương sắc”. Lời dạy này thật là sâu sắc và chí lý. Phật đem hình ảnh của con ong bay đi tìm mật hoa hút lấy mật, để so sánh với các vị Tỳ kheo đi vào xóm làng để khất thực. Tại sao Phật lại so sánh như thế? Bởi vì con ong chỉ hút lấy mật mà không làm tổn thương đến hương sắc của hoa. Cùng ý này, ta thấy trong Luật Tỳ Kheo, đức Phật Tỳ Diệt La cũng có dạy bằng một bài kệ tụng như sau:

*Ví như loài ong
Hút lấy mật hoa
Thì không thương tổn
Sắc hương của hoa
Mà chỉ hút lấy
Các vị mật ngọt
Tỳ kheo cũng vậy
Đi vào làng xóm
Thì không can dự
Công việc người khác
Không nhìn đáng làm
Hay không đáng làm
Mà chỉ tự nhìn
Bản thân mà đi
Coi có ngay thẳng
Hay không ngay thẳng.*

(Hòa Thượng Trí Quang dịch trang 131)

Qua bài kệ trên, ta thấy không chỉ riêng đức Phật Thích Ca dạy như thế, mà tất cả chư Phật cũng đều dạy như thế. Nghĩa là đều dạy các thầy Tỳ kheo khi vào xóm

làng xin ăn, chỉ gìn giữ phẩm hạnh của người xuất gia, tuyệt đối không nên xen vào việc thế sự. Vì đó không phải là chuyện của mình. Nhứt là đừng xen vào công việc của người khác mà có thái độ hay lời lẽ chỉ trích chê bai, hay bình phẩm chuyện phải trái của thiên hạ, mà Phật dạy hãy tự quán chiếu lại chính mình, đó là cách hay nhứt để bảo tồn uy tín của mình và cũng không làm mất tín tâm của các vị Đàn na thí chủ. “*Ngay thẳng mà đi*”, vừa nói lên cái oai nghi bề ngoài của hạnh khát thực, mà cũng vừa nói lên cái lý tế bên trong. Lý bên trong là khi đi cần phải nhìn thẳng lại từng tâm niệm xấu ác của mình để lo tiêu diệt. Ngày nay, chúng ta không có ôm bát đi khát thực như các Ngài, mà ở một chỗ Phật tử dâng cúng. Như thế, thì ta phải làm gì cho tròn phẩm hạnh của người xuất gia? Dù ta không đi khát thực như các Ngài, nhưng cũng phải giữ đúng theo những gì Phật dạy ở trên, để không thẹn mình thua loài ong kia. Ngẫm lại thật kỹ, ta thấy người xuất gia thời nay, phần nhiều, chúng ta hay xen vào chuyện thiên hạ: bình luận thế sự, chỉ trích chê bai phải trái đủ thứ! Càng như thế, thì tâm ta càng xáo trộn vọng động bất an. Từ đó, mới gây ra biết bao nhiêu phiền não hệ lụy cho mình và cho người khác. Người tu, muốn được an tâm, Phật Tổ thường khuyên ta nên lánh bớt duyên trần. Có thể, thì trên đường tu, ta mới có thêm phần tiến bộ. Ngược lại, càng tu ta càng lún sâu vào phiền não.

Luận về vấn đề thọ dụng vật chất để nuôi thân, trong Quy Sơn Cảnh Sách, Tổ Quy Sơn cũng có răn dạy: “Thọ dụng ân phồn, thí lợi nông hậu”. Nghĩa là, mình

càng thọ dụng nhiều chùng nào, thì thí chủ được lợi nhiều chùng nấy. Vì mình là viên đá, mà thí chủ là con dao. Họ cứ đem dao mài miết trên viên đá của mình hoài, lâu ngày chày tháng, tất nhiên, viên đá của mình phải bị mòn dần, còn con dao của họ càng lúc càng bén. Bởi vậy, Phật Tổ thường khuyên bảo chúng ta phải ráng lo tu. Nếu tu hành qua loa cho có lệ, thì mình sẽ mang nợ họ nhiều. Vì thiếu tu, nên bị tổn đức, thiếu phước. Để nhắc nhở chúng ta nhớ điều này, nên trong những giờ thọ thực, Phật Tổ đều dạy ta phải hằng quán tưởng năm phép quán. Hơn thế nữa, người xuất gia chỉ thọ dụng vật chất vừa đủ để tạm nuôi thân thôi, chớ không nên sanh tâm tham đắm. Nếu quá tham đắm đòi hỏi những nhu cầu cung phụng cho thân, thì đó là trái lại hạnh tu của người xuất gia. Tổ Qui Sơn cũng dạy: *“người xuất gia phải tam thường bất túc”*. Ba thứ ăn, mặc, ở, ngủ nghỉ phải vừa đủ. Nếu đòi hỏi quá nhiều, chẳng những trái với bản hạnh của người xuất gia, mà còn làm mất tín tâm của thí chủ dưng cúng nữa. Một khi họ biết mình không thật tu hành, thì tín tâm của họ cũng bắt đầu thối thất. Khác nào như loài ong, chẳng những hút hết mật hoa thôi, mà còn làm thương tổn đến hương sắc của hoa. Nhưng ở đây, ngược lại, loài ong không bao giờ làm thương tổn đến hương sắc của hoa. Nếu ta không giữ đúng những lời Phật Tổ dạy trên, thì quả thật ta sẽ thua loài ong kia vậy. Thế nên, đối với người xuất gia chúng ta cần phải lưu ý cẩn thận giữ gìn.

50. Chớ nên dòm ngó lỗi người, chớ nên dòm coi họ đã làm gì hay không làm gì, chỉ nên ngó lại hành

động của mình, thử đã làm được gì và chưa làm được gì.

Let none find fault with others; let none see the omissions and commissions of others. But let one see one's own acts, done and undone.

Kệ Tụng

*Không nên nhìn lỗi người
Người làm hay không làm
Nên tự nhìn thân ta
Có làm hay không làm.*

Lược giảng

Phật dạy: Người tu chớ nên dòm ngó lỗi người, chớ nên dòm coi họ đã làm gì hay không làm gì, chỉ nên ngó lại hành động của mình. Lời dạy này, Phật đã nhắm đến cái căn bệnh trầm kha của con người. Cái căn bệnh hay dòm ngó lỗi người để phê bình khen chê. Ít có mấy ai nhìn thấy lỗi mình. Nhà mình đầy rác rến, mà không lo dọn quét, thích cầm chổi đi quét nhà người ta. Bởi vậy mới có câu nói:

*“Chưn mình còn lấm lê mê
Mà đi xách đũa quét lại rê chưn người”.*

Vạch lá tìm sâu, bới lông tìm vết, đó là tật xấu của con người. Ai cũng thích làm cảnh sát quốc tế. Tới ngày cứ hết thối tu hít phạt người này, tới phạt người kia, mà mình không biết phạt mình, dù mình có lỗi trầm trọng hơn người. Thái độ chỉ trích chê bai kẻ khác, đó là thái độ tối kỵ của người tu. Nếu là người thật tu hành, thì

mình chỉ nên nhìn ngó lại lỗi lầm của mình để lo sửa đổi. Nếu vì xây dựng tốt cho nhau, để sự tu hành của chúng ta mỗi ngày mỗi tiến bộ, thì Phật cho chỉ lỗi cho nhau. Tuy nhiên, sự chỉ lỗi này, hoàn toàn không có chút tự ái, vì bản ngã của mình mà hạ nhục người khác. Đó là điều không nên có. Chúng ta nhưt quyết không bao giờ để tình trạng này xảy ra trong chúng. Nói về thấy lỗi người mà không thấy lỗi mình, trong quyển Trung Hoa Chư Thiên Đức Hành Trang tập một, do Thiên Sư Thích Thanh Từ biên soạn, trang 67, có nêu ra câu chuyện giữa đức Lục Tổ và Ngài Thần Hội. Có đoạn kể rằng: “Năm Thần Hội 14 tuổi, còn là một chú Sa di ở chùa Ngọc Tuyền. Một hôm, ngài tìm đến yết kiến Lục Tổ. Khi đến, Tổ hỏi:

- Tri thức từ phương xa nhọc nhằn tìm đến, có đem được gốc (Bồn) theo chăng? Nếu có gốc phải biết chủ, thử nói xem?

Sư thưa:

- Lấy không trụ làm gốc, thấy tức là chủ.

Tổ bảo:

- Sa di đâu nên dùng lời đó.

Sư thưa:

- Hòa Thượng ngài thiên là thấy hay chẳng thấy?

Tổ cầm gậy đánh Sư ba gậy, hỏi:

- Ta đánh ngươi đau hay chẳng đau?

- Cũng đau cũng chẳng đau.

- Ta thấy cũng chẳng thấy.

- Thế nào là cũng thấy cũng chẳng thấy?

Chỗ ta thấy là thường thấy lỗi lầm nơi tâm mình, không thấy việc phải quấy của người khác. Ấy là cũng thấy

cũng chẳng thấy. Người nói cũng đau cũng chẳng đau là sao? Nếu người chẳng đau thì đồng với cây cỏ, nếu người đau thì đồng với phàm phu, ắt khởi tâm giận hờn. Trước người nói thấy chẳng thấy là hai bên, đau chẳng đau là sanh diệt. Người không thấy tự tánh mà dám cột với người.

- Sư lễ bái sám hối.

Tổ bảo:

Nếu người tâm mê không thấy nên hỏi thiện tri thức chỉ đường. Nếu người tâm ngộ liền tự thấy tánh, y pháp tu hành. Người đã mê không thấy tâm mình, trở lại hỏi ta thấy cùng chẳng thấy. Ta thấy thì ta tự biết, đâu thể cái mê cho người được. Nếu người tự thấy cũng không thể được cái mê cho ta. Tại sao không tự biết tự thấy, lại hỏi ta thấy cùng chẳng thấy?

Sư lễ bái hơn trăm lạy cầu xin sám hối.

Từ đây, Sư ở lại hầu hạ Tổ không lúc nào rời”.

Qua câu chuyện trên, ngài Thần Hội tuy vương phải lỗi lầm chưa được thấy tánh mà dám cột đùa với Tổ. Nhưng có điều ta phải thán phục ngài, vì ngài rất thông minh lanh lợi, chỉ mới 14 tuổi thôi mà đã có cái thấy như thế, dù cái thấy đó là sai lầm. Như vậy, đủ chứng minh rằng, Ngài đã tu hành gieo trồng thiện căn sâu dày trong nhiều đời. Nên Ngài mới sớm gặp Phật pháp và mới có được một căn cơ lanh lợi như thế.

Người tu, thường nhìn lại mình mới thật là người thật tu. Bởi vậy, nên đức Lục Tổ dạy:

“Bằng thật người tu đạo

*Không thấy lỗi thế gian
Nếu thấy lỗi của người
Thì lỗi mình đã đến bên”.*

51 Như thứ hoa tươi đẹp chỉ phô trương màu sắc mà chẳng có hương thơm, những người chỉ biết nói điều lành mà không làm điều lành chẳng đem lại ích lợi.

Like a beautiful flower full of colour but without fragrance, even so, fruitless are the fair words of one who does not practise them.

*Kệ Tụng
Như bông hoa tươi đẹp
Có sắc nhưng không hương
Lời nói dẫu gấm hoa
Không làm, không kết quả.*

Lược giảng

Phật dạy: “*Những kẻ chỉ biết nói điều lành mà không bao giờ làm một điều gì lợi ích cho ai, khác nào như hoa tươi chỉ phô trương màu sắc mà chẳng có chút hương thơm*”. Ở đời, ta thấy hạng người này rất nhiều. Họ được tài phô trương bề ngoài rất hay. Đa số người đều làm họ. Lời nói và việc làm của họ không bao giờ đi đôi với nhau. Họ là hạng người năng thuyết bất năng hành. Họ gạt gẫm những người nhẹ dạ cả tin. Miệng họ nói huyền diệu điều lành, đạo đức. Họ là mẫu người quảng cáo, nói láo ăn tiền. Họ có biệt tài vẽ duyên câu chuyện. Chuyện ít họ xích cho nhiều, gây cho người nghe rất khoái tai. Họ khoác lác khoe khoang toàn là

những thứ đạo đức giả hiệu. Quả thật, họ là thứ hoa tươi chỉ đẹp bề ngoài. Họ không có chút hương thơm bên trong. Họ là người thiếu lương tâm và lương tri. Họ chỉ biết nói miệng tài không làm gì lợi ích cho ai. Hạng người này thời nào cũng có và họ có mặt ở mọi nơi, mọi chốn. Nhứt là trong môi trường đạo đức, họ dễ bề lường gạt kiếm sống. Họ chỉ cần uốn ba tấc lưỡi đạo đức là có thể moi tiền thiên hạ. Họ làm tiền khá tinh vi. Nếu ai lỡ biết mặt họ, thì họ tìm cách mua lòng người đó. Họ bất chấp thủ đoạn, miễn sao có lợi cho họ là được. Phật cho hạng người này chỉ là “một đóa hoa khéo phô trương”. Nhưng, dù hoa ấy có khéo léo phô trương đến đâu, thì cũng có ngày phải héo úa tàn phai. Tại sao vậy? Vì bản chất của nó là hoa, nên trước sau gì, nó cũng phải héo tàn. Một khi đã tàn phai rồi, thì không ai thèm ngó đến. Cũng thế, hạng người này, dù họ khéo “đội lốt giả hiệu đạo đức” lộng giả thành chơn, khéo trang bị bề ngoài đến đâu, rồi cũng có ngày lòi mặt nạ. Vì bản chất của họ là con người giả dối, giống như đóa hoa kia không khác. Thế nên, qua Pháp cú này, Phật khuyên mọi người phải có hành động “*tri hành hợp nhứt*”. Hãy sống sao cho xứng đáng làm người, nhứt là người được mệnh danh là con Phật. Chúng ta hãy nhớ câu: “*hoa thơm nhờ nhụy, người có giá trị nhờ đạo đức*”. Người sống không có đạo đức, khác nào như một cây khô vô dụng. Hạng người như thế, quả thật không xứng đáng sống trong xã hội loài người. Riêng trong phạm vi của người tu xuất gia, thì ta phải nhớ câu này nằm lòng. Không phải chỉ nhớ suông, mà nhớ để đem ra ứng dụng. Người nào nói được, làm được mới là người xứng đáng ở trong đạo. Tuy nhiên,

ngoại trừ những trường hợp trao đổi giải bày học hỏi với nhau. Trong trường hợp này, có đôi khi chúng ta nói quá những gì mà chúng ta có thể làm được. Nhưng dù sao, biết hướng về nhà vẫn hay hơn là người không biết. Dù chưa phải là kẻ đã tới nhà, nhưng ít ra cũng biết được cái ngôi nhà mình phải tới. Cũng thế, trong khi giải bày lời Phật dạy, dĩ nhiên, không sao tránh khỏi bàn nói nghĩa lý cao siêu. Nhưng sự trình bày đó, chẳng qua là muốn làm sáng tỏ lời Phật Tổ dạy mà thôi. Hoàn toàn không phải là kẻ nói khoác lác để phô trương sự hiểu biết của mình. Thật ra sự hiểu biết của chúng ta so với những lời Phật dạy, khác nào như con ếch ngồi dưới đáy giếng sâu ở trong miệng hang dòm trời. Và như thế, có xứng đáng gì mà phải khoe khoang! Hiểu và nhận định như thế, ta mới thấy sự nghiên cứu học hỏi của ta không bao giờ cùng. Từ đó, chúng ta mới nỗ lực cố gắng thực hành tiêm tu từng bước một, qua những gì mà chúng ta đã học hỏi được. Có thể, mới không phụ lòng thâm ân Phật Tổ và thầy bạn chỉ dạy ta vậy.

52 Như thứ hoa tươi đẹp vừa có màu sắc lại có hương thơm, những người nói điều lành và làm được điều lành, sẽ đưa lại kết quả tốt.

Like a beautiful flower full of colour and also fragrant, even so, fruitful are the fair words of one who practises them.

Kệ Tụng

*Như bông hoa tươi đẹp
Có sắc lại thêm hương
Lời nói đã gấm hoa*

Có làm, có kết quả.

Lược giảng

Đối lập với pháp cú trên. Nghĩa là Phật cho chúng ta thấy cái kết quả tốt đẹp của lời nói và thật hành đi đôi với nhau. Giống như hoa tươi vừa đẹp, vừa có màu sắc lại vừa có hương thơm. Như vậy, mới xứng đáng là một đóa hoa xinh đẹp tuyệt mỹ. Cũng thế, nếu chúng ta nói được, làm được, thì kết quả rất tốt đẹp. Người xưa nói: “Tòng thiện như đặng, tòng ác như băng”. Nghĩa là: làm theo việc lành, nó khó như người leo núi cao. Ngược lại, làm việc ác, như người ở trên cao tuột xuống giốc. Cho nên việc nói điều lành, thì rất dễ ai nói cũng được, nhưng làm được đúng như lời nói thì rất khó. Còn làm điều ác, thì khỏi phải nói, nó rất là dễ dàng. Nhưng dù khó mà làm được, thì Phật khen người đó chắc chắn sẽ có kết quả tốt đẹp.

53. Như từ đống hoa có thể làm nên nhiều tràng hoa, từ nơi thân người có thể tạo nên nhiều việc thiện.

As from a great heap of flowers many garlands can be made, even so should many good deeds be done by one born a mortal.

Kệ Tụng

*Như từ một đống hoa
Làm được nhiều tràng hoa
Từ thân người cũng vậy
Làm được nhiều thiện sự.*

Lược giảng

Hai chữ “Đồng hoa” là Phật cho chúng ta một hình dung từ. Từng đóa hoa kết hợp lại thành một đồng hoa. Rời từng đóa hoa, thì không có đồng hoa. Cũng thế, cái thân của chúng ta, khác nào như một đồng hoa. Tại sao? Bởi vì do nhiều thứ kết hợp lại mà thành. Nếu nói một cách đại thể, thì do bốn đại kết hợp. Nhưng, nếu phân tích chi ly, cặn kẽ hơn, thì mỗi một bộ phận trong thân thể của chúng ta, có khác nào như từng mỗi đóa hoa. Tên gọi của mỗi một đóa hoa khác nhau. Vì có nhiều tên gọi của từng thứ hoa khác nhau, kết hợp lại thành một đồng hoa. Cũng thế, thân thể của chúng ta có nhiều bộ phận tên gọi khác nhau, hợp lại tạo thành thân, nên gọi là thân. Như vậy, Phật cho chúng ta thấy rõ thân này là do duyên hợp mà có. Tại sao nói là do duyên hợp? Bởi vì, như đồng hoa, do có nhiều loại hoa hợp lại mà thành đồng hoa. Thân này cũng vậy, có khác gì đồng hoa kia. Đã do duyên hợp, tất nhiên là không bền chắc lâu dài. Cũng như đồng hoa, không tươi tốt lâu dài. Vì đã là hoa, tự bản chất của nó vốn không bền bỉ, nó héo úa tàn phai nhanh chóng. Thân chúng ta cũng vô thường nhanh chóng. Pháp cú này, Phật dùng hình ảnh của một đồng hoa, để so sánh tỷ dụ cái thân của chúng ta không khác gì đồng hoa. So sánh như thế, để cho chúng ta thấy rõ cái lý duyên sanh, vô ngã và vô thường. Nói vô ngã, vì tự thể của đồng hoa không có thật. Thân ta cũng vô ngã như đồng hoa. Biết rõ như thế, thì ta không nên ái luyến thân này. Con người vì quá coi trọng thân, quá ái luyến nó, nên tạo ra không biết bao nhiêu nghiệp ác, để rồi thọ khổ dài dài. Biết nó là thứ tạm bợ giả dối, ta có nên khinh thường và hành hạ hủy hoại nó không? Xin thưa: trăm lần

không, vạn lần không. Ta không nên có thái độ tỏ ra khinh thường hủy hoại nó. Ai có ý nghĩ và hành động đó, Phật cho kẻ đó là kẻ vô trí. Tại sao ta phải hành hạ, hủy hoại nó chớ? Nó có lỗi làm gì với ta đâu? Chẳng những ta không có thái độ miệt thị khinh thường nó, mà ta còn phải biết quý trọng và hết sức lễ độ với nó nữa kìa! Xin chớ vội hiểu lầm hai chữ “quý trọng”. Quý trọng ở đây, đồng nghĩa với “lợi dụng”. Vì trên bước đường tu hành, ta rất cần đến nó. Nó như một chiếc xe, một chiếc thuyền, hay thù thắng hơn nữa như một chiếc máy bay v.v... Tất cả đều là phương tiện. Ta phải nhờ những thứ đó để chuyên chở ta. Khi đã nhờ đến chúng như thế, tất nhiên là ta phải coi trọng, quan tâm, săn sóc chúng. Nếu như chúng bị hư, thì làm sao ta có thể đi được. Thân này cũng vậy. Ta phải luôn để ý quan tâm chăm sóc đến nó. Chăm sóc một cách cẩn thận, từ cái ăn v.v... cho đến cái mặc. Khi nó đau bệnh, ta cần phải chữa trị. Điều nên nhớ kỹ ở đây, ta chỉ khéo lợi dụng nó, chớ không phải làm “nô lệ” cho nó. “Lợi dụng” và “nô lệ”, ý nghĩa của chúng khác nhau xa. Xin chớ có lầm nhận. Khi thân thể chúng ta còn mạnh khỏe, thì chúng ta nên khéo biết lợi dụng nó để làm những điều lành; làm những gì có lợi ích cho tha nhân. Ta nhứt quyết không từ nan, không thối chí nản lòng, dù phải cực khổ vất vả hay gặp nhiều chướng ngại đáng cay. Ta phải giữ vững ý chí lập trường. Ta coi thường sự khen chê phải trái. Vì ta coi đó là một nghĩa cử, một lý tưởng cao quý mà ta phải làm. Ta quyết định phải hoàn thành mục đích cao đẹp mà ta nhắm tới. Đó là thái độ của kẻ khôn ngoan, của người có trí huệ sáng suốt. Vì thế, nên Phật bảo: *“từ nơi thân người có thể*

tạo nên nhiều việc thiện”. Lời dạy này, ta thấy, trong quá khứ, cũng như trong hiện tại, hoặc gần hoặc xa, hay bên ta, đã có không biết bao nhiêu người thực hiện đúng như lời dạy này. Thuở xưa, chính vua A Dục đã khéo biết lợi dụng cái đầu của ông để tu tạo phước đức. Dù ông đã nhiều lần bị cận thần can ngăn, nhưng ông quyết không nghe lời họ. Cuối cùng, ông cho kẻ can ngăn ông một bài học quý giá để cho họ nhớ đời. Việc làm lợi ích cho người, chẳng những trong quá khứ, hay hiện tại mà nhân đến tương lai cũng thế. Đã có biết bao nhiêu người hy sinh thân mạng để phụng sự cho đạo pháp và nhơn sinh. Thậm chí họ coi thường cái chết. Họ không phải là thứ hạng người chỉ biết tham sanh úy tử. Họ khéo biết lợi dụng thân họ để làm việc thiện đúng cơ và hợp thời. Chỉ cần con người còn có chút tình người biết yêu thương lẫn nhau, thì chắc chắn lời dạy này của Phật sẽ còn mãi mãi là một chất liệu sưởi ấm con người. Con người có tạo nhiều việc tốt, tương trợ hành thiện trong chiều hướng tương thân tương ái và kính trọng lẫn nhau, thì xã hội mới được an vui và mọi người mới thật sự sống trong cảnh thái bình an lạc.

54. Mùi hương của các thứ hoa, dù là hoa chiên đàn⁶⁹, hoa đa già la⁷⁰ hay hoa mặt lý⁷¹, đều không

⁶⁹ **Chiên đàn:** còn gọi là chiên đàn na (Cadana) là một thứ cây thơm. Thường người ta hay đốt xông hương để cúng Phật, vì loại này rất thơm.

⁷⁰ **Đa già la:** (Cagara) cũng là một loại cây gỗ quý, khi xông đốt, nó có mùi rất thơm, không thua vì cây chiên đàn.

thể bay ngược gió, chỉ có mùi hương đức hạnh của người chân chính, tuy ngược gió vẫn bay khắp cả muôn phương.

Not the sweet smell of flowers, not even the fragrance of sandal, tagara or jasmine blows against the wind. But the fragrance of the virtuous blows against the wind. Truly, the virtuous man pervades all directions with the fragrance of his virtue

Kệ tụng

Dầu là hoa chiêm đàn

Già la hay mật ly

Không một hương hoa nào

Bay ngược chiều gió thổi

Chỉ hương người đức hạnh

Bay ngược gió bốn phương.

Lược giảng

Thật vậy, mùi hương của các loại hoa nói trên, dù nó có mùi hương thơm phức đến đâu, cũng không thể nào chúng bay ngược gió được. Chỉ có những ai ở phía dưới gió mới có thể ngửi và thưởng thức mùi thơm đó. Vì là mùi thơm tỏa ra từ những thân cây, nên chúng vẫn còn những thứ có hình tướng vật chất. Đã có hình tướng, tất nhiên, còn có giới hạn và vô thường. Và mùi thơm đó, tất nhiên, là không bền. Ở đây, Phật muốn nhấn mạnh cho chúng ta thấy, so sánh giữa hai mùi thơm: một thứ mùi thơm của vật thể có giới hạn, và

⁷¹ **Mật ly ca:** (Mallica) là một thứ hoa nhỏ thơm, mọc từ lum như giầy bìm.

một thứ mùi thơm tỏa ra từ người có đạo đức không có giới hạn. Vì thứ mùi thơm này, được bào chế tẩm ướp bằng những chất liệu giới luật. Bất cứ ai, khi trang sức “*nước hoa thơm giới luật*” vào mình, thì mùi thơm đạo đức của người đó sẽ bay khắp vượt cả không gian và thời gian. Bằng chứng là chư Phật Tổ và các bậc đạo hạnh chân tu. Mùi hương đạo đức của các ngài đã bay cao và bay xa không có biên giới. Một thứ mùi thơm bay trùm khắp cả pháp giới.

Trong bài nguyện hương, chư Tổ có nói rõ thứ mùi hương này. Đó là: mùi hương của Giới, mùi hương của Định và mùi hương của Huệ. Mùi hương của “Tam vô lậu học”. Ngoài ra, còn có ướp thêm mùi hương của Giải thoát và Giải thoát tri kiến. Giải thoát tri kiến, có nghĩa là con người không còn bị kẹt dính mắc vào những cái “thấy biết” của mình. Nói rõ ra, là đã phá vỡ tung cái vỏ “Sở tri kiến”. Chúng ta bị khổ đau triền miên trong vòng sanh tử, cũng bởi bị hai thứ chướng: “*phiền não và sở tri trói buộc*”. Muốn vượt thoát khỏi sự trói buộc đó, Phật dạy chúng ta phải thật hành *Giới, Định, Huệ*.

Người nào có thiết thiết thật hành đúng theo lời Phật dạy như thế, thì người đó mới thật sự là dâng lên những thứ hương thơm cúng Phật. Bằng ngược lại, thì ta chỉ có cúng dâng bằng hình thức mà thôi. Chớ thật sự chưa phải là cúng dường Phật. Tại sao? Vì dâng hương cúng Phật mà trong lòng ta còn đầy đầy phiền não, chấp trước, còn thường xuyên dính mắc ở nơi sáu trần, thì sự dâng hương đó chỉ là làm cho có lệ trên sự tướng lẽ

nghi mà thôi. Và dâng cúng như thế, chắc chắn là chư Phật sẽ không chứng minh và hài lòng rồi. Hài lòng sao được? Phật dạy một đàng, chúng ta làm một nẻo. Tổ dạy người tu chúng ta, phải có đủ “*Ngũ phần pháp hương*”. Chính mùi thơm của loại hương Ngũ phần này mới thật sự là bay khắp muôn phương. Đó là mùi thơm thượng hạng, không còn thứ mùi thơm nào ở thế gian này có thể sánh kịp. Mong sao mỗi người tu chúng ta, ai nấy đều tắm ướp thứ mùi thơm thượng hạng này đều đều mỗi ngày. Có thế, thì mới thật sự là người biết trang sức và mới thật sự là người giải thoát. Như thế, đối với người tu xuất gia chúng ta, chắc chắn không một ai muốn tắm ướp cho mình những thứ “mùi hôi” vào mình. Nếu mùi thơm của người “đức hạnh” bay lan xa, thì ngược lại, mùi hôi của người “không đức hạnh” cũng bay lan xa không kém. Nghĩa là, cũng bay lan xa suốt thời gian và khắp cả không gian. Bởi vì, “cọp chết để da, người ta chết để tiếng”, dù đó là tiếng tốt hay tiếng xấu cũng thế.

55. Hương chiên đàn, hương đa già la, hương bạt tất kỳ⁷², hương thanh liên, trong tất cả thứ hương, chỉ thứ hương đức hạnh là hơn cả.

Of all the fragrances – sandal, tagara, blue lotus and jasmine- the fragrance of virtue is by far the sweetest.

*Kệ Tụng
Hoa chiên đàn, già la
Liên hoa, vũ quý hoa*

⁷² **Bạt tất kỳ:** (Vassaki) là vũ quý hoa.

*Tất cả hương hoa ấy
Hương đức hạnh tối thượng.*

Lược giảng

Pháp cú này, Phật cũng chỉ lặp lại và nhấn mạnh thêm về các loại mùi thơm của những loại cây ở trên đã nói. Tại sao Phật phải lặp lại như thế? Có thừa lắm không? Làm cho người nghe có cảm tưởng như nhàm chán phải không? Xin thưa ngay: là không nhàm và cũng không dư thừa. Tại sao? Bởi vì nó quá quan trọng đối với người tu. Như trên đã nói, sở dĩ người tu có đầy đủ đức hạnh là vì người đó hành trì giới luật rất tinh nghiêm. Người tu, nếu không giữ giới luật, tức khinh thường giới luật, thì còn gì là đạo đức. Chính bản thân mình đã không được lợi lạc, thì thử hỏi làm lợi lạc cho ai? Cho nên, giới luật như là mạng sống của người tu. Nhứt là đối với người xuất gia, việc nghiêm trì giới luật là điều tối thiết yếu. Bởi vậy, Phật mới nhắc đi nhắc lại, để cho chúng ta in sâu và nhớ mãi về vấn đề này. Có nhiều người cho rằng, giới luật của Phật chế ra cho người xuất gia quá nhiều và quá chi ly và như thế, thì thật là khó giữ gìn cho trọn vẹn. Hơn thế nữa, như là một sự ràng buộc, mất hết tự do. Xin thưa, người nói như thế là vì họ chưa có đi sâu và chưa có nghiên cứu am tường về giới luật. Thật ra, giới luật Phật chế nhiều như thế đối với một vị thọ giới Tỷ kheo, là vì Phật muốn cho người xuất gia, phải vẹn tròn phẩm hạnh để có đủ tư cách xứng đáng độ mình, độ người. Giới luật không phải là điều ràng buộc làm cho con người mất hết tự do, như người ta lầm tưởng, mà trái lại, chính giới luật mới đem lại cho con người có nhiều tự do hơn

ai hết. Lý do tại sao? Bởi vì người giữ giới là người không bao giờ sợ ai. Ví như ta giữ giới không trộm cắp chẳng hạn, thì làm gì ta sợ pháp luật bắt ta. Suy ra, các giới khác cũng đều như thế.

Tóm lại, giới luật là nền tảng của người tu, dù xuất gia hay tại gia cũng vậy. Nhứt là đối với người xuất gia, nếu thiếu sự hành trì giới luật, thì chẳng những không cảm hóa, khắc phục được chính mình mà còn không độ được ai cả.

56. Hương chiên đàn, hương đa già la đều là thứ hương vi diệu, nhưng không sánh bằng hương người đức hạnh, xông ngát tận chư thiên.

Faint is the fragrance of tagara and sandal, but excellent is the fragrance of the virtuous, wafting even amongst the gods.

Kệ tụng

*Ít giá trị hương này
Hương già la, chiên đàn
Chỉ hương người đức hạnh
Xông ngát mấy trời xa.*

Lược giảng

Pháp cú này, ý nghĩa cũng không khác mấy với những pháp cú trên. Ở đây, đức Phật muốn so sánh một lần nữa về các loại hương. Mặc dù hương của các loại cây đó, có thơm tho vi diệu tới đâu, cũng không thể nào sánh bằng hương của người đức hạnh. Chỉ có hương của người đức hạnh mới xông ngát tận chư thiên

57. Người nào thành tựu các giới hạnh, hằng ngày chẳng buông lung, an trụ trong chánh trí và giải thoát, thì ác ma không thể dòm ngó được.

Mra never finds the path of the truly virtuous, who abide in heedfulness and are freed by perfect knowledge.

Kệ tụng

*Những ai có giới hạnh
An trụ không phóng dật
Chánh trí, chơn giải thoát
Ác ma không thấy đường.*

Lược giảng

Pháp cú này, Phật nhắc lại ở phẩm buông lung trước. Vì người sống buông lung là người không có đạo đức. Người nào muốn thành tựu giới hạnh, Phật dạy phải an trụ trong chánh trí. Thế nào là an trụ trong chánh trí? Chánh trí tức là trí huệ chơn chánh. Nói chánh trí là để phân biệt với tà trí. Bởi ngoại đạo tu hành, họ cũng có trí huệ, nhưng trí huệ của họ không nhằm mục đích giải quyết sanh tử khổ đau. Họ có thể biết chuyện quá khứ vị lai. Nhưng họ chưa đoạn trừ hết vô minh phiền não. Do đó, họ vẫn còn thọ sanh trong tam giới. Chỉ có trí huệ chơn chánh, thấy rõ vạn pháp hư huyễn, không sanh tâm đắm trước, nên được thoát ly sanh tử. Người hằng an trụ trong chánh trí, tức được giải thoát. Muốn an trụ trong chánh trí, tức phiền não không còn. Nói cách khác, hành giả nhờ dứt hết phiền não, nên mới được an trụ trong chánh trí. Bởi còn phiền não là còn phân biệt thương ghét... tạo nghiệp. Còn tạo nghiệp là còn đi trong sanh tử. Người đã thực sự an trụ trong

chánh trí, thì quân ma nào dám bén mảng tới. Nên nói: “*ác ma không thể dòm ngó*”. Ngược lại, nếu ta chưa an trụ trong chánh trí, tức hằng sống trong trí huệ chiếu soi, thì quân ma luôn luôn dòm ngó. Chẳng những dòm ngó thôi, mà ta còn nhập bọn đồng lõa với bọn chúng nữa. Bởi vậy, người tu hành muốn được giải thoát, thì phải luôn trang bị cho mình có đầy đủ trí huệ. Nhờ có thanh gươm trí huệ, nên tiêu trừ tất cả quân ma phiền não. Muốn được thế, thì không có cách nào hơn là người tu không thể sống buông lung. Vì sống buông lung là đồng lõa với tội ác vậy.

58.59. Như từ trong đồng bùn như vát bỏ, mới sinh ra hoa sen tinh khiết ngào ngạt làm đẹp ý mọi người, cũng thế, chỉ từ nơi chốn phàm phu manh muội⁷³ mới sản xuất những vị đệ tử bậc chánh giác, đem trí tuệ soi sáng thế gian.

Upon a heap of rubbish in the road-side ditch blooms a lotus, fragrant and pleasing. Even so, on the rubbish heap of blinded mortals the disciple of the Supremely Enlightened One shines resplendent in wisdom.

Kệ Tụng

Như giữa đồng bùn như

Vát bỏ trên đường lớn

Chỗ ấy hoa sen nở

Thơm sạch đẹp ý người (58)

Cũng vậy giữa quần sanh

⁷³ **Manh muội:** Manh là mù lòa; muội là u mê tối tăm. Manh muội: ý nói là kẻ ngu mê tối tăm như kẻ mù mắt.

*Phàm phu và ngu muội
Đệ tử vi chánh giác
Sáng ngời với trí tuệ (59)*

Lược giảng

Hai pháp cú này, Phật cho chúng ta một hình ảnh quá đẹp. Một hình ảnh quá quen thuộc với chúng ta. Đó là hình ảnh hoa sen. Một hình ảnh mà rãi rác trong các Kinh điển Nguyên thủy cũng như Phát triển Phật giáo đều có đề cập đến rất nhiều. Hoa sen là biểu trưng cho tâm thuần tịnh trong sạch; cũng là biểu trưng cho tinh thần nhập thế và xuất thế của đạo Phật. Ai cũng biết chúng mọc lên từ nơi bùn lầy nước đọng. Dù mọc lên từ bùn nhơ, nhưng không vì thế mà chúng mang chất hôi tanh mùi bùn. Phật đem hình ảnh này để dụ cho những người tu hành đạt được quả vị giải thoát. Trước khi đạt được Giác ngộ, tất cả đều là phàm phu, là một con người rất bình thường cũng có đầy đủ những dục ái vô minh. Điển hình như đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Trước kia, ngài cũng là một con người như bao nhiêu con người tầm thường khác. Ngài cũng có cha mẹ vợ con. Hơn thế nữa, là một hoàng tử sống trong ngai vàng điện ngọc, gác tía lầu son, bên cạnh Ngài có kẻ hầu người hạ. Ngài có một nếp sống của một con người vương giả. Ngài chỉ khác hơn người thường là ở chỗ đó. Nói rõ ra là chỉ khác trên phần địa vị quyền uy, vật chất sang trọng mà thôi. Nhưng, những chất liệu tạo thành con người, thì ngài vẫn có đủ không khác gì chúng ta. Cũng là một con người bằng xương bằng thịt và bằng tất cả chất người. Có Khác chăng, là Ngài nhờ công đức tu hành trong nhiều đời mà Ngài có được cái

báo thân phước tướng hơn chúng ta. Mọi sự hưởng thụ khoái lạc vật chất ở đời, ngài cũng đã ném qua. Dù sống trong cảnh đầy nhung lụa vàng son đó, nhưng ngài không cam tâm thụ hưởng. Ngài quyết tâm tìm một lẽ sống cao thượng hơn. Đó là sự khác biệt giữa Ngài với chúng ta. Nghĩa là Ngài là một con người sớm tỉnh ngộ, nhận ra sự đau khổ của cuộc đời. Sau khi giác ngộ, Ngài nhứt quyết xuất gia tu hành để tìm cho ra một con đường giải quyết sanh tử khổ đau cho mình và cho tất cả chúng sinh. Cuối cùng, Ngài đã thành tựu được bản nguyện lớn đó. Như vậy, Ngài cũng đích thực là một con người và sống trên cõi đời này mà tu hành thành Phật. Chớ Ngài không phải từ hành tinh nào khác rớt xuống. Đến các vị đệ tử xuất gia của ngài cũng thế. Nhờ theo Phật tu học mà đạt thành quả vị. Tất cả đều ở trên trái đất này mà tu thành. Khác nào như hoa sen kia, từ dưới sinh lầy ngoi lên để khoe hương khoe sắc. Nhận hiểu như thế, ta không có gì phải tự ty mặc cảm. Nếu ta nỗ lực tinh tấn tu hành, thì quyết chắc một ngày nào đó, ta cũng thành tựu đạo quả như Ngài. Bởi vậy, nên Ngài thường tuyên bố: *“Ta là Phật đã thành các người là Phật sẽ thành”*. Lời tuyên bố này, phải chăng, Ngài đã xác quyết một cách khẳng định rằng: *“Mỗi người đều có khả năng thành Phật như Ngài”*. Chẳng qua chúng ta chưa khai phát đúng mức cái khả năng thành Phật hiện đang tiềm tàng trong ta đó thôi. Nếu như mọi người đều hạ quyết tâm đi đúng theo lộ trình mà Ngài đã vạch sẵn, thì chắc chắn sớm muộn gì mọi người cũng đạt thành sở nguyện. Vì Phật tánh đã có sẵn trong ta, chẳng cần tìm cầu đâu khác. Đạo Phật bình đẳng và rất tự do là ở chỗ đó. Đạo Phật là đạo sống

thực. Đạo Phật không chủ trương huyền hoặc mơ hồ như một vài triết thuyết khác. Những gì Phật nói ra, là do ngài đã thực nghiệm thân chứng. Bởi thế, đạo Phật không phải là một học thuyết. Cũng không phải là một giáo điều. Đạo Phật chủ trương nhắm đến xây dựng nếp sống hạnh phúc cho nhơn sinh ngay trong đời sống hiện thực. Lập trường của đạo Phật trước sau như một: *“Nói và làm phải đi đôi”*. Nói cách khác người tu theo Phật phải *“tri hành hợp nhất”*. Nói một đường làm một ngã, đó không phải là người tu Phật. Vì đạo Phật không nói những chuyện viễn vông mơ hồ. Thực tế như hoa sen mọc lên từ bùn. Chỉ cần cố gắng vươn lên để tiếp nhận ánh sáng: *“Ánh sáng giác ngộ”*. Những ai đến với đạo Phật, mà mang tâm trạng của kẻ cầu khẩn van xin để được Ngài ban ân giáng phước, thì thật là uổng phí thất vọng. Phật không bao giờ làm những chuyện ảo huyền đó. Phật chỉ làm nhiệm vụ của một vị Thầy chỉ đường, hay một vị Thầy thuốc, cho thuốc và trị bệnh mà thôi. Trước sau Ngài vẫn là con người ở vị trí giác ngộ. Xin tất cả đừng xê dịch Ngài qua vị trí khác. Nhìn Ngài bằng cặp mắt ý lại, van xin, thì chỉ là một cái nhìn hoài công nhọc sức vô ích mà thôi. Bởi vì giáo lý của Ngài thường dạy, chúng sanh từ trong vô minh mà phát sanh trí huệ. Rời vô minh không có trí huệ. Nhưng vô minh không phải là trí huệ. Cũng như rời nước đục không có nước trong. Nhưng nước đục không phải là nước trong. Đó là lý Bất nhị trong Kinh Duy Ma Cật đã nói. Thế nên, người tu phải từ nơi cõi đời ô trược này mà thành. Cục lạc không thể rời đây mà có. Cục lạc hay Ta bà, tất cả đều từ tâm ta mà ra. Đi tìm cõi Cực

lạc ngoài Ta bà này, thì đó chỉ là ảo tưởng, xa thực tế, vì tất cả chỉ là: “*Nhứt chơn pháp giới*”.

Cũng thế, đi tìm Phật ngoài tâm, thì không bao giờ có. Mã Tổ nói: “*Tức tâm, tức Phật*”. Phật và Tâm không hai, nhưng bảo một thì không đúng. Nói tức tâm, tức Phật chính là chỉ cho chơn tâm, chớ không phải vọng tâm. Cần thận chớ có lầm nhận. Bốn câu kệ chót trong bài Phú của Sơ Tổ Trúc Lâm có nói:

*Cư trần lạc đạo thả tùy duyên
Cơ tắc xan hề khốn tắc miên
Gia trung hữu bảo hưu tầm mịch
Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiên.*

Tạm dịch:

*Ở trần vui đạo sống tùy duyên
Đối đến thì ăn, mệt ngủ liền
Trong nhà có báu thôi tìm kiếm
Đối cảnh không tâm chớ hỏi Thiên.*

Người tu muốn thoát ra khỏi cõi đời này, tách xa với cuộc sống của thế nhân, thì thật là chuyện không tưởng. Làm sao ta có thể tách biệt hoàn toàn cho được? Ngoại trừ ta không có mặt ở cuộc đời này. Hễ ta còn biết ăn, biết mặc, biết hít thở để sống, thì ta vẫn còn phải liên hệ chặt chẽ tiếp cận với bao nhiêu sự sống khác. Song có điều, khi tiếp cận với những cái khác, ta có còn giữ được thật chất con “Người Thật” của ta hay không? Đó mới là điều quan trọng. Cho nên, đến một giai đoạn nào đó, khi tâm ta “bùng sáng”, ta thấy ta không còn là cái

ta riêng biệt, mà sự sống của ta là có mặt tất cả, chùng đó, Ngã, Pháp không còn, thì mới thật sự là con người: *đói đến thì ăn, mệt ngủ liền*. Đến đây, mới thật sự đúng với ý nghĩa: “*Tùy duyên nhi Bất biến*”. Hay “*đối cảnh vô tâm mạc vấn Thiên*”. Đến đây, không phải là chuyện dễ dàng, phải là bậc thượng căn thượng trí mới có thể đạt được. Còn như hàng hạ căn hạ trí như chúng ta, chỉ có cách niệm Phật cầu vãng sanh Tây phương của đức Phật A Di Đà, thì mới bảo đảm thoát khỏi luân hồi đau khổ.

V. Phẩm Ngu (Balavaggo)

60. Đêm rất dài đối với kẻ mất ngủ, đường rất xa đối với kẻ lữ hành⁷⁴ mỗi mệt. Cũng thế, vòng luân hồi⁷⁵ sẽ tiếp nối vô tận đối với kẻ ngu si không minh đạt Chánh pháp.

Long is the night to the sleepless; long is the league to the weary. Long is worldly existence to fools who know not the Sublime Truth.

*Kệ Tụng
Đêm dài cho kẻ thức
Đường dài cho kẻ mệt
Đời dài cho kẻ ngu
Không hiểu chơn diệu pháp.*

Lược giảng

Ai đã từng mất ngủ mới biết đêm dài. Ai trong chúng ta mà không có đôi lần trải qua những đêm không ngủ. Đối với những người bị chứng bệnh mất ngủ, thì một đêm đối với họ thật là dài lâu. Tục ngữ có câu:

⁷⁴ **Lữ hành:** Lữ là khách ; hành là đi. Lữ khách là kẻ đi lang thang rày đây mai đó không có chỗ trú ngụ như định. Như nói: Anh ta là một lữ khách phong trần. Hàm nghĩa: chỉ cho con người sống không định hướng, dạn dày sương gió, từng trải mùi đời.

⁷⁵ **Luân hồi** (Samsara) : Luân là bánh xe; hồi là xoay tròn. Hình ảnh bánh xe xoay tròn là tiêu biểu cho mọi vật không vật nào là không luân hồi. Nghĩa là: chỉ sự sanh tử lưu chuyển mãi không ngừng.

*“Thức lâu mới biết đêm dài
Ở lâu mới biết lòng người ra sao”!*

Và ai đã từng là kẻ lữ hành mới biết đường xa. Phật nêu ra hai hình ảnh trên để so sánh về tâm trạng khổ đau của những kẻ đi mãi trong vòng sanh tử luân hồi. Phật cho chúng ta biết rõ lý do, vì sao mà ta đi mãi trong vòng luân hồi sanh tử như thế? Đó là tại vì chúng ta “*quá ngu si không minh đạt chánh pháp*”. Thử đặt vấn đề: Cái gì dẫn ta đi trong luân hồi? Ai cũng biết, đó là nghiệp. Vậy, nghiệp là gì? Nghiệp tiếng Phạn là Karma hay kamma (Pali) Trung hoa dịch là nghiệp. Nghiệp có nghĩa là một hành động. Hành động được lặp đi lặp lại nhiều lần thành thói quen. Nghiệp có nghiệp lành và nghiệp dữ. Tức thiện nghiệp và ác nghiệp. Chỗ tạo thành nghiệp gồm có ba thứ: thân, khẩu và ý. Trong ba thứ này, ý nghiệp là chủ động. Hai thứ kia chỉ là phụ thuộc của ý. Tất cả đều do ý sai sử. Làm lành hay làm dữ đều do ý điều khiển. Nghiệp là một tác nhân trên chiều hướng nhân quả. Nhân quả là căn cứ theo dòng thời gian mà định đoạt. Tạo nghiệp là nhân, chiêu cảm quả lành hay quả dữ là quả. Từ nhân đến quả phải có thời gian. Theo Duy Thức Học chia ra làm 3 loại:

- 1. Dị thời nhi thực.*
- 2. Biến loại nhi thực.*
- 3. Dị loại nhi thực.*

Thế nào là Dị thời nhi thực? Nghĩa là từ khi gây nhân cho đến khi kết quả, phải khác thời gian mới chín

(thực). Như một học sinh, bắt đầu vào trường học là nhân, đến khi đỗ đạt thành tài là quả. Từ khi đi học cho đến khi đỗ đạt lấy bằng, phải mất một thời gian rất lâu.

Thế nào là Biến loại nhi thực? Nghĩa là từ khi gây nhân cho đến khi kết quả, phải trải qua thời gian biến đổi. Thí dụ: học sinh mới cấp sách vào trường mẫu giáo là một em bé tí hon, đến khi thi đậu lấy bằng cử nhân hay tiến sĩ, thì trở thành một cô thiếu nữ sinh đẹp, hay một nam thanh niên tuấn tú. Một thí dụ khác: khi ta gieo hạt lúa, cho đến khi thành bông lúa để gặt hái, phải trải qua thời gian biến đổi. Khi hạt lúa nảy mầm lên khỏi mặt đất, thì người ta không còn gọi là lúa nữa, mà gọi nó là mạ. Đến khi lên hơi cao một chút, đúng ngày tháng, bấy giờ, người ta nhổ đem đi cấy, thì người ta gọi là nhổ mạ. Cấy xong lên thành cây, thành bụi, thì trở thành là cây lúa hay bụi lúa v.v... Như vậy, từ khi cái chánh nhân là một hạt lúa, đến kết thành bông lúa, phải trải qua một thời gian biến đổi và tên gọi khác nhau. Nhưng trước sau vẫn là lúa, chớ không phải là nếp hay thứ gì khác. Do đó, nên nói là *Biến dị nhi thực*.

Thế nào là Dị loại nhi thực? Nghĩa là khác loài mới chín. Tùy theo chỗ tạo nhân mà kết quả thọ sanh qua các loài khác nhau. Thí dụ: do nhân bòn sền keo kiết mà thọ quả báo ngạ quỷ v.v...

Qua đó chúng ta thấy, đầu mối của luân hồi là do nghiệp dẫn, dù nghiệp lành hay nghiệp dữ. Mà chủ động tạo thành nghiệp là do Ý thức. Như vậy, hễ còn có chú Ý, (tức con khí hay con vượn), hoạt động là

chúng ta còn đi trong sanh tử luân hồi. Bao giờ chú Ý thức này, không còn hoạt động tạo nghiệp nữa, thì chúng ta mới chấm dứt luân hồi thọ khổ. Thế thì, gốc của sanh tử luân hồi thọ khổ là ở chỗ đó. Bởi thế, nên Phật dạy vô lượng pháp môn tu, pháp môn nào cũng nhắm thẳng vào việc dẹp chú ý thức này, phải cho chú ý thức này nằm yên (định) không hoạt động nữa, đó là Niết bàn. Nhưng hành giả muốn đạt được cảnh giới Niết bàn này, tất nhiên, phải có trí huệ. Vì có trí huệ mới có thể diệt trừ hết phiền não. Đối với hàng Bồ tát, thì các ngài dùng trí huệ để chiếu phá vô minh. Ngược lại, đối với hàng Thanh văn, thì các ngài dùng Định lực nhiều hơn để đoạn trừ phiền não. Sự khác biệt tu hành giữa Bồ tát và Thanh văn khác nhau ở chỗ đó. Dù cả hai đều nhắm đến mục đích chung là đạt được quả vị Niết bàn. Bởi do nhân tu sai khác, nên kết quả đạt được Niết bàn cũng sai khác. Niết Bàn của Bồ tát là *Vô trụ xứ Niết bàn*. Dù quả vị Niết bàn có sai khác, nhưng tựu trung cũng là chấm dứt vòng sanh tử luân hồi khổ đau. Bằng ngược lại, thì chúng ta sẽ đi mãi trong sanh tử luân hồi. Đúng như lời Phật nói: “*Vòng luân hồi khổ đau sẽ tiếp nối vô tận đối với kẻ ngu si không mình đạt chánh pháp*”.

61. Không được kết bạn với kẻ hơn mình, không được kết với kẻ ngang mình, thà quyết chí ở một mình tốt hơn kết bạn với người ngu muội.

Should a seeker not find a companion who is better or equal, let him resolutely pursue a solitary course; there is no fellowship with the fool.

Kệ Tụng
Nếu không tìm được bạn
Bằng mình hay hơn mình
Thà quyết sống một mình
Không bè bạn kẻ ngu.

Lược giảng

Trên đường đời, nếu không kết bạn được với kẻ hơn mình, hoặc không kết bạn được với kẻ ngang mình, thà sống đơn độc còn hơn là kết bạn với người cuồng dại. (Bản dịch của Đình Sĩ Trang)

Trước khi giải thích qua Pháp cú này, thiết nghĩ chúng ta cũng nên tìm hiểu sơ qua về sự kết bạn. Trong Kinh Hiền Nhân, có nêu ra về 4 cách kết bạn:

1. Kết bạn như hoa.
2. Kết bạn như cân.
3. Kết bạn như đất.
4. Kết bạn như núi.

1. Thế nào là kết bạn như hoa?

Bởi vì loài hoa là loài sớm nở tối tàn. Khi bông hoa mới nở còn xinh tươi đẹp đẽ, thì ai trông thấy cũng thích thú, trầm trồ khen ngợi. Đến khi hoa héo úa phai tàn rồi, thì không một ai để ý dòm ngó. Cũng một đóa hoa đó, mới hôm qua, người ta còn yêu thích trọng vọng, nhưng hôm nay, thì cũng bông hoa đó, lại bị người ta hất hủi rẻ khinh. Đức Phật dùng hoa để dụ cho sự kết giao với bạn bè cũng thế. Khi ta còn giàu sang (

như đóa hoa còn tươi tốt), thì lắm bạn nhiều bè, tới lui giao hảo, tiệc tùng chén tạc chén thù, vui cười hỷ hạ. Nhưng đến khi ta bị sa cơ thất thế, nghèo hèn túng thiếu (như hoa héo tàn), thì bạn bè ai nấy cũng lánh xa, không một người nào dám cho ta thấy mặt. Quả đúng như những câu ca dao đã nói:

Khi vui thì vỗ tay vào

Đến khi hoạn nạn thì nào có ai.

Hay:

Còn tiền còn bạc còn đệ tử

Hết tiền hết bạc hết ông tôi.

Thế thái nọn tình là thế! Tình đời bạc bẽo là thế ấy!

2. Thế nào là kết bạn như cân?

Kết bạn như cân là vì cái cân muốn cho 2 quả cân thăng bằng với nhau, thì ta phải để trên đó hai trọng lượng bằng nhau. Nếu một cái nặng, một cái nhẹ, tất nhiên là cái cân sẽ không cân bằng. Phật dạy, kết bạn như cân cũng thế. Khi giao tiếp bạn bè, đôi bên phải giữ cho cân bằng nhau. Người đời thường nói: “bánh ít đi, thì bánh qui lại”. Hay: “có qua có lại mới toại lòng nhau”. Đó là nguyên tắc kết bạn, nếu ta muốn giữ cho tình bạn được lâu dài. Còn nếu như bánh ít cứ đi hoài mà bánh qui thì bật mù tằm tít không thấy lại, tất nhiên, cán cân đã bị chệnh lệch rồi và như thế, thì sớm muộn gì tình bạn cũng sẽ bị tan rã thôi! Nếu muốn giữ cho tình bạn được lâu bền, thì không cách gì hơn là ta phải theo nguyên tắc đó.

Than ôi!

*Bánh ít cứ mãi đi hoài
Bánh qui không thấy mặt mày tăm hơi
Tình bạn như thế hết chơi!
Cán cân chêch lệch còn chơi nổi gì!*

3. Thế nào là kết bạn như đất?

Vì đất là nơi sản sanh ra muôn vật. Là chỗ vạ vật nương tựa an ổn. Dừng đất để dụ cho người bạn tốt đáng cho chúng ta giao du qua lại. Khi ta chơi với bạn tốt, lòng ta cảm thấy an ổn vui vẻ hơn. Vì người bạn tốt, như là một thiện hữu tri thức, đáng cho ta tin cậy nương nhờ. Như đất là chỗ cho muôn loài nương tựa. Bạn tốt là người sẵn sàng giúp đỡ ta khi ta gặp cơn hoạn nạn. Họ là người chia sẻ đắng cay ngọt bùi với ta. Họ là người hiểu và thông cảm ta hơn ai hết. Chính họ mới là người đáng cho ta tin cậy gỡ gắm tâm sự. Những lúc lòng ta bị rối bời, chính họ là người an ủi ta. Họ không giống như người bạn xấu, lúc ta gặp hoạn nạn, thì họ lại ngoảnh mặt làm ngơ. Do đó, bạn tốt là bạn mà ta cần giao du. Giao du thân mật, để hôm sớm có nhau. Tương thân tương trợ và tương kính nhau. Điều ta nên nhớ, chơi bạn dù thân mật đến đâu, cũng phải giữ sự tương kính nhau. Có tương kính, thì tình bạn tốt mới được lâu dài. Thân nhau không có nghĩa là lợi dụng nhau. Nếu một trong hai, có ý đồ lợi dụng, thì chắc chắn, tình bạn sẽ bị nứt rạn sứt mẻ ngay. Dù cho bạn tốt tới đâu, cũng không thể nào bền lâu được. Cũng như đất, tuy rắn chắc, nhưng có đôi khi cũng bị sụp lở, nếu chúng ta đào moi hằm sâu vào. Cho nên, muốn giữ tình bạn tốt được lâu dài, thì ta không nên có ý đồ lợi dụng.

4. Thế nào là kết bạn như núi?

Vì núi là nơi an toàn nhất để cho chim muông bay về làm tổ. Nơi đó, vì ít người lai vãng. Dùng núi để dụ cho người có đức hạnh. Vì người có đầy đủ đức hạnh, mới xứng đáng cho chúng ta nương về học hỏi. Như chim bay về núi cảm thấy rất an toàn. Chúng không phải phòng lo sợ bị bắt giết. Quả thật, sống gần gũi với người thật sự có đạo đức, thì ta cảm thấy có rất nhiều lợi lạc an vui. Một lời dạy của họ, như là kim chỉ nam để chúng ta noi theo mà thực hiện. Bởi người có đạo đức là người có trí huệ. Gần họ càng lâu, đạo đức ta càng sâu dày và trí huệ ta càng khai phát. Vì ta học hỏi nơi họ rất nhiều. Quả đúng với câu: *“gần mực thì đen, gần đèn thì sáng”* .

Qua bốn hạng người trên, hai hạng người sau, Phật khuyên ta nên giao du gần gũi. Càng gần gũi họ, ta càng có thêm nhiều lợi ích trong sự tu hành cũng như trong sự giao tiếp.

Đối chiếu qua ba bản dịch trên của pháp cú 61 này, nếu so với 2 bản dịch của Hòa Thượng Minh Châu và của ông Đinh Sĩ Trang, ta thấy bản dịch của Thầy Thích Trí Đức không được rõ nghĩa. Tại sao không được kết bạn với kẻ hơn mình? và tại sao không được kết bạn với kẻ ngang mình? Hai câu này không rõ nghĩa và khó hiểu. Trong khi đó, đối chiếu qua 2 bản dịch của Hòa Thượng Minh Châu và Luật sư Đinh Sĩ Trang, ta thấy rõ nghĩa và dễ hiểu hơn. Giờ đây, chúng ta thử lần lượt

tìm hiểu sơ qua về ý nghĩa của pháp cú trên Phật dạy như thế nào.

Pháp cú trên, Phật dạy chúng ta về cách kết bạn. Trên đời này không ai là không có bạn. Nhưng bạn cũng có nhiều thành phần khác nhau. Song chung quy cũng không ngoài hai hạng người: tốt và xấu hay thiện và ác. Ở đây, Phật dạy chúng ta nên kết bạn với người hơn mình. Tại sao Phật khuyên ta nên kết bạn với người hơn mình? Điều này, thiết nghĩ cũng không có gì khó hiểu. Đối với những người hơn mình, như hơn về: đạo đức, tánh tình, kiến thức v.v...thì ta nên giao du gần gũi họ để học hỏi. Nhờ gần họ, mà ta càng ngày càng có thêm những đức tánh tốt và kiến thức.

Tổ Qui Sơn dạy: “Đi xa cần nương bạn lành, thường thường trông nom tai mắt, ở đâu cũng phải chọn bạn, mỗi giờ nghe được những giờ chưa nghe. Cho nên có câu: Sanh ta nhờ cha mẹ, nên ta nhờ bạn lành. Nương gần người bạn lành như đi trong sương móc; tuy không ướt áo, nhưng mỗi giờ có thấm nhuần. Ngược lại, quen gần người ác, thêm chỗ tri kiến ác, sớm tối làm ác, mắc báo trước mặt, chết rồi trầm luân, một phen mất thân người, muôn kiếp không trở lại” (*Bản dịch của Hòa Thượng Hành Trụ, trong quyển Sa Di Luật Giải, trang 537*).

Câu nói: “*nương gần bạn lành như đi trong sương móc, tuy không ướt áo nhưng mỗi giờ có thấm nhuần*”. Thật vậy, sáng sớm, bước ra ngoài trời, lúc đầu, ta không cảm thấy gì thấm ướt. Nhưng đi lâu, ta sẽ cảm

nghe uớt lạnh. Gần gũi với bạn cũng thế. Nếu gần người hiền người tốt, thì ít nhiều gì, ta cũng ảnh hưởng những đức tánh hiền tốt của họ. Ngược lại, gần với kẻ xấu cũng thế. Vì tâm vô thường, nên rất dễ tiêm nhiễm. Sống chung với người tốt, có kiến thức rộng ta học hỏi ở nơi họ rất nhiều. Nhứt là qua việc hành xử của họ. Những gì ta không hiểu, hỏi họ, họ sẵn sàng chỉ giúp cho ta. Nên nói: “học thầy không tày học bạn” là thế. Họ không phải là hạng người ích kỷ. Họ là mẫu người có tấm lòng bao dung độ lượng. Vì họ là người có đạo đức, nên hành động, ngôn từ của họ cũng toát ra từ bản chất đạo đức. Vì thế, gần họ ta cảm thấy vui tươi mát mẻ. Họ không phải là hạng người mưa nắng bất thường. Họ là người khiêm tốn và luôn nhã nhặn với mọi người. Lời nói của họ rất hiền từ và mềm mỏng. Họ không khoác lác phô trương bản ngã. Ngàn ấy đức tánh tốt, cũng đủ cho chúng ta bái phục mà kết giao học hỏi. Bởi vậy, Phật dạy ta nên kết thân với hạng người này. Vì Phật quá hiểu rõ tâm lý con người. Câu nói: “Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng”, đó là lời nói đầy kinh nghiệm của người xưa. Vì người xưa cũng đã quá hiểu rõ tâm lý dễ nhiễm này của con người. Ta cần học hỏi cái túi khôn của loài người, nhứt là đối với người xưa.

Tiếp theo, Phật bảo: “Ta nên kết bạn với kẻ ngang mình”. Tại sao vậy? Vì người ngang ta có nghĩa là họ dễ cảm thông với ta hơn. Họ có cùng trình độ hiểu biết như ta. Sống chung gần gũi nhau, sự cảm thông nhau rất là quan trọng. Thiếu sự cảm thông tình bạn dễ bị sứt mẻ. Cảm thông qua nhiều phương diện như trình độ,

kiến thức, tánh tình, đạo đức v.v... Sống chung với nhau, không có gì bằng hiểu, thương và cảm thông nhau. Ta nói người hiểu, người nói ta nhận. Cảm thông từ ngôn ngữ và hành động. Cùng trình độ hiểu biết với nhau thì thật là dễ sống dễ thở.

Ngược lại, nếu ta kết giao với những người có trình độ hiểu biết quá kém, họ có những thái độ cứng đầu, ngang bướng, khó dạy, thì chỉ càng làm cho ta thêm bực mình mà thôi. Sống chung với những người này, lòng ta càng thêm phiền não. Chẳng những ta không học hỏi ở nơi họ điều gì, mà trái lại, họ còn làm cho ta càng ngày càng thêm u tối. Vì sao? Vì họ làm điều gì đó, ta cảm thấy khó chịu, không nhẫn nhịn được, thế là ta ăn thua đủ với họ. Như thế, có phải là ta đã hạ mình xuống thấp như họ không. Ở đây, ta nên hiểu về cách kết giao bạn, chớ không phải là việc cảm hóa. Xin chớ lầm lẫn điều này. Điều chúng ta nên nhớ phẩm mà chúng ta đang học đây có tựa đề là “Phẩm Ngụ” hay kẻ “Khờ dại”. Nếu là người trí, ta không thể kết giao chơi thân với người có trình độ thấp hơn ta. Nói rõ hơn, theo đây, là kẻ ngu hơn ta nhiều. Vì gần gũi chơi thân với họ, lâu ngày sẽ xảy ra lắm chuyện phiền phức không vui. Tốt hơn hết là ta nên tránh họ trước là hay hơn. Ta nên học và làm theo lời Khổng Tử dạy: “*kính nhi viễn chi*”. Nghĩa là ta vẫn kính trọng họ. Ta không tỏ thái độ khi dễ xem thường họ. Ta rất thương họ, nhưng không kết thân với họ được. Và ta nên tránh xa họ. Vì trình độ của họ quá kém, nên rất khó hiểu nhau để làm bạn đồng hành. Nếu trường hợp ta không có bạn để thân giao, thì thà không có còn hơn là có người quá đần độn

dốt nát. Bởi thế, nên kế tiếp Phật mới nói: *“thà quyết chí ở một mình tốt hơn kết bạn với người ngu muội”*. Điều này, nếu chúng ta bình tâm suy nghiệm, thì quả thật đúng như thế. Phật thường dạy: *“nói pháp cho người ngu nghe, như nói với kẻ điếc”*. Kẻ đã điếc, mình có nói gì họ cũng chẳng thềm nghe. Người ngu cũng thế. Mình nói gì họ cũng không hiểu, như thế, thì có khác gì là kẻ điếc kia. Cho nên, càng gần gũi với họ, chỉ tạo thêm cho mình nhiều sự bức mình mà thôi.

Ở thế gian, có nhiều cặp vợ chồng luôn có sự bất hòa cãi vã với nhau hoài, phần lớn cũng do trình độ quá chênh lệch mà ra. Như chồng có bằng cử nhân, trong khi đó, thì người vợ chưa xong cấp tiểu học. Như thế, thì thử hỏi làm sao sống chung cho được? Bởi vậy, có nhiều người nói: *“thà ở vậy còn hơn”*. Chớ sống chung sao được. Chồng nói gà, vợ hiểu vịt. Vì trình độ hiểu biết không tương đồng rất khó cảm thông nhau. Cho nên, muốn sống chung được lâu bền, thì trình độ học hỏi kiến thức phải ngang nhau. Như thế, thì không ai coi thường và khinh rẻ ai. Đó là một nguyên tắc gần như là một định lý muôn đời. Cho nên qua pháp cú trên, Phật cho chúng ta một bài học về sự kết bạn. Sống không thể không có bạn. Dù người có khó tánh đến đâu, ít nhiều gì cũng có một hai người bạn. Chả lẽ suốt cuộc đời mình sống thu mình lẻ loi như thế. Tục ngữ có câu: *“nước trong quá không cá, người xét nét quá không bạn”*. Thật vậy, trong trường đời cũng như trường đạo, người nào quá xét nét, đả đo, khó tánh ... thì người đó chỉ có nước sống một mình mà thôi. Ai dám bảo đảm mình luôn luôn mạnh khỏe. Nếu là người

tu không có gia đình, thì phải cần đến bạn đạo đồng tu.
Vì bạn đồng tu cùng đồng lý tưởng.

Do đó, rất cần trong việc giúp đỡ lẫn nhau khi đau yếu bệnh hoạn. Câu nói: “bà con xa không bằng láng giềng gần”. Láng giềng gần tuy họ không là ruột thịt gì với ta, như khi ta hữu sự mà chờ tới bà con ở xa đến giúp, thì ta đã chết mất rồi. Vì vậy, người bạn sống bên cạnh ta, ta nên quý trọng tương kính giúp đỡ cho nhau. Nếu bạn có làm điều gì làm lỗi, ta không vui, thì ta nên tìm cách khéo léo giải bày. Xong rồi, ta nên vui vẻ buông bỏ. Muốn buông bỏ, thì phải có hiểu và thương. Thiếu hai yếu tố quan trọng này, đừng mong giữ tình bạn được lâu dài. Chơi với bạn mà không hiểu được bạn mình, tốt hơn là đừng thân giao. Một điều tối kỵ như là ta không nên đem chuyện của bạn mình ra để bêu xấu cho người khác biết. Đây là một hành động rất thấp hèn. Đạo đức và lương tâm không cho phép ta hành xử như thế. Như trên đã nói, việc kết bạn cũng là điều quan trọng. Thế nên, ta cần phải chọn bạn mà chơi. Nhưng khi đã chọn rồi, thì ta không nên chơi gát bạn hay dùng những mảnh khoe vật vãnh để lợi dụng bạn hoặc hại bạn. Điều tối kỵ là nói xấu bạn, một khi tình bạn đã bị sút mẻ. Đừng có:

*“Khi vui trái ấu cũng tròn
Khi ghét bỏ hòn cũng méo”*

Hay:

*“Thương nhau thương cả đường đi
ghét nhau ghét cả tôn ti họ hàng”.*

Tệ hại hơn nữa là “uốn cong ba tác lưỡì” để đăm sau lưng bạn mình. Hành động đó thật là vô liêm sỉ! Người như thế, thật không có chút lương tâm đạo đức. Lương tâm đạo đức không có, thì nói chi đến việc tu chúng cao xa! Đối với những hạng người này, ta nên tránh xa họ còn hơn tránh xa hầm lửa hay miệng rắn độc vậy.

62. “Đây là con ta; đây là tài sản ta” : Kẻ phàm phu thường lo nghĩ như thế, nhưng chẳng biết chính ta còn không thiết có, huống là con ta hay tài sản ta?

The fool worries, thinking, “I have sons, I have wealth”. Indeed, when he himself is not his own, whence are sons, whence is wealth?

Kệ Tụng
“Đây con tôi, tiền tôi”
Người ngu lo nghĩ vậy
Tự ta, ta không có
Con đâu, tiền của đâu?

Lược giảng

Căn bản đau khổ của kiếp người là do chấp ngã mà ra. Trong Kinh, dù Tiểu thừa hay Đại thừa, Phật đều lặp tới lặp lui về giáo lý căn bản này. Phật muốn lột trần cho chúng ta thấy cái bề sâu của đau khổ. Bản tánh của chúng sanh là hay khinh lòn và dễ duôi. Phật nhắc tới nhắc lui mãi để cho chúng ta phải lưu tâm mà tư duy quán sát thật kỹ về lý vô ngã này. Đối với người ngu, trong đó có chúng ta, thì mãi chấp chặt những gì mình đã gây tạo. Như con cái, tiền bạc của cải v.v... là những thứ ta luôn coi trọng. Ta quá đặt nặng và tham chấp. Nhưng ta quên rằng, chính bản thân ta còn không

thật có, nói chi đến những gì ngoài ta mà có thật sao? Phật bảo cái nỗi khổ của con lạc đà kéo nặng suốt đời suốt kiếp cũng chưa gọi là khổ. Chỉ có những kẻ “mê muội chấp ngã” mới đáng gọi là khổ. Sự việc nghe qua đôi lần ta cho là nhàm, nhưng giải quyết được sự việc đó cho đến nơi đến chốn, thì suốt cả đời ta chưa chắc đã làm được. Khác gì câu chuyện giữa Thiền sư Ô Sào và Thi Sĩ Tô Đông Pha. Tô Đông Pha là một người rất tài giỏi, nhứt là ở địa hạt văn chương. Một hôm, từ phương xa ông lặn lội tìm đến để yết kiến Thiền Sư Ô Sào. Khi đến nơi, ông thấy Thiền Sư Ô Sào đang ngồi thiền ở trên chạng cây có ba nhánh và chỗ thiền sư ngồi y như cái ổ quạ. Vì lẽ đó, mà người ta gọi ông là thiền sư Ô Sào. Bấy giờ, ông Tô Đông Pha đứng dưới ngược mắt nhìn lên và hỏi:

Bạch Thiền Sư, con từ phương xa lặn lội đến đây, chỉ xin hỏi Thiền Sư một câu và xin Thiền Sư trả lời cho con một cách tóm tắt hết cái yếu lý của Phật pháp để con y theo đó mà tu hành.

- Được! Ông cứ hỏi đi.
- Bạch Thiền Sư phải tu hành như thế nào mới hết khổ?
- Thiền Sư liền nói một bài kệ của Phật Ca Diếp:

*Chư ác mạc tác
Chúng thiện phụng hành
Tự tịnh kỳ ý
Thị chư Phật giáo.*

Nghĩa là:

*Các điều ác chớ làm
Vâng làm các điều lành*

*Giữ ý mình cho trong sạch
Đó là lời chư Phật dạy.*

Nghe qua, ông mỉm cười trề môi và nói:

- Thừa Thiền Sư bài kệ mà ngài vừa nói, thật ra đứa con nít lên ba nó còn biết, có gì là quan trọng đâu.
- Ấy! Đứa con nít lên ba tuy nó biết, nhưng chưa chắc ông già 80 tuổi làm được.

Ông Tô Đông Pha, muốn Thiền Sư Ô Sào nói cho một câu tóm hết cái yếu lý của Phật pháp. Nhưng khi Thiền Sư nói, thì ông lại tỏ ý chê bai, cho rằng câu nói đó trẻ con đều biết. Quả thật, điều đó chứng tỏ ông chưa hiểu được yếu lý thâm huyền của bài kệ. Bài kệ trên đã tóm tắt hết giáo điển của Phật giáo. Vì quá quan trọng, cho nên chư Phật nào cũng dạy như thế.

Trở lại, pháp cú trên, Phật nhấn mạnh cho chúng ta biết, cái lầm chấp của kẻ ngu muội là như thế. Tại sao ta phải cam tâm làm kiếp ngu muội mãi! Đòi người, không ai tự vỗ ngực cho mình là kẻ hạnh phúc. Có ai trong ta, dám quả quyết rằng mình không khổ. Biết khổ, chán khổ mà không tu để đoạn trừ phiền não, thì ta tự mâu thuẫn lấy ta. Lẽ ra biết khổ, ta phải cố gắng vươn lên để tìm phương thoát khổ. Muốn thoát khổ, không ai cởi trói cho ta bằng chính ta. Chúng ta hãy nghe câu chuyện sau đây giữa Tổ Tăng Xán và Đạo Tín.

- “Đời nhà Tùy khoảng niên hiệu Khai Hoàng có ông Sa di hiệu Đạo Tín được 14 tuổi đến lễ Sư thừa:
- Xin Hòa Thượng từ bi ban cho con pháp môn giải thoát.

Sư hỏi:

- Ai trói buộc ngươi?
- Không ai trói buộc.
- Đã không trói buộc, đâu cần giải thoát.

Đạo Tín nghe liền ngộ.

Từ đây, Đạo Tín theo hầu hạ Sư suốt chín năm”.

(Tổ Thiên Tông, soạn giả Thích Thanh Từ)

Tâm lý con người từ xưa nay, thường đổ trút cho ngoại cảnh. Vì cảnh duyên trói buộc, nên không thể tu được. Thật ra, cảnh duyên không trói buộc được ta, mà chính ta tự trói ta. Những phiền não rối rắm trong tâm ta nó trói buộc ta. Chính nó làm cho ta phải nhức đầu đau khổ suốt ngày. Tâm trạng của Sa di Đạo Tín, thật chẳng khác gì tâm trạng của tất cả chúng ta hiện nay. Con người ai cũng muốn thoát khổ. Song có điều, lúc nhỏ, ta không được cái điểm phúc lớn lao như ngài. Ta không có được cái căn duyên sâu dày Phật pháp như Ngài. Nhờ cái căn duyên trồng sâu của ngài, nên khi gặp Tổ, Tổ nói cho một câu là ngài tỏ ngộ ngay. Đối với chúng ta, vì nghiệp chướng quá sâu dày, nên cũng nghe câu nói đó, mà tâm trí ta không chút gì khai phát tỏ ngộ. Rõ ràng là chúng ta quá si mê. Dù tâm trạng của chúng ta cũng muốn thoát ly nỗi thống khổ của kiếp người.

Nhưng muốn là một chuyện, còn làm lại là một chuyện khác. Hằng ngày, ta không thường xuyên tỉnh thức để tự cởi trói, mà cứ mãi cầu mong nhờ Phật Tổ cởi trói giùm. Ai còn ôm ấp tâm niệm cầu mong đó, thì thật là trái xa với lời Phật dạy. Bằng chứng, qua câu chuyện trên, ngài Đạo Tín cầu mong Tổ ban cho pháp giải thoát. Tổ liền hỏi vặn lại: *Ai trói người?* Một câu hỏi có một năng lực xoáy mạnh vào tâm trí của một chú Sa di, đã từng thao thức ôm ấp nỗi đau khổ dày vò trong tâm thức muốn được giải thoát. Chú cứ ngỡ rằng, sự giải thoát phải nhờ đến bàn tay của phép lạ, hay của một bậc thầy nào đó có đạo lực cao siêu. Nhưng Chú không ngờ rằng, vấn đề mà mình nghĩ bấy lâu nay, hoàn toàn thất vọng. Cho nên trả lời một cách rất thật thà và trung thực rằng: “không ai trói buộc”. Liền đó, Tổ bồi thêm cho một câu xoáy mạnh vào khả năng tự lực của chính mình, đánh đổ hoàn toàn ý hướng vọng ngoại mong cầu và ý lại ở nơi tha nhân. Tổ nói: *“Đã không trói buộc, đâu cần giải thoát”*. Có trói, mới có mở. Không trói thì mở cái gì? Bản tâm của chúng ta từ xưa nay vốn thanh tịnh sáng suốt, nhưng vì bị phiền não che ngăn, nên không thể hiển lộ. Chỉ cần xoay lại dẹp hết mây mù vô minh, thì mặt trời trí huệ tự nhiên xuất hiện. Như thế, thì có trói, có mở gì đâu? Tự thể bản nhiên là như vậy. Ngay câu nói này, chú Sa di Đạo Tín liền tỉnh ngộ ngay. Tất cả đều do mình định đoạt số phận mình, chớ không ai giải quyết thế cho mình. Đó là một yếu lý căn bản của sự tu hành và cũng là một yếu lý của Phật giáo.

63. Ngu mà tự biết ngu⁷⁶ tức là có trí, ngu mà tự xưng rằng trí, chính đó mới thật là ngu.

A fool who knows his foolishness is wise at least to that extent, but a fool who thinks himself wise is called a fool indeed.

Kệ Tụng

*Người ngu nghĩ mình ngu
Nhờ vậy thành có trí
Người ngu tưởng có trí
Thật xứng gọi chí ngu.*

Lược giảng

Pháp cú trên, để cho rõ nghĩa, ta tạm tách chia ra làm hai câu để tìm hiểu. Câu một: *Ngu mà tự biết ngu tức là có trí*. Trong câu này, ta nên chú ý ở nơi chữ "*Biết*". Tại sao phải chú ý ở nơi chữ biết? Như nói người ngu "*Biết*" mình thức sao gọi là ngu? Đã ngu thì không thức, ngược lại, đã thức thì không ngu. Không có ai vừa ngu lại vừa thức. Có chăng, chỉ có kẻ nào ngược kỳ đời, quá điên khùng mới nói như thế. Cho nên chữ "*Biết*" rất là quan trọng.

Người xưa nói: Khôn cũng chết, dại cũng chết, chỉ có Biết là sống. Chữ Biết trong câu nói này, hàm ý là theo

⁷⁶ **Ngu**: Nói đủ là ngu si, tức si mê tâm tối, không có trình độ hiểu biết, nhận rõ lẽ chánh tà chân nguỵ. Nhút là không nhận rõ chân lý. Thường trong Kinh Phật nói ngu là mang ý nghĩa đó, chớ không phải có ý mắng nhiếc, như người đời thường tưởng.

cách xử thế. Biết đây là biết theo thời cơ. Phải biết chịu theo ngọn gió đùa. Nghĩa là có lúc phải biết giả dại; có lúc cần phải biết giả khôn. Giả khôn hay giả dại, chỉ tùy thời qua ải thế thôi. Biết tấn, biết thoái để bảo tồn sinh mạng. Chớ “Biết” như kiểu Dương Tu, thì tránh sao khỏi chết dưới tay đa nghi và ác độc của Tào Tháo. Cái biết của Dương Tu, để tỏ ra mình là kẻ khôn hơn chủ. Biết như thế chưa phải là người khôn ngoan thật biết. Chứng tỏ thật khôn, nhưng thật ra là quá dại. Bởi do xử dụng cái biết không đúng chỗ, nên Dương Tu tự rước lấy cái họa vào thân, cuối cùng phải chết dưới tay Tào Tháo. Ở đời không ai muốn kẻ khác hơn mình.

Ngược lại, cái biết trong Phật giáo thì có khác. Cái Biết Phật dạy trên, ý nghĩa thật là sâu sắc thâm trầm. Mình muốn làm kẻ có trí, tất mình phải biết cái ngu của mình. Phải ứng dụng cái Biết thường xuyên trong đời sống, thì đời sống mới có ý nghĩa. Biết đây có thể nói là đồng nghĩa với tỉnh thức.

Con người sống trong tỉnh thức, tất nhiên là con người sáng suốt. Thí dụ: Mình là kẻ đang mắc chứng bệnh gan. Tự biết rõ bệnh trạng của mình, nên tuyệt đối không bao giờ uống rượu mạnh vào để gây ra tác hại cho gan. Nhận biết như thế, thì quả họ là người có trí. Ngược lại, mình đang bị đau như thế, mà vẫn không kiêng cử rượu, cứ uống nhiều rượu vào, bệnh càng ngày càng nặng, thì người đó quả họ là kẻ vô trí. Vì họ không tự biết họ bệnh, giống như người ngu mà không biết họ ngu, cứ ngỡ rằng mình khôn. Lỗi lầm (ngu),

mình biết mình có lỗi lầm (trí), tất nhiên mình sám hối không dám tái phạm nữa, đó là người trí.

Chúng ta biết hiện tại chúng ta đang đau khổ, nên cần phải tìm cách thoát khổ. Kẻ đang say sưa nghiện ngập rượu chè hoặc ma túy (ngu) mà họ biết việc làm của họ sai (trí). Họ quyết tâm cai nghiện, kết quả họ không còn mang bệnh ghiền nữa. Người như thế quả họ chuyển ngu thành trí, chuyển họa thành phúc. Trên đời này, không một ai không làm lỗi. Nhưng làm lỗi mà biết cải hối sửa đổi, thì không phải người trí là gì? Người như thế, ai dám đánh giá họ là kẻ ngu si. Trừ phi mình không còn biết gì nữa thì kẻ đó mới thật là ngu mê. Ngược lại, mình đang trong cơn mê mà mình tự nói rằng mình là kẻ tỉnh, thì đó mới thật là kẻ điên rồ.

Cho nên câu kế tiếp, Phật mới nói: *“Ngu mà tự xưng rằng trí, chính đó mới thật là ngu”*. Ý của câu này giống như: mình là người dân (ngu) mà cả gan tự xưng mình là vua (trí), như vậy, kẻ đó chắc chắn phải bị rơi đầu (đại ngu). Vì họ không biết thân phận của họ là dân (ngu) mà dám ngang nhiên xưng vương (trí) không sợ ai, nên cuối cùng họ bị chết một cách thê thảm. Như kẻ cướp giựt đồ của người khác, bị cảnh sát bắt bỏ tù, như vậy kẻ đó có tự nói mình là kẻ có trí được không? Nếu họ thật là người trí, thì làm gì họ đi cướp giựt đồ của người ta. Quả họ thật là kẻ ngu muội mà dám tự xưng mình là người trí. Như thế không phải ngu là gì!

Cũng thế, trong lãnh vực tu hành, nếu ta chưa diệt hết phiền não mà tự nói ta đã đạt được Niết bàn. Như vậy

kẻ đó sẽ như thế nào? Chắc là ta nói kẻ đó là đại ngu. Vì dám nói láo lường gạt mọi người. Tu hành chẳng ra chi mà dám đại ngôn tự cho mình là kẻ chứng Thánh quả. Người như thế, Phật cho đó là Tăng thượng mạn. Hạng người này thật là nguy hiểm trong đạo pháp. Vì lợi dưỡng, họ bất chấp tội lỗi, miễn sao họ được vinh thân phì da thì thôi. Cho nên mới nói: “Kẻ ngu mà cho rằng mình trí, chính đó mới thật là kẻ đại ngu”.

64. Người ngu suốt đời gần gũi người trí⁷⁷, vẫn chẳng hiểu gì Chánh pháp, ví như cái muỗng múc thuốc thang luôn mà chẳng bao giờ biết được mùi vị của thuốc.

*Though all his life a fool associates with a wise man,
he no more comprehends the Truth than a spoon tastes
the flavour of the soup.*

Kệ Tụng

*Người ngu, dầu trọn đời
Thân cận người có trí
Khó lòng biết chánh pháp
Như muỗng dếm vị bùi*

Lược giảng

Pháp cú này, Phật cho ta thấy một con người quá ngu đần. Ngu đần đến nỗi, dù họ được cơ may luôn sống bên cạnh người trí mà họ không hiểu gì chánh pháp. Khác nào như một kẻ tối ngày chỉ có biết uống rượu

⁷⁷ Trí: Nói đủ là trí huệ, tức dùng trí huệ sáng suốt nhận rõ chân lý.

say mèm, dù kẻ đó đang sống bên cạnh người tỉnh thức, nhưng họ say vẫn cứ say. Họ là hạng người không có chút tự trọng cầu tiến.

Đối với hạng người này, Phật thí dụ: “ví như cái muỗng múc thuốc thang luôn mà (cái muỗng) chẳng bao giờ biết được mùi vị của thuốc”. Nếu ta là người trí, thì có thương xót tội nghiệp cho cái muỗng đó lắm không?! Hay là ta buồn cười cho cái muỗng đó? Chắc không ai lại không thương xót và buồn cười. Tội ngày múc thuốc mà không biết chút nào về mùi vị của thuốc cả. Coi chừng, không khéo ta giống như cái muỗng múc thuốc đó. Có người còn tệ hơn cái muỗng, là vì chưa bao giờ được cái hân hạnh múc thuốc.

Nhìn lại, thân phận ta hiện giờ có khác gì cái muỗng múc thuốc đó đâu! Ta đang sống trong chánh pháp, được duyên phúc rất thù thắng làm người xuất gia, mà thật sự ta có hiểu gì về Phật pháp? Ta còn là kẻ đang đi trong đêm tối dày mịt của vô minh. Tội ngày ta đang hít thở không khí trong lành của chánh pháp, mà ta không biết gì về giá trị của cái không khí trong lành đó! Thật là tội nghiệp cho ta quá! Như thế ta là kẻ ngu hay người trí?

Quả thật ta đang sống trên đồng vàng mà ta cứ than nghèo. Ta cứ muốn làm kiếp sống lang thang như gã cùng tử. Lỗi đó do ai? Do vì ta ngu mê hay do Thầy Tổ không chỉ dạy? Ta cứ nói ta là kẻ đi tìm vàng, mà kỳ thật ta hiện đang sống trong mỏ vàng. Tại sao ta không chịu nỗ lực khai phát mỏ vàng đó? Có phải ta dại khờ lắm không?! Phật Tổ hay các bậc thiện hữu tri thức đã

tận tình, tận lực chỉ cho ta biết rõ, trong mỏ vàng đó có chất vàng ròng. Thế mà, ta vẫn xem thường lời dạy đó. Ta không bao giờ chịu nhận. Hằng ngày ta chỉ nhận sỏi đá mà cho là vàng. Ấy! Mới chết! Bởi vậy Phật Tổ mới cho ta là kẻ ngu. Đó là nói nghĩa sâu trong việc tu hành.

Nếu nói cụ thể hơn, ta tự hỏi: *“Tại sao suốt đời ta sống bên cạnh người trí, mà nhìn lại ta dốt vẫn dốt?”* Có phải người trí không chịu dạy cho ta không? Hay là tại ta không chịu học hỏi? Cái dốt đó do đâu? Tại ta ngu hay tại người trí? Người trí nói ở đây, tức thiện hữu tri thức của ta, lúc nào họ cũng thật tâm sẵn sàng chỉ dạy cho ta. Nhưng ta nào có chịu học hỏi. Không học hỏi, thì làm sao thông hiểu chánh pháp Phật dạy. Như vậy, có phải là ta khờ lắm không? Có phải mình tự phụ cái phước duyên của mình lắm không? Ta hãy tự tra vấn lại ta, ta đang ở đâu? Và ta đang làm gì trong Phật pháp? Tương lai của ta như thế nào? Nếu ta cứ sống thả trôi theo dòng thời gian, mặc cho ngày tháng qua đi, không chút ý thức luyện tiếc, đến khi gặp việc cần làm, đạo pháp cần đến ta, thì ta làm sao đáp ứng được đây?! Như thế, có đáng trách ta lắm không? Không hiểu Phật pháp, tự độ ta còn chưa xong, nói chi đến chuyện độ người. Nghĩ thế, mình có thật đáng thương mình lắm không? Nếu là người thật thương mình, thì tại sao mình sống bên cạnh người trí mà mình phải cam tâm chịu dốt? Có đáng trách lắm không? Ở đây, Phật thương xót mà thức tỉnh chúng ta hãy cố gắng vươn lên để làm người trí. Chẳng lẽ, suốt đời mãi kiếp mình cam tâm làm kẻ ngu. Nếu mình vô phước không sống gần gũi với

những người hiểu biết Phật pháp hơn mình, thì điều đó không nói làm chi. Tại vì mình là kẻ bạc phước.

Ngược lại, có người được cái diễm phúc rất lớn là sống bên cạnh của một bậc Thầy uyên thâm Phật pháp, thế mà lại lơ là trong việc học hỏi. Ta tu học là cho ta, chứ đâu phải ta tu học cho ai nhờ. Thí như ta có ăn, thì ta mới no, còn bằng không, thì ta cứ đói. Tất cả đều do ta quyết định. Ta tự định đoạt đời ta. Ta là tài xế của chiếc xe đời ta. Nếu ta khôn khéo, thì ta lái càng ngày càng tiến bộ xa trên đường đạo. Ta phải tự ý thức bổn phận của ta. Khi khoác vào mình chiếc áo nâu là mình đã tuyên bố với mọi người, mình đang đi trên con đường giác ngộ. Cao đẹp hơn nữa là mình sẽ cứu độ mọi người được giác ngộ như mình. Đó là bản nguyện của người tu theo hạnh xuất thế. Nghĩa là mình đang quyết tâm đi theo con đường mòn mà Phật Tổ đã đi. Dù con đường đó phải gặp nhiều chướng duyên thử thách. Nhưng một khi đã tự chọn rồi, thì ta nhứt quyết thẳng tiến.

Một sự chiến thắng nào, mà không đổi lấy xương máu. Một sự thành công nào mà không trải qua nhiều thất bại. Thật vậy, thất bại là mẹ đẻ của thành công. Ta phải làm sao để xứng đáng đáp trả ân sâu của những người thiết thân lo cho ta có cuộc sống an ổn. Một đời sống thanh thoát nhẹ nhàng, không phải bạc vàng mua được. Mong tất cả chúng ta hãy cố gắng vươn lên quyết tâm làm người trí. Muốn thế, thì không gì hơn là ta phải nỗ lực tu học, dù còn một chút hơi tàn! Bằng không, thì

thật là đáng tội nghiệp và đáng thương xót cho ta biết bao!

*Thương mà nhắc nhở cho nhau
Gắng công tu học tròng sâu căn lành
Dẹp lòng tự ái đua tranh
Hơn nhau một tiếng khổ dành về sau.
Thật là duyên phúc biết bao!
Ngày nay mới được cạo đầu xuất gia
Xem nhau huynh đệ một nhà
Chí bền tu học Lục hòa giữ trau
Nhớ ơn Thầy Tổ trước sau
Quyết lòng tu học mới mau đáp đền.*

65. Người trí dù chỉ gần gũi người trí trong khoảnh khắc cũng hiểu ngay được chánh pháp, chẳng khác gì cái lưỡi mới tiếp xúc với thuốc thang đã biết ngay được mùi vị của thuốc.

Though only for a moment a discerning person associates with a wise man, quickly he comprehends the Truth, just as the tongue tastes the flavour of the soup.

*KệTụng
Người trí dầu một khắc
Thân cận người có trí
Biết ngay chân diệu pháp
Như lưỡi nếm vị bùi.*

Lược giảng

Người muốn có được trí huệ, không phải tự nhiên mà có. Ngoại trừ những bậc “Thần đồng” ra, còn lại tất cả

đều phải do học hỏi mà có được. Khi nói đến trí huệ, người ta hay dễ bị lầm lẫn lộn lạo giữa trí huệ trong nhà Phật nói và trí huệ thế gian. Trước khi giải thích ý nghĩa của pháp cú trên, thiết nghĩ, trước hết, chúng ta cũng cần nên biện biệt rõ giữa trí huệ thế gian và trí huệ Phật pháp. Ở thế gian, những ai học rộng hiểu nhiều, tinh thông nhiều vấn đề, phát minh khám phá nhiều điều mới lạ, thì người ta cho những người đó là thông minh trí huệ.

Do đó, để tránh sự lầm lẫn này, trong nhà Phật nói là “*Trí huệ Bát nhã*”. Hay nói cách khác là “chơn trí diệu huệ”. Vì đây là thứ trí huệ siêu xuất thế gian. Hai chữ trí huệ mà người đời dùng, thật ra cũng chưa hẳn là đúng. Muốn nói cho đúng phải gọi là trí thức. Bởi vì trí thức là do thu góp tích tụ những sở học mà có, tức vay mượn ở bên ngoài vào. Do đó mà nó còn trong vòng vọng chấp phân biệt. Nó thuộc về loại “*thế trí biện thông*”. Phật cho đó là một nạn trong tám nạn (Địa ngục, nga quỷ, súc sanh, manh lung ám á, Phật tiền, Phật hậu, sanh cõi trời trường thọ và thế trí biện thông) Tại sao gọi là nạn? Vì những nơi này không gặp được Phật pháp để tu hành. Ngược lại, trí huệ trong nhà Phật nói, phải là từ trong chơn tánh mà hiển lộ. Đó là nói cái trí huệ tột cùng. Thứ trí huệ này, nhờ công năng quán chiếu thiền định mà được. Nghĩa là không nhờ vay mượn bên ngoài. Trí huệ này, có tên khác là *Vô sư trí*. Tức cái Trí không do học hỏi nhờ thầy chỉ dạy mà được. Còn thứ trí huệ do học hỏi nghiên tầm chánh pháp mà được, thì nhà Phật gọi đó là *Hữu sư trí*. Nghĩa là cái trí cần phải có thầy hướng dẫn chỉ dạy.

Tuy nhiên, trí huệ trong nhà Phật cũng có chia ra nhiều loại: Trí huệ của phàm phu, trí huệ của hàng Nhị thừa, trí huệ của Bồ tát và cuối cùng là trí huệ của Phật. Đây là căn cứ vào trình độ của sự tu chứng sâu cạn mà có sai khác. Như vậy, trí huệ dù sâu hay cạn gì, hành giả cũng phải trải qua một tiến trình tu tập già giặn mới có được. Do đó, một người khi đã có một chiều sâu kích thước trí huệ rồi, người ta có thể đo đạt được những gì người khác nói năng hay hành động. Sự nhận hiểu của họ đối với các pháp một cách rất sâu sắc bén nhạy. Cái nhìn, cái hiểu của họ khác hơn người thường. Vì trí huệ của họ lúc nào cũng minh mẫn sáng suốt. Họ là người hằng sống trong tỉnh thức. Họ sống có chiều sâu. Họ không hời hợt trong sự nhận thức. Vì hằng sống trong chánh niệm như thế, nên đối với mọi sự vật xảy ra chung quanh, không một vật nào có thể lừa gạt họ được. Cho nên, khi người trí sống chung với người trí, một lời nói hay một cử chỉ của họ, thì cả hai hiểu và cảm thông nhau một cách dễ dàng. Vì cả hai đều có một trình độ lanh lợi bén nhạy ngang nhau. Một cái nhìn hay một cái nháy mắt của người này, thì người kia hiểu ngay. Đôi khi họ không cần phải nói ra lời. Nhiều lúc họ nói đông, nói tây, mà họ vẫn hiểu nhau. Điều này, khi đọc sách thiền, ta thấy có rất nhiều câu chuyện thuộc dạng thức này. Như trường hợp giữa Tổ Bá Trượng và Thiền sư Linh Hựu.

Một hôm, Sư đứng hầu Bá Trượng. Bá Trượng hỏi:

- Ai?

Sư thưa:

- Con, Linh Hựu.

Bá Trọng bảo:

- Người vạch trong lò xem có lửa chăng?

Sư vạch ra, thưa:

- Không lửa.

Bá Trọng đứng dậy, đến vạch sâu trong lò được chút lửa, đưa lên chỉ Sư, bảo:

- Người bảo không, cái này là cái gì?

Sư do đây phát ngộ, lễ tạ trình bày chỗ giải ngộ của mình.

(Trích trong tập Trung Hoa Chư Thiên Đức Hành Trạng trang 320, do Thiên Sư Thích Thanh Từ biên soạn)

Một trường hợp khác, câu chuyện xảy ra giữa Mã Tổ Đạo Nhứt và ông cư sĩ Bàn long Uẩn như sau:

Một hôm ông đến tham vấn Mã Tổ. Mã Tổ hỏi:

- Ông làm cư sĩ hay làm xuất gia?

- Xin cho con theo sở nguyện không cạo tóc xuất gia.

Ông hỏi Mã Tổ:

- Chẳng cùng muôn pháp làm bạn là người gì?

Mã Tổ bảo:

- Đợi miệng ông hút hết nước Giang Tây, ta sẽ nói với ông.

Ngay câu nói này, ông ngộ được huyền chỉ. Ông dừng ở Mã Tổ hai năm.

(Trích trong tập Trung Hoa Chư Thiên Đức Hành Trạng trang 271 do Thiên Sư Thích Thanh Từ biên soạn).

Còn và còn rất nhiều những mẫu chuyện tương tự như thế. Qua hai trường hợp dẫn chứng trên, cho chúng ta

thấy, khi trình độ của hai người có cùng một cung bậc ngang nhau, thì họ chỉ gần gũi với nhau trong giây lát là họ đã hiểu và cảm thông nhau ngay. Ngược lại, một người trí sống chung với người ngu, dù cho trải qua bao nhiêu năm, người ngu cũng không nhận hiểu sâu xa ở nơi chánh pháp. Bởi thế, nên pháp cú trên Phật dạy rất rõ: Người trí dù chỉ gần gũi người trí trong khoảnh khắc cũng hiểu ngay được chánh pháp (*chỉ cho Bản tâm*) chẳng khác gì cái lưỡi mới tiếp xúc với thuốc thang đã biết ngay được mùi vị của thuốc. Trong đây, Phật cho chúng ta thấy một thí dụ rất cụ thể. “Như lưỡi nếm vị bùi”. Vừa nếm là biết ngay mùi vị không cần phải trải qua phân biệt mới biết. Còn người ngu thì khác. Khi nếm, sanh tâm phân biệt ngon dở đủ thứ, từ đó mới sanh ra có thương ghét... rồi tạo nghiệp thọ khổ.

66. Kẻ phàm phu không giác ngộ⁷⁸ nên đi chung với cừu địch⁷⁹ một đường. Cũng thế, những người tạo ác nghiệp nhất định phải cùng ác nghiệp chịu khổ báo.

Fools of little wit are enemies unto themselves as they move about doing evil deeds, the fruits of which are bitter.

⁷⁸ **Giác Ngộ:** Nghĩa rất ráo là nhận hiểu một cách thấu đáo cội nguồn của các pháp. Tùy trình độ mà giác ngộ có nhiều bậc khác nhau. Giác ngộ của phàm phu. Giác ngộ của hàng Thanh Văn. Giác ngộ của Bồ tát và cuối cùng là giác ngộ của Phật.

⁷⁹ **Cừu địch:** Kẻ ở phía đối lập, có hành động, tư tưởng chống đối lại một cách quyết liệt. Như nói: những kẻ thù địch bất cộng đái thiên.

Kệ Tụng
Người ngu si ám độn
Bạn đường là kẻ thù
Làm các nghiệp bất thiện
Phải chịu quả đắng cay.

Lược giảng

Phàm phu chúng ta là những người còn đang sống trong vòng vọng nghiệp. Tâm trí chúng ta còn quá si mê tăm tối. Vì si mê, nên chúng ta tạo nhiều nghiệp ác. Chính những nghiệp ác đó, trở thành kẻ thù của chúng ta. Nên Phật nói “*đi chung với cừu địch một đường*”. Đã đi chung với kẻ thù, thì tâm trí của chúng ta có lúc nào được thanh thoi đâu! Lúc nào, chúng ta cũng nơm nớp phập phồng lo sợ. Còn kẻ thù, thì lúc nào cũng lo tìm cách hãm hại chúng ta. Ta thử hỏi: tại sao nghiệp ác là kẻ thù? Bởi vì, khi ta gây tạo nghiệp ác, như hành động giết người chẳng hạn, thì chính hành động giết người đó nó sẽ ám ảnh theo ta suốt đời. Dù cho kẻ thù bên ngoài không giết ta, nhưng chính kẻ thù trong tâm ta, nó sẽ hành hạ ta chết dần chết mòn trong mỗi phút giây; giết chết như vậy mới là đau khổ.

Cho nên câu kệ tiếp Phật nói: “*Cũng thế, những người tạo ác nghiệp nhất định phải cùng ác nghiệp chịu khổ báo*”. Khổ báo nói đây có hai: Một là quả báo hiện đời. Hai là quả báo đời sau. Quả báo hiện đời, như trên đã nói, cái hình ảnh giết người nó mãi bám sát theo ta, không một phút giây nào ta quên lãng. Con người khi lòng sân hận nổi lên, thì thẳng tay hạ sát đối phương bất chấp hậu quả. Nhưng khi hết cơn nóng giận rồi, bấy

giờ họ mới ăn năn hối hận. Chính cái ăn năn hối hận này, nó làm cho họ phải ray rứt đau khổ suốt đời. Giá khi ấy mà có người giết họ để trả thù, thì có lẽ họ đỡ khổ hơn. Đàng này, không ai giết họ mà chính lương tâm họ giết họ. Giả như luật pháp bắt họ tống giam vào trong lao tù chẳng hạn, thì dù cho họ trả cái quả báo ở tù, nhưng họ vẫn đau khổ như thường. Bởi lao ngục chỉ nhốt được xác thân họ thôi, còn cái lao ngục trong tâm họ, nó nhốt và hành hạ họ một cách liên tục. Cái hỏa ngục đó mới là đáng sợ. Nhứt là vào những đêm thanh vắng, bốn bề vắng vẻ tĩnh mịch, bấy giờ trong bóng tối dày đặc đó, chỉ có họ đối diện với lương tâm họ. Dù có chợp mắt đi, nhưng trong giấc ngủ vẫn cứ mãi chập chờn, nửa tỉnh nửa mê. Lúc nào họ cũng thấy kẻ thù bị họ giết như về đời mạng họ. Sống như thế, thì còn nỗi đau khổ nào hơn! Cái đau thân xác, tuy cũng đau, nhưng còn có lúc lành lặn, còn cái niềm đau tinh thần bị dày xéo, thì biết đến bao giờ mới thật sự hết đây?!!! Quả đó là một niềm đau nhức nhối dai dẳng không dứt.

Đó là nói quả báo địa ngục hiện đời. Còn quả báo đời sau thì sao? Lẽ tất nhiên cũng phải trả. Bởi vì ác lai phải có ác báo. Đó là luật nhân quả rất công bằng. Không chạy đâu thoát khỏi! Cho nên pháp cú trên, đức Phật cảnh tỉnh phạm phu chúng ta, cần phải sớm mau thức tỉnh tu hành. Không nên gây tạo nghiệp ác. Càng gây tạo nghiệp ác là ta càng đi chung đường với kẻ thù và cuối cùng ta sẽ bị kẻ thù sát hại đời ta. Muốn thoát khỏi bàn tay của kẻ thù hãm hại, Phật dạy, ta nên tạo những điều lành. Càng gây tạo những điều lành chừng

nào, thì chẳng những ta không gặp kẻ thù hãm hại, mà ta còn thêm nhiều bạn tốt giúp ta chùng nẩy. Đồng thời lòng ta cảm thấy rất an vui hạnh phúc. Giữa một cuộc sống an vui hạnh phúc và một cuộc sống đau khổ ngút ngàn, thử hỏi chúng ta nên chọn cuộc sống nào? Chắc hẳn mỗi người trong chúng ta đều có câu trả lời thích đáng.

67. Người gây điều bất thiện, làm xong ăn năn khóc lóc, nhờ lệ dầm dề, vì biết mình sẽ phải thọ lấy quả báo tương lai.

I'll done is that action doing which one repents later, and the fruit of which one, weeping, reaps with tears.

Kệ Tụng

Nghiệp làm không chánh thiện

Làm rồi phải ăn năn

Mắt nhuốm lệ khóc than

Tự biết chịu quả báo.

Lược giảng

Ở đời, có lắm kẻ không biết tu hành là gì. Nói đến tu hành, họ còn trề môi chế giễu. Họ cho sự tu hành như là một sự hành hạ xác thân. Thấy ai vào chùa tu, thì họ vội cho là bi quan yếm thế. Tệ hơn nữa, họ kết án là những kẻ chán đời, trốn tránh xã hội. Tu hành là làm trở ngại bước tiến xã hội. Họ huênh hoang dùng nhiều lời lẽ chê bai trách móc. Đôi khi họ còn mặt sát thậm tệ nữa. Nhưng họ quên rằng, chính họ là những kẻ đang tu. Nếu họ không tu, tất nhiên họ tạo nghiệp ác. Một

khi đã tạo nghiệp ác, thì làm gì họ được sống yên thân mà phê bình chê bai.

Đối với những người có quan niệm như thế, ta không nên vội trách họ. Chẳng những ta không trách họ, mà ta còn phải quan tâm thương họ nhiều hơn nữa. Chẳng qua, vì họ chưa có đủ cơ duyên để tìm hiểu rõ về chữ “*Tu*” trong đạo Phật đó thôi. Một khi họ đã hiểu rõ chữ *Tu* rồi, biết đâu, họ sẽ còn tu hơn chúng ta nữa không chừng. Chừng đó, họ sẽ hối hận ăn năn những lời lẽ mà họ đã khinh miệt chê bai trách móc đó. Vậy tu là gì? Nói gọn, tu là sửa. Sửa cái gì? Và sửa ở đâu? Thưa, sửa những lỗi lầm sai quấy ở nơi ba nghiệp “*thân, miệng và ý*”. Nếu người biết sửa ở nơi ba nghiệp một cách thường xuyên, thì làm gì có thọ khổ. Nói sửa ba nghiệp mà sửa như thế nào? Trước hết, sửa ở nơi thân nghiệp. Sửa thân nghiệp, thì Phật dạy: “Không sát sanh, không trộm cắp, không tà hạnh”. Còn sửa ở nơi cái miệng như thế nào? Phật dạy: “Không nói dối, không nói lời hung dữ, không nói lời thêu dệt và không dùng lời nói gây chia rẽ, ly gián người ta”. Còn sửa ở nơi ý nghiệp như thế nào? Phật dạy: “Bớt tham lam, bớt sân hận và bớt si mê”.

Nói tóm lại, qua ba nghiệp này, ta chỉ cần thêm vào chữ “*không*” ở đâu, thì bảo đảm mọi việc sẽ được an ổn. Chính vì con người quên đi chữ “*không*” này, nên mới có ăn năn, khóc lóc nhỏ lệ dầm dề... Chớ nếu luôn nhớ chữ “*không*” trong mọi hành động tạo tác của ba nghiệp, thì đời ta hạnh phúc biết mấy.

Mới nghe qua, dường như trong chúng ta ai cũng có ý xem thường! Nhưng chúng ta quên rằng, chính mười điều này, nếu ta đừng quên chữ “không” như trên đã nói, thì cả nhơn loại sống trong an bình hạnh phúc. Nói hoặc nghe qua thì dễ đó, nhưng khi tiếp xúc với cuộc sống thực tế, thì ta mới thấy giữ và hành được, thật vô cùng khó khăn. Khó khăn gấp trăm ngàn lần. Điều khó khăn như thế, thì tại sao ta lại dám khinh thường?

Chúng ta đừng quên rằng “*Mười điều lành này là nền tảng căn bản vững chắc nhất để xây dựng thiên đường nhơn gian*”. Cái nền tảng chính yếu như thế, thì thử hỏi tại sao chúng ta dám có ý niệm xem thường? Chính vì cả nhơn loại xem thường nó, nên xã hội luôn luôn đảo điên bất ổn. Chẳng những họ không biết làm lành mà trái lại, họ còn gây tạo ra không biết bao nhiêu nghiệp ác. Bởi thế, mà cả thế giới đều sống trong sự lo âu sợ hãi. Họ luôn tìm cách đấu đá chém giết lẫn nhau. Như vậy, thử hỏi con người có thật sự văn minh chưa? Người ta chỉ biết chạy đua hơn thua văn minh vật chất, còn “*văn minh tinh thần*”, thì họ lại lãng quên. Không một ai quan hoài đếm xỉa đến. Thế thì, trách sao nhơn loại sống không khổ đau cho được!

Chẳng những họ gây khổ đau cho nhau trong hiện tại, mà còn kéo dài quả báo khổ đau mãi về sau nữa. Một cá nhân gây tạo nghiệp ác, thì cá nhân trả quả báo. Còn cả nhơn loại gây tạo nghiệp ác thì sao? Đơn giản thôi! Thì cả nhơn loại phải chịu trả quả báo cộng nghiệp chớ sao! Trách ai đây? Trách trời hay trách Phật? Hay tự trách lấy ta? Xin nhớ:

“Đã mang lậy nghiệp vào thân
Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa.
Thiện căn ở tại lòng ta
Chữ Tâm kia mới bằng ba chữ tài...”
(Truyện Kiều)

Chính vì thế, nên Pháp cú trên Phật dạy rất rõ: “Người gây điều bất thiện, làm xong ăn năn, khóc lóc nhỏ lệ dầm dề, vì biết mình sẽ thọ quả báo tương lai”. Qua lời dạy này, nếu chúng ta chỉ cần thêm chữ “Không” vào, thì sẽ chấm dứt khổ đau và sẽ không còn ăn năn, khóc lóc nhỏ lệ dầm dề nữa. Xin thành thật nhắc lại một lần nữa: “Chỉ cần thêm một chữ “Không” vào đầu của mười điều này, thì bảo đảm mọi người sẽ không còn thọ khổ trong hiện tại cũng như trong tương lai”.

68. Người tạo các nghiệp thiện, làm xong chẳng chút ăn năn, còn vui mừng hơn hở, vì biết mình sẽ thọ lấy quả báo⁸⁰ tương lai.

Well done is that action doing which one repents not later, and the fruit of which one reaps with delight and happiness.

*Kệ Tụng
Nghiệp làm chơn, chánh thiện
Làm rồi không ăn năn
Tâm hoan hỷ đẹp lòng*

⁸⁰ **Quả báo:** Quả nghĩa đen là trái. Báo là đáp trả lại. Quả báo là đáp trả lại cái kết quả mà mình đã gây tạo.

Tự biết hưởng quả báo.

Lược giảng

Pháp cú này, Phật dạy ngược lại pháp cú trên. Thay vì chúng sanh tạo những nghiệp ác thọ khổ, ngược lại, cố gắng làm những điều lành thì sẽ được hưởng quả báo an vui. Nói đến điều lành, thiết nghĩ, chúng ta cũng cần nên biện biệt qua cho rõ. Nếu không, thì chúng ta cũng dễ làm nhận.

Thử đặt vấn đề: thế nào là điều lành? Thế nào là điều chẳng lành? Trong Kinh định nghĩa: điều lành là những việc làm nào có lợi cho mình, cho người trong hiện tại cũng như tương lai. Đó là điều lành. Ngược lại là điều ác, điều dữ. Có người nói: lành thì không dữ, dữ thì không lành, hoặc lành là điều hiền, điều tốt... Người nói như thế, mới nghe qua, thì dường như đúng, nhưng xét kỹ, thì chưa hẳn thật đúng. Thí dụ: thầy giáo đánh học trò, hành động đó, ai cũng cho là dữ. Chẳng những người ngoài nhìn vào cho là dữ, mà ngay cả chính ông ta cũng ăn năn hối hận việc mình làm. Vì mình là nhà mô phạm, tại sao có hành động như thế? Ngược lại, đưa học trò bị đánh, nó sẽ nhìn thầy giáo với cặp mắt như thế nào? Hẳn là nó sẽ oán giận lắm! Nó cho thầy hung dữ. Nhưng, xét kỹ hành động của thầy giáo có phải dữ không? Chúng ta nên giải trách cho rõ ràng. Nếu không, thì dễ làm nhận. Ngược lại, một học sinh tánh tình nghịch ngợm, phá phách, gặp ai nó cũng chọc ghẹo, gây phiền phức cho mọi người. Nhưng, thầy giáo làm thình, không rầy la trách phạt. Chẳng những không

rầy la trách phạt mà còn dịu ngọt với chúng nữa. Như vậy, có phải là hiền không?

Vậy, điều lành điều dữ giá trị như thế nào? Như trên đã định nghĩa về điều lành và điều dữ. Muốn biết lành dữ, cần phải đặt định trên chiều thời gian. Như hành động đánh học trò của thầy giáo nói trên, mới nhìn qua như là dữ, nhưng kỳ thật không phải. Vì mục đích của thầy giáo là muốn cho học trò mình nên. Dù hiện tại, ông ta có bị thiệt thòi, nhưng tương lai của đứa học trò kia lại tốt đẹp. Như thế là lành chứ không phải dữ. Ngược lại, một đứa học trò ngỗ nghịch phá phách, thầy giáo không rầy la trách phạt, mới nhìn, thì thấy thầy giáo như hiền từ, nhưng xét kỹ thì chưa phải. Vì tương lai, đứa học trò sẽ trở thành một người xấu trong xã hội. Như thế, thì việc làm thình đó, có lợi ở nơi mình mà có hại ở nơi người, thì đó là ác. Vì mình không làm tròn trách nhiệm của mình. Từ đây suy ra, xác định những việc khác cũng đều như thế.

Trở lại pháp cú trên, qua kinh nghiệm bản thân của mỗi người trong đời sống, hẳn ai cũng sẽ thấy rõ điều đó. Người nào một giờ làm lành, thì một giờ được an vui. Cho đến, suốt đời làm lành, thì suốt đời được an vui. Đó là điều thực tế nhứt trong đời sống.

69. Khi ác nghiệp chưa thành thực⁸¹, người ngu tưởng như đường mật; nhưng khi ác nghiệp đã thành thực, họ nhất định phải chịu khổ đắng cay.

So long as an evil deed has not ripened, the fool thinks it as sweet as honey. But when the evil deed ripens, the fool comes to grief.

Kệ Tụng

*Người ngu nghĩ là ngọt
Khi ác nghiệp chưa thành
Ác nghiệp thuần thực rồi
Người ngu chịu khổ đau.*

Lược giảng

Một người tạo nhân ác, khi quả báo chưa đến, họ tưởng là không có nhân quả, hay nhân quả không đúng. Họ không biết rằng, nhân quả phải trải qua ba thời kỳ: “quá khứ, hiện tại và vị lai”. Có khi vừa gây nhân là có kết quả liền. Thí dụ: ta có ăn là có no liền, hay ta học là ta biết chữ liền. Ăn là nhân mà no là quả. Học là nhân, biết chữ là quả. Đó là nhân quả hiện tiền. Trong nhà Phật gọi là hiện báo. Đời này gây, thì đời này trả. Chẳng qua, tùy nhân gây tạo mà nó có mau chậm. Như kẻ giết người, sau đó, họ tẩu thoát và trốn tránh. Trong thời gian này, luật pháp chưa phát hiện ra họ. Họ tưởng không ai tìm thấy họ. Nhưng họ quên rằng, cái quả báo nó có ngay khi họ cầm súng hoặc cầm dao giết người

⁸¹ **Thành thực:** Thành là trọn nên. Thực là chín. Thành thực là một việc làm nào đó đã trọn nên chín mùi.

rồi. Trước sau gì họ cũng phải đền tội. Luật pháp không bao giờ nới tay dung tha họ. Luật pháp đang truy nã họ. Họ tưởng qua rồi mọi việc êm xuôi. Không đâu. Giống như pháp cú trên nói: *“khi ác nghiệp chưa thành thực, người ngu tưởng như đường mật.”* Nên nhớ, chỉ có kẻ ngu muội mới nghĩ như thế. Sở dĩ họ thấy là đường mật, là vì quả báo chưa thành thực, tức là chưa đến giai đoạn chín mùi. Khi trái cây đã chín mùi rồi, dù ta không hái, tự nó cũng sẽ rụng. Và nó sẽ rụng bất cứ lúc nào. Khi rụng rồi, thì dù cho ta có than van trách phạt, thì ôi thôi! cũng đã quá muộn màng rồi! Kinh dạy:

*“Giả sử bá thiên kiếp
Sở tạo nghiệp bất vong
Nhân duyên hội ngộ thời
Quả báo hoàn tự thọ”.*

Nghĩa là:

*Dù trải qua trăm ngàn kiếp
Chỗ tạo nghiệp không mất
Khi nhân duyên đến rồi
Quả báo phải chịu lấy.*

Luật nhân quả không bao giờ sai lệch. Lưới trời tuy thưa mà lỏng lẻo, không lọt một ai. Dù cho ta có cao bay xa chạy đến đâu, cuối cùng rồi cũng phải trả. Bởi thế sách Nho có câu:

*“Thiện ác đáo đầu chung hữu báo
Cao phi viễn tẩu dã nan tàng.
Hành tàng hư thiệt tự gia tri*

*Họa phước nơn do cánh vấn thù.
Chỉ tranh lai tảo dữ lai trì”.*

Nghĩa là:

Làm lành hay làm dữ, cuối cùng rồi cũng phải trả.

*Đừng có hùng cao bay xa chạy mà tránh khỏi,
Cũng không thể che dấu được ai.*

*Chẳng qua là quả báo nó đến với mình sớm
hoặc muộn mà thôi.*

*Việc làm của mình có giả dối hay thật tình,
Thì chính mình, mình tự biết rõ.*

Việc họa phước đến không cần phải hỏi ai.

*Chẳng qua là nó sẽ đến với mình sớm hoặc
muộn mà thôi.*

Nhưng chắc chắn là nó sẽ đến. Có khi nó đến một cách hung tợn, rùng rợn; cũng có khi nó đến một cách rất âm thầm lặng lẽ. Nhưng dù hung tợn hay âm thầm, tùy theo cái nhân đã gây, điều quả quyết chắc chắn là không ai tránh khỏi. Làm sao tránh khỏi đây, khi mà cái quả báo nó luôn bám sát theo mình. Khác nào như bóng theo hình. Hình như thế nào thì bóng sẽ như thế ấy. Có người chỉ biết có hình mà quên bóng. Nếu chúng ta luôn luôn nhớ bóng, nó luôn bám sát theo mình, thì đời ta chắc sẽ bớt khổ nhiều lắm. Vì có nhớ như vậy, làm sao ta dám gây tạo nghiệp ác. Bởi thế, Phật mới quở ta là kẻ ngu khờ đại dột. Cho nên đừng nghĩ rằng, khi ta tạo nghiệp ác, không ai thấy biết. Dù cho con mắt phàm nơn không thấy biết, nhưng dưới đôi mắt “*Thần nhân quả*” nhìn ngó, ta khó thoát khỏi. Đôi mắt đó như ánh đèn pha soi rõ việc làm của ta. Nó

luôn theo dõi dòm ngó ta lom lom từng giây phút. Cuối cùng rồi, ta cũng phải xuôi tay mà nạp mạng. Đã có biết bao nhiêu người nạp mạng như thế. Đã gây nhân bất thiện rồi, thì khó thoát khỏi lưới Trời. Lưới trời pháp luật tuy thưa, nhưng mà rất khó lọt. Lưới pháp luật thế gian còn không lọt được, làm sao lọt lưới Nhân Quả. Hiểu như thế, mới thấy lời Phật dạy không bao giờ sai chạy. Một mảy may không sai sót. Biết vậy, ta không thể lơ là trong việc tu hành.

Ta nên nhớ luật tắc căn bản: *“Ai ăn nấy no, ai học nấy biết chữ, không ai ăn thế hay học thế cho ai được”*. Trong sự sinh hoạt hằng ngày, ta luôn nhớ đến nhân quả, thì đời ta chắc chắn sẽ được an vui. Vì sao? Vì nhớ nhân quả, nên ta cố gắng vun bồi tạo thêm điều lành. Đã gây nhân lành, vô lý ta lại thọ quả dữ. Trừ phi, quả báo của quá khứ mà ta đã gây. Đến nay, nó tới thời kỳ chín mùi, tất nhiên ta phải trả. Đúng như lời Phật dạy trong Pháp cú trên: *“nhưng khi ác nghiệp đã thuần thục, họ nhất định phải chịu quả đắng cay”*.

70. Từ tháng này qua tháng khác, với món ăn bằng đầu ngọn cỏ cô sa⁸² (cỏ thơm) người ngu có thể lấy ăn để sống, nhưng việc ấy không có giá trị bằng một phần mười sáu của người tư duy chánh pháp⁸³.

⁸² **Cỏ cô sa:** Cô sa là phiên âm từ tiếng Phạn Kusa, tên của một loại cỏ thơm, nguyên văn chữ Phạn là kusag-gena, tức là dùng đầu ngọn cỏ cô sa.

⁸³ **Chánh pháp:** giáo pháp chơn chánh do Phật dạy. Người tư duy Chánh pháp (Sankhata dhamman) là người thâm nhập chánh pháp, đây là người giác ngộ Tứ đế.

*Month after month a fool may eat his food with the tip
of a blade of grass, but he still is not worth a sixteenth
part of those who have comprehended the Truth.*

*Kệ Tụng
Đầu tháng này tháng khác
Với ngọn cỏ kusa
Người ngu có ăn uống
Không bằng phần mười sáu
Của người hiểu chánh pháp.*

Lược giảng

Đối với người vô trí, dù cho họ có ăn uống khổ cực để hành hạ xác thân đến đâu, thì kết quả cũng chẳng đem lại lợi lạc gì. Tu khổ hạnh là điều tốt. Biết ức chế sự ăn uống cũng là điều hay. Con người đau khổ phần lớn cũng do ăn uống mà ra. Bởi thế mà tục ngữ có câu:

*Miếng ăn là miếng tội tàn
Mắt ăn một miếng lợn gan lên đầu.*

Nhưng ăn uống kham khổ để có nhiều thời giờ tu hành, đó là điều đáng quý kính. Ngược lại, nếu ăn uống kham khổ mà dành nhiều thời giờ lãng phí cho việc khác, thì đó là điều đáng trách. Thế nên cùng một việc làm mà giữa kẻ trí với người ngu khác nhau xa. Pháp cú trên, Phật dẫn dụ một hạng người ngu cho ta thấy. *Từ tháng này đến tháng khác, họ chỉ ăn một loại cỏ thơm, kể ra,*

đối với chúng ta, thì chắc không ai làm nổi. Thế mà họ vẫn giữ ăn như thế.

Giả như, bây giờ có người nào tu khổ hạnh, ngày nào họ cũng chỉ ăn một loại rau, bất cứ loại rau gì cũng được, thì chắc chắn người này sẽ được mọi người khen ngợi và kính nể. Trong đời, ít ai làm được như thế. Nhưng ở đây, Phật chẳng những không một chút khen ngợi, mà trái lại, Phật còn quở trách cho họ là người ngu. Tại sao vậy? Bởi vì việc ăn uống này, Phật đã có thừa kinh nghiệm. Chính Phật đã trải qua trong thời gian sáu năm tu khổ hạnh cùng với năm anh em Kiều Trần Như. Chính Phật đã từ bỏ lối tu ép xác này vì nó không phải là con đường đưa đến hạnh phúc. Chỉ hành hạ xác thân thêm đau khổ mà thôi.

Trong khi tu học, ta rất cần một thân thể khỏe mạnh. Một linh hồn minh mẫn trong một thân thể tráng kiện. Nếu như ta mang một thân thể bặt nhược yếu đuối, bệnh hoạn, thì thử hỏi làm sao tu học và làm được gì lợi ích cho ai! Thế nên, Phật không cho việc ăn uống ép xác như thế là việc tốt.

Tuy nhiên, cũng không nên ăn uống quá sung túc. Đó là hai thái độ cực đoan mà ta nên tránh. Điều quan trọng là ta khéo biết lợi dụng việc ăn uống vừa đủ nuôi thân để tu học theo chánh pháp. Đó mới là điều đáng nói và đáng quan tâm. Đời tu của ta mà không học hỏi chánh pháp; không để tâm quán chiếu tư duy ở nơi chánh pháp, thì dù cho ta có ở lâu trong đạo, cũng không được lợi lạc gì.

Chánh pháp ở đây, Phật muốn nói đến Tứ diệu đế. Đây là bốn thứ giáo lý căn bản của hàng Thanh văn. Do đó, ta cần phải nghiên cứu học hỏi thật kỹ bốn chân lý này. Bởi vậy, Phật mới dạy: “*Nhưng việc ấy (tức việc ăn uống kham khổ) không bằng một phần mười sáu của người tư duy chánh pháp*”.

Tại sao Phật dạy thế? Bởi có tư duy chánh pháp ta mới thông hiểu được đường lối tu hành. Có thông hiểu, ta mới thật hành đúng theo chánh pháp. Có thật hành đúng chánh pháp, thì đời ta mới hết khổ. Như vậy, mới thật sự có lợi ích trong việc tu hành. Còn như ăn uống dù cho có cực khổ đến đâu, cũng chẳng đem lại lợi lạc gì. Mình không lợi lạc, thì nói chi đến việc lợi lạc cho người. Thậm chí còn gây nên nhiều tác hại chướng ngại cho việc tu học của ta nữa.

Cho nên pháp cú trên, Phật nhằm thức nhắc người tu nên cẩn trọng tránh những lối cực đoan vô ích. Điều quan trọng là phải đem hết tâm tư để tu học đúng theo chánh pháp. Tức đúng theo con đường diệt khổ mà Phật đã dạy. Có thế, thì đời tu của ta mới được giải thoát và mới đem lại sự lợi lạc cho mọi người.

71. Người cắt sữa bò không chỉ sáng chiều đã thành vị đề hồ⁸⁴ được. Cũng thế, kẻ phạm phu tạo nghiệp

⁸⁴ **Đề hồ:** là một loại phô mai, do từ chất sữa để đông đặc mà ra. Muốn sữa đông đặc thành đề hồ không phải một ngày một đêm mà đông được kịp.

ác tuy chẳng thụ ác quả liền, nhưng nghiệp lực vẫn âm thầm theo họ như lửa ngùn giữa tro than.

Truly, an evil deed committed does not immediately bear fruit, like milk that does not turn sour all at once. But smouldering, it follows the fool like fire covered by ashes.

Kệ tụng

*Làm hạnh ác nghiệp dữ
Như sữa, không đông ngay
Ngấm ngầm theo kẻ ngu
Như tro che lửa ngùn.*

Lược giảng

Có người khi gây tạo nhân lành, họ muốn có quả lành đáp trả liền cho họ. Tuy nhân quả không bao giờ sai chạy, nhưng rất phức tạp. Nói gây nhân nào có quả nấy, tuy không sai, nhưng cũng không phải đơn giản như vậy. Bởi vì nhân quả nó còn đòi hỏi phải hội đủ nhiều nhân tố khác nữa mới tạo thành. Nói cách khác, dù có chánh nhân, nhưng còn phải có nhiều trợ duyên giúp cho chánh nhân đó. Có khi, có chánh nhân tốt mà trợ duyên không tốt, thì cái chánh nhân kia cũng không thể phát triển tốt đẹp được. Có khi, chúng ta gây nhân, nhưng bị nghịch duyên, thì cái nhân kia cũng đổi khác đi.

Thí dụ: Khi chúng ta gieo hạt cải, vì không chăm sóc kỹ, nên những hạt cải kia bị kiến tha hết (nghịch

duyên). Ngày nào ta cũng tưới nước, vài hôm sau, thấy lên lún phún, ta cứ ngỡ là hạt cải, nhưng cuối cùng đó là cỏ. Cũng có khi ta gieo những hạt bông, kết quả lại lên cỏ không. Ta tự hỏi tại sao như thế? Tại vì khi ta gieo hạt, ta không để ý đến kiến, nên chúng cắn tha hết hạt cải và hạt hoa. Bây giờ ta kết luận: Nhân cải mà quả cỏ hoặc nhân hoa mà quả cỏ. Cho nên, từ nhân tới quả, còn đòi hỏi phải có đủ thuận duyên thì cái nhân đó mới kết quả tốt được. Bởi thế, nếu nghiên cứu kỹ, ta thấy nhân quả rất phức tạp, không phải đơn thuần như người ta lầm tưởng.

Điều Phật nêu thí dụ trên cho ta thấy, từ nhân tới quả phải có thời gian. Tùy theo cái nhân đã gây mà có kết quả mau chậm khác nhau. Như từ sữa muốn cho nó trở thành đề hồ, phải có thời gian. Thời gian mau chậm, còn tùy thuộc vào trợ duyên tốt xấu. Như phải có máy lạnh đông đặc tốt, cộng thêm thời tiết tốt v.v... thì chất đề hồ kia mới tốt và mau. Bằng ngược lại, thì thời gian phải lâu hơn và có đôi khi sữa bị hư không thành đề hồ, nếu trường hợp không có điện và thời tiết quá nóng. Như thế ta có thể kết luận, chưa hẳn là nhân nào quả nấy. Từ nhân tới quả còn tùy duyên. Tuy cái nhân không mất, nhưng khi đổi duyên, thì cái quả sẽ sai khác.

Thí dụ: trong lớp có hai học sinh A và B trình độ học vấn ngang nhau. Nhưng em A vào cuối tuần, học kèm thêm với một thầy giỏi. Trong khi đó, em B không có học. Kết quả em A giỏi hơn bỏ xa em B. Như vậy, ta thấy, nhân thì đồng nhau (cùng học một lớp một thầy)

duyên đổi khác (A học thêm) kết quả A giỏi hơn B. Cho nên, chỉ căn cứ trên nhân mà đánh giá, ta không chịu xét đến duyên, thì sự đánh giá của ta chưa hẳn đúng. Đôi khi kết luận quá sai lạc và hàm hồ. Trường hợp vì nhân quá nhỏ nhiệm ta không thấy, tưởng rằng không có, đến khi thấy quả, ta không biết nhân từ đâu. Như khi ta dọn đất nhổ cỏ thật sạch, không còn sót một rễ cỏ nào, ta yên trí là khoảnh đất đó không bao giờ có cỏ mọc lên. Nhưng khi qua vài đám mưa, ta lại thấy cỏ nảy mầm lên lún phún. Thế là, ta tức giận không biết cỏ nảy từ đâu lên? Nhưng ta quên rằng, khi dọn nhổ cỏ, có những hạt cỏ quá li ti nhỏ nhiệm mà mắt ta không nhìn thấy, đến khi gặp duyên (trời mưa ướt đất) là cỏ mọc lên ngay. Cũng thế, có những nhân khi chúng ta gây, chúng ta không để ý đến, đến khi kết quả, chúng ta lại nói, tôi không có tạo, tại sao xảy ra.

Cũng có khi gây nhân rất lâu xa, mới có kết quả. Cho nên, xét nhân quả, ta phải xét qua ba thời kỳ: quá khứ, hiện tại và vị lai. Có nhân mới gây là có kết quả liền. Thời gian từ nhân đến quả rất ngắn. Như khi ta ăn cơm chẳng hạn. Có nhân từ khi gây cho đến khi kết quả phải trải qua thời gian, dài ngắn không như định. Song có điều, một khi đã có gây nhân, thì sớm muộn gì cũng phải có kết quả. Kết quả xấu tốt, còn tùy thuộc có chuyển nhân hay không chuyển nhân. Thí dụ: khi sáng anh A đánh anh B bị trọng thương, lẽ ra là anh A sẽ bị anh B và thân nhân của anh B đánh trả thù nặng. Nhưng ngày hôm sau, anh A biết lỗi lầm mình đã gây, liền đến nhà anh B để xin lỗi về việc đã gây ra. Anh A thú nhận mọi lỗi lầm và xin anh B tha lỗi. Sau đó, anh

A được anh B tha lỗi. Và anh B chỉ nói đôi điều cho hả giận thôi chứ không có đánh trả thù. Như vậy, ta thấy khi gây nhân thì có nặng, nhưng khi trả quả thì nhẹ đi. Lý do là vì chuyển nhân đã gây từ nặng thành nhẹ. Bởi thế, nên tu là chuyển nghiệp. Nếu nghiệp không chuyển được, thì ai tu làm gì.

Câu pháp cú trên, Phật nêu ra giữa dụ và pháp về lý nhân quả, tuy thời gian kết quả có chậm, nhưng một khi đã gây nghiệp ác rồi khó thoát khỏi cái quả báo ác đập lại. Bởi thế, nên Phật nói: “*Kẻ phạm phu tạo nghiệp ác tuy chẳng cảm thụ ác quả liền, nhưng nghiệp lực vẫn âm thầm theo họ như lửa ngùn giữa tro than*”. Nhìn thấy tro, ta tưởng là không có lửa, nhưng có ngò đâu, lửa đã ngùn sâu trong than. Cũng thế, khi gây nhân ác, trải qua thời gian lâu, ta không thấy có trả quả. Bây giờ, ta cứ tưởng là quả không có, nhưng kỳ thật, quả vẫn bám sát theo nhân, như lửa vẫn bám sát theo tro. Chẳng qua chưa tới thời tiết nhân duyên hiện rõ đây thôi. Xin chớ có lầm tưởng cho là mất hẳn!

72. Kẻ phạm phu lòng muốn được tri thức mà hành động lại dẫn tới diệt vong, nên hạnh phúc bị tổn hại mà trí tuệ cũng tiêu tan.

To his own ruin the fool gains knowledge, for it cleaves his head and destroys his innate goodness.

Kệ Tụng

*Tự mình rước nguy hại
Người ngu được trí danh
Hạnh phúc bị tổn hoại*

Não đầu bị nát tan.

Lược giảng

Ở đời, có đôi khi làm những chuyện mâu thuẫn mà chúng ta không hay biết. Hạnh phúc thì ai cũng muốn, nhưng tạo cái nhân để được hạnh phúc thì không có. Như thế có phải là trái ngược không? Cũng như người tu Tịnh độ, ai cũng muốn vãng sanh về Tây phương Cực Lạc, nhưng niệm Phật thì cho có lệ. Như thế, thì thử hỏi làm sao vãng sanh cho được? Vì nhân và quả không đồng nhau.

Như pháp cú trên, Phật dạy: *“Kẻ phàm phu lòng muốn được tri thức mà hành động lại dẫn tới diệt vong, nên hạnh phúc bị tổn hại mà trí tuệ cũng tiêu tan”*. Có thể nói, đây là tâm bệnh chung của tất cả chúng ta. Muốn một đàng mà làm một ngã. Một cậu học sinh, vì tự ái không muốn thua sút chúng bạn mỗi khi thi cử, nhưng hằng ngày thì lại rong chơi, không cố gắng học hành. Như vậy, trách gì không thi rớt. Muốn trở thành một nhà thông thái, thông kim bác cổ, mà tối ngày ta chưa từng cầm quyển sách lên đọc, thì thử hỏi ta thành cái gì? Thành kẻ dốt nát thì có! *Khác nào muốn được tri thức mà hành động dẫn tới diệt vong*. Diệt vong là không có, là mất hẳn. Bây giờ hạnh phúc cũng không mà trí tuệ cũng không. Làm sao có được, khi mà cái chánh nhân “tri thức” không gây tạo. Nếu nói ngược lại, thì người nào muốn có trí tuệ và hạnh phúc, thì người đó phải chịu khó cần cù học hỏi. Bằng không, thì xin bắt thang lên hỏi ông trời:

- Thưa ông Trời, tại sao tôi không có trí tuệ và

hạnh phúc?

- Sao không hỏi lại người mà người lại hỏi ta. Thôi! Để khỏi phụ lòng người cực khổ bắt thang leo lên tới đây, ta thấy cũng đáng thương xót tội nghiệp. Bây giờ, ta chỉ cho người một vị Thần để người tới đó mà hỏi ông.
- Dạ! Cám ơn ông Trời. Xin ông chỉ hộ cho.
- Được rồi! Người hãy lắng nghe cho thật kỹ đây!
- Dạ! Hạ thần đang hết lòng lắng nghe!
- Người chịu khó đến cái miếu thờ....
- Dạ ! thờ ai? Vậy...vậy...Trời!
- Từ từ đừng có nóng, sao nhà người tu hành mà tâm còn nóng nảy quá vậy?
- Dạ! Tại tập khí “sân hận” của hạ thần nó còn quá sâu dày.
- Sao người không ráng lo niệm Phật cho nó bớt.
- Dạ! Đêm nào, thần cũng có niệm chớ, nhưng không hiểu tại sao nó chưa giảm bớt.
- Tại người niệm cho có lệ, chớ người có hết lòng tha thiết niệm đâu mà phiền não sân hận của người nhẹ được.
- Thần đang nóng nảy muốn nghe Ngọc Hoàng chỉ cho cái miếu thờ...
- Được rồi! Người hãy nghe đây: Đó là cái miếu thờ “*Thần lười biếng*”. Người có biết không? Người lười biếng tu học mà bảo có trí tuệ hạnh phúc sao được! Thôi! ráng về dưới cố gắng tu học cho khá, thì người sẽ được toại nguyện.
- Cám ơn ông Trời chỉ dạy. Phen này, hạ thần sẽ cố gắng hết sức mình để lo tu học. Xin cám ơn bái bai ông Trời!

73. Kẻ ngu thường muốn hư danh⁸⁵: chỗ ngồi cao trong Tăng chúng, viện chủ⁸⁶ trong Tăng viện, mọi người xin đến cúng dường.

The fool seeks undeserved reputation, precedence among monks, authority over monasteries, and honour among householders.

Kệ Tụng

Ưa danh không tương xứng

Muốn ngồi trước Tỳ kheo

Ưa quyền tại già lam

Muốn mọi nhà cung kính.

Lược giảng

Pháp cú này Phật nhắm thẳng vào người xuất gia để răn dạy. Người xuất gia là người từ bỏ tất cả thế gian. Nói đến những vật chất thế gian không ngoài ngũ dục, lục trần. Tài, sắc, danh, thực, thù, đó là những thứ mà không ai thoát khỏi. Người đời bị đắm chìm trong những thú vui này. Nhưng họ quên rằng: “Thú vui chỉ mở đường cho đau khổ, hay vui trong chốc lát mà khổ sâu ngàn năm”.

⁸⁵ **Hư danh:** Hư là trống rỗng; danh là tên tuổi, địa vị, chức tước. Hư danh chỉ là danh tự rỗng tuếch không có thực chất. Chỉ là huyền ảo không thật mà người đời luống công nhọc sức tranh giành.

⁸⁶ **Viện chủ:** Người đứng đầu trong tự viện. Thường là một bậc thầy khai sơn tạo dựng một ngôi đại Già lam, gọi vị ấy là Viện chủ. Hoặc vị đó được công cử giữ chức vụ đó, cũng gọi là Viện chủ.

Với cái nhìn của người giác ngộ, thì những thứ này, chỉ đem lại cho con người thêm đau khổ mà thôi. Các Ngài xem đó là những thứ hư danh như đôi dép bỏ. Người thế gian, vì không nhận rõ bản chất khổ đau của chúng, nên họ đua nhau tranh giành chiếm đoạt. Phật cho họ là những kẻ đang tắm mình trong ao tù ngũ dục. Họ không có một niệm nhằm chán để cầu thoát ly.

Ngược lại, người xuất gia chúng ta (chỉ nói nhỏ trong phạm vi chúng ta thôi) khi đãạo đầu là đã tự nguyện với lòng không bao giờ để tâm vương bận vào những thứ đó nữa. Khi mới phát tâm, thì nó có một sức mạnh lớn lao như thế. Nhưng khi trải qua một thời gian ở chùa, cái niệm thoát ly ban đầu từ từ yếu dần và cuối cùng đi vào quên lãng vì tâm nhiễm trước thế gian chưa trừ.

Trong Kinh Phật nói: “Người xuất gia xa lánh ngũ dục, như kẻ khạc đàm giải ra ngoài. Nếu ai còn vương mắc vào danh lợi, thì Phật nói, kẻ đó đã khạc ra mà còn liếm trở lại”. Nên tuy sống trong chùa lâu mà tâm ham mê danh lợi vẫn còn. Trong năm thứ dục lạc này, ở đây, đức Phật chỉ nêu ra có một thứ thôi. Đó là danh vọng địa vị. Chỉ một thứ này, cũng làm cho người xuất gia điên đảo, chớ nói chi đến những thứ khác.

Thường danh nó đi đôi với lợi, hễ có danh là có lợi, vì hiểu rất rõ tâm bệnh này, nên Tổ Qui Sơn cũng thường nhắc. Tổ Qui Sơn nói: *Người xuất gia vì ham mê danh lợi mà lỗi đạo*. Ngài dạy: “*Sao bèn mới lên đàn thọ giới, liền nói rằng ta đây là Tỳ kheo; của đàn việt*

tiêu xài, ăn dùng của thường trụ. Không biết xét nghĩ của đâu đem đến, cứ nói rằng phép ta nên chịu của cúng, ăn rồi nói chuyện xào xào, chỉ nói những chuyện thế gian bậy bạ. Song một thuở đưa vui, nào có biết vui đó là “nhơn” của cái khổ” (Sa Di Luật Giải, Hòa Thượng Hành Trụ dịch). Lời thức nhắc này, ngấm lại, đa số người xuất gia chúng ta đều mắc phải. Có người khi còn là một chú tiểu, tánh tình rất dễ thương. Thấy ai, chú cũng khiêm cung kính chào lễ độ. Trông chú rất hồn nhiên hiền từ. Ai nhìn thấy chú cũng mến thương. Nhưng, sau khi thọ giới Sa di, tánh tình của chú có phần thay đổi. Chú thấy mình khác hơn xưa. Từ đây cái “Ta” của chú cũng bắt đầu xuất hiện. Chú cảm thấy, chú lớn hơn những người chưa thọ giới như chú. Ngày xưa, chú sống hài hòa vui vẻ cùng chư huynh đệ, bây giờ thì có đổi khác. Đối với Phật tử tại gia, chú cũng thấy chú đã hơn họ. Chú muốn mọi người phải cung kính chú. Phật tử thấy chú mà không chào hỏi, chú cho họ là vô phép, thiếu lễ độ. Chú nhìn họ với đôi mắt thiếu cảm tình. Họ nhìn chú cũng thấy khác xưa. Cả hai, từ từ tạo thành hố xa cách. Cái “Ta” của chú xưa kia rất nhỏ, nay bắt đầu xuất hiện lớn dần...

Thời gian trôi qua, chú đứng tuổi thọ giới Cụ túc. Thầy cho chú ta đến giới đàn để thọ. Thọ xong, chú thấy chú không còn là một Sa di như thuở nào, mà nay chú đã trở thành một bậc thầy của thiên hạ. Ai gặp chú mà lỡ kêu chú bằng chú như dạo nào, thì mặt chú đỏ gay, buồn giận không tiếp chuyện với họ. Hoặc có khi họ gọi chú bằng thầy, lòng chú cũng không mấy vui. Gọi

bằng Đại Đức, thì chú cảm thấy vui hơn. Bây giờ cái “Ta” của chú lớn hơn hồi còn Sa di nhiều lắm.

Vì thế, nên Tổ Qui Sơn mới quở: “Sao bèn mới lên đàn thọ giới, liền nói rằng ta đây là Tỳ kheo”. Bệnh này, xét kỹ, ít có mấy ai tránh khỏi. Dù biết cái “Ta” là cái đáng ghét, nhưng có mấy ai chẳng bị vướng vào. Vì “chấp ngã” là cái căn bệnh trầm trọng truyền kiếp của chúng sanh.

Từ bệnh chấp ngã này, nó sanh ra nhiều thứ chứng bệnh tệ hại khác. Có người ít ham tài sắc mà lại háo danh. Miễn sao có được địa vị cao, được mọi người kính trọng nể nang, thì họ rất lấy làm hãnh diện. Một khi đã có địa vị cao, thì theo sau đó là lợi lộc. Cho nên câu kệ tiếp Phật nói: “*mọi người xin đến cúng dường*”. Danh và lợi thường đi đôi với nhau, chúng như cặp bài trùng. Khi có lợi dường rồi, họ bắt đầu quên tu. Càng lúc càng chạy đua theo danh lợi.

Bởi thế Tổ Qui Sơn nói: “Của đàn việt tiêu xài, ăn dùng của thường trụ. Không biết xét nghĩ chỗ đâu đem đến cứ nói rằng phép ta nên chịu của cúng”. Một bề tiêu phí của Tam Bảo, không chút hồi tiếc. Có người còn cho rằng, mình có phước hơn nên được Phật tử dâng cúng nhiều. Nhưng quên rằng, chúng ta thọ dụng càng nhiều, thì người thí chủ càng thêm lợi lớn (Thọ dụng ân phần, thí lợi nông hậu).

Tổ quở tiếp: “Ăn rồi dùm đầu nói chuyện xào xào, chỉ nói những chuyện thế gian bậy bạ”. Có lẽ, thời của Tổ,

người xuất gia ít bàn chuyện thế sự chánh trị, mà còn bị quở như thế. Nếu Tổ sống ở thời đại này, không biết Tổ quở đến bậc nào! Chuyện bậy bạ là những chuyện tào lao, toàn những chuyện bù khú của thiên hạ mang ra phê bình chỉ trích. Ít có mấy ai bàn chuyện đạo lý.

Câu kệ tiếp Tổ cảnh giác: “Song thời một thủa đua vui, nào có biết vui đó là “nhơn” của cái khổ”. Cái vui của ngày hôm nay lại là cái quả khổ của truyền kiếp mai sau. Với người trí, họ quyết tránh nhân thì không có quả.

Người xưa nói:

*Công danh cái thế màn sương sớm
Phú quý vinh hoa giấc mộng tràng.*

Hay:

*Danh mà chi, lợi lắm mà chi!
Của công danh như bọt nước có ra gì
Mùi phú quý như vàng mây tan hiệp
Sang cho mấy cũng rồi một kiếp...
Than ôi!
Phú quý lợi danh như nước chảy
Sắc tài tửu khí tợ mây tan
Ngựa xe áo mũ không bền bỉ
Nhắm mắt hoàn ra đồng cốt tàn.*

Cuối nẻo đường trần, thân ai cũng hoàn ra đồng cốt tàn cả. Biết thế, còn ham danh lợi làm gì!

Than ôi!

*“Cái vòng danh lợi cong cong
Người mong ra khỏi người trông bước vào.
Bước vào tất phải té nhào
Bò lăn bò lóc, bò cào té da.*

*Chúng ta là kẻ xuất gia
Bạc tiền chẳng có của nhà cũng không.
Lợi danh danh lợi lòng vòng
Thoát ra rồi lại lấy công đeo vô.
Đến khi nhắm mắt ô hô!
Mọi vật để lại bộ đồ mang theo.*

Danh lợi chỉ là thứ hư danh hào nhoáng, cuối cùng chính nó đưa ta vào cửa tử. Lịch sử đã chứng minh, có biết bao người tu hành mà còn ham mê danh lợi, địa vị cao sang, cuối cùng, bị hậu quả chuốc lấy thảm họa đau thương!

Như trường hợp “Ngài Ngô Đạt Quốc Sư do vua Ý Tông ban cho ngài bửu tòa bằng trầm hương, cao hơn hai trượng để ngài thuyết pháp. Vì một niệm móng tâm danh lợi mà phải bị Triệu Thố theo hãm hại đòi mạng. Thọ tòa trầm hương còn tồn phước mà mắc báo như thế, há chẳng đáng sợ lắm sao!

Hãy nhìn tấm gương đức Phật và các bậc Tổ sư. Đức Phật đã từ bỏ ngai vàng địa vị giàu sang, để đi xuất gia. Sau khi xuất gia, suốt đời Ngài chỉ có một cái bình bát và ba lá y che thân mang theo mình.

Người ta tôn xưng Ngài là người giác ngộ, hoặc Thế Tôn (Bậc cao quý trên đời) chứ không tôn xưng Ngài một chức vụ gì khác. Đến hàng đệ tử xuất gia của Ngài cũng thế.

Ngày nay, đôi khi chúng ta vì chức vụ mà làm chướng ngại cho sự tu hành của chúng ta rất lớn. Vì chức vụ

càng lớn chừng nào, thì cái “Ta” càng cao chừng đó. Đây là một sự thật, ta không thể qua mắt che đậy được người đời.

Do Phật từ bỏ tất cả, nhờ vậy, mà ngày nay chúng ta mới được thừa hưởng cái gia tài sự nghiệp vẻ vang của đức Phật để lại.

Ở Việt Nam, thời Trần, có Sơ Tổ Trúc Lâm, một vị vua nhà Trần, cũng từ bỏ ngai vàng, địa vị cao sang, quyền uy tột đỉnh, vào núi Yên Tử, tu hạnh đầu đà. Cho đến trọn đời Ngài chỉ đi bộ, không đi xe cộ thuyền bè. Tu như thế, cho đến ngày viên mãn đạo quả.

Gương Phật Tổ còn đó, xét lại mình thì sao? Thật đáng tủi hổ lắm thay! Nói thế, không có nghĩa là chúng ta không cần đến chức vụ, vì xã hội ngày nay phải cần như thế. Nhưng chúng ta không nên coi đó là quan trọng. Chúng ta coi đó như là một phương tiện hoằng đạo. Chúng ta đừng để tâm dính mắc vào đó. Đó là thái độ khôn ngoan của chúng ta. Nếu chúng ta ham mê chạy theo danh lợi địa vị, những thứ mà Phật Tổ cho là hư danh đó, thì ta có để lại cái gì cho người sau thừa hưởng? Chẳng lẽ đời tu của chúng ta chỉ biết có hai thứ: Lợi và Danh không sao? Nếu thế, thì ở ngoài đời, ta thụ hưởng sướng hơn! Ngẫm lại, đời ta có những thứ thật là trái ngược. Khi còn ở ngoài đời thì chán, chạy vào đạo để tu. Khi vào đạo rồi, thì chán tu, chạy theo danh lợi để thụ hưởng. Cứ chạy lòng vòng, cuối cùng bị quỷ vô thường chặn hỏi. Khi quỷ vô thường hạch hỏi, bấy giờ mới giật mình thức tỉnh, thì ôi thôi! Đã muộn lắm

rồi! Lúc đó, đã cận kề với tử thần rồi, đâu còn thời giờ tu hành gì nữa!

*Thôi thì xin hẹn kiếp sau
Bao giờ khô lệ mới vào chùa tu
Bây giờ danh lợi lu bu
Đâu còn rảnh rỗi mà tu với hành
Bụng làm dạ chịu cam đành
Phật Đà dạy kỹ ham danh đáng đời!
Chớ than trách Phật trách trời
Trách ta vụng dại uổng đời xuất gia!*

74. Hãy để cho người Tăng kẻ tục nghĩ rằng: “Sự này do ta làm, mọi việc lớn nhỏ đều theo lệnh của ta”. Kẻ ngu cứ tưởng làm như thế nên lòng tham lam ngạo mạn⁸⁷ tăng hoài.

“ Let both laymen and monks think that it was done by me. In every work, great and small, let them follow me” – such is the ambition of the fool; thus his desire and pride increase.

*Kệ Tụng
Mong cả hai tăng tục
Nghĩ rằng “chính ta làm
Trong mọi việc lớn nhỏ
Phải theo mệnh lệnh ta”
Người ngu nghĩ như vậy
Dục mạn cùng tăng trưởng.*

⁸⁷ **Ngạo mạn:** Cao ngạo và ngã mạn. Kẻ cậy mình tài giỏi, khinh khi coi thường người khác thấp hèn chẳng ra gì, gọi chung là cống cao ngã mạn.

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy cho cả hai giới xuất gia và tại gia. Người xuất gia là người mong cầu thoát ly tam giới. Cái bản nguyện thật cao sáng tuyệt vời. Ai cũng ý thức đến sự đau khổ của cuộc đời mà đi tu. Ý thức sự đau khổ, không có nghĩa là chối bỏ tất cả. Không phải đi tu rồi là cắt đứt mọi liên hệ xã hội. Làm sao cắt đứt cho được? Bởi vì sự sống của ta là một sự liên hệ của tất cả người khác. Sự sống của người khác là liên hệ mật thiết với ta. Nói rộng ra là liên hệ chẳng chịt với tất cả muôn loài. Không loài vật nào chẳng có mặt trong ta.

Do sự liên hệ hình thành theo lý duyên sinh đó, nên một việc làm lành hay dữ của ta đều có ảnh hưởng liên hệ đến mọi người mọi vật. Vì lẽ đó, nên người xuất gia, dù đã từ bỏ xa lánh hết những sự nghiệp thế gian, nhưng không vì thế mà ta không tạo sự nghiệp làm lợi ích cho thế gian.

Sự nghiệp ở đây không phải là chùa cao Phật lớn, hay những công trình kiến trúc vĩ đại nguy nga. Dù rằng, đó cũng là một hiện tượng góp mặt làm lợi ích cho đời. Nhưng không phải vì thế mà ta bám chặt vào hiện tượng đó. Nếu bám chặt vào đó, thì rõ ràng vật thể đó là ta. Ta và vật thể đó bất khả phân ly. Đó chính là làm mà còn chấp tướng. Còn chấp tướng, tất nhiên còn thấy có ta, có người, có chúng sanh và có thọ giả. Nói rõ ra, mình làm, mình thấy có việc mình làm và bắt mọi việc

phải theo sự chỉ định của mình. Nếu trái ngược lại, tất nhiên mình sanh phiền não.

Bởi thế Phật dạy: “*Sự này do ta làm, mọi việc lớn nhỏ đều theo lệnh của ta*”. Giả sử không theo lệnh của ta thì sao? Ta có để yên hay không? Hay ta sẽ làm lớn chuyện? Bao nhiêu cái “Ta” xuất hiện trong việc làm của mình? Sự nghiệp của người xuất gia không phải ở cái ta tầm thường đó. Mà sự nghiệp của người xuất gia phải là cao thượng hơn. Đó là sự nghiệp “*Trí tuệ*”. Chính sự nghiệp này mới siêu xuất thế gian. Không phải thứ sự nghiệp thường tình như người đời. Nếu xây dựng sự nghiệp thường tình như người đời, thì sao gọi là xuất gia? Ý nghĩa xuất gia, tự ta đã đánh mất rồi. Như vậy, thì có khác gì người đời đâu! Khác chăng chỉ còn lại là trên hình thức thôi. Trên hình thức, thì sao đánh giá được người tu? Bởi vì “*chiếc áo không làm nên thầy tu*” kia mà!

Tổ Qui Sơn dạy: “*Người xuất gia phải là tâm hình dị tục*”. Thân đã khác người đời mà tâm cũng phải khác nữa. Nếu tâm không khác, thì coi chừng ta sẽ biến chất thành người thế gian khi nào không hay. Và như thế, thì việc làm của ta cũng vướng vào vòng hệ lụy của bản ngã. Rồi cũng tham sân si chấp trước như ai. Đã chấp ngã, thì việc đạo hay đời cũng thế.

Đối với người đời, lúc nào họ cũng chủ quan. Họ coi họ là quan trọng. Ngoài họ ra không có ai. Họ sai người phải làm. Không làm là kẻ đó chống báng họ. Nếu họ là người có oai quyền thế lực, thì cái Ta của họ rất là

cao lớn. Cao lớn còn hơn núi Tu di. Vì họ thấy họ có quyền lực. Quyền lực càng lớn, thì bản ngã của họ càng cao. Kẻ nào dám khinh khi xem thường họ, thì kẻ đó phải chết. Cứ thế mà cái “Ta” của họ càng ngày càng lớn dần.

Bởi vậy, kế tiếp Phật mới nói: “*Kẻ ngu cứ tưởng lầm như thế nên lòng tham lam ngạo mạn tăng hoài*”. Ở thế gian, lúc nào họ cũng coi cái ngã của họ cao trọng. Họ cố bảo thủ đến kỳ cùng. Họ dám chết vì sự nghiệp của họ. Họ coi sự nghiệp của họ trên hết. Bởi thế, lòng tham lam của họ càng ngày càng tăng. Họ càng tham lam chấp trước, thì đời họ càng khổ lụy dài dài. Dù biết khổ, nhưng họ vẫn tham. Nghiệp lực của họ sâu nặng là thế đấy! Bao giờ nhắm nghiền đôi mắt lại, họ mới chịu buông bỏ hết việc đời. Chừng đó, họ mới không còn tham lam nữa. Nếu còn một hơi tàn thoi thóp, thì họ vẫn còn nuôi tiếc sự nghiệp mà họ đã tạo nên. Bởi thế, mà cổ đức đã than:

*Ôi! Chúng sanh mê muội
Cứ nhận khổ cho là vui
Chấp giả cho là thường
Mà lẫn lóc trong non sâu bể hận!*

75. Một đàng đưa tới thế gian, một đàng đưa tới Niết bàn, hàng Tỳ kheo đệ tử Phật, hãy biết rõ như thế, chớ nên tham đắm thế lợi⁸⁸ để chuyên chú vào đạo giải thoát.

⁸⁸ **Thế lợi:** Những thứ của cải tài vật ở thế gian thường dùng.

One is the quest for worldly gain, and quite another is the path to Nibbana. Clearly understanding this, let not the monk, the disciple of the Buddha, be carried away by worldly acclaim, but develop detachment instead.

*Kệ Tụng
Khác thay đường thế lợi
Khác thay hưởng Niết bàn
Tỳ kheo đệ tử Phật
Hãy như vậy tư tưởng
Chớ ưa thích thế lợi
Hãy chuyên tu giải thoát.*

Lược giảng

Thế nào là một đàng đưa tới thế gian? Cái gì đưa ta tới thế gian? Động cơ nào thúc đẩy ta? Nghiệp! Chính là nghiệp nhân phiền não. Nó là động cơ thúc đẩy ta đi mãi trong Tam giới. Ta muốn dừng chân, nó không chịu, cứ đẩy ta tới. Ta cứ mãi cúi đầu nô lệ và đầu hàng nó. Bởi vậy, suốt đời ta chạy theo nó. Lũ giặc phiền não nhiều lắm, không thể đếm hết. Nhưng nhà Duy Thức tóm lại, chúng có hai thứ: *Căn bản phiền não* và *Tùy phiền não*. Nói gọn là *Kiến Tư hoặc phiền não*. Bọn chúng toa rập nhau, để đẩy ta đi mãi trong thế gian. Bọn giặc này ta đã rõ. Nhưng làm sao ta trừ chúng ? Mặt mũi hình hài của chúng ra sao? Có ai nhận diện nghiệp dụng và hành tướng của chúng chưa? Quả chúng là loại thiên biến vạn hóa. Tuy ta không thấy hình hài hiện thể của chúng ra sao. Nhưng chúng có một sức mạnh rất lớn. Chỉ cần chúng đẩy khởi lên và ra

lệnh cho ta phải làm, khi đó, nếu ta nghe theo mệnh lệnh của chúng sai khiến mà thực hiện ngay, thì ôi thôi! Sẽ có biết bao nguy cơ tai hại xảy đến.

Hẳn chúng ta còn nhớ, cách đây không lâu, bọn khủng bố lái hai chiếc máy bay đâm đầu thẳng vào hai tòa nhà chọc trời (biểu trưng cho quyền lực và sức sống) ở Mỹ. Kết quả, một thảm cảnh xảy ra là có hàng ngàn người chết.

Lúc đầu, chỉ là một niệm “sân” dấy lên quyết định phải trả thù. Nhứt định phải giết bọn họ. Họ là ai? Cũng là đồng loại! Thế là những tên đại gian, đại ác khủng bố này, nghe theo mệnh lệnh của chúng xúi giục sai sử mà hành động, chỉ trong phút chốc đã tạo thành một thảm cảnh đau thương. Đau thương không những cho những người nằm xuống, vì họ đã ra đi yên phận, nhưng những người thân ruột thịt của họ còn lại thì sao? Có phải buồn khổ lắm không? Có ai chứng kiến cảnh tượng này, mới thấy được sự đau khổ ngút ngàn của họ. Đó cũng là một cái tang chung cho toàn thể nước Mỹ.

Rồi sau đó thì sao? Khi mà hận thù đã tràn ngập dâng cao, đến mức độ mà chánh quyền và nhơn dân Mỹ không còn kềm chế được nữa, thì chúng ta thấy gì sau đó? Tất nhiên, máu đổ, thịt nát, đầu rơi! Vì họ cũng đã nghe theo bọn “chúng” mà đánh trả thù. Trả thù ai? Bọn khủng bố ư? Bọn này đã chết được bao nhiêu? Quả thật bọn chúng chết không có bao nhiêu, mà toàn dân Iraq phải lãnh đủ. Những trận mưa bom kinh hồn đổ xuống ập lên đầu quân dân Iraq.

Không cần phải làm con số thống kê, chúng ta cũng biết, có hằng vạn sanh linh vô tội đã chết. Tất cả thảm trạng này do đâu? Ai là kẻ chủ mưu đầu độc sai khiến? Không ai khác hơn là bọn “vô minh phiến não” này. Bọn chúng tuy nhiều, nhưng có ba tên đáng sợ nhất. Đó là “*Tham, Sân, Si*”. Ba chú này là ba tên đầu đảng. Chúng có oai quyền rất lớn. Chúng xúi giục ta làm những điều bất chánh.

Thế giới ngày nay, cả nhơn loại sống trong sự lo âu sợ hãi, phần lớn cũng do bọn đầu đảng này gây ra. Chúng tác oai tác quái, gây ra biết bao thảm cảnh tang thương cho đồng loại. Nay chúng thúc đẩy một bọn người bất lương đi gây khủng bố đồng loại chỗ này, mai chúng thúc đẩy đi tới chỗ khác. Người ta điên đầu vì bọn chúng. Nói chung thế giới bất ổn loạn lạc, đều do chúng cầm đầu sai sử.

Muốn thế giới được yên bình ta phải làm sao? Câu trả lời khẳng định là phải thanh trừng tiêu diệt bọn chúng. Câu hỏi được đặt ra là thanh trừng tiêu diệt bọn chúng bằng cách nào? Vì chúng không có chỗ nơi và hình dáng, thì làm sao mà thanh trừng tiêu diệt? Bình thường ta không nhận diện được chúng. Nhưng khi xúc duyên trái ý nghịch lòng, chúng khởi lên ta kịp thời nhận diện là biết chúng ngay. Chúng không qua mặt tránh né ta được, nếu lúc đó ta sáng suốt kịp thời. Dù chúng có tài thăng thiên độn thổ tàng hình đến đâu, cũng không thể che dấu được “chàng dững sĩ trí tuệ”. Chàng dững sĩ trí tuệ với thanh bảo kiếm sắc bén có

sẵn trong tay, chúng không thể nào dám hành hung qua mặt. Trừ phi là chàng ta lơ là không cảnh giác. Khi đó, chúng mới có cơ hội vùng lên để làm mưa làm gió. Chúng gây rối loạn trật tự an ninh.

Vậy thì, muốn tiêu diệt chúng, không gì hơn là ta phải nhờ đến anh chàng dũng sĩ trí tuệ, ngày đêm dè dặt cẩn mật canh chừng bọn chúng. Phải luôn luôn canh chừng đề phòng một cách nghiêm nhặt. Không lơ là, không chảnh mắng, không xem thường khinh địch... có thể, thì mới mong tiêu diệt chúng được. Nghĩa là giặc trong và giặc ngoài (lục trần) đều phải tiêu diệt. Khi đã tiêu diệt được bọn chúng rồi, thật sự ta mới được an bình nghỉ ngơi. Bây giờ, ta mới thật sự ca khúc khải hoàn.

Nhờ có anh chàng Dũng sĩ trí tuệ với một thanh bảo kiếm sáng ngời, mà tiêu diệt được bọn chúng. Ta cảm ơn chàng dũng sĩ này. Thật trông anh rất hiên ngang oai phong hùng dũng. Ta vui cười reo hò chiến thắng. Đó là con đường duy nhất đưa ta đến cảnh giới “Niết bàn” an lạc. Không còn có con đường nào khác hơn. Chỉ có một con đường duy nhất là phải đoạn trừ tập nhân phiền não. Khi tập nhân phiền não không còn, thì cảnh giới Niết bàn hiện khởi. Bây giờ, “đất nước tâm” mới thật sự thanh bình. không còn có cảnh binh đao chiến tranh giết chóc.

Ôi! vui sướng biết bao! Trải qua bao ngày gian lao cực khổ chiến đấu. Bây giờ, ta mới thật sự an hưởng. Cảnh thái bình đã hiện ra. Nơi đó, mặt trời “trí tuệ” đã lên cao, có nắng ấm trải rộng soi sáng khắp muôn phương.

Có đầy dãy hoa thơm cỏ lạ và có suối nước tươi mát dịu hiền “Từ bi”, ngày đêm tuông chảy róc rách để tưới tắm cho những tâm hồn còn đầy bất hạnh.

Trên không trung, từng đàn bướm lượn bay trước cơn gió thoảng; từng đàn ong tìm hoa hút mật. Đó là nhụy mật hương hoa “giải thoát”. Đó đây, có những khúc nhạc hoan ca reo mừng ngày chiến thắng huy hoàng. Ngàn cánh chim trời bay lượn tự do không chút âu lo sợ hãi. Tất cả đều mừng vui reo hò hát ca trong nắng ấm; trong cảnh thái bình thịnh trị an lạc. Còn đâu những ngày gian lao cực khổ, vàng trán nhăn nheo, mắt lệ đầm đìa đã qua rồi. Trong ánh mắt vui tươi của các hàng Tỳ kheo đang đi dạo tự tại thảnh thơi trong khung trời giải thoát, vì các Ngài đã thật sự chiến thắng, chiến thắng một cách vẻ vang oai hùng trong lịch sử nhơn loại. Quả thật đúng với câu: “Chiến thắng vạn quân không bằng tự thắng lấy mình, tự thắng lấy mình mới là chiến công oanh liệt nhất”. Các Ngài quả thật xứng đáng cho mọi người noi gương và tung hô vạn tuế. Vì thế, nên Phật dạy: *“Hàng Tỳ kheo đệ tử Phật, hay biết rõ như thế (biết rõ tập nhân phiền não), chớ nên tham đắm thế lợi (không làm nô lệ cho bọn chúng sai sử đam mê danh lợi) để chuyên chú vào đạo giải thoát” (tập trung thiền quán, đoạn trừ phiền não, an trụ Niết Bàn).*

VI. Phẩm Hiền Trí (Panditavaggo)

76. Nếu gặp được người hiền⁸⁹ trí chỉ bày làm lỗi và khiển trách mình những chỗ bất toàn, hãy nên kết thân cùng họ, xem như bậc trí thức chỉ cho kho tàng bảo vật. Kết thân với người trí lành mà không dữ.

Should one find a man who points out faults and who reproves, let him follow such a wise and sagacious person as one would a guide to hidden treasure. It is always better, and never worse, to cultivate such an association.

⁸⁹ **Hiền:** Theo nghĩa thường là người tốt. Người có một tâm hồn rộng rãi yêu thương hay giúp đỡ người khác, gọi là người hiền lương. Hiền theo nghĩa sâu hơn trong Phật pháp thì, bên Tiểu thừa gồm có Tam hiền: ngũ đình tâm quán, biệt tướng niệm trụ và tổng tướng niệm trụ. Còn bên Đại thừa gồm có: Thập Trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng (Tự Điển Phật Học Hán Việt).

Kệ Tụng
Nếu gặp bậc hiền trí
Chỉ lỗi và khiển trách
Như chỉ chỗ chôn vàng
Hãy kết thân người trí
Kết thân với vị ấy
Chỉ có lợi không hại.

Lược giảng

Thuở xưa, môn đồ của đức Không Phu tử là thầy Tử Lộ, mỗi khi có lầm lỗi, được người bạn đồng môn chỉ lỗi xây dựng, thầy kính lễ đội ơn rất mực. Chẳng những thầy không lộ vẻ phiền hà khó chịu, mà còn cảm ơn người chỉ lỗi mình một cách thành kính. Người xưa, họ có những đức tánh xử sự với nhau sao quá đẹp và đáng kính phục.

Người ta tu theo đạo Nho mà còn được như thế, hà tất gì chúng ta là những người tu theo đạo Phật. Hơn nữa lại là người xuất gia. Bởi đức Phật có đầy đủ ba công hạnh siêu việt: “tự giác, giác tha và giác hạnh viên mãn”. Muốn được giác hạnh viên mãn, thì phải hoàn thành Tự giác và Giác tha. Tự giác là phải tự biết lỗi mình. Nếu mình không thể nhận ra được lỗi của mình, thì phải nhờ đến thầy bạn chỉ giúp. Mặt mình dính lọ, không tự thấy biết, thì phải nhờ người khác chỉ giùm. Không Tử nói: “Nhơn vô thập toàn”. Con người không có ai hoàn toàn không lỗi.

Duy Thức Học cho chúng ta biết, trong tâm của chúng ta có hai loại tâm sở: thiện và ác. Tâm sở ác thì lại

nhều hơn tâm sở thiện. Cho nên trong khi hành xử, không ai tránh khỏi lỗi lầm. Có lỗi lầm mà được thầy hiền bạn tốt chỉ giúp cho ta, thì quả thật là ta có phước. Bởi thế, nên Phật dạy: *“Nếu gặp được người hiền trí chỉ bày lầm lỗi khiến trách mình những chỗ bất toàn, hãy nên kết thân cùng họ”*. Tại sao thế? Bởi họ muốn cho ta trở thành một con người tốt và hữu ích cho đạo và đời. Tốt đời đẹp đạo là bản chất của người tu. Người chỉ lỗi mình là vì họ thương mình. Họ là người thân thiện với mình. Họ không phải là kẻ có ác cảm với mình. Nếu họ có ác cảm với mình, thì họ không phải là người tốt. Đã không phải là người tốt, thì sự chỉ lỗi của họ không nhằm mục đích xây dựng. Đối với hạng người này, ta không nên giao du gần gũi họ. Ta nên bắt chước theo lối xử sự của người xưa là: *“kính nhi viễn chi”*. Minh có lỗi lầm mà được người hiền trí chỉ bày, thật quý giá biết bao! Khi được chỉ hộ, lẽ ra ta phải bắt chước thầy Tử Lộ vui mừng nhận lỗi sửa đổi và cảm ơn họ mới phải. Vì họ là người bạn tốt của mình. Phật dạy: *“ta nên kết thân cùng họ”*.

Tinh thần tự giác là tinh thần cao quý trong đạo Phật. Sống trong vòng nghiệp thức, con người có vô số tội lỗi. Có tội lỗi mà không chịu nhận để cải hối, thì không phải là người tốt. Chính vì Phật Tổ thấy rõ điều này, nên mới bày ra phương cách sám hối. Sám hối có nhiều cách. Nhưng cách nào cũng nhằm mục đích để cải thiện thân tâm chúng ta. Cái áo lỡ dính dơ, nếu ta chịu khó giặt sạch, thì cái áo sẽ trở nên như khi chưa dính. Phật nói: Nếu người có lỗi, biết ăn năn sám hối, thì lỗi kia sẽ không còn. Giống như cái áo kia vậy. Người không có

lỗi và người có phạm lỗi mà biết cải hối, Phật nói, cả hai đều có sức mạnh như nhau. Sức mạnh của người trước là cố gắng gìn giữ không để cho phạm. Sức mạnh của người sau đã phạm mà biết cải hối sửa đổi, thì cả hai không khác.

Cũng pháp cú trên, Phật lại dạy tiếp: “*Xem như bậc trí thức chỉ cho kho tàng bảo vật. Kết thân với người trí lành mà không dữ*”. Người chỉ lỗi ta, Phật cho đó như là người trí thức chỉ cho ta kho tàng bảo vật. Người trí thức Phật nói ở đây, có nhiều hạng. Phật Tổ cũng là Thiện tri thức. Thầy bạn cũng là Thiện tri thức. Người trực tiếp hướng dẫn chỉ giáo ta, gọi là Giáo thọ thiện tri thức. Còn người lo tứ sự cúng dường cho ta, đó là Ngoại hộ thiện tri thức. Phật Tổ là bậc Thiện tri thức cao. Các Ngài chỉ bảo cho chúng ta kho tàng vô giá. Mỗi người chúng ta ai cũng sẵn có cái “*kho tàng vô giá*” đó. Nhưng vì mê mờ chúng ta không nhận ra. Nên Phật Tổ chỉ dạy cho ta. Thật là công ân của các Ngài quá lớn.

Đến thầy bạn cũng thế. Những người đi trước ta, chỉ lại cho ta. Họ chỉ cho ta qua sự kinh nghiệm tu học của họ. Tuy họ chưa phải là người giác ngộ thâm sâu như Phật Tổ. Tùy sở học sở giác của họ tới đâu, họ đem ra chỉ lại cho chúng ta tới đó. Rồi đến những vị ngoại hộ cho ta cũng thế. Ta phải thành thật mang ơn họ. Nhờ họ mà ta tiến xa trên đường đạo. Nói rõ hơn, nhờ sự chỉ điểm những chỗ bất toàn lỗi lầm của ta mà ta chưa bao giờ nhận ra, nay nhận ra, nhờ đó mà ta được tiến bộ. Gốc của lỗi lầm là vô minh. Vì vô minh mà ta gây ra tội lỗi.

Vì tội lỗi, nên ta bị sa đọa. Muốn cho ta không bị sa đọa, nên Phật Tổ, nói chung là các bậc Thiện tri thức mới chỉ bày cội gốc gây ra lỗi lầm cho ta. Nhờ thế, nên ta mới biết sửa đổi tu hành, nên mới sớm thành tựu được đạo quả. Người như thế, thử hỏi còn có ân đức nào lớn hơn?

Pháp cú trên, Phật cho chúng ta cách tiến thân trên đường tu. Phật chỉ dạy gốc ngọn rõ ràng. Từ những lỗi lầm nhỏ đến những lỗi lầm lớn. Từ cạn đến sâu, để chúng ta quán chiếu lại những lỗi lầm tiềm tàng sâu kín của ta. Có nhìn lại như thế, ta mới thật sự là người chơn thật tu hành. Bằng không, thì ta chỉ là kẻ gieo duyên lành với Phật pháp mà thôi.

Tóm lại, ta phải luôn nhớ ơn người chỉ lỗi ta, dù lỗi nhỏ hay lỗi lớn. Đồng thời, Phật cũng dạy: ta nên thân cận với những thầy bạn hiền từ để ta học hỏi. Nhờ đó, ta mới khai phá cái kho tàng vô giá của ta mà lâu nay nó bị chôn vùi dưới lớp dầy bùn như vô minh phiền não.

77. Những người khéo khuyên răn dạy dỗ, can ngăn tội kẻ khác, được người lành kính yêu bao nhiêu thì bị người dữ ghét bỏ bấy nhiêu.

Let him admonish, instruct and shield one from wrong; he, indeed, is dear to the good and detestable to the evil.

Kệ Tụng

*Những người hay khuyên dạy
Ngăn người khác làm ác
Được người lành kính yêu*

Bị người ác ghét bỏ.

Lược giảng

Pháp cú này Phật nói rõ tâm bệnh của chúng sanh nói chung, nói riêng tâm bệnh của chúng ta. Thật vậy, hành động hoặc lời nói khuyên răn kẻ khác là xuất phát từ tâm thiện của người khuyên răn. Như thế, tất nhiên, nó sẽ đồng cảm với những người lành. Vì bản chất người hiền từ đạo đức, họ muốn ai cũng phải hiền từ đạo đức như họ. Do đó, mà họ sẽ bị kẻ ác ghét ganh. Kẻ ác, bao giờ họ cũng muốn có thêm người bạn ác. Tâm lý này ta quá rõ. Thường kẻ hiền hay bị kẻ ác hãm hại.

Nhưng chúng ta cũng đừng quên rằng: kẻ ác mà hại người hiền, khác nào như ngược mặt lên trời phun nước miếng. Nước miếng kia không bao giờ lên đến trời mà trở lại rơi vào mặt mình. Cũng ví như kẻ đứng dưới gió giê bụi, bụi không bao giờ lên ngược gió mà trở lại rơi vào mình. Phật nói kẻ ác tâm hại người hiền lương cũng như thế. (*Kinh Tứ Thập Nhị Chương*)

Kẻ có đạo đức làm sao có thể sống chung với kẻ không đạo đức. Kẻ không đạo đức chuyện gì mà họ chẳng dám làm. Bạn hiền khó kiếm, chớ bạn ác dễ tìm. Chơi chung với bạn hiền, mình cảm thấy an tâm hơn. Nhưng kẻ ác họ không để mình yên. Lúc nào họ cũng tìm cách hãm hại. Đôi khi, vì lòng ganh ghét, họ bắt chắp thủ đoạn. Họ làm cho đôi bạn hiền, từ đang chơi thân với nhau trở thành thù hận ganh ghét lẫn nhau. Vì hiền từ, nên dễ bị làm kế mắc mưu ly gián của họ.

Khi khuyên can bạn về bất cứ vấn đề gì, ta cũng nên khéo léo mà can ngăn. Bởi vì kẻ bị khuyên răn dạy dỗ lúc nào cũng có nhiều tự ty mặc cảm. Khi phải khuyên răn, ta nên khéo dùng lời. Không phải vì sợ kẻ ác dòm ngó ganh tỵ ta, mà ta không dám khuyên răn bạn mình. Vẫn biết họ là kẻ phá đám ta. Biết thế, lúc nào ta cũng nên cẩn thận phòng thủ. Phòng thủ họ còn hơn phòng thủ rắn độc. Vì rắn độc, nếu có cắn ta, thì ta chỉ chết một đời. Ngược lại, nếu bị kẻ ác hại ta mà ta không nhận nhận được, tất nhiên là ta phải gây tạo nghiệp ác giống họ. Như thế, thì chẳng những ta bị đau khổ hiện đời mà còn kéo dài nhiều đời sau nữa.

Do đó, Pháp cú trên, Phật cho chúng ta thấy rõ hai hạng người. Một hạng người hiền lành và một hạng người hung dữ. Người hiền lành, thấy ai khuyên kẻ khác, thì họ biểu đồng tình ủng hộ. Vì họ là người bạn đồng hành với người lành. Ngược lại kẻ ác, thì tìm cách hãm hại sau lưng. Lòng kẻ ác bao giờ cũng nham hiểm, khó lường. Họ là hạng người:

*Bề ngoài thon thót nói cười
Mà trong nham hiểm giết người không dao.*

Hạng người này, bề ngoài họ tỏ ra như thân thiện với mình, nhưng bên trong là họ đang tìm cách hại mình. Biết bao người đau khổ điêu đứng, vì lầm họ. Họ là kẻ bả buôi lịch sự ngọt dịu bề ngoài. Đối với ai, họ cũng tỏ ra bất thiệp vui vẻ. Nhìn họ khó biết. Người mà họ muốn hại, thì họ lại càng chơi thân thiện hơn. Có thân thiện, thì họ mới dễ gần gũi hãm hại. Người bị hại khó phản ứng trở tay kịp.

Tóm lại, pháp cú này, Phật dạy chung cho người xuất gia và tại gia. Dù giới nào, Phật cũng cho ta biết trước tâm lý con người mà cẩn thận trong việc giao du và khuyên can bạn bè.

78. Chớ nên kết bạn với người ác, chớ nên kết bạn với người kém hèn, hãy nên kết bạn với người lành, với người chí khí⁹⁰ cao thượng.

Do not associate with evil companions; do not seek the fellowship of the vile. Associate with good friends; seek the fellowship of noble men.

Kệ tụng

Chớ thân với bạn ác

Chớ thân với tiểu nhân

Hãy thân người bạn lành

Hãy thân người quân tử.

Lược giảng

Pháp cú này, một lần nữa, Phật lại đặt nặng vấn đề kết giao bạn. Hai pháp cú trên, Phật đề cao và nói rõ về việc chỉ lỗi khuyên răn bạn. Riêng Pháp cú này, Phật dạy rõ và khuyên ta về việc kết bạn. Lý do tại sao Phật nhắc đi nhắc lại vấn đề này nhiều lần? Chúng ta còn nhớ ở Phẩm Ngu, pháp cú 61, Phật cũng đã nói đến vấn đề kết bạn. Phật bảo, khi kết bạn, phải kết bạn với kẻ ngang mình, hoặc hơn mình, chớ không nên kết bạn

⁹⁰ **Chí khí:** Ý muốn bền bỉ, mạnh mẽ, quyết khắc phục mọi trở ngại khó khăn, thực hiện mục đích cao đẹp của cuộc sống.

với kẻ kém hơn mình. Nói rõ ra là kẻ ngu hơn mình. Ở đây, tức Phẩm Trí này, Phật dạy ta không nên kết bạn với người ác. Để hiểu rõ hơn ta tạm chia pháp cú này ra thành 4 đề mục nhỏ:

1. Tại sao Phật dạy ta không nên kết bạn với người ác?

Vì giao du với kẻ ác, ít nhiều gì ta cũng sẽ bị ảnh hưởng ở nơi họ. Chắc ai cũng quá rõ, không cần phải giải thích. Tuy nhiên, ở đây, chúng tôi cũng xin góp chút ý mọn cùng với quý vị về vấn đề này. Như trên đã nói, người ác, tâm địa của họ rất khó lường. Họ là kẻ gian lừa tráo trở lật lọng đủ thứ. Họ thuộc hạng người lòng lang dạ sói. Người ta thường nói, những kẻ ác là những kẻ bán Trời không mời Thiên lôi. Kẻ ác cũng có nhiều hạng, tùy theo tâm địa của mỗi người. Thật ra, bản chất của họ không phải sanh ra là ác liền. Mặc dù chủng tử ác trong tâm ai ai cũng sẵn có. Nhưng hầu hết, những người trở nên đại gian ác đều do huân tập ở nơi môi trường sống của xã hội mà ra. Một kẻ, trước kia rất là hiền từ, nhưng khi giao du với bạn bè, cậu ta cứ bị đám bạn bắt lương lẫn hiếp mãi. Tức nước phải vỡ bờ, vì một phút không còn kèm chế được sự giận tức căm hờn, nên cậu ta đã ra tay giết người. Từ đó, biến cậu ta, từ một con người ngoan hiền, trở thành một tay anh chị gian ác. Thực trạng này đã xảy ra quá nhiều. Lòng ác của con người, dù nó có sẵn, nhưng nếu gặp môi trường tốt, thì hạt giống ác kia khó mà phát sanh tăng trưởng. Vì thế, mà Phật dạy: “*chớ nên giao du với người ác*”. Nếu là một người hiền mà thường xuyên giao du với họ, tất nhiên, khó

tránh khỏi sự tiêm nhiễm ảnh hưởng. Gần họ có khác nào giao trứng cho ác. Nghĩa là sớm muộn gì mình cũng sẽ trở thành như họ. Tiêm nhiễm ở nơi tánh hiền thì khó, chớ còn tiêm nhiễm theo tánh ác thì rất dễ. Sách Nho có câu: “kiến thiện như bắt cật, kiến bất thiện như thám thang, kiến hiền tư tề yên, kiến bất hiền nhi nội tự tỉnh giả”. Nghĩa là: thấy người làm việc thiện, cho mình như chẳng bằng người. Thấy người làm ác, như đút bàn tay vào nước đang sôi. Thấy người hiền từ nhân hậu, mình phải cố gắng làm cho bằng người. Thấy kẻ bất lương, mình nên tự xét lại ở nơi mình và đừng giao du chơi thân với họ.

*Thấy người làm việc tốt lành
Mình như thua kém tiến nhanh bằng người
Thấy ai làm ác hại đời
Như rờ nước nóng phải dời lánh xa.
Thấy người hiền hậu ôn hòa
Phải nên cố gắng để ta bằng người.*

2. Tại sao Phật dạy chớ nên kết bạn với người kém hèn?

Nói kém hèn ở đây, tất nhiên, kém hèn về mặt đạo đức và kiến thức. Chớ không phải kém hèn về mặt vật chất nghèo nàn. Vì người thiếu đạo đức, họ chưa hẳn là kẻ ác, nhưng mà họ không biết tu niệm gì cả. Họ sống buông lung trụy lạc. Họ thiếu chất liệu tình người. Họ đứng dưng trước cảnh thương tâm. Vì họ thiếu kiến thức học hỏi, nên trình độ hiểu biết của họ rất kém. Ta gần họ, chỉ chuốc thêm phiền phức bực mình. Vì ta với họ không hợp trên trình độ trao đổi kiến thức. Bởi thế,

Phật dạy, tốt hơn hết, là ta không nên gần, để tránh hậu quả không hay. Điều này, trên thực tế xã giao hằng ngày ta đã thấy rõ. Không cần phải lý luận bàn nhiều.

3. Tại sao Phật dạy ta hãy nên kết bạn với người lành?

Ai cũng biết người lành là người có đạo đức. Người có tánh tình hiền hậu rất dễ kính mến. Gần họ, ta cảm thấy an vui. Vì họ lúc nào cũng cho ta niềm vui. Người hiền là người có cung cách hành xử. Nói hiền ở đây, xin chớ vội hiểu như cục đất. Nghĩa là họ là người thiếu hiểu biết. Hay nói theo người đời, gọi họ là kẻ: “hiền giả quá ngu”. Mà người hiền nói ở đây, phải là người có đầy đủ đạo đức, hiểu biết, và tình người. Họ là người hướng dẫn ta trên bước đường tu tập hành thiện. Chẳng những hiền đời được lợi lạc, mà tương lai ta cũng được lợi ích. Đó là mẫu người mà Phật khuyên ta nên kết thân với họ.

4. Phật dạy: Hãy kết thân với người chí khí cao thượng.

Chí khí cao thượng ở đây, theo Hòa Thượng Thiện Siêu giải thích trong quyển Pháp cú do Hòa Thượng phiên dịch, thì nó có nghĩa là: “người không còn điều ác ở thân, khẩu, ý nữa, chuyên việc tế độ chúng sanh”. Đây là hạng người mà ta cần thân thiện. Nhưng ở thế gian, khó tìm cho ra hạng người này. Không phải là không có, nhưng rất hiếm thấy. Nếu ta gặp bậc cao đức này, thì thật ta là kẻ đại phước. Gần gũi với bậc này, đời ta chắc chắn sẽ được thăng hoa. Có những người tuy chưa được trọn vẹn ở nơi ba nghiệp, nhưng họ là

người có một nếp sống rất hiền từ đáng kính. Có thể nói, phần thô của ba nghiệp, họ đã dứt trừ. Trong ba nghiệp, cái khó đoạn trừ nhất là Ý nghiệp. Vì ý nghiệp là động cơ tạo nghiệp mà nó lại là thứ rất khó biết. Vì nó không có hình tướng cụ thể như thân và khẩu. Thế nên, muốn trừ nó cho đến tận gốc, thì không phải là chuyện dễ dàng một sớm một chiều mà dứt trừ được. Nói trừ là nói theo tương đối. Nếu nói theo giáo lý Đại thừa, thì ta chỉ cần chuyển nó, chớ không có trừ đoạn. Nói theo Ngài Vĩnh Gia Huyền Giác trong Chứng Đạo Ca thì, “tam độc thủy bào hư xuất một” hay “Vô minh thật tánh tức Phật tánh”. Đã thế, thì có chi là trừ là đoạn. Ngài Tú Tài Trương Chuyết cũng nói:

*“... Đoạn trừ phiền não trùng tăng bệnh
Thú hướng Chân như tổng thị tà...”*

Như vậy, nếu ta gần gũi với người có ý chí cao thượng, tất nhiên, không sớm thì muộn ta cũng sẽ trở thành giống như họ. Điều này, đọc Thiền sử ta thấy rất rõ. Có biết bao Thiền sinh được ngộ đạo, cũng nhờ có duyên phước sống gần gũi với những bậc cao thâm đức độ. Nếu không sống gần gũi với những vị này để học hỏi, thì làm gì có cơ duyên ngộ đạo. Đó là một lẽ thật không ai có thể phủ nhận được.

79. Được uống nước Chánh pháp thì tâm thanh tịnh⁹¹ an lạc⁹², nên người trí thường vui mừng nghe

⁹¹ **Thanh tịnh:** Thanh là trong; tịnh là sạch. Thanh tịnh là trong sạch. Tịnh từ này chỉ rõ ở nơi bản tâm của mỗi người. Vì bản tâm của mỗi người vốn nó trong sạch không một chút bợn cấu, nhưng bị vô minh

thánh nhơn⁹³ thuyết pháp.

He who drinks deep the Dhamma lives happily with a tranquil mind. The wise man ever delights in the Dhamma made known by the Noble One (the Buddha).

Kệ tụng

*Người thấm nhuần chánh pháp
Sống hạnh phúc an lạc
Với tâm niệm thuần tịnh
Người trí thường hoan hỷ
Nghe thánh nhân thuyết pháp.*

Lược giảng

Tại sao được uống nước Chánh pháp thì tâm thanh tịnh an lạc?

Hai chữ “uống nước” là diễn tả tâm trạng của người đang khao khát. Một bác nông phu đang làm việc ngoài đồng áng, dưới ánh nắng chói chang như thiêu đốt, bác

phiền não che ngăn làm cho tự thể bản tâm mất đi chất trong sạch. Dù như bản chất của nước là trong, nhưng vì bị bụi bặm hòa tan trong nước làm cho nước bị đục. Nhưng khi lắng lặn bụi không còn, thì nước trong trở lại.

⁹² **An lạc:** An ổn và vui vẻ. Muốn được an ổn vui vẻ, trong tâm phải không có phiền não, thì mới được an lạc. Còn phiền não, thì không an lạc.

⁹³ **Thánh nhơn:** Chỉ cho những bậc đã đoạn hoặc chứng chơn. Tùy theo chỗ dứt trừ phiền não nhiều ít mà có ra các bậc Thánh khác nhau. Bên Tiểu thừa, bắt đầu từ quả vị Tu Đà Hoàn trở lên đều gọi là Thánh. Bậc Thánh cao nhất của Tiểu thừa là quả vị A La Hán. Còn bên Đại thừa, từ Thập Địa trở lên, gọi là Thánh. Phật quả là bậc Thánh cao nhất của Đại thừa.

cảm thấy rất là khát nước. Cổ họng của bác khô khan. Bác thèm khát một bát nước lạnh. Bác mong có được nước uống từng giây từng phút. Giữa lúc khao khát đến cực độ đó, bác cảm thấy không có gì quý hơn nước. Bác có thể nhịn ăn đôi ba ngày không sao, nhưng bác không thể nhịn uống được. Vàng bạc châu báu, đổi với bác lúc này thật vô nghĩa lý. Dù cho người ta đổ trước mặt bác một đồng vàng hoặc kim cương, bác cũng không thấy gì quý giá. Vật quý giá nhất của bác bây giờ phải là nước và nước. Vâng! chỉ có nước uống là trên hết. Nhưng nước uống, tuy cũng có nhiều thứ, nhưng thứ mà bác cần nhất bây giờ là nước đá lạnh. Không cần thứ gì khác.

Giữa lúc thật là khao khát đó, bỗng có người đem nước đến cho bác, bác ta vui mừng khôn xiết và hai tay bưng bát nước uống một cách ngon lành.

Điều này, ai đã từng một lần khát nước qua thấy đều biết rõ. Nhất là trên những chiếc tàu vượt biên, không may lên đênh trên biển cả nhiều ngày. Lúc bấy giờ, lương thực khô cạn. Thức ăn nước uống không còn. Con khát hoành hành dữ dội không sao diễn tả. Vàng bạc của quý trên tàu đều có đó, nhưng tất cả đều là vô dụng. Chỉ cần nước, dù phải đổi bao nhiêu vàng cũng được. Đấy! Khi nào con khát thèm thường lên đến cực độ như thế, thì người ta mới thấy được giá trị của nước. Một giá trị mà không có gì đổi được. Vì sao mà nước có giá trị quan trọng đối với họ như thế? Bởi vì nó rất thiết yếu cho nhu cầu mạng sống của họ. Thiếu nó là

mạng sống của họ không còn. Vì quý trọng mạng sống, nên người ta phải cần đến nó.

Nêu ra hai sự kiện trên, để chúng ta thấy được giá trị của nước đối với người đang khát biết là ngần nào! Cũng thế, đối với Chánh pháp của Phật, chỉ làm đã khát đối với những ai đang khao khát. Còn đối với những ai không khao khát, thì họ rất coi thường. Cũng như nước uống, có giá trị tuyệt đối, là đối với những ai đang khao khát. Còn đối với những người không khát, thì họ lại xem thường. Dù rằng, lúc bình thường, người ta cũng biết giá trị cần thiết của nó. Nhưng họ chưa lâm vào hoàn cảnh cực kỳ thèm khát đó, thì họ không nhận ra giá trị tuyệt đối của nó. Hình ảnh làm lưng mệt nhọc vất vả của bác nông phu và hình ảnh khổ đau ngút ngàn tuyệt vọng của thuyền nhân nói trên, để nói lên tâm trạng của con người đang đau khổ trong sanh tử mong cầu thoát ly. Chỉ có những con người khao khát muốn thoát ly ra khỏi nỗi thống khổ của tam giới, thì mới gấp rút tìm nước Chánh pháp của Phật để uống vào. Họ uống một cách chân thành tha thiết, như những người khát nước nói trên. Nhờ đó, mà họ mau đạt được tâm thanh tịnh an lạc.

Ngoài ra, đối với những người không có tấm lòng tha thiết học hỏi chánh pháp, mặc dù chánh pháp vẫn có đó, nhưng đối với họ vẫn coi thường. Giống như người không khát nước. Dù nước có trước mặt họ, họ cũng không thèm uống. Họ là hạng người thiếu căn duyên Phật pháp. Hạng người này, Phật cho họ là những

người còn đang sống trong si mê. Khác nào như những người đang say mê trong giấc mộng.

Ngược lại, người trí họ ý thức được nỗi đau khổ của kiếp sống con người, nên họ tìm cách thoát ly. Khi tiếp nhận được giáo pháp của Phật, họ rất say mê thích thú nghiên tâm học hỏi. Họ rất tôn trọng khi nghe pháp. Họ kính trọng giáo pháp, vì chỉ có giáo pháp của Phật mới cứu thoát được nỗi thống khổ của họ mà thôi. Nên họ cần phải uống. Họ uống vào cảm thấy tươi mát, nhẹ thoát tâm hồn. Giống như người đang khát uống nước vào cảm nghe thật là tươi mát khỏe khoắn vui sướng. Không có niềm vui nào hơn, khi đáp ứng được lúc đang tuyệt vọng khao khát đó. Bởi thế, nên người ta thường nói giáo pháp của Phật như nước cam lồ. Đó là nước cam lồ từ bi. Nó có công năng xoa dịu mọi tâm hồn đang đau khổ. Những ai có duyên gặp được Chánh pháp của Phật, mà không chịu khó nghiên tâm học hỏi, hoặc không nghe các bậc Tôn đức thuyết giảng, thì đó là điều thiếu sót lớn lao. Nhứt là đối với hàng Phật tử chúng ta, dù tại gia hay xuất gia, tất cả cần nên gia công nỗ lực học hỏi Phật pháp không ngừng. Từ đó, ta đem ra áp dụng vào đời sống thực tế hằng ngày. Có thể, thì đời ta mới được an nhàn giải thoát. Ta nên nhớ không ai cỡi trời cho ta, bằng chính ta tự cỡi trời cho ta.

80. Người tưới nước lo dẫn nước, thợ làm cung tên lo uốn cung tên, thợ mộc lo nạy mực đo cây, còn người trí thì lo tự điều phục lấy mình.

Irrigators regulate the waters; fletchers straighten the arrow shaft; carpenters shape the wood; the wise control themselves.

Kệ Tụng

Người dẫn thủy dẫn nước

Kẻ bắn cung nắn tên

Người thợ mộc uốn ván

Kẻ trí thức nhiếp thân.

Lược giảng

Pháp cú này, Phật nêu ra ba thí dụ qua ba hình ảnh của mỗi công việc chuyên môn và cần thiết, việc ai nấy lo. Qua ba thí dụ này, nếu suy rộng ra, ta thấy rất hay trong việc áp dụng tu hành. Mặc dù đây không phải là thâm ý của Phật muốn nói đến.

Người tưới nước thì lo dẫn nước. Hình ảnh này cho ta thấy, một thí dụ cụ thể trong việc khéo ứng dụng học hỏi tu hành. Ngoài việc nói lên tính chất chuyên môn ra, nó còn gợi lên đất bị khô cần cần phải dẫn nước vào. Người làm ruộng, cần phải dẫn thủy nhập điền. Muốn lúa tốt không thể thiếu nước. Đất quá khô khan, thì lúa làm sao phát triển tốt tươi được. Tất nhiên, nó phải héo và chết dần. Nhứt là bị hạn hán lâu. Cũng thế, đất tâm của chúng ta cũng đang bị khô cần, vì thiếu nước Chánh pháp tưới vào. Vì thiếu nước Phật pháp tưới vào, nên những “cây lúa trí tuệ” càng ngày càng bị khô héo và chết rụi dần. Muốn cho chúng được tươi tốt, kẻ biết lo chăm sóc, thì không thể không lo dẫn nước Phật pháp vào. Phải dẫn nước và tưới vào một cách

thường xuyên. Có thể, thì mới mong đạt được thành quả tốt đẹp.

Đến điều dụ thứ hai, *Phật nêu ra người thợ lo uốn nắn cung tên*. Đây là một thí dụ, một hình ảnh rất lý thú. Công dụng của cung tên là để bắn. Người muốn bắn giỏi cần phải học cách bắn. Đồng thời phải thường xuyên luyện tập. Có thể, thì mới mong bắn bách phát bách trúng. Khi bắn, tất nhiên phải nhắm thẳng mục tiêu mà bắn. Người bắn giỏi không thể để lệch mục tiêu. Cũng vậy, cung tên Thiên định và Trí tuệ là hai thứ rất cần thiết đối với người tu hành. Vì người tu hành mà thiếu hai thứ này, thì thử hỏi: “làm sao có thể bắn được lũ ma quân phiền não?”. Vì lũ giặc này, không giây phút nào mà chúng không tấn công ta.

Thế nên, người chiến sĩ giải thoát, muốn đạt được mục đích của mình nhắm tới, thì không thể nào dám bỏ rơi cung tên. Có thể nói, cung tên như bùa hộ mạng của ta. Không có chúng là chúng ta sẽ mất mạng ngay. Và chỉ có hai loại cung tên này, mới có thể tiêu diệt được bọn giặc ma quân phiền não. Trong sách Thiên có nêu ra câu chuyện về việc bắn tên này.

Thiên Sư Huệ Tạng cũng gọi là Thạch Cũng, lúc còn tại gia, Sư chuyên nghề săn bắn, không thích gặp các nhà tu. Một hôm, nhơn đuổi bầy nai chạy qua trước am Mã Tổ, gặp Mã Tổ đứng trước.

Sư hỏi:

- Hòa Thượng thấy bầy nai chạy qua đây chẳng?

Mã Tổ hỏi lại:

- Chú là người gì?
- Thợ săn.
- Chú bắn giỏi không?
- Bắn giỏi.
- Một mũi tên chú bắn được mấy con?
- Một mũi bắn được một con.
- Chú bắn không giỏi.
- Hòa Thượng bắn giỏi không?
- Bắn giỏi.
- Một mũi tên Hòa Thượng bắn được mấy con?
- Một mũi tên bắn được một bầy.
- Sanh mạng chúng nó, đâu nên bắn một bầy.
- Chú đã biết như thế, sao không tự bắn?
- Nếu dạy tôi bắn tức không có chỗ hạ thủ.
- Chú này phiền não vô minh nhiều kiếp, ngày nay chóng dứt.

Ngay khi đó, Sư ném cung bẻ tên, tự lấy dao cạo tóc, theo Mã Tổ xuất gia.

Một hôm, Sư làm việc ở nhà trụ, Mã Tổ xuống hỏi:

- Làm việc gì?

Sư thưa:

- Chăn trâu.
- Làm sao chăn?
- Một khi vào cỏ, bèn nắm mũi kéo lại.
- Con thật là chăn trâu. (*Trung Hoa Chư Thiên Đức Hành Trạng, trang 209, do Thiên Sư Thích Thanh Từ soạn dịch*).

Đến thí dụ thứ ba, Phật nêu ra một hình ảnh thí dụ: “*người thợ mộc lo nẩy mục đo cây*”. Người thợ mộc

mà thiếu mực giầy, thì còn gì là thợ mộc. Dù cho người thợ mộc có tài ba đến đâu, cũng không thể nào thiếu hai thứ dụng cụ này. Vì nó có công dụng làm cho ngay thẳng. Muốn cưa cắt cây mà không nảy mực, tất nhiên, là cưa phải xéo và đôi khi còn bị hư cây. Còn nếu không có thước tấc, thì làm sao đo cây. Cả hai thứ rất quan trọng đối với người thợ mộc. Cũng thế, người tu hành nếu thiếu thước, mực “giới luật” thì còn gì là người tu. Tu hành không có dùng mực thước giới luật để gìn giữ đo đạc cho ngay thẳng, không cong queo, thì tất nhiên, người đó sẽ rơi vào hố trụ lạc khổ đau.

Muốn biết người tu có đức hạnh hay không, là phải cần lấy mực thước giới luật để đo. Thiếu hai thứ này, thì không thể nào đo đạc chính xác được. Cũng thế, người tu thiếu gìn giữ giới luật, thì không thể nào tiến đến đạo quả cao thượng được. Vì giới luật là nền tảng của đạo giải thoát vậy.

Sau khi nêu ba thí dụ trên, cuối cùng, đức Phật so sánh và kết luận: *“còn người trí thì lo tự điều phục lấy mình”*. Câu kết luận này của Phật làm cho chúng ta nhớ lại pháp cú thứ 9 trong Phẩm Song Yếu. Phật dạy: *“mặc áo ca sa mà không rời bỏ những điều uế trước, không thành thật khắc kỷ, thà chẳng mặc còn hơn”*. *“Điều phục lấy mình”* đâu có khác gì là *“thành thật khắc kỷ”*. Người tu hành muốn được giải thoát mà tối ngày cứ để cho tâm buông lung phóng túng chạy rong theo trần cảnh, thì làm sao giải thoát cho được. Muốn giải thoát, chúng ta cần phải chế phục tâm mình. Chúng ta không cho nó tự do buông lung vào ngũ dục, lục

trần. Phải thường xuyên cảnh giác khắc chế sáu căn. Trong sáu căn, đầu đảng là Ý căn. Tên đầu đảng này sắp đặt chủ mưu mọi việc. Thiện hay ác đều do nó chủ động tạo thành. Cho nên, Phật dạy nhiệm vụ chính của người tu không luận xuất gia hay tại gia, đều phải nhiếp hộ sáu căn. Vì luân hồi hay giải thoát, đều do sáu căn này mà ra. Điều này, trong Kinh Lăng Nghiêm Phật đã chỉ bày rất rõ cho Ngài A nan. Phật nêu ra và so sánh với ba việc làm của ba hạng người chuyên môn trên, để Phật nói rõ về nhiệm vụ của người tu. Người đời thường nói: “nhứt nghệ tinh, nhứt thân vinh”. Chỉ cần một nghề, chuyên tinh làm tới nơi tới chốn, thì kết quả rất thành công tốt đẹp. Ngược lại, người nhiều nghề, không nghề nào tới đâu, cái gì cũng biết mưa mưa, không ra chi, thì thử hỏi người đó sẽ ra sao? Chắc chắn là họ sẽ thất bại trong nghề nghiệp của họ. Cũng thế, người tu hành, muốn có kết quả thành công như ý muốn, thì không thể tạp tu được. Mỗi người phải chọn cho mình một pháp môn hành trì. Tất nhiên, phải phù hợp với căn cơ của mình. Sau khi chọn xong (trạch pháp) mình phải chuyên cần tinh tấn tu tập.

Thí như, chúng ta đã chọn pháp môn niệm Phật, thì ngày đêm đi, đứng, nằm, ngồi, chúng ta phải hết lòng chuyên tâm niệm Phật. Nhờ sự chuyên tâm đó, mà kết quả chúng ta sẽ chóng được thành công. Nghĩa là chúng ta sẽ đạt được “nhứt tâm bất loạn”. Có người, vì thiếu quyết tâm chọn cho mình một pháp môn tu hành vững chắc, rồi cứ nay chạy chỗ này, mai chạy chỗ kia. Nghe đâu lạ lạ là chạy theo. Chạy theo mà không cần dùng trí huệ biện biệt. Người như thế thuộc dạng người

“ba phải”. Nghĩa là cái gì đối với họ cũng phải hết. Cuối cùng, họ chẳng được lợi lạc gì! Hạng người như thế, tu cả đời, rốt lại chỉ là con số không tổ bố.

Có người còn tệ hơn, cái gì họ cũng tin và tu theo, họ không cần biết tà chánh gì cả. Hỏi họ lý do tại sao? Họ bảo: họ là người tu theo kiểu mới: “Hòa đồng Tôn giáo”. Giáo nào họ cũng tu theo được. Dù đó là tà giáo. Miễn sao có chữ Giáo là được. Quả thật, họ là hạng người rất đáng thương!

Tóm lại, qua pháp cú Phật dạy trên, chúng ta cần phải lưu tâm suy tư chính chắn. Vì nó rất quan trọng cho việc tu hành của chúng ta. Nếu muốn thành công trên đường tu, chúng ta cần phải nhìn lại mình thật kỹ. Phải thường xuyên quán chiếu vào pháp môn mình đang tu. Có nhìn lại và hành trì miên mật pháp môn mình đang chọn tu như thế, thì chắc chắn con đường thành công đối với chúng ta sẽ không còn xa vời nữa.

81. Như ngọn núi kiên cố, chẳng bao giờ bị gió lay, những lời phỉ báng hoặc tán dương, chẳng bao giờ lay động được người đại trí ⁹⁴.

Just as a solid rock is not shaken by the storm, even so the wise are not affected by praise or blame.

*Kệ tụng
Như hòn đá kiên cố*

⁹⁴ **Đại trí:** chỉ cho những vị có trình độ giác ngộ cao.

*Không gió nào lay động
Giữa tiếng đời khen chê
Người trí không giao động.*

Lược giảng

Pháp cú này, Phật lấy hòn núi vững chắc để làm thí dụ và so sánh. So sánh cái gì? So sánh giữa hòn núi cùng lời khen chê. Hòn núi đứng sừng sững vững chắc, dù bị trải qua biết bao nắng táp mưa sa, phong ba bão tố, nhưng không bao giờ lay động hòn núi. Hòn núi vẫn vươn mình thẳng đứng trơ gan cùng tuế nguyệt, không hề lay động. Hòn núi để dụ cho sức Định thâm sâu của bậc đại trí. Người tu hành có một định lực kiên cố và trí huệ sáng ngời, thì thử hỏi có ngọn gió khen chê nào thổi mà làm lay động họ được. Đối với những vị này, chẳng những một hay hai ngọn gió thổi thổi, mà dù cho cả tám ngọn gió thổi tới tấp cùng một lúc, thì đối với họ, thật cũng không hề hấn gì. Ngược lại, đối với chúng ta thì sao? Chừng mấy ngọn gió thổi chúng ta lay động? Chúng ta có chịu nổi tám ngọn gió thổi không? Hay là chỉ cần một ngọn thổi thôi là chúng ta đã bị tróc gốc rồi. Mỗi người tự kiểm điểm lại mình, coi sức tu hành của mình tới đâu? Và có thể chịu đựng được bao nhiêu ngọn gió thổi? Nếu chỉ một ngọn gió khen hoặc chê thổi tới mà chúng ta không đủ sức chịu đựng được, thì sự tu hành của ta còn quá kém. Một ngọn gió chịu không nổi, thì làm sao chịu nổi tám ngọn? Mà tám ngọn gió này, không lúc nào lại không thổi tới chúng ta. Chúng thổi thường xuyên và có khi thổi lên tới cấp tám, cấp chín.

Thế thì phải làm sao? Muốn chống lại chúng, thì chúng ta phải chuyên cần trau giồi thêm định lực. Giống như người tập võ phải chịu khó vận công luyện tập thường xuyên. Dù cho một người có võ lực cao cường đến đâu, mà hằng ngày anh ta thiếu gia công kiên trì luyện tập chuyên cần, thì chắc chắn võ lực của anh ta sẽ bị suy kém lụi dần. Lúc đó, bất thần, khi bị địch thủ hạng nặng tấn công, thì anh ta không thể nào trở tay cho kịp. Thế là hậu quả đối với anh thật là tai hại. Người tu hành cũng thế. Nếu mình không vận dụng công phu tu tập, cho có một nguồn định lực khá, thì khi đối cảnh xúc duyên mà cụ thể như Phật nói ở đây là những lời khen chê phải trái đưa tới, thì chắc chắn không làm sao giữ tâm không lay động. Đã có lay động, tất nhiên, theo sau đó là có những tệ hại phiền não xảy ra. Định lực đối với người tu rất là quan trọng. Dù tu bất cứ pháp môn nào, cũng phải tiêu trừ phiền não để có được định lực.

Nhưng muốn có định lực, hành giả cần phải có huệ. Trí huệ có một năng lực rất lớn trong việc phá tà hiển chánh. Nhờ có trí huệ, hành giả mới thấy rõ được bản chất của sự vật. Bản chất của sự vật là không. Tất cả đều hư huyễn, giả có. Chúng chỉ là những thứ duyên hợp, như tia điện chớp. Điện chớp loé lên rồi chợt tắt, có đó rồi lại không. Nhưng bầu trời trong sáng vẫn luôn luôn an định bất biến. Vạn vật ở đời cũng thế. Mọi sự biến động qua lại, chỉ là trò đùa đối với người đạt đạo. Có gì mà phải bận tâm dính mắc. Vạn vật đã thế, thì bát phong cũng chỉ là tám ngọn gió thổi chơi trong bầu

trời trong tạnh. Vấn đề thị phi, đối với một con người chứng đạo, như Ngài Vĩnh Gia Huyền Giác nói:

*“Tùng tha bán, nhậm tha phi
Bả hỏa thiêu thiên đồ tự bì
Ngã văn khắp tợ ẩm cam lồ
Tiêu dung đốn nhập bất tư nghi”.*

Nghĩa là:

*Tốt và xấu nhà nhà đều có
Thị với phi chón chón “huống” đồng nhau
Mặc tâm khen, mặc phỉ bán, đừng nao
Hộ tự bồng, bằng ngọn lửa đốt trời trong tay họ
Lời phỉ bán, nghe như ru, như gió thoảng
Ngọt như cam lồ, mát tợ xuân phong
Tìm đâu ra! bực bội với u sầu?
Nó tan biến trong cảnh giới “Bất tư nghi” giải thoát.*

(Hòa Thượng Từ Thông dịch)

Với cái nhìn của người chứng đạo, các ngài coi chuyện thị, phi, nhơn, ngã, bỉ, thử... như trò đùa của những đứa trẻ giỡn chơi bắt bóng. Những chuyện đó, ở đâu lại không có, nhà nào lại không vào, xứ nào mà tránh khỏi. Nhưng, ta nên nhớ rằng:

*Thị phi chung nhưt hữu
Bất thính tự nhiên vô.*

Nghĩa là:

*Chuyện thị phi mỗi ngày đều có
Chẳng nghe tự nhiên không.*

Muốn chẳng nghe, ta cần phải tập có “chánh niệm”. Khi có chánh niệm, ta có thể đối phó với những nghịch cảnh dễ dàng. Điều này là chuyện có thật không phải nói ngoa. Nếu ta chịu khó cố gắng tập cho có chánh niệm, thì ta sẽ thấy hiệu quả của nó. Nhưng muốn có được chánh niệm, ta phải cố gắng vun bồi trí huệ. Nhờ có năng lực trí huệ bát nhã, ta mới thường xuyên quán chiếu các pháp, như là đối với sáu trần. Nhờ thế, mà tâm ta bớt nhiễm ở nơi sáu trần. Từ đó, ta mới có được tâm an định. Như vậy, định và huệ là hai yếu tố, chúng hỗ trợ nhau rất là mật thiết.

Trên bước đường tu tập, Phật dạy chúng ta phải cố gắng trau dồi hai loại vũ khí: “Trí huệ và Thiền định” này. Phải có được sức định như hòn núi, vững chắc bất động, thì sự tu hành mới có thể thành công được. Nếu chưa được rắn chắc như thế, thì ta không thể nào xao lãng trong việc tu hành. Phải thường xuyên huấn luyện tâm ta, như một viên sĩ quan tập lính. Hay giống như một tên lính giữ thành nghiêm nhặt. Đã giữ thành mà xao lãng, không canh chừng theo dõi đề phòng quân giặc cận mật, thì ta đánh giá tên lính đó như thế nào? Có thể nói, tên lính đó không còn, mà thành trì cũng mất về tay quân giặc. Có người chẳng những xao lãng không thôi, mà còn bỏ thành đi rong chơi. Thành trì đã bỏ trống, mặc cho quân giặc cứ vào. Tệ hơn nữa, có người còn đồng lõa rước giặc vào thành. Bao nhiêu đồ quý giá trong thành đều dâng hiến cho quân giặc hết. Những tưởng lo lót như thế kẻ giặc thương tình mà cho mình được yên thân, nào có ngờ đâu họ lại làm to.

Quân giặc, sau khi tom góp hết đồ đạc quý báu trong thành rồi, chúng còn thẳng tay hạ sát tên giữ thành không chút nương tay. Thế là cả chùy lẫn chày đều mất hết.

Thật là đau đớn lắm thay! Bây giờ, biết than van cùng ai đây! Có ăn năn hối hận cũng đã muộn lắm rồi! Chúng ta có cảm thương cho tên giữ thành đó lắm không?! Hay là chúng ta đều một mặt lên án chê trách, kết tội tên giữ thành đó là con người phản bội, chết đáng kiếp? Nếu chúng ta đồng thanh lên án kết tội anh ta là kẻ phản bội như thế, thì chúng ta hãy thật tâm nhìn lại mình xem có giống tên giữ thành đó hay không? Nếu giống thì sao? Ai kết tội lên án mình đây? Hiện tại mình đang làm gì? Mình có phải là kẻ giữ thành cần mật hay là kẻ rước giặc vào thành? Cửa thành luôn luôn mở trống để cho quân giặc tự do ồ ạt tấn công vào. Giặc trong giặc ngoài đều nổi dậy phá nát thành trì. Thử hỏi mình là kẻ trí hay ngu? Ai cũng trách tên giữ thành kia là kẻ ngu muội. Nếu là người trí thì ai mà rước giặc vào thành? Để bọn giặc vào thành và lấy hết của báu. Và nếu là người trí, thì phải giữ thành nghiêm mật. Chẳng những giữ thành thôi, mà còn xây dựng cho thành trì của mình càng ngày càng thêm kiên cố để chống lại giặc trong và giặc ngoài. Có thể mới mong vươn cao ngọn cờ chiến thắng và mới được an bình giải thoát. Đằng này, ngược lại, chẳng những thành trì bị mất về tay quân giặc, mà tất cả đồ đạc quý báu trong thành do ông cha nhiều đời để lại một phút chốc mất hết về tay quân giặc. Nghĩ thế, có đau thương rơi lệ lắm không?! Nếu có, thì tự hỏi lòng mình phải

làm sao đây? Làm sao khôi phục lại thành trì? Xin mỗi người trong chúng ta hãy suy gẫm kỹ và hãy tìm câu trả lời thích đáng.

82. Như hồ nước sâu, yên lặng trong sạch, những người có trí sau khi nghe pháp, tâm họ cũng thanh tịnh và yên lặng.

On hearing the Teachings, the wise become perfectly purified, like a lake deep, clear and still.

Kệ tụng

*Như hồ nước sâu thăm
Phẳng lặng và trong sạch
Cũng vậy nghe chánh pháp
Người trí hưởng tịnh lạc.*

Lược giảng

Pháp cú này, Phật dùng hồ nước sâu, yên lặng trong sạch, để thí dụ so sánh cho người trí, sau khi nghe pháp tâm họ cũng thanh tịnh và yên lặng. Thử chúng ta đặt vấn đề, để tìm hiểu lý do: *tại sao người trí sau khi nghe pháp, tâm họ cũng thanh tịnh và yên lặng?* Trong lời dạy này, ta nên chú ý cụm từ “*những người có trí*”. Điều chúng ta nên nhớ, phẩm này là Phẩm Hiền Trí, dĩ nhiên, người có trí phải khác hơn người thường vô trí. Nghe pháp thì có rất nhiều người nghe. Trường hợp như chúng ta đã nghe pháp qua bao nhiêu lần? Vấn đề nghe pháp như thế nào, chúng ta sẽ bàn giải sau. Ở đây, chúng ta nên tìm hiểu người trí là người như thế nào?

Người trí Phật nói ở đây, không phải là người trí thức thông thường ở thế gian.

Người trí trong Phật pháp, là người có kích thước chiều sâu. Họ thường quán chiếu nội tại hơn ngoại tại. Nhờ quán chiếu như thế, nên họ biết rõ tự ngã của họ hơn. Từ đó, họ nghe pháp lãnh hội dễ dàng. Bởi vì, những lời Phật thuyết pháp, chung quy, cũng chỉ nói lại những gì mà trong người chúng ta sẵn có. Phật không nói những gì ngoài con người. Song rất tiếc, ta chưa có đủ trí huệ sáng suốt, để hiểu thông hết những lời Phật nói. Do đó, nếu chúng ta nghe pháp mà không xoay lại con người của mình để tìm hiểu, thì khó mà lãnh hội được lời Phật dạy.

Nghe pháp của người trí, không phải nghe pháp theo kiểu thường tình của chúng ta. Thường, chúng ta nghe hay chạy theo nắm bắt âm thanh bên ngoài, ít có ai quán chiếu lại mình. Nghe với một tâm hồn dao động, xáo trộn, vọng ngoại, thì làm sao nhận ra lời Phật nói. Ngược lại, người trí thì không như thế. Người trí họ nghe trong sự tỉnh thức. Tâm thức của họ lắng trong như hồ nước trong xanh. Họ nghe lại họ, nhiều hơn là ở ngoại cảnh. Họ nghe câu nào là họ quán chiếu sâu sắc ở nơi câu đó. Họ coi văn tự như là phương tiện, để họ nương đó mà thực tập quán chiếu. Nhờ quán chiếu một cách sâu sắc như thế, nên tâm họ được lắng trong. Xin nhớ quán chiếu, chớ không phải suy tư tìm hiểu. Vì suy tư tìm hiểu là có sự tìm tòi lục lợi của ý thức. Còn quán chiếu thì không. Quán chiếu giống như ánh sáng mặt trời chiếu soi vào muôn vật. Chiếu một cách rõ ràng

không qua ý niệm dẫn đo phân biệt. Phân biệt là xé nát sự vật ra làm muôn mảnh. Ngược lại, quán chiếu chỉ tương ứng với chánh niệm. Chánh niệm, thì không phân tách chia chẻ sự vật chi ly. Hãy để sự vật giữ nguyên tự thể của nó. Nghe pháp như thế, mới thật sự là nghe pháp của người trí. Và như thế, thì tâm của họ không thanh tịnh, yên lặng là gì!

Cứ nhìn vào hồ nước trong xanh, lặng yên không một gợn sóng lẫn tẩn, thì ta có thể hình dung được tâm trí yên lặng như thế nào! Ta tự hỏi: tại sao hồ nước trong xanh yên lặng như thế? Dễ hiểu thôi. Bởi lẽ, không có gì làm chao động nó. Gió không, cặn cẩu không, không thứ gì làm đục. Nói gọn, là hồ nước không bị điều kiện gì làm cho nó bị giao động. Vì không có ngoại duyên và nội duyên xen vào, nên nó giữ được tự thể bản chất nước trong xanh. Đơn giản thế thôi.

Nhìn hồ nước trong xanh đó, ta có thể hiểu, tại sao Phật so sánh người trí sau khi nghe pháp, tâm họ cũng thanh tịnh và yên lặng. Nếu sau khi nghe pháp mà tâm ta thả chạy rong ngao du sơn thủy, thăm nơi này, viếng nơi nọ, thì thử hỏi tâm ta có thanh tịnh yên lặng không? Pháp của Phật dạy để cho ta làm gì? Có phải dạy để cho tâm ta được thanh tịnh an lạc không? Mà muốn có thanh tịnh, an lạc ta phải làm gì? Ta cứ lấy tay quậy hoài trong hồ nước tâm của ta, thì bảo sao nó yên lặng được. Tại sao ta không để yên như Phật dạy, mà ta cứ thích quậy. Một mặt thì quậy không ngừng, mặt khác, thì lại muốn yên như hồ nước trong xanh. Như thế, ta có tự mâu thuẫn lấy ta hay không? Tại sao ta lại tự mâu

thuần như thế? Cái gì bắt ta phải mâu thuẫn lấy ta? Có phải Phật chỉ dạy một đàng, ta làm một nẻo không? Ta hãy thành thật tự vấn và tự trả lời với chính ta. Có trả lời một cách thành thật, thì ta mới có thể tìm ra lý do của sự mâu thuẫn đó.

Đạo Phật là đạo như thật. Đạo Phật đưa ta trở về với cội nguồn của ta. Đạo Phật không muốn cho chúng ta phải phiêu lưu trong ảo tưởng. Vì còn ảo tưởng là còn rơi vào hố thâm của vọng chấp hai đầu. Ta hãy tập nghe pháp của người trí nghe. Đã lâu rồi, ta nghe theo tiếng gọi của vọng thức. Nghe như thế, thì có khác nào như ngài Pháp Đạt tụng Kinh Pháp Hoa ba ngàn bộ. Vì ngài đã bị Pháp Hoa chuyển. Tụng Kinh mà ngài không chuyển nổi Kinh. Phải đến Tào Khê gặp Lục Tổ và nhờ Lục Tổ chỉ điểm trúng bệnh, nên ngài mới hết bị Kinh chuyển.

Tâm trạng nghe pháp của ta hiện nay cũng thế. Vì ta chưa làm nổi theo kiểu nghe pháp của người trí. Bệnh vọng chấp của ta còn nặng quá! Ta chưa dám buông như ngài Pháp Đạt. Ta viện lý do, vì nghiệp nặng. Thế là ta an trí khỏi phải tìm sâu. Cứ một câu: nghiệp chướng sâu dày là hết chuyện. Cả đời trôi lăn, cũng theo nghiệp chướng sâu dày. Nếu ta biết ta nghiệp chướng sâu dày, thì tại sao ta không cố gắng vươn lên để dứt mòn nghiệp chướng! Nói dứt mòn là một cách nói thôi. Kỳ thật nghiệp chướng bền lâu không, thì có gì phải dứt, phải mài!

Pháp cú này, Phật dạy ta cố tập cho được cách nghe pháp của người trí. Cách nghe pháp của người trí là không bị ngoại thanh trần lồi cuốn họ. Họ có một chánh niệm tự chủ vững vàng. Ở đây, Phật muốn cho ta phải tập làm người trí. Phải biết cách nghe pháp. Hãy xoay lại nghe pháp ở nơi chính mình. Vì tâm mình là bài pháp lớn. Có nghe như thế, thì tâm ta mới thật sự thanh tịnh và yên lặng.

83. Người lành thường xa lìa mà không bàn đến những điều tham dục. Kẻ trí không còn có niệm⁹⁵ mừng lo, nên chẳng bị lay động vì khổ, lạc.

The good renounce (attachment for) everything. The virtuous do not prattle with a yearning for pleasures. The wise show no elation or depression when touched by happiness or sorrow.

Kệ Tụng
Người lành bỏ tất cả
Không bàn đến dục lạc
Kẻ trí đối vui buồn
Lòng không vương mừng lo.

Lược giảng

Pháp cú này, Phật nêu ra cho ta thấy rõ hai hạng người: Hiền và Trí. Để hiểu rõ hơn, ta thử đặt vấn đề: *tại sao người lành thường xa lìa mà không bàn đến những*

⁹⁵ **Niệm:** Nhớ. Niệm có nhiều loại: chánh niệm, tà niệm, tạp niệm, loạn niệm, vọng niệm, ức niệm, niệm thí, niệm giới, niệm chơn như v.v... Các từ ngữ trên, tùy theo mỗi loại mà nó có ý nghĩa khác nhau.

điều tham dục? Nói xa lìa mà xa lìa cái gì? Tức xa lìa ở nơi ái trước. Ở thế gian, con người đau khổ, đều do ái trước mà ra. Chúng ta nhớ lại, trong mười hai nhân duyên, ái là cái nhân chính trong hiện tại, để có ra đời sau.

Sau “Ái” là “Thủ” (trước) tức chấp chặt, bảo thủ đến cùng không buông ra. Từ “Thủ” rồi tạo nghiệp mà có ra “Hữu” (cõi), đó là thọ sanh qua các cõi ở đời sau. Như vậy, Phật nói người hiền là người mà họ đã nhàm chán ngũ dục. Họ không còn ham muốn những dục lạc thế gian. Vì họ ý thức được vấn đề đau khổ. Càng lún sâu trong ái dục, càng chuốc thêm khổ sầu mà thôi. Cho nên, một khi được thoát ra rồi, họ không muốn bàn đến những thứ đó.

Giống như đằm dãi, khi đã khạc ra khỏi cổ họng, rớt xuống đất, họ nhồm gớm không còn muốn ngó tới. Họ là mẫu người trái ngược với những kẻ còn đầy tham vọng.

Thậm chí, có những hạng người hưởng tất cả dục lạc ở thế gian, mà họ cũng không thấy thỏa mãn. Họ còn muốn phải hưởng cho được những thứ dục lạc ở cõi trời mới vừa ý họ. Như trường hợp vua Đảnh Sanh chẳng hạn. Đối với ông vua này, sự thụ hưởng dục lạc, không bao giờ thấy đủ. Nhờ phước báo gây tạo đời trước, nên kiếp này ông được làm vua, vui hưởng ngũ dục. Nhưng đối với ông, không bao giờ biết đủ. Do đó, ông thêm thường ngời báu của trời Đế Thích. Vì ông nghe nói, trên cõi trời Đạo Lợi có đầy dãy ngọc nga

châu báu và nhiều cung phi mỹ nữ nhan sắc tuyệt trần. Ông khao khát thềm muốn. Vì những dục lạc thế gian, ông đã hưởng qua, không thấy gì thích thú nữa.

Do đó, với lòng dục vọng thúc đẩy, ông ao ước có được thần thông lên trên đó. Nhờ phước báo, ước gì được này, nên ông được lên trên cõi trời Đao Lợi. Khi đến nơi, vua trời Đế Thích đón tiếp ông rất nồng hậu và chia cho ông nửa tòa ngai chung. Khi đó, ông móng khởi lòng tham ác, muốn xô vua trời Đế Thích rớt xuống trần gian, để ông hưởng trọn ngai báu này. Vừa móng khởi ác tâm như thế, ông liền mất hết thần thông và rơi nhào trở lại thế gian và rồi sau đó, ông lâm trọng bệnh ngặt nghèo. Trước khi chết, ông trần trối với quần thần, sở dĩ ông đau khổ như thế này là vì lòng tham muốn của ông quá độ. Suốt đời, ông thấy không bao giờ biết đủ...

Qua câu chuyện trên, cho ta thấy, một con người có quá nhiều tham vọng, không khi nào thấy thỏa mãn. Thử hỏi: con người đó có hạnh phúc không? Dù ở địa vị của một ông vua, nhưng ông không bao giờ có hạnh phúc. Vì sao? Vì lòng ham muốn của ông quá nhiều. Bởi thế, nên trong Kinh bát Đại Nhơn Giác, Phật có dạy: *“Đa dục vi khổ, sanh tử bì lao, tùng tham dục khởi, thiếu dục vô vi, thân tâm tự tại”*. Nghĩa là: Phật dạy: *“Người nào ham muốn nhiều, thì khổ nhiều. Vì ham muốn, nên tạo nghiệp ác. Đã có tạo nghiệp ác, tất nhiên, phải thọ quả báo ác. Trải qua bao sanh tử nhọc nhằn, cũng bởi do lòng tham dục chất chồng mà ra. Người nào muốn không khổ, thì phải biết đủ. Nhờ có*

biết đủ mà vui sống với đạo Vô Vi, thì thân tâm sẽ được tự tại”.

Qua lời Phật dạy tuy ngắn, nhưng chứa đựng đầy ý nghĩa giải thoát. Yếu lý của sự sống, qua kinh nghiệm bản thân, chúng ta thấy rất rõ về vấn đề này. Không có một người nào, lòng họ chứa đầy dục vọng, mà họ sống cảm thấy an vui. Đối với họ, không bao giờ biết đủ dừng lại. Họ đang lái chiếc xe đời của họ càng lúc càng đâm sâu vào tội lỗi. Họ là kẻ đau khổ ngút ngàn. Đời họ chưa bao giờ biết hạnh phúc là gì.

Ngược lại, người biết đủ là người có tràn trề hạnh phúc. Phật khen người đó là người lành. Vì họ biết an phận sống, không bon chen tranh danh đoạt lợi. Do đó, họ có đời sống rất an nhàn, thanh thoát. Kinh Di Giáo Phật dạy: *“Tri túc giả, tuy ngộ địa thượng, du vi an lạc. Bất tri túc giả, tuy xử thiên đường diệc bất xứng ý”*. Nghĩa là: *“Người biết đủ, tuy họ nằm trên đất mà họ vẫn cảm thấy an vui. Còn kẻ không biết đủ, dù họ ở trên trời, cũng không sao vừa ý”*.

Đến vấn đề thứ hai, Phật nói: *“Kẻ trí không còn có niệm mừng lo, Nên chẳng bị lay động vì khổ lạc”*. Ở đời, có những điều không đáng lo mà ta lo. Có những điều không đáng mừng mà ta mừng. Mừng và lo đó là hai trạng thái bất an của kẻ vô trí.

Trường hợp như vua Ba Tư Nặc, khi mẹ ông chết, ông cư tang lo buồn thảm nã. Một hôm, ông đến thăm Phật, đức Phật thấy ông thân hình tiều tụy khổ nã.

Phật hỏi duyên cớ: vì sao mà nhà vua buồn lắm thế? Ông liền kể bày tự sự hết tình cảnh của ông cho Phật nghe, về cái chết của mẫu thân ông. Ông rất đau lòng, nên mất ăn, mất ngủ, đăm ra thân hình nó bị hốc hác tiều tụy.

Nghe qua, Phật rất thương cảm cho ông và nhân đó, Phật dạy cho ông một bài học về những cái không đáng lo mà lo. Còn những cái đáng lo thì lại quên lãng không lo. Phật nói: Có thân, thì phải có bệnh, có chết. Đó là quy luật tự nhiên của vũ trụ. Thân của nhà vua cũng không tránh khỏi quy trình đó. Ngay cả thân Như Lai cũng không tránh khỏi. Đã không ai tránh khỏi, thì nhà vua lo buồn có ích lợi gì! Trước mắt là nhà vua đang khổ. Còn cái đáng lo mà nhà vua lại quên mất. Đó là cái sanh tử khổ đau về sau. Biết thế, thì nhà vua gắng chí tu niệm, để đời sau được an vui. Nghe qua những lời Phật dạy, nhà vua thức tỉnh và không còn bi lụy khóc than. Từ đó, vua Ba Tư Nặc càng tinh tấn tu hành nhiều hơn (tóm lược câu chuyện trong truyện cổ Phật giáo).

Người trí, vượt ra ngoài cái mừng lo. Sở dĩ con người đau khổ nhiều, cũng chỉ vì “được thì mừng, mất thì lo”. Mừng, lo, khổ, vui, lúc nào cũng luôn xảy ra đối với con người. Hằng ngày, chúng ta sống trong sự âu lo sợ hãi. Mừng vui không lâu, thì khổ sầu lại đến. Chúng cứ đắp đổi thay nhau, gây cho tâm ta không lúc nào an ổn. Đó là tâm bệnh của kẻ phàm phu. Những con người còn đầy chấp trước. Ngược lại, kẻ trí thì không như thế. Kẻ trí coi chuyện mừng lo, khổ vui của cuộc đời, như

trò huyền hóa. Các ngài không có gì phải bận tâm. Bởi những thứ đó là những thứ giả trá tạm bợ. Vì họ thấy rõ như thế, nên lòng họ rất bình thản an vui. Họ không khởi niệm suy tư kẹt dính vào những thứ mà người đời u mê dính mắc. Họ biết rõ, trên đời không có gì quan trọng. Bản thân họ không thật, thì thử hỏi, ngoài họ có gì thật đâu mà phải quan tâm lo lắng. Tâm niệm của họ “sống chơi, chết chơi!” Đã có mặt với đời, thì cứ diễn cho hết vở tuồng làm kiếp con người. Lúc nào họ cũng biết, họ là kẻ diễn viên đang diễn xuất trên sân khấu trường đời. Điều chắc chắn của một kẻ diễn viên là phải có lúc mãn tuồng. Biết thế, thì còn âu lo chi đến việc diễn xuất. Khen chê, chỉ là trò đùa, hơi sức đâu để tâm nghĩ tới.

*Chuyện khen chê ngày nào chẳng có
Chẳng bận lòng quăng xó ngoài tai
Dù cho ai nói dở hay
Lòng không dính mắc vui thay! Gì bằng.
Chuyện thế sự thăng trầm phải hỏi
Thâu càng nhiều thêm chán lổ tai
Việc mình mình biết mình hay
Việc người, người biết thày lay làm gì.*

X X

X

*Lo chi những chuyện không đâu
Để ta phải khổ âu sầu ngày đêm
Lá rơi trước gió bên thềm
Khổ vui, vui khổ, mãi chìm khổ vui.
Thăng trầm bởi tại cái “tôi”
Suy đi, nghĩ lại trọn đời không ra*

*Bao giờ hết khổ Ta bà
An vui niệm Phật mới là người khôn.*

Tại sao ta suy nghĩ nhiều về sự sống, mà ta không chịu sống ngay trong giây phút hiện tại? Chỉ có từng giây phút sống trong chánh niệm mới thật sự là người biết sống. Đã thế, thì chuyện khổ, lạc làm gì lay động được họ. Vì họ là người biết quý trọng và nâng cao sự sống trong từng bước đi an lạc trong chánh niệm. Họ là người đáng sống nhất trên trần gian này.

84. Không vì mình cũng không vì người để làm chuyện ác, không vì cầu con trai, giàu có hay mưu việc thiên hạ để làm việc ác, không vì cầu phần vinh cho mình bằng những phương tiện⁹⁶ bất chánh. Người này thật là người giới hạnh⁹⁷, trí tuệ và chánh pháp.

He is indeed virtuous, wise and righteous who neither for his own sake nor for the sake of another (does any wrong), who does not crave for sons, wealth or kingdom, and does not desire success by unjust means.

Kệ Tụng

*Không vì mình vì người
Không cầu con, ruộng tiền
Không mưu thân chước quý*

⁹⁶ **Phương tiện:** Phương là phương pháp; tiện là tiện lợi. Nghĩa là dùng phương pháp tiện lợi để làm lợi ích cho chúng sanh.

⁹⁷ **Giới hạnh:** Giới là răn cấm; hạnh là đức hạnh. Nhờ gìn giữ giới luật nghiêm minh mà có thêm đức hạnh.

*Chỉ sống thuần đức hạnh
Chánh trí, hợp chánh pháp.*

Lược giảng

Thường, con người vì mình mà làm chuyện ác, ít khi vì người mà làm chuyện ác. Ở đây Phật dạy, không vì mình và vì người mà làm chuyện ác. Thế nào vì mình mà làm chuyện ác? Vấn đề này, không ai trả lời xác thực hơn bằng chính tự mỗi người. Bởi vì việc làm ác, chính mình hiểu rõ hơn ai hết. Thế gian, từ ngàn xưa đến nay, chỉ vì sự sống cho riêng mình mà tạo ra không biết bao nhiêu tội ác, làm khổ đau không biết bao nhiêu người và loài khác. Hễ muốn cho đời sống của mình được giàu có sung túc, thì phải triệt hạ những ai có cuộc sống hơn mình. Mục đích, muốn thu gom tất cả lợi lộc về mình. Lòng tham lam ích kỷ của con người là thế. Đó là nói vì mình mà gây tạo tội ác.

Còn đối với người thì sao? Vì người ở đây, ta có thể hiểu theo nghĩa hẹp và nghĩa rộng. Về nghĩa hẹp, người ở đây là chỉ cho những người có liên hệ ruột thịt của mình. Như cha mẹ vợ con v.v..., có người vì người thân của họ mà họ dám làm tất cả không sợ tội lỗi. Miễn sao những người thân của họ được sung sướng, thì họ bất chấp thủ đoạn tạo ác.

Nói vì người, chớ thật ra cũng vì họ mà thôi. Vì họ muốn cho những người khác phải nể nang trọng vọng họ. Phải lo lắng phục vụ cho họ. Phải đền trả xứng đáng những gì mà họ ra tay giúp đỡ. Họ dám làm tất cả để đổi lấy chút hư danh. Thậm chí họ dám giết người.

Họ bất chấp luật pháp. Họ là người cao ngạo. Họ muốn nêu cao cái bản ngã của họ. Nói chung, hạng người ích kỷ, lúc nào họ cũng đặt sự sống của họ lên trên hết. Ai chết mặc ai!

Ở đây, Phật dạy: *Không vì mình cũng không vì người để làm chuyện ác.* Dạy điều này, Phật chẳng những nghĩ tới sự ích lợi cho cá nhân của mỗi người về hiện tại cũng như trong tương lai, mà Phật còn muốn nhắc tới đem lại sự ích lợi cho xã hội. Bởi nếu mỗi người không vì mình cũng không vì người mà làm những điều ác, thì xã hội sẽ được an bình.

Kế tiếp Phật dạy: không vì cầu con trai, giàu có hay mưu việc thiên hạ để làm việc ác, không vì cầu phồn vinh cho mình bằng những phương tiện bất chánh. Qua lời dạy này, để hiểu rõ hơn, chúng ta nên tuân tữ tìm hiểu từng vấn đề một.

Không vì cầu con trai, giàu có hay mưu việc thiên hạ để làm việc ác.

Nếu phân tích kỹ hơn của câu này, ta thấy Phật nêu ra ba vấn đề không nên làm ác.

a. Không vì cầu con trai mà làm ác.

Tại sao thế? Có thể thời Phật, người ta trọng nam khinh nữ. Theo Trung Hoa thời xưa, thời đại của Khổng Mạnh thì người ta rất trọng nam mà khinh nữ. Bởi thế, mới có câu: “Nhứt nam viết hữu, thập nữ viết vô”. Nghĩa là: trong gia đình sanh được một đứa con trai quý hơn mười người con gái. Nói cách khác, đem mười người con gái đổi lấy một cậu con trai, không ai thèm

đôi. Bởi quan niệm người xưa, sanh con trai là để nối dõi tông đường. Còn con gái thuộc về nữ sanh ngoại tộc. Do đó, mà các cụ quý trọng con trai hơn là con gái. Cho nên, ta thường thấy trong sách vở ghi lại, là người nào không con, hoặc ít con, hoặc sanh nhiều gái mà không có trai, thì họ hay đi cầu con trai. Gọi là cầu tự. Chớ ta không nghe ai nói đi cầu con gái bao giờ. Đây là theo tập tục trọng nam khinh nữ của thời xưa ở các nước Á Châu.

Tục lệ ở Ấn Độ, thời Phật cũng thế. Do đó, mà những nhà giàu có, họ vì cầu con trai mà họ giết hại những loài sinh vật khác để cúng tế thần linh. Họ van vái nguyện cầu thần linh hộ độ cho họ được sanh con trai. Do mê tín mà họ gây ra nghiệp ác. Bởi có đó, nên Phật mới dạy, không vì cầu con trai mà làm ác.

b. Vì giàu có mà làm ác.

Những người vì muốn cho mình được giàu có mà làm những chuyện bất lương. Điều này, ta thấy thời nào cũng có. Xã hội nào cũng xảy ra như trâu. Vì muốn mình giàu sang hơn thiên hạ, nên họ bất chấp việc ác, miễn sao thủ lợi về mình cho nhiều thì được. Ngày xưa, ở Việt Nam, thời đại phong kiến, đã có biết bao kẻ nghèo đói đau khổ, kêu trời không thấu, vì bị sự áp chế, bóc lột, hiếp đáp, chà đạp của bọn điền chủ đối với dân nghèo. Họ muốn làm giàu, nên họ dùng mọi thủ đoạn để hãm hại người khác. Điều này, trong thực tế, cũng như trong sách sử ghi lại rất nhiều. Nói sao cho xiết.

c. Vì mưu việc thiên hạ mà làm ác.

Vấn đề này, Phật dạy cho mấy nhà làm chánh trị thời Phật. Thời đại của Phật, đọc sử ta thấy, có nhiều ông vua, vì chủng tộc, quốc gia của mình mà đem quân đi đánh chiếm các quốc gia khác. Gây nên biết bao cảnh thương tâm chết chóc. Những kẻ tham chiến chết đã đành, còn những người dân vô tội vạ cũng bị chết lây. Cuộc chiến tranh nào mà chẳng thế. Xưa cũng như nay đều thế cả. Chỉ vì một số người nào đó, mà họ kéo cả đại hùng binh để tiêu diệt quốc gia khác. Than ôi! cảnh máu đổ đầu rơi, thịt nát xương tan, biết đến bao giờ non loại mới hết cảnh chém giết lẫn nhau.

Thời đại của Phật, cảnh tranh giành chém giết nhau cũng xảy ra ghê gớm. Bởi thế, nên Phật mới dạy điều này. Mục đích chính là Phật nhắm vào những ông vua có quyền uy cai trị. Nhờ đó, mà họ thức tỉnh hãm bớt đà chém giết nhau để thiên hạ được sống an ổn, thái bình.

Không vì cầu phần vinh cho mình bằng những phương tiện bất chánh.

Lời dạy này, Phật nhắm vào những kẻ chuyên sống về nghề nghiệp kinh doanh, kinh tế thị trường. Vì thương mãi, muốn cho mình được phần vinh, là phải có sự cạnh tranh. Đã có cạnh tranh, tất nhiên, phải dùng đến thủ đoạn. Cũng chỉ vì mưu sinh, làm giàu, mà sống trên sự đau khổ của biết bao kẻ khác. Trên thương trường, thời nào cũng vậy. Họ sát phạt nhau không nương tay. Họ giết nhau bằng kinh tế. Tranh giành chiếm hữu nhau. Mạnh được, yếu thua, khôn sống dại chết. Kẻ nào có tài sản vốn liếng nhiều, thì đè bẹp kẻ ít vốn hơn

mình. Đè kẻ khác xuống để mình được vươn cao. Từ đó, gây ra sự thanh toán hại nhau. Cũng chỉ vì mục đích muốn giàu có hơn thiên hạ mà sử dụng nhiều phương tiện bất chánh. Thậm chí, họ đầu độc giết người qua những thực phẩm chứa đầy độc tố. Ai chết mặc ai. Miễn sao họ có nhiều tiền lắm bạc là được. Tình cảnh bị nhiễm độc thức ăn, thỉnh thoảng ta vẫn nghe thấy. Trên thương trường cạnh tranh là như thế.

Bởi thế, nên Phật mới dạy điều này. Nói thế, không phải Phật cấm người Phật tử không được kinh doanh thương mại. Kinh doanh thương mại là một việc làm vừa lợi mình, lợi người trên bình diện quốc gia. Điều này, ta thấy Phật chẳng những không ngăn cấm mà Phật còn khuyến khích. Vì kinh tế là huyết mạch lưu thông của một quốc gia. Sống không nhờ đến kinh tế, thì làm sao sống được. Tuy nhiên, ở đây, Phật cấm là cấm cái tâm độc ác, vì sự lợi lộc của mình gây ra bao điều bất chánh, bất lương làm hại kẻ khác. Phật cấm là cấm như thế.

Cuối cùng, kết luận của pháp cú này, Phật dạy: Người này thật là người giới hạnh, trí tuệ và chánh pháp. Đây là lời tán thán khen ngợi của Phật. Tại sao Phật khen ngợi người này? Cứ đọc lại toàn câu pháp cú trên ta thấy Phật nêu ra bốn chữ KHÔNG :

- *Không* vì mình cũng *Không* vì người để làm chuyện ác.
- *Không* vì cầu con trai, giàu có hay mưu việc thiên hạ để làm việc ác.

- *Không* vì cầu phồn vinh cho mình bằng những phương tiện bất chánh.

Một người do gìn giữ được bốn điều *không* làm như vậy, nên Phật khen là người có giới hạnh, trí tuệ và chánh pháp.

85. Trong đám nhân quần⁹⁸, một ít người đạt đến bờ kia, còn bao nhiêu người khác thì đang quanh quẩn ở bờ này.

Few among men are those who cross to the father shore. The rest, the bulk of men, only run up and down the hither bank.

Kệ tụng

*Ít người giữa hơn loại
Đến được bờ bên kia
Số lớn người còn lại
Xuôi ngược bên bờ này.*

Lược giảng

Pháp cú này, Phật nêu ra cho chúng ta thấy rõ giữa hai hạng người: một hạng người giải thoát và một hạng người trầm luân. Trong câu trên, Phật nói, một ít người đạt đến bờ kia. Bờ kia, tức là chỉ cho bờ Niết bàn. Đây là quả vị giải thoát của hàng Thanh Văn. Nói rõ hơn là quả vị Niết bàn của A la hán.

⁹⁸ **Nhân quần:** Nhân là người; quần là bầy. Nhân quần có nghĩa là chỉ chung cho loài người sống chung một tập thể trên đời. Như nói: Phụng sự nhân quần xã hội.

Nên biết, Phật nói, trong đám người mà chỉ có một ít người đạt được, còn lại thì không. Đám người đây là chỉ cho toàn thể Nhơn loại. Cả Nhơn loại mà chỉ có một số ít người đạt được giải thoát, thì, than ôi! Sự tu hành thật khó khăn biết là đường nào! Như nói dân chúng trong một nước thì đông mà số người biết tu hành thì ít. Phật tử toàn quốc thì đông mà số người xuất gia thì ít. Số người xuất gia thì đông, nhưng số người tu chứng thì ít. Có so sánh như thế, ta mới thấy sự tu hành đạt được kết quả giải thoát hoàn toàn không phải là chuyện dễ dàng. Và cũng chỉ có một số ít người đạt đến mà thôi. Nhưng làm thế nào để đạt được quả vị đó? Đây là một vấn đề, thiết nghĩ, chúng ta cần phải biết rõ.

Trong Tứ đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Tập là nguyên nhân gây ra chúng sanh đau khổ. Muốn hết khổ, phải đoạn trừ nhân. Nhân đó chính là những thứ căn bản phiền não và tùy phiền não.

Căn bản phiền não gồm có mười món: 1. Tham, 2. Sân, 3. Si, 4. Mạn, 5. Nghi, 6. Thân kiến, 7. Biên kiến, 8. Tà kiến, 9. Kiến thủ và 10. Giới cấm thủ.

Tùy phiền não gồm có hai mươi thứ: 1. Phẫn, 2. Hận, 3. Phú, 4. Não, 5. Tật, 6. Xan, 7. Cuống, 8. Xiểm, 9. Hại, 10. Kiêu, 11. Vô tâm, 12. Vô quý, 13. Trạo cử, 14. Hôn trầm, 15. Bất tín, 16. Giải đãi, 17. Phóng dật, 18. Thất niệm, 19. Tán loạn, 20. Bất chánh tri. Chung lại là ba mươi thứ. Những thứ này là tác nhân gây cho chúng ta đau khổ. Đến quả vị A La Hán là đã đoạn sạch những thứ này. Đó là Phật nói một ít người đạt được bờ kia.

Câu kể tiếp Phật nói: *Còn bao nhiêu người khác thì đang quanh quẩn tại bờ này.* Bờ này là bờ nào? Là đối lại với bờ kia. Tức là bờ sanh tử. Số người quanh quẩn ở bờ này thì nhiều. Tại sao vậy? Tại vì ở bờ này vui hơn. Bờ bên này có nhiều hoa thơm trái ngọt ngũ dục. Bởi vậy, chúng sanh thích đắm mê ngũ dục lạc mà ít ai chịu đi qua bờ kia.

Muốn vượt biên qua bờ kia, đâu phải chuyện ngẫu nhiên mà đi được. Phải là hạng người có ý chí cương quyết, với một tâm hồn sắt đá đầy dũng lực hiên ngang. Rồi phải trang bị cho mình một số hành trang cần thiết. Trước hết là phải sắm chiếc tàu cho thật lớn và thật chắc. Rồi phải có tài công lái tàu cho thật giỏi. Đồng thời, người tài công đó phải biết sử dụng rành hải bàn để canh tọa độ cho đúng hướng. Nếu không, thì sẽ đi lạc hướng ngay. Cũng thế, muốn vượt biên qua bờ Niết bàn, hành giả phải sắm tàu thuyền Bát nhã. Có tàu thuyền bát nhã rồi, hành giả cần phải trang bị cho mình có một bảo kiếm trí huệ sắc bén, để tiêu diệt những tên giặc cướp biển phiền não nói trên. Chính những tên này, chặn đường bước tiến đến bến bờ “Tự do hoàn toàn an vui” của hành giả. Nhờ có bảo kiếm trí huệ và có hải bàn Phật chỉ dẫn, nên hành giả không sợ đi lạc đường.

Như vậy, muốn thực hiện cuộc hành trình đó, hành giả cũng phải trải qua đầy cam go thử thách, dạn dày sương gió, mới có thể đạt được mục đích. Vì quá khó khăn, hơn nữa, trên đường đi có quá nhiều nguy hiểm

gian lao, nên ít có mấy ai chịu đi. Tâm lý chung của chúng sanh, là thích những cái gì dễ dãi và thích thỏa mãn lòng ham muốn hưởng thụ mà thôi. Không mấy ai thích khó khăn nguy hiểm. Nhứt là bờ bên kia nghe sao nó xa xôi quá! Và cũng không có “hoa trái ngũ dục” hấp dẫn như bờ bên này.

Do đó, mỗi khi nghe nói đến bờ bên kia, thì họ lại ngao ngán, chùn chân hết muốn đi. Thôi thì, cứ ở lại bờ bên này hưởng thụ cho nó sướng cuộc đời, tới đâu hay đó. Chừng nào khổ đến sẽ hay. Khi khổ đến, thì khóc lóc kêu than, van vái đủ thứ. Nhưng có ai khuyên bảo nên vượt biên qua bờ bên kia, thì họ lại hẹn lần, hẹn nữa, hẹn nay, hẹn mai. Hẹn riết rồi già đến khi nào không hay. Bây giờ nhìn lại thì, ôi thôi! Mái tóc đã bạc màu trắng toát. Thật là:

*Khuyên tu niệm thì hẹn mai hẹn một
Quý sớ đời thì khóc một khóc hai
Tu thì lười biếng lại rai
Vãng sanh thì muốn liên đài phẩm cao.
Lòng người chẳng biết nói sao!
Khỏe thì ham muốn khi đau lại buồn!
Nói thì chỉ biết nói suông
Thật hành thì ít, ngông cuồng thì hay
Tương rau dưa muối qua ngày
Tụng kinh niệm Phật lại rai được rồi.
Đến khi ngã bệnh ôi thôi!
Làm sao cho kịp bồi hồi ra đi!
Mật mù nơi cõi âm ty!
Kịp mau sửa lại xét suy tu hành...*

Họ viện lý do đủ thứ. Khi khổ đến, thì nghĩ cũng muốn đi. Khi khổ qua rồi, thì dậm chân tại chỗ, không muốn cất bước. Cứ thế, mà dần dà ngày qua tháng lại, cho đến ngày nhắm mắt. Quả thật BỒ tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả là vậy! Đó là tâm bệnh chung của tất cả chúng sanh.

86. Những người hay thuyết pháp, theo chánh pháp tu hành⁹⁹, thì được đạt tới bờ kia, thoát khỏi cảnh giới tà ma¹⁰⁰ khó thoát.

But those who act according to the perfectly taught Dhamma will cross the realm of Death, so difficult to cross.

*Kệ Tụng
Những ai chơn hành trì
Theo chánh pháp khéo dạy
Sẽ đạt bờ bên kia
Vượt ma giới khó thoát.*

Lược giảng

⁹⁹ **Tu hành:** Tu là sửa; hành là làm. Tu hành là sửa đổi và làm theo những điều đã sửa đổi cho ngày thêm tốt đẹp tiến bộ.

¹⁰⁰ **Tà ma:** Tà là cong queo, xiên lệch, không ngay thẳng; ma là những thứ làm chướng ngại trên đường tu. Nói chung, những gì làm trở ngại cho sự tu tiến của mình đều gọi là ma. Tà ma chúng có năng lực hướng dẫn sai lệch sự tu hành chánh giáo của mình để đi vào con đường đau khổ.

Pháp cú này, Phật dạy ý nghĩa cũng giống như pháp cú trên. Tuy nhiên, có điều chúng ta nên chú ý là Phật nói: “*Những người hay thuyết pháp, theo chánh pháp tu hành*”. Câu này ngầm ý Phật nhắc nhở chúng ta năng thuyết phải năng hành. Hai chữ thuyết pháp Phật nói đây, không có nghĩa là chỉ có khi nào lên pháp tòa mới gọi là thuyết pháp. Đó là theo nghĩa thông thường mà mọi người đều hiểu. Nhưng trong nhà Phật nói, có nhiều loại thuyết pháp. Có khi thuyết pháp bằng lời và có khi thuyết pháp không lời; cũng có khi thuyết pháp bằng cử chỉ hoặc hành động. Đọc sách Thiền, ta thấy, các Thiền Sư hay dùng những loại vô tình như: cây, gậy, phát trần v.v... để thuyết pháp. Mục đích của những loại thuyết pháp này, là các ngài nhắm thẳng vào đương cơ để đánh thức cho họ ngộ đạo. Để chứng minh, xin dẫn chứng ra đây một vài mẫu chuyện ngắn:

Thiền Sư Lương Giới (Động Sơn) là vị Tổ khai Tông Tào Động. Một hôm, ông đến tham vấn Qui Sơn Linh Hựu, Sư thưa:

- Được nghe Quốc Sư Huệ Trung nói: Vô tình thuyết pháp, con chưa hiểu thấu chỗ vi diệu ấy?

Qui Sơn bảo:

- Ta trong ấy cũng có, chỉ là ít gặp được người kia.

Sư thưa:

- Con chưa hiểu, xin thầy chỉ bày.

Qui Sơn dựng đứng phát tư, hỏi:

- Hội chăng?

Sư thưa:

- Chẳng hội, tỉnh Hòa Thượng nói.

Qui Sơn bảo:

- Miệng do cha mẹ sanh, trợn không thể vì người nói...

Một hôm khác, ông đến Vân Nham, Sư hỏi:

- Vô tình thuyết pháp người nào được nghe?

Vân Nham bảo:

- Vô tình thuyết pháp, vô tình được nghe.

Sư hỏi:

- Hòa Thượng nghe chẳng?

Vân Nham bảo:

- Ta nếu nghe, người đâu thể được nghe ta thuyết pháp.

Sư thưa:

- Con vì sao chẳng nghe?

Vân Nham dựng phất tử, hỏi:

- Lại nghe chẳng?

Sư thưa:

- Chẳng nghe.

Vân Nham bảo:

- Ta thuyết pháp mà người còn chẳng nghe, huống là vô tình thuyết pháp?

Sư hỏi:

- Vô tình thuyết pháp gồm những kinh điển gì?

Vân Nham bảo:

- Đâu không thấy kinh Di Đà nói: nước, chim, cây, rừng thảy đều niệm Phật niệm Pháp?

Ngay câu này Sư liền tỉnh ngộ, thuật bài kệ:

Dã đại kỳ! Dã đại kỳ!

Vô tình thuyết pháp bất tư nghi

Nhược tương nhĩ thính chung nan hội

Nhãn xứ văn thính phương đắc tri.

Dịch:

*Cũng rất kỳ! Cũng rất kỳ!
Vô tình nói pháp chẳng nghĩ nghĩ
Nếu lấy tai nghe trọn khó hội
Phải đem mắt thấy mới liễu tri
(Trung Hoa Chư Thiên Đức...Tập hai, Hòa
Thượng Thích Thanh Từ soạn dịch)*

Một trường hợp khác, như Hán Văn Công đến tham vấn Thiền Sư Bảo Thông:

Hán Văn Công hỏi Sư:

- Hòa Thượng tuổi được bao nhiêu?

Sư cầm râu chuôi dờ lên bảo:

- Hội chẳng

Văn Công thưa:

- Chẳng hội.

Sư bảo:

- Ngày đêm trăm lẻ tám.

Văn Công không hiểu trở về.

Còn và còn rất nhiều những mẫu chuyện như thế này, không thể dẫn chúng ra hết.

Khi chúng ta tụng đọc kinh điển, cũng gọi là thuyết pháp. Nói chung, hai chữ thuyết pháp nghĩa nó rất rộng. Như vậy, thuyết pháp dù dưới dạng thức nào, cũng nhằm mục đích là vừa nhắc lại lời Phật Tổ dạy, mà cũng vừa đánh thức mình và đương cơ. Nếu chỉ có nhắm vào đương cơ không thôi, thì việc thuyết pháp đó, chẳng khác nào một cái máy phát ra tiếng người. Đã là cái máy, thì tự nó, nó có biết gì đâu. Cứ đầy đủ bộ phận, để cho người sử dụng. Chỉ có thế thôi. Như thế, tự nó có được lợi ích gì? Và nó có kinh nghiệm gì

để truyền đạt cho người. Cũng vậy, nếu người thuyết pháp mà tự mình thiếu kinh nghiệm thật hành, khi giảng nói cho người khác nghe, thì không khác gì cái máy phát thanh. Sở dĩ con người hơn cái máy là ở chỗ có hiểu biết, có kinh nghiệm và có thật hành. Cho nên, ở thế gian, ta thấy những nhà giáo dục, trước khi họ giảng dạy môn học nào, thì ít nhiều gì họ cũng phải có thực nghiệm qua. Dù đó là những môn học thế gian. Nhứt là về môn khoa học và khoa học thực nghiệm. Người ta đều phải trải qua những phương pháp thí nghiệm, thật hành trước khi đem ra giảng dạy.

Pháp thế gian còn thế, hướng gì là Phật pháp. Vì đạo Phật là đạo sống thực. Đạo Phật không chú trọng và đặt nặng lý thuyết suông. Đạo Phật chủ trương nói và hành đi đôi. Do đó, người thuyết pháp (hiểu theo nghĩa rộng) là người phải có ít nhiều kinh nghiệm trong sự tu hành. Sau đó, mới đem ra giảng dạy cho người khác. Văn tự ngữ ngôn chỉ là những xác chết. Ta có thể biến đổi những xác chết đó trở thành một thứ giáo lý sống động làm lợi ích cho con người. Bằng không, thì giáo lý đạo Phật, chỉ còn là một thứ đồ cổ được trưng bày trong các bảo tàng viện mà thôi.

Vì vậy, nên *Phật dạy: những người hay thuyết pháp, theo chánh pháp tu hành*. Theo chánh pháp tu hành, ta có thể hiểu hai nghĩa: cạn và sâu. Nghĩa cạn là ta noi theo những lời Phật dạy làm lành lánh dữ trong kinh điển mà nỗ lực thật hành. Nghĩa sâu là ta xoay trở lại bản tâm để chiếu phá vô minh, đoạn trừ phiền não, đạt được Niết bàn an lạc. Đây mới là ý chánh mà Phật dạy

trong câu pháp cú này. Nhờ noi theo chánh pháp tu hành mà đạt tới bờ kia, thoát khỏi cảnh giới tà ma khó thoát. Ta có thể nói ngược lại, nếu ta không noi theo chánh pháp Phật dạy tu hành, thì ta khó thoát khỏi cảnh giới tà ma.

87. Người trí hãy mau từ bỏ hắc pháp (ác pháp) tu tập bạch pháp (thiện pháp), xa gia đình nhỏ hẹp, xuất gia sống độc thân theo phép tắc Sa môn.

Abandoning the dark way, let the wise man cultivate the bright path. Having gone from home to homelessness, let him yearn for that delight in detachment, so difficult to enjoy. Giving up sensual pleasures, with no attachment, let the wise man cleanse himself of defilements of the mind.

Kệ Tụng

Kẻ trí bỏ hắc pháp

Tu tập theo bạch pháp

Bỏ nhà, sống không nhà

Độc thân, rất khó hưởng.

Lược giảng

Giáo điển của Phật giáo tuy nhiều, nhưng thu tóm lại không ngoài bài kệ bốn câu của Phật Ca Diếp đã nói:

“Chư ác mạc tác

Chúng thiện phụng hành

Tự tịnh kỳ ý

Thị chư Phật giáo”.

Nghĩa là:

“Các điều ác chớ làm

*Vâng làm các điều lành
Giữ ý mình cho trong sạch
Đó là lời chư Phật dạy”.*

Người trí là người hướng thượng, là người tự xây dựng đời mình mỗi ngày mỗi thăng hoa trong cuộc sống. Muốn hướng thượng, tất nhiên, là không tạo các điều ác. Vì gây tạo các điều ác, đó là cái nhân sa đọa. Con người sở dĩ tạo ác, là vì họ còn thấy có thân tâm thật. Từ đó, mới gây ra vô số tội lỗi. Trong kinh Bát Đại Nhơn Giác, Phật dạy: “*Tâm thị ác nguyên, hình vi tội tấu.*” Nghĩa là: “Tâm này là nguồn ác, thân hình của mình là rừng của tội lỗi”.

Lý do tại sao Phật dạy như thế? Vì trên thế gian này, sở dĩ người ta tranh giành, hơn thua, chém giết lẫn nhau, cũng đều từ ở nơi cái tâm vọng mà ra. Nó là nguồn gốc gây ra ác nghiệp. Đến như cái thân ta cũng thế. Tại sao nói thân là rừng tội lỗi? Là vì mọi nhu cầu vật chất, đều muốn cho thân được đầy đủ, sung sướng. Như muốn ăn ngon, thì phải sát sinh hại vật v.v...

Tóm lại, vì muốn cho thân này được êm ấm, sung túc, nên con người tạo ra nhiều tội lỗi. Như vậy, người trí là người sáng suốt. Nhờ sáng suốt mà các ngài biết rõ đâu là nhân của khổ đau và đâu là nhân của an lạc. Để tránh nhân khổ, thì làm gì có quả khổ. Chẳng những thế, mà các ngài luôn nghĩ đến chúng sanh. Mình được hết khổ, tất nhiên, phải làm sao cho mọi người cũng được hết khổ như mình. Do nghĩ thế, nên các ngài

quyết chí làm mọi việc lành. Dù việc lành đó rất là nhỏ nhặt, các ngài cũng không bỏ qua. Quả đúng với câu:

*“Thật tế lý địa bất thọ nhứt trần
Vạn sự môn trung bất xả nhứt pháp”.*

Nghĩa là:

*Ở trong chỗ thật tế (bản tâm) không thọ một
mấy may trần cảnh.
Còn ở trong sự tướng, muôn việc không bỏ qua
một pháp nào mà chẳng làm.*

Câu trên, có khác nào câu nói của đức Lục Tổ “bản lai vô nhứt vật”. Nghĩa là, xưa nay, không phải là một vật. Dù không phải là một vật, nhưng các ngài ra làm mọi việc để độ sanh. Cho nên bài kệ trên nói:

*Không làm các điều ác
Mà làm các điều lành.*

Tuy làm các điều lành, nhưng đối với người trí, thì họ không bao giờ sanh tâm chấp trước. Vì họ biết tất cả đều là hư huyền. Đem thân huyền làm việc huyền. Trong kinh Viên Giác nói: “Dĩ huyền độ huyền” là như thế. Tuy tất cả là huyền tướng, nhưng các ngài làm lợi ích cho chúng sanh không biết mệt, điển hình như đức Phật và chư vị Tổ Sư. Gần như là các bậc Thầy của chúng ta. Các ngài đã hy sinh cả cuộc đời để làm lợi ích cho Phật pháp và phục vụ cho chúng sinh. Sở dĩ các ngài khi làm Phật sự mà tâm không dính mắc, chấp trước, là vì nhờ tâm của các ngài đã được thanh tịnh.

Như câu thứ ba, trong bài kệ trên nói: “*Tự tịnh kỳ ý*”. Nghĩa là phải giữ tâm ý mình cho được trong sạch. Tâm ý có trong sạch, thì mới được giải thoát. Ngược lại, tâm phàm phu thì không như thế. Vì phàm phu sống trong vô minh vọng chấp, nên đối với họ, chẳng những không làm lành mà họ còn tạo ra không biết bao điều tội ác. Tâm ý của họ lúc nào cũng tối tăm, khác nào như một bầu trời đen tối ảm đạm. Do đó, mà họ phải chịu trầm luân mãi trong vòng sanh tử khổ đau, thật không biết đến bao giờ mới được thoát ly.

Kế tiếp, Phật nêu ra hình ảnh sống giải thoát của một bậc Sa môn. Là người xuất gia, rời bỏ tất cả những điều uế trược. Nhà của người xuất gia, là khắp cõi Ta bà. “Cõi Ta bà đâu chẳng phải nhà ta”, không phải là ngôi nhà nhỏ hẹp, ngôi nhà đó, chỉ là một giả tướng tạm bợ nhỏ nhoi để cho ta dung thân mà thôi. Dù đó là một ngôi chùa cũng thế. Tất cả chỉ là huyễn tướng vô thường sanh diệt. Lấy huyễn tướng vô thường bên ngoài, để che mát cho cái huyễn tướng hình hài tứ đại giả tạm của ta. Rốt lại, cả hai đều phải bị luật vô thường chi phối. Cả hai đều phải tan hoại. Biết thế, người xuất gia không nên sanh tâm ái nhiễm. Có ái nhiễm là có khổ đau, càng khổ đau, thì càng xa hạnh phúc. Người xuất gia, sống đời độc thân, là chấp nhận từ bỏ mọi duyên ái, kể cả duyên ái ở nơi thân tâm, vì thân tâm cũng chỉ là duyên hợp không thật.

Hạnh Sa môn là hạnh sống cao thượng tuyệt vời. Hạnh sống mà người thế gian không bao giờ với tới. Người xuất gia thời Phật, quá giải thoát an lạc siêu nhân.

Người xuất gia thời nay, đã đánh mất nhiều yếu tính thời Phật. Dù có biện minh dưới dạng thức nào, ta thấy, ta cũng đã đi quá xa, quá xa tất cả mọi mặt. Mỗi người hãy tự kiểm điểm lại bản thân mình thì sẽ rõ. Ta thật sự là kẻ lai căn.

Đôi khi, vì viện dẫn lý do thời đại, mà ta đã không còn cảm rỗi sâu những phẩm hạnh quý giá của người xuất gia. Những cái hay đẹp của người xưa, ta không còn đủ sức vươn tới. Rồi ta viện dẫn đủ lý do hợp lẽ. Xin đừng viện dẫn lý do, để mà chạy trốn sự thật. Một sự thật mà mỗi khi nhìn, kiểm điểm lại, ta cảm thấy thật là tội lỗi, xấu hổ. Có nhìn thẳng và đối chiếu vào sự thật giữa người xuất gia thời xưa và người xuất gia thời nay (không dám quơ đũa cả nắm) thì ta mới thấy được sự cách xa đó. Hãy khoan vội nói đến việc tu hành. Cứ nhìn vào hình thức và lối sống: *ăn, mặc, ở* của những nhu cầu vật chất ngày nay, thì đủ đánh giá cho sự lai căn của ta rồi. Ta đã đi quá đà cho sự sống. Ta đã hưởng thụ quá nhiều. “Tam thường” của ta khó mà “bất túc”. Ta đã viện cớ đủ điều để biện hộ. Ta không dám nhìn lại khuyết điểm của mình. Như thế, ta chỉ còn là hình thức của cái đầu tròn. Chỉ có đầu tròn thôi sao, còn những cái khác thì sao? Những cái khác đều méo và sai lệch; không cái nào giống các ngài cả. Đó là một sự đáng tủi và đáng đau buồn nhứt cho chúng ta! Nói cho cùng, ta chỉ than một câu là hết chuyện: “Tại nghiệp chướng của tôi quá sâu dày”. Thế là không còn ai khuyên lơn hay bắt bẻ gì ta được nữa. Ai khuyên lơn nhắc nhở, chẳng những ta không mang ơn nghe theo,

mà ta còn cho người khuyển là cổ lỗ xỉ, là đù thứ cái, là...

Càng khuyển, thì ta càng đem *con người thời đại* ra chứng minh. Chẳng những thế, ta còn đem thân ta ra chứng minh. Có hăng lô để chứng minh và biện hộ. Thôi thì người khuyển ta chỉ còn nước ngậm bồ hòn mà câm miệng! Đôi khi, họ còn bị phản tác dụng ngậm hòn suốt tũn nữa không chừng! Họ bị múi mặt, vì bị những gáo tát nước lạnh của người được họ khuyển. Đó là phần thưởng vinh dự của họ. Quá đúng rồi, còn gì nữa phải nói!!!

So với lời Phật Tổ dạy, ta thấy đời sống ta cách xa quá chừng! Nói thế, để chúng ta nhớ lại bốn phận của mình mà mỗi người tự ý thức. Không ai thương ta bằng chính ta thương ta. Người ta thường nói: “giúp lời giúp đũa, chớ ai giúp của, giúp cơm”. Của và cơm, phải do chính ta tự tạo lấy.

Hôm nay, được duyên phước lớn, chúng ta quây quần bên nhau dưới một mái chùa kang trang êm ấm và dưới sự chỉ giáo hướng dẫn của một bậc Thầy đầy đức độ. Mùa an cư là mùa mà chúng ta có dịp ngồi lại bên nhau để cùng tu cùng học và cùng thức nhắc cho nhau trong nghĩa tình huynh đệ. Ta không dám mong ý cao xa, lên mặt dạy đời thức nhắc ai. Mà ta chỉ cùng nhau đánh lên tiếng chuông cảnh tỉnh cho nhau, để cố gắng tu học. Có thể, ta mới thật sự là người báo đáp thâm ân Phật và Thầy Tổ ta cũng như những vị Đàn na thí chủ. Những người đã gián tiếp hoặc trực tiếp lo lắng cho ta

được tiến thân tu học. Tất cả đó là công ơn rất lớn. Là người xuất gia, ta không bao giờ quên được.

Dầu sao, ta cũng cố gắng vươn lên trong niềm đau chưa tuyệt vọng! Miễn sao, ta còn hy vọng cố gắng thức nhắc cho nhau, không đến nỗi nào phải chìm sâu dưới đáy sông Cầu, loi ngoi lội nước như qua giấc mộng của ngài A Nan bạch Phật.

88. Người trí cần gột sạch cấu uế¹⁰¹ trong tâm, cầu cái vui chánh pháp, xa lìa ngũ dục, chẳng còn vương mắc chi.

Kệ tụng
Hãy cầu vui Niết bàn
Bỏ dục không nhiễm uế
Kẻ trí tự rửa sạch
Mọi cấu uế nội tâm.

Lược giảng

Muốn gột sạch cấu uế trong tâm, người trí phải làm gì? Người trí là người tỉnh thức, khác với kẻ mê. Người tỉnh thức là người luôn sáng bên trong. Muốn sáng bên trong, người trí phải thường xuyên nhìn lại mình. Ta hãy bình tâm nhìn lại thật kỹ, từ xưa tới nay, từ Phật Tổ cho đến các bậc tu hành đạt đạo, có vị nào để tâm chạy rong bên ngoài, đeo đuổi theo trần cảnh mà được ngộ đạo hay không? Hay là tất cả đều phải nhìn lại chính

¹⁰¹ **Cấu uế:** Nghĩa đen là dơ bẩn. Nghĩa bóng là ám chỉ cho những thứ phiền não rối rắm làm cấu bợn trong lòng mọi người.

mình (phản quan tự kỷ) để thiên quán, gạn lọc hết phiền não mà được đắc đạo.

Đức Phật đã ngồi dưới cội Bồ đề tư duy quán sát nội tâm trải qua 49 ngày, để gột trừ hết những cấu uế vô minh phiền não, cuối cùng mới được thành tựu được đạo quả. Đến chư Tổ sư cũng thế, không một vị nào hướng ngoại tìm cầu mà được ngộ đạo. Phật Tổ thường nói: “ngoài tâm cầu đạo là ngoại đạo”. Bởi vì, nói thành Phật hay thành đạo không có gì xa lạ ngoài con người. Đạo Phật lấy con người làm gốc. Con người biết quay lại và sống trọn vẹn với chơn thể của chính mình, thì gọi đó là người giác ngộ. Như vậy, đạo Phật nhắm thẳng vào con người để khám phá phát minh những điều mới lạ.

Đạo Phật khác với khoa học là ở chỗ: một đàng chinh phục nội giới và một đàng chinh phục ngoại giới. Khoa học dù phát minh tiến bộ đến đâu, cũng chỉ là chinh phục nhiên giới mà thôi. Các nhà khoa học chưa trọn vẹn làm chủ được con người họ. Bản thân họ vẫn còn đầy dẫy vô minh phiền não tham sân si... Họ vẫn còn những nỗi âu lo và những sự bất đồng nội tại. Đời sống của họ vẫn còn đau khổ dài dài. Họ chưa bao giờ có hạnh phúc. Tâm trí họ vẫn rối bời. Dù trí họ vẫn sáng. Nhưng cái sáng của họ là để chiếu soi nghiên tầm ngoại giới. Do đó, họ phát minh nhiều loại cơ khí tối tân. Như loại ngày nay đều mang ơn và phục tài họ. Nhưng dù họ có tài giỏi phát minh đến đâu, họ cũng vẫn là một con người đau khổ như bao nhiêu con người tầm thường khác. Lý do, là vì họ chưa nhìn kỹ lại họ.

Họ chưa khắc phục và làm chủ chính họ. Họ vẫn còn bị ngoại giới lôi kéo. Bên trong, họ vẫn còn những thứ rối bời làm họ bất an. Họ thua các nhà Phật học là ở chỗ đó.

Ngày nay, họ hướng về đạo Phật cũng là ở điểm siêu việt đó. Họ kính trọng đức Phật, là vì đức Phật là một con người quá vĩ đại. Vĩ đại ở chỗ đức Phật hoàn toàn giác ngộ. Một khi đã gột sạch hết vô minh rồi, thì đức Phật không có gì là không biết. Cho nên đức Phật còn có danh hiệu là đấng Chánh biến tri, là một con người biết khắp tất cả. Biết một cách đúng như thật ở nơi các pháp. Biết một cách rõ ràng qua sự thực chứng của ngài, chứ không phải qua suy luận.

Trong Kinh A Hàm có nói, trong đêm thứ 49, ngài chứng được Tam minh: Thiên nhãn minh, Túc mạng minh và Lưu tận minh. Do chứng Tam minh này, ngài nhìn thấu suốt tất cả vạn vật vượt qua thời gian và không gian. Kinh điển tả, như một người đứng trên lầu cao nhìn xuống ngã ba đường thấy kẻ qua người lại một cách rõ ràng.

Ngược lại, khoa học vì chưa khám phá và thực chứng nội tại như Phật, nên họ chỉ dùng trí óc suy luận mò mẫm phát minh những gì thuộc về nhiên giới mà thôi. Ngày nay cả nhon loại ca tụng và quy hướng về đạo Phật chính là ở điểm đó. Bởi những gì Phật nói ra, tất cả đều xuất phát từ chỗ chứng ngộ của Ngài. Sự chứng ngộ đó, là chứng ngộ một cách toàn triệt ở nơi chơn lý. Bởi vậy, người ta gọi đạo Phật là đạo “nội quan” hay là

một đạo hoàn toàn “nhân bản”. Đó là điều vinh hạnh cho chúng ta theo một đạo giáo phù hợp với chân lý. Tất cả đều tôn trọng sự thật. Được thế do đâu? Phải chăng do Phật quán chiếu sâu thẳm vào tự ngã. Gột sạch hết mọi phiền não cấu uế mà được thành tựu.

Nhưng muốn thế, tất nhiên là ta cần phải có phương pháp. Bất cứ phương pháp nào mà ta thấy thích hợp với căn tánh và sở thích của ta. Như niệm Phật, trì chú, hoặc thiền định v.v... Tất cả đều phải nhắm thẳng vào mục đích chính là tiêu diệt phiền não. Dù là căn cơ bậc thượng hay bậc hạ gì cũng thế. Chỉ khác nhau trên phương diện hành trì có Đốn có Tiệm mà thôi. Đốn, như Tổ Huệ Năng, Tiệm, như Ngài Thần Tú. Với căn cơ hạ liệt của chúng ta, tất nhiên là ta không thể nào Đốn tu như đức Lục Tổ, thì tại sao ta không áp dụng theo phương pháp Tiệm tu của Ngài Thần Tú?

*Thân thị Bồ đề thọ
Tâm như minh cảnh đài
Thời thời thường phát thức
Vật sử nhạ trần ai*

Nghĩa là:

*Thân như cây Bồ đề
Tâm như đài gương sáng
Luôn luôn thường lau chùi
Chỗ nào dính bụi bặm.*

Hiện tại chúng ta chọn pháp môn Tịnh độ để tu, lấy trì danh niệm Phật làm chính, mục đích cũng là để tiêu trừ phiền não. Phiền não có hết, thì con đường vắng sanh

của ta mới bảo đảm chắc chắn. Nếu chúng ta nỗ lực gia công tinh tấn lau chùi thường xuyên, tất nhiên sẽ có ngày hết bụi bặm phiền não. Đó là điều xác quyết khẳng định, không có con đường nào khác.

Ngày nay, tu theo đạo Phật, chúng ta không thể đi lệch hướng của Phật đã đi. Lệch hướng là ta sẽ rơi vào tà kiến. Đã thế, thì làm sao ta nhận chân được lẽ thật? Kia! một hồ nước trong xanh, vạn vật đang soi mình in hình rõ bóng. Mặt nước phẳng lì, không một gợn sóng lăn tăn. Đàn chim trời bay ngang qua, không lưu lại dấu vết. Hồ nước vẫn đứng yên, dù muôn vật soi hình vào đó.

Hồ nước tâm của mọi người cũng thế. Một khi những cấu bợn đã gột sạch rồi, thì nó vẫn trong xanh chiếu soi muôn hình vạn vật. Ta cố gắng tự tạo cho mình có được một hồ nước trong xanh tươi mát như thế. Được vậy, thì mới xứng hợp với lời Phật dạy: *Người trí cần gột sạch cấu uế trong tâm.*

Khi cấu uế đã sạch rồi, thì ta không muốn an lạc, tự nó cũng an lạc. Trên đời không có một niềm vui nào cao tốt bằng niềm vui chánh pháp. Nói thế, ta có chủ quan lắm không? Không. Tại sao ta lại khẳng định như thế? Bởi vì, đã có biết bao người đi ngang qua cuộc đời, không ai là không để lại những dấu ấn sâu đậm của vết thương lòng. Những vết thương đã hằn sâu vào tâm khảm của họ. Cả đời họ, chưa có được một niềm vui hạnh phúc chân thật, dù chỉ trong một phút giây thôi! Niềm vui của thế nhân chỉ là niềm vui giả trá tạm bợ,

che đậy bởi một lớp sơn hào nhoáng bên ngoài. Vui đó, rồi khổ đó! Người ta nói: “thú vui chỉ mở đường cho đau khổ” là thế.

Ngược lại, một người đã từng có nếm qua mùi vị niềm vui của chánh pháp, họ mới cảm nhận được một niềm vui hạnh phúc chân thật. Tuy nó không nhộn nhịp, sống động như niềm vui của thế nhân, mà nó rất nhẹ nhàng tươi mát như xuân phong, làm vui đi những sầu muộn ưu phiền. Trong nhà Phật có nói nhiều về những thứ vui này. Nào là hỷ lạc, pháp lạc, và cao hơn là Thiền duyệt. Trong Đạo Phật, có một loại Thiền định của phàm phu, gọi là Tứ thiền.

Tứ thiền gồm có:

Sơ thiền ly sanh hỷ lạc.

Nhị thiền định sanh hỷ lạc.

Tam thiền ly hỷ diệu lạc.

Tứ thiền xả niệm thanh tịnh.

Tất cả chỉ có một niềm vui. Một niềm vui rất nhẹ nhàng thanh thoát. Đó mới thật sự là niềm vui chân hạnh phúc. Muốn an hưởng được niềm vui của chánh pháp, tất nhiên, hành giả phải xa lánh ngũ dục. Vì còn tham đắm ngũ dục, thì làm gì có được niềm vui đó. Ta không thể nào bắt cá hai tay. Phải buông bỏ tất cả, không còn vướng mắc điều chi, thì ta mới có được niềm vui trọn vẹn. Đó là chân lý muôn đời.

89. Người nào chính tâm tu tập các pháp giác chi¹⁰² xa lìa tánh cố chấp, rời bỏ tâm nhiễm ái, diệt hết mọi phiền não để trở nên sáng suốt, thì sẽ chứng Niết bàn ngay trong đời hiện tại.

Those whose minds have reached full excellence in the factors of enlightenment, who, having renounced acquisitiveness, rejoice in not clinging to things-rid of cankers, glowing with wisdom, they have attained Nibbana in this very life.

Kệ tụng

*Những ai thường chính tâm
Tu tập pháp giác chi
Xa lìa mọi chấp trước
Hoan hỷ không nhiễm ái
Sẽ sống không lậu hoặc
Sáng chói, chứng Niết bàn
Ngay trong đời hiện tại.*

Lược giảng

Pháp cú trên, Phật đưa chúng ta trở về với đời sống hiện thực. Nếu chúng ta muốn có được một cuộc sống an vui hạnh phúc ngay trong lòng cuộc đời này, thì chúng ta không thể nào xem thường, thờ ơ xao lãng lời Phật dạy.

Để có một nhận định rõ hơn, chúng ta sẽ chia pháp cú trên ra từng vấn đề nhỏ để tìm hiểu:

¹⁰² **Giác chi:** Tên khác của Thất bồ đề phần, gồm có: niệm, trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định, xả.

1. Chính tâm tu tập các pháp giác chi.

Chính tâm là tâm ngay thẳng. Đã tu, thì không thể dùng tà tâm. Trong đạo Phật không chấp nhận tà tâm. Vì tà tâm, tự nó đã là bất chánh, sa đọa. Cho nên, Phật dạy, khi tu, ta phải sử dụng chánh tâm để tu. Kinh Duy Ma Cật nói: “*Trực tâm tức thị đạo tràng*”. Người có tâm ngay thẳng, thì nơi nào đối với họ, cũng là đạo tràng cả. Vì đạo tràng là thanh tịnh. Đem tâm thanh tịnh mà tu tập các pháp thanh tịnh, thì mới có kết quả.

Trong đạo Phật có vô lượng pháp môn tu. Pháp môn nào cũng nhằm mục đích hướng dẫn hành giả thẳng đến Phật quả. Đó là mục tiêu tối hậu nhắm tới của người tu. Tuy nhiên, muốn thẳng đến mục tiêu đó, Phật dạy có nhiều cách tu để chúng ta lựa chọn. Thất giác chi hay Thất Bồ đề phần là một trong muôn ngàn pháp tu của Phật giáo. Pháp tu này, Phật chỉ dạy cho hàng Thanh Văn. Nó là một trong 37 phẩm trợ đạo, thuộc Đạo đế. Nói dạy cho Thanh Văn, kỳ thật nó cũng là nền tảng cho Đại thừa. Vậy, Thất giác chi là gì? Chúng gồm có bảy thứ: 1. Trạch pháp. 2. Tinh tấn. 3. Hỷ. 4. Khinh an. 5. Niệm. 6. Định. 7. Xả. Bảy thứ này, khi hành trì, nó có sự liên hệ với nhau rất chặt chẽ.

Trạch pháp, là lựa chọn một pháp môn để tu hành. Như trên đã nói, pháp môn Phật dạy tuy nhiều, nhưng chúng ta cần phải lựa chọn cho thật kỹ. Đây là một điều rất hệ trọng cho việc tu hành của chúng ta. Sau khi đã dùng trí huệ lựa chọn kỹ càng rồi, kế tiếp, chúng ta phải tinh tấn. Có tinh chuyên tu hành, thì chúng ta mới có kết quả tốt. Cái kết quả của bước đầu, là chúng ta có

được một niềm hỷ lạc nhẹ nhàng thoải mái êm dịu trong tâm. Tâm chúng ta sẽ bớt dần những rối rắm, bức bách khó chịu. Đó là nhờ sự nỗ lực chuyên cần tu hành của chúng ta. Khi tâm thức của chúng ta cảm thấy được nhẹ nhàng tươi mát, thì đó là chúng ta có được trạng thái khinh an. Khinh an là một trạng thái có thật, chớ không phải mơ hồ. Điều này, nếu ai đã từng có những giây phút thiền quán hay niệm Phật, thì họ có một chứng nghiệm rất rõ ràng. Chỉ trừ phi những ai tu lơ là, không thiết thiết hành trì, tất nhiên là không có. Muốn kéo dài hoặc muốn có được thường xuyên những giây phút an lạc nhẹ nhàng này, tất nhiên, là chúng ta phải hằng nhớ đến pháp mình đang tu. Chúng ta nhớ một cách liên tục. Càng tập trung tư tưởng nhớ đến chừng nào, thì chúng ta lại càng có sức định nhiều chừng ấy. Như ta tha thiết nhớ đến danh hiệu Phật, miệng niệm, tâm gắn chặt vào tiếng, không cho hờ ra, tất nhiên, tâm ta sẽ được an định.

Điều quan trọng nên nhớ, muốn có được sự an định đó lâu dài, là ta cần phải buông bỏ mọi dính mắc ở nơi trần cảnh (xả). Nhứt là đừng khởi tâm kẹt dính vào pháp môn mình đang tu. Bởi dính mắc vào bất cứ điều gì, cũng là một chướng ngại lớn cho việc tu hành. Làm đâu bỏ đó, không để tâm chấp trước bất cứ điều gì, đó là một thái độ rất khôn ngoan trong việc tu hành của chúng ta. Và như thế, chắc chắn là chúng ta sẽ dễ dàng tiến đến thành công.

2. Xa lìa tánh cố chấp

Cố chấp là một chứng bệnh trầm trọng của con người. Mọi sự đau khổ của con người bởi do tính cố chấp mà

ra. Cổ chấp là con đẻ của bảo thủ và định kiến. Người có tánh cố chấp, lúc nào họ cũng bảo thủ ý kiến của họ. Dù ý kiến họ sai, việc làm không đúng, nhưng họ vẫn cố chấp tới cùng. Họ là người không bao giờ biết hối cải sửa sai. Người như thế, thì thử hỏi làm sao họ tiến bộ cho được. Từ tánh cố chấp, họ nhìn đời một cách cao ngạo. Họ thấy mọi người đều sai, chỉ có họ là đúng. Giống như tâm trạng của Khuất Nguyên: “Đời đực cả chỉ mình ta trong”. Người tu hành mà mang nặng tánh cố chấp này, thì con đường giải thoát đối với họ rất là xa xôi diệu vợi. Muốn được giải thoát, thì phải dẹp bỏ cái bệnh trạng này.

Phật dạy, người tu phải xa lìa tánh cố chấp. Hoa giải thoát không bao giờ mọc lên trong khu vườn cố chấp bảo thủ. Hoa giải thoát chỉ mọc và nở rộ trong khu vườn “hỷ xả” mà thôi. Theo lời Phật dạy, ta phải quyết chí vươn lên tiêu diệt cái tánh xấu này, vì chính nó sẽ làm trở ngại lớn trên bước đường tu tiến của ta.

3. Rời bỏ tâm nhiễm ái

“*Niệm bất nhứt bất sanh Tịnh độ, ái bất nhiễm bất sanh Ta bà*”. Nhiễm ái là cội gốc của đau khổ. Muốn dứt khổ, ta phải dứt trừ ái nhiễm. Ái nhiễm là con đẻ của bản ngã. Đây là loại nguy hiểm nhứt. Thật khó trừ khó đoạn. Cuộc đời này tràn đầy đau khổ, nguyên nhân cũng do ái nhiễm mà ra. Vì ái ngã, mới tìm đủ mọi cách để bảo vệ và lo lắng cho nó được sung sướng. Rồi đến ái luyến người thân và mọi vật liên hệ mật thiết với

ta. Bởi do lòng ái nhiễm nặng, nên không bao giờ thoát khỏi cõi Ta bà này.

4. Diệt hết phiền não, để trở nên sáng suốt

Trăng Phật tánh bị lu mờ, vì bị mây mù phiền não che ngăn. Dù vẫn biết, ánh trăng lúc nào cũng vẫn sáng. Muốn cho ánh sáng hiển lộ, thì phải phá tan mây mù. Mây mù phiền não che mờ trí giác ta. Ta bị khổ đau truyền kiếp cũng chỉ vì nó. Nhưng bản chất của mây là giả dối không thật. Tuy nó dày thật, nhưng nó cũng dễ tan biến. Nếu ta dùng ánh sáng trí tuệ chiếu soi, thì nó sẽ tan biến ngay. Bởi vì: “Vô minh thật tánh tức Phật tánh” (Chứng Đạo Ca). Dụ như, căn nhà dù bỏ hoang bóng tối lâu năm, nhưng chỉ cần một ngọn đuốc soi vào, thì bóng tối kia sẽ tan biến ngay. Phiền não cũng thế. Điều quan trọng là ta có ngọn đuốc trong tay hay không? Cho nên, đối với người tu, không sợ bóng tối phiền não mà chỉ sợ không có ngọn đuốc trí tuệ. Muốn diệt hết phiền não, để cho tâm ta trở nên sáng suốt, đúng như lời Phật dạy ở trên, không phải một sớm một chiều, hay một ngày một bữa mà ta có thể dứt hết được. Tất nhiên, điều này, nó đòi hỏi ta phải bền chí tu hành. Giống như lau bụi nói ở trên. Gương lòng của chúng ta bị bụi bám lâu ngày, vì bỏ lâu quá không lau, nay ta biết được giá trị của cái gương đó, nên ra sức lau chùi, quyết định có ngày gương kia sẽ hết bụi mà thôi. Điều quan trọng đáng nói ở đây là, ta có bền chí và thiết thiết lau hay không? Hay là một ngày lau, năm, ba ngày nghỉ, như thế, thì gương kia không biết đến bao giờ mới hết bụi.

5. Sẽ chứng Niết bàn ngay trong đời hiện tại

Kết luận của pháp cú này, Phật cho chúng ta thấy rõ sự lợi ích của việc tu hành có kết quả ngay trong thực tế. Do đâu Phật nói như thế? Do Phật lấy bản thân của Phật cũng như của tất cả những vị đệ tử của Ngài để chứng minh.

Thật vậy, Phật và đệ tử của ngài thành tựu đạo quả ngay trong cõi đời này. Không mơ ước ở một cảnh giới nào xa xôi. Có tu là có giải thoát. Như nói có ăn là có no. Có học là có biết chữ. Trừ những kẻ muốn no bụng mà không ăn. Chẳng những không ăn, mà tối ngày họ chỉ mơ mộng thức ăn. Cứ mơ tưởng những thức ăn xa xôi ở nơi đâu, mà thực tế là bụng vẫn đang đói. Dù đói, cam chịu, nhưng thức ăn hiện tại thì họ không bao giờ nghĩ đến. Người như thế, thì thử hỏi làm sao họ no bụng cho được. Thế thì trách ai đây? Phật đã cho chúng ta quá đầy đủ thức ăn. Chỉ cần ta chọn lựa cho đúng thức ăn hợp với khẩu vị của ta và rồi ăn ngay, thì sẽ có kết quả no bụng. Đó là một thực tế. Đạo Phật là thực tế như thế. Người ta thích đến với đạo Phật, bởi do đạo Phật rất tôn trọng sự thật. Không huyền đàm viễn vông, hứa suông, hứa cuội. Phật tu Phật thành. Đệ tử tu, đệ tử thành. Ta tu ta thành. Quả đúng với câu: “ai tu nấy thành, ai hành nấy đắc”. Chỉ cần mọi người nỗ lực tha thiết chuyên cần tu hành, đúng theo lời Phật dạy, phù hợp với căn cơ của mình, tất nhiên là sẽ có kết quả tốt đẹp ngay. Bởi đó là một định luật nhân quả, bất di bất dịch. Ta tu theo Phật mà không tin chắc vào nhân quả Phật dạy, vậy thử hỏi ta tin cái gì? Bởi căn cứ theo luật nhân quả, nên Phật nói một cách khẳng định rằng:

“người nào hết phiền não, thì người đó sẽ được Niết bàn”. Như vậy, Niết bàn chính trong tâm tay của mỗi người chúng ta. Xin đừng tìm “Niết bàn” ở một nơi nào khác. Người nào còn có tâm vọng động muốn đi tìm Niết bàn ở một cảnh giới xa xôi nào đó, thì người đó không phải là người tu theo đạo Phật. Và tệ hơn nữa chỉ là kẻ mò trăng dưới nước hay bắt bóng mà thôi.

VII. Phẩm A La Hán (Arahantavagga)

90. Người đã giải thoát hết thảy, đã dứt hết thảy buộc ràng¹⁰³, là người đi đường đã đến đích, chẳng còn chi lo sợ khổ đau.

The fever of passion exists not for him who has completed the journey, who is sorrowless and wholly set free, and has broken all ties.

Kệ tụng
Đến đích, không ưu phiền
Giải thoát ngoài tất cả
Trừ diệt mọi buộc ràng
Không còn lửa tham ái.

Lược giảng

Phật dạy pháp cú này là để trả lời câu hỏi của một vị cư sĩ tên là Jivaka ở trong rừng xoài. Truyền tích kể lại, bởi do Đề Bà Đạt Đa cầu kết cùng vua A Xà Thế để

¹⁰³ **Buộc ràng, trói buộc** (Gantha) gồm có 4 thứ: Tham (Abhijjha), Sân (Vijjapada), Giới cấm thủ (Sibbhataparomasà), Kiến thủ (idan saccabhinivesa).

hãm hại Phật. Một hôm, Đề Bà Đạt Đa lên trên chót núi Linh Thứu, xô một tảng đá to, từ trên cao rớt xuống, đá bẻ văng trúng chân Phật. Chân Phật bị chảy máu. Các đệ tử đưa Phật đến vườn xoài để Phật nghỉ. Jivaka là một thầy thuốc hay tin liền đến đắp thuốc và băng bó vết thương cho Phật. Nhưng, sau đó, ông có việc phải đi. Ông hứa là sẽ trở lại tháo băng cho Đức Phật. Nhưng khi ông trở lại, thì cửa thành đã đóng kín. Ông không vào được. Ông lo nghĩ đến vết thương của Phật chắc bị đau nhức lắm. Phật biết ý nghĩ của ông, Phật liền bảo ngài A Nan tháo băng. Hôm sau, ông đến thăm Phật. Ông hỏi: “Phật có đau đớn gì không?” Phật trả lời: “Jivaka, Như Lai đã dập tắt mọi phiền não ngay khi lên ngôi chánh giác”. (Phóng theo tích truyện Pháp cú tập II- Viên Chiếu).

Qua mẫu chuyện ngắn trên, Phật cho chúng ta thấy, một bậc tu hành khi đã dứt trừ phiền não rồi, thì không có những đau đớn rên la như người thường. Đối với xác thân, khi bị thương tích, đối với người thường, tất nhiên, là nó có đau nhức. Đau, không phải là thân đau mà rõ ràng là tâm đau. Vì thân và tâm, nói cách khác giữa thể xác và tinh thần của ta, nó có một sự liên hệ với nhau rất mật thiết. Thường, chúng ta chưa tách biệt được giữa thân và tâm ra làm hai. Cho nên, hễ thân bị chuyển gân cốt hay bị thương tích là ta cảm thấy đau đớn khó chịu vô cùng. Ngược lại, đối với các bậc tu chứng, sạch hết phiền não, các Ngài đã làm chủ được xác thân. Tâm của các Ngài không còn lệ thuộc xác thân như ta. Các Ngài sống trọn vẹn với cái thực thể

thanh tịnh (Bản tâm) đó, nên các Ngài thoát ra ngoài những cái sinh lý tâm thường.

Nói cách khác rõ hơn, là các Ngài có một định lực rất mạnh, nên không gì có thể làm các Ngài bị giao động. Vì làm chủ được xác thân một cách hoàn toàn, nên các Ngài điều khiển nó theo ý muốn của các Ngài. Khác nào như anh tài xế điều khiển chiếc xe. Anh muốn cho chiếc xe chạy đâu, thì chiếc xe phải chạy theo đó. Bởi thế, ta không lấy gì làm lạ, khi các Ngài muốn sống thì sống, muốn chết thì chết. Vì các Ngài đã làm chủ được hơi thở của các Ngài. Cho nên, đối với việc sống chết, các Ngài rất tự tại. Điển hình như trường hợp Thiền Sư Đặng Ân Phong. Trước khi thị tịch, Sư hỏi chúng:

- Tôi thường thấy các vị tiền bối khi tịch hoặc ngồi hoặc nằm, có vị nào đứng tịch chẳng?

Chúng thưa:

- Có

Sư hỏi:

- Có vị nào lộn ngược tịch chẳng?

- Chưa từng thấy.

Sư bèn lộn ngược mà tịch, nhưng y phục vẫn nguyên vẹn như đứng. Chúng định để vào áo quan trà tỳ, mà xô không lung lay. Dân chúng xa gần đồn đãi nhau kéo đến xem đông vô số. Sư có người em gái xuất gia làm ni cũng có mặt tại đây. Cô ni ấy nắm thân Sư vừa trách:

- Lão Huynh ngày trước chẳng giữ Luật, khi chết lại làm mê hoặc người.

Trách xong, cô xô một cái, thân Sư ngã xuống.

Chúng đem trà tỳ lầy xá lợi.

(Trung Hoa Chư Thiên Đức Hành Trạng tập I, trang 206, Hòa Thượng Thích Thanh Từ biên soạn).

Việc sống chết tự tại như trò đùa này, trong nhà Thiền có nêu ra rất nhiều Thiền Sư ra đi một cách tự tại như thế. Ở đây, chỉ xin nêu ra một vị điển hình thôi. Ngược lại, sự tu hành của chúng ta quá kém, không có chút định lực, nên bất cứ việc gì xảy đến với chúng ta, thì chúng ta đều mất bình tĩnh và rối loạn tâm thần. Chúng tỏ sự tu hành của chúng ta so với các Ngài còn quá kém, nếu không muốn nói là chưa có được một phần nào cả. Do đó, mà chúng ta phải chịu đau khổ triền miên.

Do hết phiền não, nên các Ngài không còn mọi buộc ràng. Đó là hình ảnh của một con người thật sự tự tại giải thoát. Cho nên, Phật nói: *“Người đi đường đã đến đích, chẳng còn chi lo sợ khổ đau”*.

Nói ngược lại, những ai còn lo sợ khổ đau, là vì những kẻ đó chưa thật sự đến đích. Điển hình như Jivaka. Ông ta là một thầy thuốc giỏi và có lương tâm. Nhưng vì ông còn phiền não như chúng ta, nên ông lo sợ Phật bị đau nhức. Đó là một tâm lý rất bình thường của những con người bình thường. Còn sống trong vòng nghiệp chướng phiền não, thì mọi việc lo toan của ta, đều do bọn phiền não sai sử. Ta là kẻ làm nô lệ cho bọn chúng. Bọn chúng không bao giờ muốn cho ta yên. Vì chúng là giặc, nên luôn luôn khuấy rối ta. Ta vì nghe theo mệnh lệnh của chúng, không một chút trái lệnh, nên

suốt đời làm tên tay sai trung thành đắc lực cho chúng. Đã thế, thì biết đến bao giờ chúng ta mới thoát khổ và mới làm chủ được xác thân. Và biết đến bao giờ mới được sanh tử tự tại như các Ngài.?!!! Than ôi! Thật là chua xót cho thân phận tu hành của chúng ta lắm thay!

91. Kẻ dững mãnh chánh niệm, tâm không ưa thích tại gia; ví như con ngỗng trời, khi ra khỏi ao, chúng bỏ lại cái ao hồ không chút nhớ tiếc.

The mindful ones exert themselves. They are not attached to any home; like swans that abandon the lake, they leave home after home behind.

Kệ tụng

Kẻ dững mãnh chánh niệm

Không thích cư xá nào

Như ngỗng trời rời ao

Bỏ sau mọi trú ẩn.

Lược giảng

Theo truyện tích kể lại, thì pháp cú này có liên quan đến Tôn giả Đại Ca Diếp và Phật nói tại tinh xá Trúc Lâm.

Sau mùa hạ, Phật loan tin cho các vị Tỳ kheo biết là nửa tháng sau, mọi người sẽ rời khỏi thành Vương xá để lên đường du hóa khát thực nơi khác. Mọi người đều lo chuẩn bị, giặt y, rửa bát. Trong khi đó, thì Tôn giả Đại Ca Diếp, đã bị một số các Tỳ kheo nói mĩa rắng, dễ gì Ngài Ca Diếp ra khỏi thành. Dân khắp trong thành này, nếu không phải là thân thuộc, thì cũng là những người quen thân, thuộc Đàn na thí chủ của Ngài. Dễ gì

mà ngài đi xa được. Dầu có theo Thế Tôn, thì cũng không ra khỏi thành xa.

Khi ra đi được một đoạn đường, Đức Phật bảo Ngài trở về để trông coi tinh xá. Đó là cái cơ để cho các vị Tỷ kheo càng xâm xì hơn nữa. Phật biết, trong đoàn có ý nói xấu Ngài Ca Diếp, nên Phật lên tiếng bảo rằng: “Ca Diếp trở về tinh xá là do lệnh của Ta. Không phải tự ông luyến tiếc thân quyến hay tứ sự cúng dường mà không đi theo đoàn”. Nhân đó, Phật kể lại tiền thân nhiều kiếp của Ngài chưa bao giờ dính mắc vào người cúng dường, của cúng dường và tinh xá cũng như tịnh thất; như con ngỗng chừa xuống hồ bơi lội tự tại trong đó. Bởi vì, khi con ngỗng ra khỏi ao thì chẳng còn nghĩ tưởng đến môi, cỏ, nước trong ao của mình.

Qua chuyện tóm lược trên, cho chúng ta thấy, trong hàng đệ tử của Phật thời bấy giờ, ngoài những vị Tỷ kheo đã chứng quả A la hán, tất nhiên, đã sạch hết phiền não, thì đối với các ngài này, không còn gì phải nói mĩa mai xiên xỏ. Ngược lại, những vị chưa sạch hết phiền não, đôi khi cũng còn khởi lên những phiền muộn bất bình, nên mới có câu chuyện trên. Ngài Ca Diếp là vị đệ tử lớn của Phật. Ngài tu hạnh Đầu đà đệ nhất. Ngài thường bị các vị Tỷ kheo trẻ khinh khi và chế giễu. Nhưng vì Ngài là một bậc Đại A La Hán, mọi phiền não dứt sạch, nên dù có bị chê bai hay nói xấu, Ngài cũng vẫn thản nhiên, vô sự. Ngược lại, nếu trường hợp chúng ta thì sao? Chắc là ăn thua đủ. Vì chúng ta còn phiền não. Chúng ta nên cố gắng tập theo hạnh của Ngài, mỗi khi bị người khác mĩa mai chê trách.

Quan trọng của lời Phật dạy trên là ở nơi “*dùng mãnh chánh niệm*”. Người có chánh niệm mà chánh niệm một cách dùng mãnh, thì thử hỏi, còn có việc gì mà làm lay động họ được. Chánh niệm là con đường dẫn tới an lạc. Ngược lại, thất niệm là con đường dẫn tới đau khổ. Thế gian này, lắm người bị đau khổ vì mất chánh niệm. Người có chánh niệm, biết rõ hậu quả của việc mình làm. Chẳng những biết rõ trong mỗi hành động, mà họ còn biết rõ khi khởi niệm lành hay dữ. Có chánh niệm như thế, thì làm sao không an lạc cho được? Bởi họ có làm điều gì sai quấy đâu. Ngài Ca Diếp luôn sống trong chánh niệm, nên tất cả lời chê bai mai mỉa, đối với Ngài quả thật như uống nước cam lồ và mát tợ xuân phong. Đúng như Ngài Vĩnh Gia Huyền Giác đã nói:

*Ngã văn khắp tợ ẩm cam lồ
Tiêu dung đốn nhập bất tư nghi.*

Phật cho chúng ta thấy giữa hai hạng người. Ai còn cư mang phiền não và ai đã thoát ra khỏi. Lòng ganh tỵ của con người thời nào cũng có. Người có tài đức thường bị kẻ bất tài ganh ghét. Người được người khác kính nể, cúng dường trọng hậu, cũng bị kẻ khác dèm pha nói xấu. Nói cho cùng, thì vì sống trong nghiệp thức, nên không ai tránh khỏi những sự tỵ hiềm ganh ghét đó. Điều quan trọng là mình có nhẫn nhịn được hay không? Nếu không, thì mình cũng tạo nghiệp và sa đọa như ai. Không có chút gì tiến bộ

trên đường tu. Đã tu, thì ta phải chấp nhận sự khen chê phải trái. Chúng ta phải tập cho được cái hạnh nhẫn

nhục của Ngài Ca Diếp. Phải tập cho có chánh niệm
dững mãnh kiên cường. Không vì hư danh, cúng dường
lợi dưỡng mà ta đánh mất đạo đức cao đẹp của chính
ta. Phải tập làm con ngỗng trời, khi ra khỏi ao, chúng
bỏ lại cái ao hồ không chút nhớ tiếc. Cái ao hồ là nơi
trú ẩn êm ấm của chúng. Đây là Phật mượn hình ảnh
của con ngỗng trời để dụ cho các hàng Tỳ kheo, đừng
vì lợi dưỡng nhỏ nòi mà quên đi cái lý tưởng vĩ đại tu
hành giải thoát.

**92. Những vị A la hán¹⁰⁴ không chất chứa tài sản
biết rõ mục đích sự ăn uống, tự tại đi trong cảnh
giới: không¹⁰⁵, vô tướng¹⁰⁶, giải thoát, như chim bay
giữa hư không, khó tìm thấy dấu vết.**

*Those who do not accumulate and are wise regarding
food, whose object is the Void, the Unconditioned
Freedom-their track cannot be traced, like that of birds
in the air.*

*Kệ tụng
Tài sản không tích chứa
Ăn uống biết suy tư
Tự tại trong cảnh giới
Không, vô tướng, giải thoát*

¹⁰⁴ **A la hán:** tiếng Phạn Arahat, Trung Hoa phiên âm là A la hán. A la hán là quả vị cuối cùng của hàng Thanh Văn. Vị này đã dứt hết Kiến, Tư hoặc phiền não, thoát ly tam giới, chứng Niết bàn không còn sanh tử nữa.

¹⁰⁵ **Không:** Không phải là cái không rỗng tuếch, không có gì hết. Không ở đây là chỉ cho tánh thể của các pháp là không.

¹⁰⁶ **Vô tướng:** Không có cái tướng chơn thật. Tất cả pháp chỉ là giả tướng. Vì giả tướng, cho nên nói nó không phải là thật tướng.

*Như chim bay hư không
Hướng đi thật khó tìm.*

Lược giảng

Theo truyện tích kể lại, pháp cú này, Phật dạy có liên quan đến Tôn giả Belatthisisa.

“Tôn giả Trưởng lão này thấy việc khát thực hằng ngày phiền toái. Sau khi đi một vòng khát thực trong làng, ông thọ thực, rồi lại đi khát thực tiếp qua con đường khác, nhận cơm không có nước xốt hay cà ri, mang về tinh xá cất để dành. Nhập định được vài ngày, đói bụng ông lấy ra dùng. Các Tỷ kheo biết được phàn nàn với Thế Tôn. Phật bèn công bố luật cấm chur tăng tích trữ thức ăn. Nhưng vì Trưởng lão này phạm lỗi trước khi chế luật nên vô tội”. Nhân đó Phật nói pháp cú này.

(Trích nguyên văn Tích truyện pháp cú tập II, Viên Chiếu, trang 50)

Đọc qua pháp cú trên, ta thấy có ba vấn đề, Phật nêu ra rất quan trọng, thiết nghĩ chúng ta cũng nên tìm hiểu khái lược qua:

1. Tại sao Phật dạy một vị A la hán không được chất chứa tài sản?

Tài sản là mối họa hại. Nó là hiện tượng của lòng tham. Vì lòng tham con người phải tìm đủ mọi cách để chiếm hữu. Người đời, vì tài sản mà họ tranh giành cấu xé với nhau chí tử. Họ bắt chấp thủ đoạn thanh toán lẫn nhau. Cha con có thể giết nhau.

Ngược lại, người xuất gia thì có khác. Người xuất gia thời Phật, như chúng ta đã biết, tài sản của các ngài chỉ

là ba lá y và một bình bát. Nếu có thêm, thì chỉ có một số dụng cụ lật vật như dao cạo tóc, tọa cụ, vải lược nước và kim chỉ để may vá v.v... Ngoài ra, các ngài không được cất chứa bất cứ những thứ gì khác. Lý do, vì đời sống của các ngài là đi khất thực. Đã sống cuộc đời hành khất rày đây mai đó, không có chỗ nơi nhứt định, thì thử hỏi tạo tài sản của cải để làm gì.

Phật biết rõ, những thứ vật chất tài sản là những sợi giây trói buộc con người, nhứt là đối với người xuất gia. Sống đời vô sản khởi phải hệ lụy phiền hà. Từ đó dễ đổi trị lòng tham. Vì lòng tham lam của con người không có cơ hội phát triển. Càng có tài sản nhiều, thì càng hệ lụy phiền toái nhiều. Điều này không thể nào tránh khỏi.

Đọc câu chuyện trên, ta thấy thật cảm thương cho vị trưởng lão. Chỉ cất chứa một ít đồ ăn, không phải thứ cao lương mỹ vị gì, nước xốt cà ri còn không để vào, thì thử hỏi có thứ gì là ngon đâu? Cà ri là thức ăn chính của Ấn Độ mà ngài còn không để vào bát. Thế thì, ta biết các ngài ăn kham khổ đến mức độ nào! So với vật thực thời nay thì sao? Chắc là khởi phải nói. Cất chứa thức ăn của Đàng việt dưng cúng để tạm nuôi sống qua ngày tu hành, mà Phật còn cấm như thế, thử hỏi, còn những thứ khác thì sao? Chắc chắn đối với các ngài thì không bao giờ có. Như vậy không giải thoát sao được. Bởi có gì quý giá để sanh tâm tham đắm đâu.

Ngày nay, đối với các nước Phật giáo Nguyên thủy, thì các tăng sĩ vẫn còn giữ truyền thống khất thực như thời

Phật. Tuy nhiên, vấn đề không cất chứa tài sản, như thời Phật e rằng rất khó. Bởi những nhu cầu thời đại ngày nay có khác. Giới luật của những vị này, so với tăng sĩ Phật giáo Phát triển (Đại thừa) thì có phần nghiêm nhặt hơn, ít ra, cũng trên phương diện hình thức.

Đối với Phật Giáo Đại thừa, việc sinh hoạt trong các tự viện khác hơn thời Phật nhiều lắm, nếu không muốn nói là hoàn toàn. Lý do của sự biến đổi này, theo các nhà Đại thừa, thì cần phải thích nghi với thời đại. Việc thích nghi thời đại là điều cần thiết và hợp lý. Nhưng đứng trên phương diện giới luật mà nhận xét, thì ít nhiều gì chúng ta cũng đã đi quá đà, nhứt là vấn đề tạo mãi tài sản. Dù viện dẫn bất cứ lý do gì, ta cũng thấy nó là một trong những nguyên nhân gây ra sự tệ hại trong tăng đoàn. Chính sự tạo mãi nhiều tài sản, mang tính cách đầu tư thương mãi kinh tế để được có nhiều lợi nhuận cho cá nhân mình thụ hưởng, thì đây là một việc làm phải nói khác xa thời Phật quá chừng.

Nếu đầu tư vì đáp ứng nhu cầu kinh tế tự túc cho tăng chúng có đủ phương tiện tu học, thì việc làm đó thật đáng kính và đáng ủng hộ tán dương. Bằng ngược lại, thì đó là điều trái luật Phật chế và làm giảm mất thanh danh giá trị tăng đoàn rất nhiều. Đó là một thực trạng mà đã và đang xảy ra.

Nói lên điều này, để chúng ta ý thức cẩn trọng trong việc tu hành theo lời Phật dạy nếu chúng ta muốn thật sự tu hành để giải thoát. Bởi vì giữa giải thoát và ràng

buộc nó là hai phạm trù đối nghịch nhau. Hễ có cái này thì không có cái kia.

Ngẫm kỹ lại, thời Phật có đủ cơ duyên giải thoát rất lớn. Nhờ vào oai đức lớn lao của Phật và nhờ vào sự bảo hộ chặt chẽ của tăng đoàn, nên việc tu hành thật mau kết quả giải thoát. Đối với thời đại chúng ta ngày nay, những yếu tố đó đã không có. Có chăng, chỉ trên chút hình thức và quá hời hợt.

2. Thế nào là biết rõ mục đích của sự ăn uống?

Câu nói “ăn để mà sống, chứ không phải sống để mà ăn” tự nó đã có một giá trị hạn chế lòng tham ăn của con người. Người đời thường nói: “tham thực cực thân”. Thật vậy, con người cũng vì muốn ăn cao lương mỹ vị cho béo bổ xác thân mà ngày đêm phải lao tâm mệt xác. Làm trôi chết để cung phụng cho xác thân. Có lắm người vì tham ăn món ngon vật lạ, mà ra tay giết hại sinh vật không một chút từ tâm. Thật là đáng ghê sợ!

Ngược lại, đối với người tu hạnh giải thoát, Phật dạy, nên biết rõ mục đích của sự ăn uống. Mục đích của sự ăn uống là gì? Có phải ăn uống cho nhiều để nuôi vóc thân hư huyền này ngày càng cho béo bổ phì nộn hay không? Chắc không ai trả lời là phải. Vì ngày nay, thân thể ai càng béo phì, thì người đó càng cảm thấy đau khổ, chứ không sướng ích gì!

Người tu càng tiết chế ăn uống chừng nào, thì càng lợi ích chừng này, lợi ích trên mọi phương diện, lợi ích

trong sự tu học. Nói tiết chế, chứ không phải khổ hạnh. Chúng ta cần biện biệt điều đó. Không nên hiểu lầm lời Phật dạy. Ở đây, Phật không nhằm thức nhắc chúng ta về mặt ăn uống cho phù hợp với vệ sinh hay kiêng cử chọn lựa thức ăn. Vì thức ăn mỗi thời, mỗi nước có khác. Tùy theo tập quán và truyền thống ăn uống của mỗi quốc gia. Nhứt là trong thời đại kỹ nghệ tân tiến ngày nay, việc ăn uống so với thời Phật khác xa.

Gạt ngoài những điều kiện nói trên, ở đây, Phật nhằm bảo người xuất gia nên phải biết ăn uống vừa đủ. Ăn để mà có thêm sức khỏe tu học. Không nên có tâm tham đắm. Vì tham đắm là trái với hạnh người tu. Ăn là một nhu cầu cần thiết đáp ứng cho cơ thể về mặt sinh lý. Nhưng đừng vì thế mà quên lãng cái căn bản của sự tu học. Đừng vì miếng ăn mà tranh giành với nhau làm mất đi phẩm giá cao thượng của người tu.

Trong năm phép quán tưởng của người xuất gia, khi thọ thực Phật Tổ đã dạy rất kỹ. Nhứt là điều phép quán thứ năm “*ăn là vì thành đạo nghiệp, nên mới thọ cơm này*”. Ăn vì muốn sớm thành tựu đạo quả, chứ không phải ăn vì nuôi lớn vóc thân. Đó là lời cảnh tỉnh thiết yếu cho chúng ta trong mỗi khi thọ thực. Chúng ta cần phải nhớ rõ điều này.

3. Thế nào là tự tại đi trong cảnh giới “không, vô tướng, giải thoát?”

Đây là một vấn đề thật khó hiểu và cũng thật hệ trọng trong việc thật hành. Người tu, muốn được tự tại qua lại trong thế giới hiện tượng đầy cám dỗ của vật chất,

không phải là chuyện dễ dàng. Nên ở đây, Phật dạy, mỗi người phải trang bị cho mình đầy đủ ba yếu tố: *không, vô tướng, và giải thoát.*

Thế nào là *không*? Chữ *Không* ở đây, chúng ta chớ vội hiểu chữ không đối lại với có. Mà *Không* ở đây, nó có nghĩa là tánh không của các pháp. Vạn vật do duyên hợp mà thành hình. Đã do duyên hợp, tất nhiên, các pháp chỉ là giả tướng. Trên mặt hiện tượng thì giả có, trên mặt bản thể, thì không. Nói gọn, thực thể của các pháp là không. Thí dụ cái đồng hồ chẳng hạn. Ai dám bảo cái đồng hồ là không có. Nếu không có, thì tại sao ta biết được giờ khắc để đánh keng. Ta không thể phủ định là không có. Nhưng sự có mặt của đồng hồ, chỉ là giả có. Nó chỉ có tạm thời, nói theo lý vô thường. Nói theo lý vô ngã, thì thực thể của nó là không, mặc dù nó đang chạy tít tít từng giây phút. Sở dĩ nó hoạt động như thế là vì do nó có đủ duyên. Khi không đủ duyên, thì nó không còn hoạt động bình thường nữa được. Chữ “*Không*” này là chữ không của Bát nhã. “*Tánh của các pháp là Không*”.

Thế nào là Vô tướng? Vô tướng là không có cái tướng chơn thật. Tuy không có tướng chơn thật, nhưng mọi sự vật trên đời không phải là không. Tất cả đều có hình tướng sai khác. Nhưng những hình tướng này, chỉ là tướng không rốt ráo tuếch, không có cái tướng thật. Thí dụ, thân tướng mỗi người chúng ta, tuy có mập ốm, cao thấp khác nhau, nhưng tánh chất của mỗi người đều giống nhau. Tất cả đều do 4 yếu tố tứ đại kết hợp mà thành.

Thế nào là giải thoát? Nhận hiểu vạn vật chỉ là huyễn ảo, tánh của nó là không. Nên chúng ta không sanh vọng tâm chấp trước. Do không chấp trước mà tâm ta được an vui giải thoát. Nói theo yếu lý của nhà thiền, *thì tâm cảnh không đến với nhau, chính ngay đó là giải thoát*. Như vậy, giải thoát không tìm đâu xa, chính ngay nơi các pháp hiện tiền mà tâm ta không nhiễm trước, thì ngay đó là giải thoát rồi. Bởi vậy, câu cuối cùng Phật nêu ra một hình ảnh thí dụ cụ thể là như: *“chim bay giữa hư không, khó tìm thấy dấu vết”*. Làm sao tìm thấy được dấu vết của chim? Tuy không có dấu vết mà chim vẫn có.

Cũng vậy, mọi hiện tượng của cuộc đời đều hiện bày nhan nhãn trước mắt chúng ta, nhưng nếu chúng ta không để tâm dính mắc vào bất cứ một thứ gì, thì có khác nào như chim bay ngang qua bầu trời mà không có để lại dấu vết gì cả. Mong sao, mỗi người chúng ta nên bắt chước hình ảnh của con chim kia tự tại thông dong bay trong bầu trời mà không vướng mắc thứ gì. Đó là một hình ảnh siêu thoát vô cùng.

93. Những vị A la hán đã dứt sạch các lậu, không tham đắm ăn uống, tự tại đi trong cảnh giới “không, vô tướng, giải thoát”, như chim bay giữa hư không, khó tìm thấy dấu vết.

He whose cankers are destroyed and who is not attached to food, whose object is the Void, the Unconditioned Freedom-his path cannot be traced, like that of birds in the air.

Kệ tụng
Các lậu hoặc dứt sạch
Ăn uống không tham lam
Tự tại trong cảnh giới
“Không, vô tướng, giải thoát”
Như chim bay hư không
Dấu chân thật khó tìm.

Lược giảng

Cần nhắc lại, phẩm này có tên là A la hán. A la hán đã đạt được quả vị Niết bàn, ra khỏi tam giới. Một quả vị đánh dấu một quá trình nỗ lực tu tập vươn lên trong chiều hướng thánh thiện. Khi đạt được quả vị này, mọi lậu hoặc không còn. Do đó, khi giáo huấn cho các thầy Tỳ kheo, Đức Phật xoáy mạnh vào quả vị mà các Ngài đã chứng đắc.

Pháp cú trên, ta thấy, những lời Phật dạy nội dung không khác mấy với pháp cú 92. So sánh, phân tích kỹ, ta thấy chỉ khác nhau ở câu đầu (tạm gọi như thế). *Pháp cú 92. Phật dạy: “Những vị A la hán không chút chứa tài sản, biết rõ mục đích ăn uống...”*. Trong khi đó, pháp cú này Phật dạy: *Những vị A la hán đã dứt sạch các lậu hoặc, không tham đắm uống ăn...* Còn lại, phần sau cả hai câu đều giống nhau.

Phật nói pháp cú này tại tinh xá Trúc Lâm. Duyên do, vì các vị Tỳ kheo nghĩ quấy về Trưởng lão Anuruddha. Họ cho rằng Trưởng lão Anuruddha muốn

phô trương thân thuộc và thí chủ của mình về vấn đề dâng cúng thức ăn quá nhiều. Nhưng họ không biết, đó là do thân lực của thiên nữ, tức nữ thần Jàlinì. Chính vị này đã vào làng khuyến khích dân cư cúng dường (*Theo truyện tích kể lại*).

Một vị A la hán, khi lậu hoặc đã hết, thì các ngài không bao giờ nghĩ đến sự tham đắm thức ăn ngon dở như kẻ thường tình. “Suy bụng ta ra bụng người”, đó là lỗi nghĩ của kẻ phạm phu. Vì bản thân họ, còn đầy đầy phiền não, tham đắm ngũ dục. Họ nghĩ, ai cũng như họ. Việc đánh giá suy luận như thế, thì thật là sai lầm. Phật dạy cho các vị Tỳ kheo chưa chứng thánh quả, không nên có những ý nghĩ đánh giá sai lầm đó.

Qua lời Phật dạy này, cho chúng ta một bài học về sự nhận xét con người. Đánh giá con người đúng hay sai, tùy theo trình độ của người nhận xét. Thái độ “trông mặt mà bắt hình dung”, coi chừng chúng ta dễ bị sai lầm. Muốn đánh giá hay nhận xét một người nào đó, thái độ khôn ngoan nhút của người nhận xét, là bao giờ cũng phải dè dặt và cẩn trọng. Không nên có thái độ quá nông cạn hàm hồ. Thường người ta hay có tánh bốc đồng, thấy đâu nói đó. Chính thái độ bất cẩn này, dễ gây ra mất lòng cho nhau. Muốn xét lỗi lầm của ai, ta cần phải có thời gian tra cứu gạn lọc kỹ càng. Càng tránh vấn đề đề ý nghi kỵ càng hay. Khi nghi ai làm sai về vấn đề nào đó, đừng nên đem trí phán đoán nông nổi, thiếu suy tư chín chắn để mà lên án kết tội họ. Đây là việc làm mà Phật cho đó là của những kẻ thiếu trí.

Ta thử hỏi: làm thế nào biết vị đó là một bậc tu hành dứt hết lậu hoặc? Nói theo thời đại của chúng ta, là làm thế nào biết đó là một bậc tu hành chân chánh?

Phật dạy, muốn biết thế, chỉ có một cách duy nhất là dùng cây thước Bát phong (lợi, suy, hủy, dự, xung, cơ, khô, lạc) để đo. Trong tám ngọn gió này, bất cứ ngọn gió nào thổi đến, mà họ vẫn thản nhiên, coi như không có gì xảy ra. Họ không có thái độ hoặc cử chỉ gì là bất mãn, khó chịu. Nói rõ ra, là họ không bị những thứ đó sai sử họ. Ngược lại, họ đã làm chủ được họ. Hạng người như thế, mới thật là một bậc tu hành chơn chánh. Nếu chưa được vậy, thì tất cả còn đang trên đường tu tập. Đã đang trên đường tu tập, thì không ai mà không có những lỗi lầm. Người có lỗi, mình cũng có lỗi. Lấy lỗi mình mà suy lỗi người, đó chưa phải là người thật sự có thái độ chín chắn. Đó là nói giữa cá nhân với nhau.

Ngược lại, trong một tập thể tu hành, với người có trách nhiệm hướng dẫn đại chúng tu học, thì họ có bổn phận chỉ lỗi để xây dựng cho nhau. Mục đích là để cho tập thể đó mỗi ngày mỗi thêm tốt đẹp. Từ xưa tới nay, vấn đề này, ở trong các tu viện hay học viện đều là như thế. Nếu không có sự nhắc nhở chỉ bảo cho nhau, mạnh ai nấy làm gì theo ý riêng tư của mình, sống không có quy cũ, nề nếp, thì ta thử hỏi tập thể đó sẽ như thế nào? Người ngoài nhìn vào họ sẽ đánh giá ra sao? Cho nên, ta chớ có lầm lộn giữa hai cách xử sự nói lỗi này. Một đàng vạch lỗi, vì sự ty hiềm. Ngược

lại, một đàng thức nhắc, vì xây dựng. Mục đích của hai vấn đề xử sự khác nhau.

Thấy thức ăn nhiều, đại chúng dùng không hết, không biết thức ăn nguyên nhân từ đâu mà có, vội kết tội cho Trưởng lão Anuruddha là người có ý phô trương tài đức uy tín của mình bằng sự đông đảo của thí chủ và nhiều thức ăn. Nhưng những vị đó không ngờ rằng, thức ăn đó là do sự vận động khuyến khích của nữ thần. Bởi thế, Phật mới nói pháp cú này để răn nhắc họ.

94. Những vị A la hán đã tịch tịnh được các căn như tên kỵ mã đã điều luyện được ngựa lành, nên không còn phiền não ngã mạn, được hàng non thiên kính mộ.

Even the gods hold dear the wise one, whose senses are subdued like horses well trained by a charioteer, whose pride is destroyed and who is free from the cankers.

Kệ Tụng

*Ai nhiếp phục các căn
Như kỵ mã điều ngựa
Mạn trừ, lậu hoặc dứt
Chư thiên đều ái mộ.*

Lược giảng

Pháp cú này, Phật dạy tại Pubbàrama, liên quan đến Trưởng lão Đại ca chiên diên. Đại ca chiên diên là một trong mười đệ tử lớn của Phật. Tại sao Phật dạy pháp cú này? Lý do là vì, Ngài Đại ca chiên diên, nhờ nhiếp

phục các căn một cách nghiêm mật, mà được trời Đế Thích kính trọng và khen ngợi. Do đó, các vị Tỳ kheo khác thấy thế sanh tâm bất bình không hài lòng, buông lời trách móc, nên Phật mới dạy như thế.

Đọc qua pháp cú trên, ta có thể đặt vấn đề ngược lại: sở dĩ hàng nhơn thiên kính mộ một vị A la hán, là bởi vì, vị này đã nhiếp hộ các căn và không còn phiền não ngã mạn. Ở đây, Phật cho chúng ta thấy việc quan trọng của người tu hành. Vấn đề nhiếp hộ sáu căn là một vấn đề tối hệ trọng của người tu. Trong Kinh A Hàm, ngài Phú Lô Na xin Phật chỉ dạy cho một câu vắn tắt ngắn gọn, để ngài đến một nơi yên tĩnh ứng dụng tu hành. Phật chỉ dạy một câu thật ngắn gọn đó là: “*Ông nên nhiếp hộ sáu căn, như người giữ thành trì*”. Không còn lời dạy nào ngắn gọn hơn và đầy đủ ý nghĩa như thế. Cũng chính qua lời dạy này, ta mới thấy được yếu lý của sự tu. Người tu hành, dù hành giả đã chọn tu bất cứ pháp môn nào, mà muốn được giải thoát khổ đau, trong hiện tại cũng như mai sau, thì không thể nào xem thường vấn đề này. Vì vấn đề nhiếp hộ sáu căn, nó thông cả giáo lý Nguyên thủy (Tiểu thừa) và Phát triển (Đại thừa). Cả hai hệ giáo lý đều rất quan tâm và chú trọng đến. Vì sao nó quan trọng đến thế? Bởi trong cuộc sống hằng ngày, không lúc nào chúng ta không dùng sáu căn tiếp xúc với sáu trần. Chỉ trừ lúc chúng ta nằm ngủ. Vậy sáu căn tiếp xúc với sáu trần như thế nào?

Sáu căn..... tiếp xúc
**sáu trần**

Mắt.....thấy.....
..... sắc.

Tainghe
.....tiếng.

Mũi.....
ngửi..... mùi.

Lưỡi.....
ném.....vị.

Thân.....chạm
..... xúc.

Ýduyên
..... pháp trần.

Chính sáu căn này, hằng ngày chúng ta tiếp xúc với trần cảnh như thế. Nhưng, nếu chúng ta không nhiếp phục gìn giữ ở nơi sáu căn, cứ để cho nó chạy theo dính mắc ở nơi sáu trần, từ đó mà sanh ra biết bao nhiêu điều phiền lụy. Bởi thế, trong Kinh thường nói là Lục tặc. Tức sáu đũa giặc hằng ngày chúng nó quậy phá chúng ta không một lúc nào yên. Trong Kinh Phật dạy: “*luân hồi hay giải thoát cũng từ nơi sáu căn mà ra*”. Khi còn là phàm phu, thì chúng là Lục tặc. Nhưng khi lên thánh vị, thì chúng là Lục thông. Khi ở địa vị Thánh, thì không còn gọi là sáu trần nữa, mà gọi chúng là sáu cảnh. Tại sao? Bởi vì nói trần là vì chúng ta còn nhiễm trước. Nếu khi chúng ta tiếp xúc với chúng mà không sanh tâm đắm nhiễm, thì chúng

không phải là trần. Vì chúng không phải là thứ gây ra phiền não. Thế nên, cùng một sự vật, mà trần hay cảnh là tùy theo cái nhìn của mỗi người. Nếu người nào nhìn mà gìn giữ sáu căn không để cho sáu trần lôi cuốn, thì Phật cho người đó là tên ky mã khéo điều ngự được ngựa lành. Bằng ngược lại, thì không phải là người khéo điều ngự được ngựa. Chẳng những không điều ngự được ngựa, mà còn bị ngựa dầy xéo dẫm đạp làm cho thân thể của người đó bị nát như đầu đinh.

Thiền Sư Bồn Tịnh có bài kệ dạy chúng:

*Kiến văn giác tri vô chướng ngại
Thinh hương vị xúc thường tam muội
Như điểu không trung chỉ ma phi
Vô thủ vô xả vô tăng ái
Nhược hội ứng xứ bốn vô tâm
Thủy đắc danh vi Quán Tự Tại.*

Dịch:

*Thấy nghe hiểu biết không chướng ngại
Tiếng mùi vị chạm thường tam muội
Như chim trong không mặc tình bay
Không thủ không xả không thương ghét
Nếu hội mỗi nơi vốn không tâm
Mới được tên là Quán Tự Tại.*

Bởi nhận thấy tầm mức quan trọng rất lớn của việc nhiếp phục sáu căn trong việc tu hành hằng ngày như thế, nên một Thiền Sư cư sĩ đời Trần là vua Trần Thái Tông đã sáng tác bài Sám hối lục căn. Bài sám hối này, Thiền Sư viết trong Khóa Hư Lục mà hiện nay ở

các thiền viện thuộc hệ Thiền tông của Hòa Thượng Thanh Từ hướng dẫn chỉ giáo đều sám hối theo nghi thức của sám pháp này.

Tại sao phải sám hối sáu căn? Vì theo cái nhìn riêng của các Thiền Sư cũng như cái nhìn chung của Phật giáo, bất luận tông phái nào, cũng đều bảo chúng ta phải tu ở nơi sáu căn. Một người tu hành mà không gìn giữ ở nơi sáu căn khi tiếp xúc với sáu trần, thì không thể nào có sự an vui giải thoát được. Bởi vậy, pháp cú trên, Phật nhân mạnh và ca ngợi sự nhiếp hộ sáu căn của Tôn giả Đại ca chiên diên. Một người nhiếp hộ căn mật như thế, thì làm gì có phiền não. Phiền não không có, thì làm gì có ngã mạn. Có ngã mạn là vì còn chấp ngã. Căn, Trần, Thức không còn cấu kết với nhau trong chiều hướng tạo nghiệp, thì mọi khổ đau ngang đây đều chấm dứt. Như thế, thì Niết bàn hiện thực ngay trong cuộc đời, chớ có tìm đâu xa. Hãy tìm Niết bàn ở nơi sáu căn của mỗi người. Giây phút nào mà sáu căn của chúng ta không bị dính mắc phân biệt xấu tốt, phải trái v.v... ở nơi sáu trần, thì ngay giây phút đó chúng ta có an lạc Niết bàn rồi. Người tu học Phật không nắm vững yếu lý này để ứng dụng tu hành, thì đó là một điều khuyết điểm rất lớn. Mọi người nên ghi nhớ pháp cú Phật dạy này mà tu hành. Nếu chúng ta cố gắng thường xuyên áp dụng như thế, thì con đường giải thoát không hẹn mà chúng ta cũng vẫn tới. Bằng ngược lại, thì con đường giải thoát sẽ mờ xa diệu vợi. Trong Tín Tâm Minh, Tổ Tăng Xán Có dạy:

*Dục thú Nhứt thừa
Bất ố lục trần*

*Lục trần bất ó
Hoàn đồng chánh giác.
Nghĩa là:
Muốn đến nhưt thừa
Chớ ghét sáu trần
Sáu trần chẳng ghét
Hoàn đồng chánh giác.*

Bài kệ này ý nghĩa rất là sâu sắc. Thường chúng ta có hai quan niệm: một là thương, hai là ghét. Thương thì thích, ghét thì chán. Người tu còn thương còn ghét, thì đó là đầu mối của phiền não khổ đau. Thế nên, ở đây, Tổ dạy, người tu muốn được giải thoát, phải bỏ hai quan niệm đó. Tại sao mình phải ghét sáu trần? Chúng nó phạm tội gì? và xâm phạm gì đến danh dự của mình? Ghét hay thương là ta tự hỏi lại ta, chớ ta không nên đổ lỗi cho chúng. Tại sao cùng một vật thể, mà có kẻ ghét, người thương? Nếu ta bỏ được hai quan niệm thương và ghét này, thì tức khắc, ta sẽ hoàn đồng chánh giác, tức ngay đó là Phật rồi, chẳng cần tìm kiếm đâu xa nữa.

95. Những vị A la hán đã bỏ hết sân hận, tâm như cõi đất bằng, chí thành kiên cố như nhân đà yết la¹⁰⁷, như ao sâu không bùn, nên chẳng còn bị luân hồi xoay chuyển.

There is no more worldly existence for the wise one, who, like the earth, resents nothing, who is as firm as

¹⁰⁷ **Nhân đà yết la:** Cây cột trụ được trồng sâu kiên cố.

a high pillar and as pure as a deep pool free from mud.

*Kệ tụng
Nhu đất, không sân hận
Nhu trụ đá, kiên trì
Nhu hồ, không bùn nhơ
Vị ấy không luân hồi.*

Lược giảng

Pháp cú này, Phật nói ra tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến Tôn giả Xá lợi Phất. Trước khi lên đường du phương khất thực, ngài Xá lợi Phất điếm danh các vị Tỷ kheo đi cùng, nhưng sơ ý, ngài bỏ sót một vị. Vị Tỷ kheo này tức giận, liền bạch với đức Phật vu không Ngài. Phật kêu Ngài đến hỏi duyên cớ, Ngài tự sự trình bày, và các Tỷ kheo khác cũng nói vào, nên Phật mới biết là vị Tỷ kheo kia vu cáo cho Ngài. Nhân đó Phật dạy lời dạy này (*Tóm ý theo truyện tích*).

Trong pháp cú trên, đọc qua, ta thấy, Phật nêu ra ba hình ảnh để thí dụ cho một vị A la hán khi tâm đã hết sân hận. Ba hình ảnh thí dụ đó là:

1. Đất bằng.
2. Nhân đà yết la (thần bảo hộ của dân Ấn Độ)
3. Ao sâu không bùn.

Điều đáng cho chúng ta lưu tâm qua pháp cú này, là Phật nêu cao đức độ của một bậc tu hành đã dứt hết

sân hận. Khi phiền não không còn, thì dù cho gặp chướng duyên nghịch cảnh xảy đến, tâm các ngài cũng vẫn an nhiên, tự tại. Điều đó, nói lên cái kết quả của sự tu hành. Nếu không có một sự nỗ lực tiên tu, thì làm gì có được trạng thái thanh thoát đó.

Ngài Xá lợi Phất là một vị đệ tử lớn của Phật. Ngài đã được Đức Phật giao phó một trọng trách rất lớn lao. Ngài gần như một vị lãnh đạo trong tăng đoàn. Trên ngài là Tôn giả Ca Diếp. Tôn giả Ca Diếp được xem như là một vị Trưởng thượng thuộc hàng sư huynh của ngài. Ngài là một người vừa có đức độ, lại vừa có một trí huệ siêu việt. Ngài có biệt tài biện luận, không một ai biện luận qua ngài. Ngài đã hỗ trợ cho đức Phật rất nhiều trong công cuộc giáo hóa và lãnh đạo tăng đoàn. Ngài đã trải qua biết bao lần đương đầu tranh luận với ngoại đạo và không lần nào thua cuộc. Điều này, đã được sử liệu ghi lại chứng minh rất rõ ràng.

Nêu ra đức độ và tài cao của một con người siêu quần bạt chúng như thế, để chúng ta thấy chung quanh ngài vẫn còn có biết bao nhiêu người ganh tỵ hãm hại Ngài. Phật còn đó và tăng đoàn còn đó, với biết bao nhiêu vị tu chúng. Đa số các ngài đều là những bậc vô lậu A la hán. Dù chứng quả, nhưng các ngài cũng không sao tránh khỏi sự dèm pha xuyên tạc, nói xấu của những vị kém đạo đức khác.

Nêu ra như thế, để chúng ta thấy, thời nào cũng thế. Hễ con người chưa diệt trừ hết phiền não tham, sân, si... thì mọi tranh chấp thị phi, không bao giờ hết

được. Đó là nói những người biết tu, cùng tôn thờ một thầy, cùng một môi trường sống và cùng chung một lý tưởng mà còn như thế, thì trách gì những người chưa biết tu hành là gì. Hoặc giả, họ chỉ là những người mới chập chững bước chân vào đạo, tu hành ngoài da thôi, thì thử hỏi họ làm sao tránh khỏi những lỗi lầm.

Suy cho cùng, đâu phải chỉ có ngài Xá lợi Phất mới bị nói xấu dèm pha như thế, mà ngay cả đức Phật, ngoài Đề Bà Đạt Đa ra, còn có Thiện Tinh Tỳ kheo và đám Lục quần Tỳ kheo luôn luôn bám sát Ngài để tìm đủ mọi cách hãm hại. Nhưng tất cả không thoát ngoài luật nhân quả. Hại người trở lại hại mình. Ác lai ác báo nhãn tiền là như thế! Đó là một định luật nhân quả bất di bất dịch. Không ai có quyền thay đổi được luật nhân quả. Luật pháp thế gian, còn tùy theo mỗi chế độ cai trị mà có đổi khác, còn luật nhân quả là một định luật tự nhiên của vũ trụ vạn hữu, thì không một bàn tay nào có thể thay đổi được. Vì nó là một chân lý phổ biến muôn đời.

Điều rõ ràng nhưt, trong câu chuyện này cho chúng ta thấy, cuối cùng, vị Tỳ kheo có ác ý kia, cũng bị phơi bày trước ánh sáng công lý nhân quả.

Điểm đặc biệt và kỳ thú trong câu chuyện nêu trên, cho chúng ta một bài học tuyệt hảo quý giá, đó là kẻ ác tâm hại người hiền, cuối cùng bị lãnh lấy hậu quả về mình. Người hiền không bao giờ hại được. Nhưng với điều kiện, là phải có một đức nhẫn tâm hậu. Như trường hợp ngài Xá lợi Phất. Nếu ngài còn sân hận

như chúng ta, thì chắc chắn cuộc diện sẽ biến đổi khác. Bởi vì còn sân hận là còn có hơn thua tranh chấp lẫn nhau. Nếu đối phương không nhẫn nhịn được, thì hậu quả sẽ xảy ra rất tai hại cho đôi bên.

Ngược lại, ở đây thì khác. Ngài Xá lợi phát, dù biết vị Tỳ kheo có ác ý hại mình, nhưng ngài vẫn bình thản an nhiên. Vì ngài là người chứng quả A la hán, nên ngài thừa biết tâm địa của những con người chưa gạn lọc hết phiền não. Hễ còn phiền não là còn chứa rắn độc trong tâm. Do đó, mà rắn sẽ phun nọc độc bất cứ lúc nào.

Hiểu thấu được tâm trạng đó, nên ngài không lấy gì làm lạ. Chẳng những không một chút khởi tâm oán giận người hại mình, mà ngài còn rộng lượng bao dung tha thứ và xin lỗi họ nữa. Xin lỗi những gì tôi đã gây ra người không vừa ý. Ôi! Thật là cao cả! Thật là một lối hành xử đẹp biết ngần nào! Nếu không phải là một con người có đức hạnh thật sự, thì làm gì có cung cách hành xử được như thế. Bởi thế, Phật hết lời tán dương khen ngợi Ngài. Quả tâm địa của ngài giống như đất bằng không bao giờ dậy sóng.

Ngược lại, tâm địa của chúng ta thì đất cũng bằng, nhưng luôn luôn dậy sóng. Hình ảnh đất bằng, không gò ghề, gò nong, không có cao thấp, để nói lên tâm địa của một người đạt được quả vị Niết bàn, không còn thấy có hai bên cao thấp sai biệt như chúng ta.

Một thí dụ hình ảnh thứ hai là nhân đà yết la. Nhân đà yết la, tuy có nhiều bản dịch nghĩa khác nhau, nhưng tựu trung, cũng chỉ cho cột trụ rắn chắc, không gì có thể làm lay động nó được. Mục đích, cũng để nói lên cái tâm an định của ngài Xá lợi Phất giống như thế. Không gì có thể làm lay chuyển tâm an định của ngài được.

Đến thí dụ thứ ba, Phật nêu ra hình ảnh ao sâu không bùn. Ao sâu không bùn là nói lên nước ao trong vắt, không cạn cẩu nổi lên. Đây là diễn tả tâm vắng lặng tịch tịnh của người đạt đạo, đã sạch hết phiền não. Cuối cùng Phật kết luận, người được như thế, tất nhiên, là ra khỏi sanh tử luân hồi.

Tóm lại, qua pháp cú này, Phật vừa nêu cao hình ảnh của một người đạt đạo giải thoát, không còn vướng kẹt vào dư luận khen chê, đồng thời, Phật cũng nhắc thức nhắc mọi người, không nên có ác tâm hại người chân chánh tu hành. Hơn thế nữa, Phật cho chúng ta thấy, trong tăng đoàn, cũng có kẻ vầy người khác, tùy theo trình độ tu chứng cạn sâu, mà có những điều xử sự khác nhau. Ai còn nhiều tánh xấu, chưa được gột rửa khá, mặc dầu sống lâu trong đạo, thì những người đó thật đáng thương hơn đáng trách. Bởi vì căn nghiệp của họ còn quá sâu dày. Và lại, sự tu hành của họ còn lồi thoi chưa hết lòng tinh tấn để diệt trừ phiền não. Và như thế, thì những người có trình độ tu khá hơn, nên hết lòng thương yêu chỉ bảo thức nhắc và sẵn lòng tha thứ những gì mà họ gây ra lầm lỗi. Có hành xử hiểu thương và cảm thông nhau như thế, thì đời sống trong

tăng đoàn mới có lợi ích. Bằng không, thì chuốc thêm phiền não mà thôi. Dù tu lâu, nhưng không bao giờ tiến bộ trên đường giải thoát. Chúng ta nên noi gương Tôn giả Xá lợi phát để hành xử với những kẻ có lỗi lầm...

96. Những vị A la hán ý nghiệp thường vắng lặng, ngữ nghiệp, hành nghiệp thường vắng lặng, lại có chánh trí giải thoát, nên được an ổn luôn.

Calm is his thought, calm his speech and calm his deed, who, truly knowing, is wholly freed, perfectly tranquil and wise.

Kệ tụng

*Người tâm ý an tịnh
Thân ngữ thường an tịnh
Chánh trí, chơn giải thoát
Vị ấy luôn tịnh lạc.*

Lược giảng

Pháp cú này, Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến câu chuyện một Sa di của Trưởng lão Tissa.

Trưởng lão Tissa được một Phật tử cho cậu bé xuất gia làm thị giả cho ông. Vị Sa di này đã chứng quả A la hán, trong khi đó, Trưởng lão Tissa mới được quả dự lưu (Tu đà hoàn). Một hôm, Trưởng lão Tissa thấy cây quạt văng trúng mắt chú Sa di làm cho chú bị mù một con mắt. Nhưng chú ta cố che giấu không cho Thầy biết. Dù bị tật nguyền như thế, nhưng chú không một chút lộ vẻ buồn phiền trách giận. Khi biết được có sự, Trưởng lão Tissa cùng với người đệ tử trung thành đến

bạch trình duyên có cùng đức Phật. Nhân đó Phật dạy pháp cú này (*Tóm ý chính truyện tích*).

Bất cứ hành động nào cũng phát xuất từ ba nghiệp. Trong đời sống hằng ngày, người ta lo ăn, lo mặc đủ thứ, nhưng ít ai nghĩ đến việc tạo nghiệp của mình. Nhân quả có ra từ nghiệp. Tất cả việc làm lành hay dữ, đều từ ý nghiệp mà ra. Vấn đề này, trong kinh Phật thường lặp đi lặp lại nhiều lần. Vì tánh cách hệ trọng của nghiệp, nên Phật thường nhắc nhở cho chúng ta nhớ để ngăn ngừa. Muốn không có quả khổ, thì đừng gây nhân khổ.

Trong đạo Phật, đối với người tu hành, vấn đề đạo đức, thâm chứng thật khó nói. Kính trọng người có tuổi tác giới đức, nó thuộc về phần giới luật, niên trưởng hạ lạp. Truyện dẫn trên cho ta thấy, Trưởng lão Tissa, tuy là một bậc thầy của chú Sa di, nhưng trình độ tu chứng lại không bằng. Đạo đức thâm hậu bên trong thật khó biết. Dù bị thầy liệng cây quạt văng trúng mù mắt, nhưng chú không một lời than van oán trách. Cố tình che đậy con mắt, sợ thầy trông thấy mà sanh tâm ăn năn hối hận. Vì không muốn cho thầy có chút buồn lòng, nên cam tâm âm thầm chịu đựng. Cho đến khi bị thầy phát hiện, bấy giờ, chú mới chịu trình bày thưa thật. Ôi! Quả thật một đức hạnh khó lường! Sờ dĩ được thế do đâu? Do sức huân tu sâu dày của chú, không phải hiện đời mà đã trải qua nhiều đời.

Qua chuyện này, ta càng cần trọng hơn trong việc đối xử tiếp người. Bồ tát hiện thân dưới mọi hình thức thật

khó biết. Đôi lúc, ta khinh thường một chú nhỏ, nhưng có biết đâu chú nhỏ đó lại là bậc thầy của ta. Không phải thầy ta trong hiện đời mà thầy ta trong nhiều kiếp. Với mắt phàm tục làm sao ta biết được. Tốt hơn hết, khi tiếp người, với bất cứ ai, ta không nên có thái độ khinh khi coi thường. Chú Sa di, tuổi tác tuy nhỏ, mà phiền não không còn vì đã chứng quả A la hán. Đã thế, thì làm gì có hiện tượng tham, sân, si.

Chuyện này, đối với chúng ta, lấy trí phàm xét đoán, thì thật là khó tin. Tại sao bị thầy làm mù mắt mà vẫn âm thầm chịu đựng, không một lời oán trách? Hỏi thế, là vì chúng ta đang sống trong vòng nghiệp thức phiền não, nên việc hiểu biết của chúng ta, chỉ xoay quanh theo “bản ngã nghiệp thức phân biệt”. Nên việc đó, đối với chúng ta, quả là khó khăn, chỉ có thánh nhơn mới làm được. Nhưng trong việc tu hành, nếu chúng ta không tập cho mình có những đức tánh thánh nhơn nhỏ, thì làm sao có được thánh nhơn lớn hơn. Một hành động, dù không phải cố tình của một vị thầy gây ra, nhưng hậu quả rất lớn đối với con người. Nhứt là đối với một chú bé còn nhỏ tuổi.

Sự đo đạt, đánh giá con người qua trình độ kiến thức rộng hay cấp bằng cao, đối với đạo Phật, không cho đó là quan trọng. Chớ nên ý lại cấp bằng cao mà nguy hiểm. Trong tập thơ Diệu Lý Pháp Đăng, Hòa Thượng Giác Nhiên có bài thơ nói về cấp bằng cao như sau:

*Người tu chớ ý cấp bằng cao
Ý lại buông lung cũng té rào*

*Đạo quý nhờ nơi người có đức
Đâu màng danh vọng kẻ tài cao
Chữ tài thường vướng tai, tai hại
Chữ đức bền lâu đức mãi hoài
Vậy kẻ tầm tu tìm học đạo
Răn lòng khiêm tốn thực hành mau.*

Điều quan trọng là con người đó thật có đạo đức hay không? Và có thật là người tu hành chơn chánh hay không? Đó mới là điều mà đạo Phật đánh giá, nhắm tới. Vì đạo đức là cội gốc của con người, học thức chỉ là một thứ đáp ứng nhu cầu cho đạo đức. Nói khác hơn, học thức chỉ là bổ túc cho đạo đức vững chắc, phong phú hơn. Cây học thức muốn được có hoa trái tươi tốt, thì phải có rễ đạo đức cắm sâu vào lòng đất nhân bản. Thiếu rễ đạo đức, thì cây học thức không thể nào đứng vững được. Chú Sa di trên, học lực chẳng có gì, nhưng mà đạo lực của chú quá thâm hậu cao siêu. Dù cho một người có kiến thức rộng, cấp bằng cao, nhưng gặp việc có tác hại cho cái “ta” của mình, thì thử hỏi, có mấy ai xử sự được như chú?

Đó là chưa nói đến cái chướng ngại lớn của “Sở tri”. Học thức càng cao, “sở tri chướng” càng nặng. Sở tri chướng càng nặng, thì cái “ta” lại càng lớn. Từ đó, nảy sanh ra lắm điều tệ hại và làm chướng ngại trên bước đường tu chúng rất lớn.

Ta nên nhớ, kiến thức không thể giải quyết được vấn đề sanh tử. Nếu kiến thức giải quyết được vấn đề sanh tử, thì Thái tử Sĩ Đạt Ta sẽ không ngồi dưới cội Bồ đề

trải qua 49 ngày tư duy quán sát. Vì trước đó, Ngài có một kiến thức học lực siêu quần, nhờ thời gian quán chiếu thiên định sâu xa, nên Thái tử Sĩ Đạt Ta mới trở thành một bậc Đại Giác. Như thế, đủ đánh giá con người, nếu chỉ biết trau dồi cho mình có kiến thức sâu rộng mà không chịu huân tu cho mình có một đạo lực khá cao, thì sự hiểu biết đó, chỉ là một thứ rỗng tuếch mà thôi. Nói khác đi, là chỉ phô trương để khoe khoang lõe thiên hạ. Do đó, đạo Phật chủ trương đạo đức (chân tu) là chánh mà học vấn là phụ. Chính cái đạo đức mới giải quyết con người thoát khỏi khổ đau.

Con người có thực chất đạo đức mới hành xử cao thượng. Họ thận trọng gìn giữ ở nơi ba nghiệp. Họ thừa biết, cõi đời này, đau khổ hay hạnh phúc, đều từ ba nghiệp mà ra. Thân, miệng, ý là ba thứ cấu kết với nhau tạo thành nghiệp lành hay dữ. Ở đây, Phật khen chú Sa di, vì không còn dục lậu, nên mọi hận thù tranh chấp không có, do đó, mà tâm ý chú luôn được an tịnh.

Sự tu hành chỉ ngần ấy. Đừng luận thuyết huyền đàm cao siêu. Chúng chỉ có tác dụng là những thứ bánh vẽ. Chúng không làm no bụng ta được. Càng say mê theo bánh vẽ, ta chỉ càng chết đói khô mà thôi. Muốn được no bụng, không gì hơn là ta phải đích thực làm ra bánh thật và phải ăn cho được bánh thật. Đó là thái độ khôn khéo nhứt của người biết thương thức. Hãy sống với thực tế. Xin đừng bắt bóng viển vông mà sau rồi ăn năn không kịp. Chỉ có dẹp trừ phiền não, mới cứu thoát được đời ta. Ngoài ra, chỉ là những kẻ nói suông ăn bánh vẽ mà thôi.

*Nương bánh vẽ để làm ra bánh thiệt
Bánh thiệt kia đã có sẵn trong ta
Tại sao ta chẳng chịu làm ra?
Để cứ nói ăn toàn bánh vẽ
Ăn bánh vẽ có no chẳng nhỉ?
Hay rút rồi bụng đói trơ gan
Nghĩ cười nôn đém bạc thế gian
Rút cuộc lại mình không đồng điều
Khác gì kẻ nghèo hèn túng thiếu
Mà trong mình mang sẵn báu châu
Cứ mãi lo tìm kiếm ở đâu đâu
Mà không biết hạt châu trong túi áo!...*

97. Những vị A la hán chẳng còn phải tin ai, đã thấu hiểu đạo vô vi¹⁰⁸, dứt trừ vĩnh viễn nguyên nhân cùng quả báo ràng buộc, lòng tham dục cũng xa lìa. Thật là bậc Vô thượng sĩ¹⁰⁹.

The man who is without blind faith, who knows the Uncreate, who has severed all links, destroyed all causes (for karma, good and evil), and thrown out all desires-he, truly, is the most excellent of men.

*Kệ tụng
Bất tín hiểu Vô vi
Cắt đứt mọi hệ lụy*

¹⁰⁸ **Vô vi:** Vô là không; vi là làm. Vô vi nghĩa là không làm, không tạo tác. Vô vi là tên khác của chơn như hay Phật tánh v.v...

¹⁰⁹ **Vô thượng sĩ:** Là một trong mười hiệu Phật, chỉ cho đức Phật.

*Nhân diệt tham ái diệt
Vị ấy thật tối thượng.*

Lược giảng

Pháp cú này, Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến ngài Xá lợi Phất. Nhân có 30 vị Tỳ kheo đến vấn an Phật và Phật biết cơ duyên của những vị này có thể đắc quả A la hán. Do đó, Phật hỏi Xá lợi Phất:

-“Xá lợi Phất! Ông có tin rằng tín lực khi được khai mở và phát triển, sẽ đưa đến bất tử không?”

Ngài Xá lợi Phất thưa rằng: Ngài không hành trì hoàn toàn dựa vào niềm tin nơi Phật, mà chính ngài phải tự nỗ lực khai mở và phát triển niềm tin mới có thể đưa đến Bất tử (Niết bàn). Tuy nhiên, đối với những ai chưa đủ khả năng phát triển tự tín, thì cũng cần dựa theo niềm tin của người khác để được thành tựu Bất tử. Nghe thế, các Tỳ kheo khác cho rằng, ngài Xá lợi Phất còn tà kiến.

Nhân đó, Phật dạy pháp cú này, mục đích là để minh định về sự chứng đạt của ngài Xá lợi Phất; đồng thời, Phật cũng chỉ bày rõ về niềm tin ở nơi chính mình để tự phát triển trí huệ và thiên định mới có thể chứng đạt đạo quả (*Tóm lược truyện tích*).

Kinh Hoa Nghiêm nói: “Tin là mẹ đẻ của các công đức. Lòng tin làm thêm lớn căn lành v.v...” Nhưng đặt định niềm tin phải đúng với chánh pháp. Bước đầu vào đạo, đa số Phật tử đến với đạo Phật đều đến bằng niềm tin. Dựa theo lời Phật dạy trên, thì niềm tin rất quý đối với

người tu Phật. Tuy nhiên, niềm tin phải được hướng dẫn bởi lý trí. Nghĩa là phải do trí huệ chỉ đạo. Nếu thiếu trí huệ dẫn đường, thì niềm tin kia dễ bị rơi vào tà kiến. Một khi rơi vào tà kiến, thì đó là một họa hại vô cùng. Thế nên, người Phật tử luôn được khuyến khích tin vào Tam bảo.

Tin Tam bảo là chánh tín. Tam bảo là nền tảng vững chắc để chúng ta xây dựng cột trụ niềm tin. Ngoài ra, chúng ta còn phải tin một cách mãnh liệt vào lý nhân quả. Nếu chúng ta đặt niềm tin lệch quỹ đạo nhân quả, tất nhiên là chúng ta sẽ đi vào con đường mê tín, vô lối thoát.

Bước đầu, ta có thể xây dựng niềm tin dựa vào tha nhân, như tin Phật, tin Pháp, tin Tăng v.v... Nhưng, khi chúng ta có được niềm tin vững chắc rồi, ta cần phải tự lực phát triển niềm tin ở nơi chính mình. Vì Phật cũng do ngài tự tin vào khả năng thành Phật của ngài mà ngài được thành tựu đạo quả. Phật không tin vào bất cứ ai. Ta tin theo Phật, vì Phật chỉ cho ta con đường sáng suốt để tiến đến giác ngộ. Hơn nữa, Phật cũng không bắt buộc chúng ta phải tin nơi ngài một cách hoàn toàn. Nếu tin như thế, hóa ra là ta hoàn toàn ỷ lại nơi ngài. Ngài chỉ là người khai sáng niềm tin cho ta. Và khi chúng ta học hỏi hiểu được những gì ngài dạy, bấy giờ, ta phải tự nỗ lực tin vào khả năng giác ngộ của mình. Vì khả năng thành Phật của chúng ta cũng có tiềm tàng như Phật. Chẳng qua chúng ta chưa thật sự khai triển phát huy một cách đúng mức đó thôi.

Truyện dẫn trên, sau khi Phật hỏi, ngài Xá lợi Phất trình bày, các vị Tỳ kheo vội cho Xá lợi Phất còn tà kiến. Phật phủ bác điều đó.

Phật dạy: Một người muốn đạt được quả vị Bất tử, thì không thể hoàn toàn tin vào người khác. Mà tự mình phải khai triển ngũ lục, trí huệ và thiên định của chính mình, mới mong đạt được kết quả.

Đạo Phật là đạo rất công bằng và tự do. Phật không bắt buộc ai tin theo ngài. Những lời ngài dạy, do những gì ngài thấy qua sự kinh nghiệm thực chứng. Ngài trả lại niềm tin và sự chọn lựa ở nơi chúng ta. Dựa vào những lời ngài dạy, ta cần phải suy tư chín chắn, trước khi phát khởi niềm tin. Bởi niềm tin là một năng lực rất mạnh quyết định cuộc đời ta. Tin đúng chân lý, thì những việc làm, tu học của chúng ta mới thật sự có lợi ích cho mình và tha nhân. Bằng ngược lại, chính ta đã lao đầu xuống hố sâu của mê tín và dẫn theo sau đó là một hệ quả đau khổ trải bao kiếp đời sau. Khi đó, muốn hồi đầu cũng không phải là chuyện dễ.

Những ai có được cơ duyên tốt hôm nay, gặp được chánh giáo Phật dạy, không phải là chuyện ngẫu nhiên, mà là do gieo trồng hạt giống chánh pháp đã từ lâu đời trong quá khứ. Không có một kết quả nào mà không bắt nguồn từ ở nơi cái nhân. Do đó, ta không nên phụ lòng tin của ta. Ta cần phát triển vun bồi chánh tín nhiều hơn nữa. Tam bảo chỉ là để cho ta nương tựa ngoại diện. Nhờ có Tam bảo bên ngoài, ta mới có thể tự phát niềm tin Tam bảo tự tâm. Tam bảo tự tâm là cội gốc của sự thoát khổ. Tam bảo bên ngoài không thể

cứ được ta. Nếu chúng ta chỉ một bề tin theo và y lại, thì ta đã và đang rơi vào tà tín, dù ta đang khoác chiếc áo tu theo Phật giáo. Ta phải hết sức đề dặt cẩn trọng trong khi đặt niềm tin. Phật chỉ cứu thoát ta hết khổ bằng lời dạy của ngài, nếu chúng ta y theo đó mà thật hành. Bằng không, thì ta tự chôn sống cuộc đời ta trong ngôi mộ “*y lại, tà ngoại*”.

Đã có niềm tin vững chắc ở nơi bản tâm, bấy giờ, hành giả chuyên tâm tinh tấn tu hành cho đến khi đạt được lý Vô vi. Vô vi là tên khác của Niết bàn, nghĩa là quả vị bất sanh bất diệt. Một khi hành giả đã đạt được quả vị này rồi, thì những nguyên nhân ràng buộc sẽ không còn. Nói rõ hơn là những nghiệp thiện, nghiệp ác thế gian sẽ không còn. Như điều đã hoàn toàn đứt giây. Bấy giờ, điều sẽ tự do thênh thang bay lượn khắp cả bầu trời. Một bầu trời chánh pháp an vui tự tại. Đó là cảnh giới giải thoát của bậc Vô thượng sĩ.

98. Dù ở xóm làng, dù ở núi rừng, dù ở đất bằng, dù ở gò trũng, bất cứ ở chốn nào mà có vị A la hán thì ở đấy đầy cảnh tượng yên vui.

*Inspiring, indeed, is that place where Arahats dwell,
be it a village, a forest, a vale or a hill.*

Kệ tụng

*Làng mạc hay rừng núi
Thung lũng hay đồi cao
La hán trú chỗ nào
Chỗ ấy được tịnh lạc.*

Lược giảng

Pháp cú này, Phật nói tại Kỳ Viên, có liên quan đến Trưởng lão Khadiravaniya Revata.

Revata là em út của Tôn giả Xá lợi Phất. Xá lợi Phất có ba người chị và hai người em đều đi tu, chỉ còn có cậu em út là chưa đi tu. Cậu em út Revata này, mới lên bảy tuổi, vì cha mẹ của Tôn giả sợ cậu con trai này theo anh chị em đi tu, nên hai ông bà cưới vợ cho cậu út này rất sớm, chỉ mới 7 tuổi thôi. Một hôm, đang rước dâu ở nhà gái, mọi người đến chúc phúc cho cô dâu sống lâu già như bà này (chỉ bà già 120 tuổi, rụng hết răng, tóc bạc, má cốp da nhăn, còn da bọc xương...)

Bấy giờ, chú rể nhìn thấy sừng sốt. Trời ơi! Nếu vợ ta già như thế này, thì còn gì là nhan sắc đẹp đẽ nữa đâu. Chàng ta lo nghĩ trong lòng chẳng nói ra. Đến khi, trên đường rước dâu từ nhà gái về nhà chàng, chàng giả bộ đi cầu rồi trốn luôn đi tu. Xá lợi Phất hay tin và ngài đến thăm em. Cậu em Ly bà Đa sợ gia đình hay tin đến bắt về, nên cậu nhờ các vị Tỳ kheo chỉ dạy thiền quán và không bao lâu cậu bé chứng quả A la hán. Sau đó, Ly bà Đa giả từ mọi người lên đường khát thực...

Sau cậu trở thành một Trưởng lão có đầy đủ oai đức lớn...Chỗ ở của ngài là một rừng gai. Phật và Xá lợi Phất đến thăm... Có thầy Tỳ kheo phiên trách về chỗ ở của Ly bà Đa là thế này thế kia...Nhân đó, Phật nói pháp cú này.

Cảnh thanh vắng u tịch rất thích hợp cho những ai có chủng tử thích sống cô tịch để dễ gạn lọc phiền não.

Ngược lại, nó sẽ không thích hợp cho những ai có chủng tử thích sinh hoạt náo động. Vì thế, ta không lấy gì làm lạ khi thấy những người xuất gia có vị thích ở phố thị, có người thích ở núi rừng. Đây là do chủng tử sai biệt trong quá khứ. Một người thích sống ở núi rừng, lòng họ cảm thấy rất nhẹ nhàng thanh thoát. Ngược lại, cũng cảnh đó, nhưng với người thích sống thành thị, thì họ cảm thấy rất là buồn tẻ.

Ở đây, Phật dạy, đối với những bậc đã hết phiền não, thì dù ở đâu, họ cũng cảm thấy an vui. Còn những ai phiền não chướng, đầy áp, thì dù sống ở cảnh nào cũng không bao giờ cảm thấy hài lòng vui vẻ. Như vậy, pháp cú này, Phật cho chúng ta một bài học về cảnh và tâm. Giữa cảnh và tâm, tuy nó có liên quan mật thiết với nhau như da với thịt, nhưng bao giờ tâm cũng là quan trọng hơn. “Vì trong tất cả các pháp tâm dẫn đầu, tâm làm chủ, tâm tạo tác tất cả...”

Người tu, dù xuất gia hay tại gia, bao giờ Phật cũng dạy chúng ta, phải nỗ lực chế ngự điều phục tâm. Vì tâm là nguyên nhân chính gây ra nghiệp khổ vui. Tâm ai còn phiền não, thì người đó khó được giải thoát. Muốn được an vui hạnh phúc, người tu cần phải tiêu trừ phiền não.

Trong khi nhiếp tâm gạn lọc tiêu trừ phiền não, đối với người mới tập tu, thì cảnh trí chung quanh cũng tác động ảnh hưởng rất lớn. Do đó, thời xưa, ta thấy ở Trung Hoa cũng như ở Việt Nam, phần lớn, các bậc thiên đức tu hành, sau khi tham vấn ngộ đạo, các ngài

hay vào rừng sâu núi thẳm để ẩn tu. Vì cảnh trí ở núi rừng là môi trường sống rất yên tĩnh dễ được định tâm hơn. Càng tránh bớt duyên đời chùng nào, thì càng dễ yên tu hơn chùng nấy. Tổ Quy Sơn có dạy: “Muốn gọi tâm nuôi đức, phải ẩn tích mai danh, muốn uẩn tố tinh thần, phải xa nơi huyên náo”.

Trừ những bậc đã được thánh quả, hay đạo lực cao thâm, còn lại, những ai đang trên đường tu tập, để đoạn trừ phiền não, mà sống giữa nơi phồn hoa đô hội, rộn rịp ồn ào, thì không làm sao tránh khỏi sự chi phối ở nơi bản tâm. Đó là chưa nói đến những công việc bận rộn, rối rắm, cần phải giải quyết.

Từ sáng tới tối, hết làm việc này, đến giải quyết việc kia, còn thời gian đâu nữa mà tham thiền, niệm Phật. Ngoại trừ những bậc căn cơ bậc thượng, tu trong mọi hành động, mọi hoàn cảnh, làm mà không thấy có mình làm trong đó. Làm trong chánh niệm, hay hành xả. Nếu chưa được như thế, thì công việc đã chiếm hết thời giờ tu.

Tâm ta lúc nào cũng chạy theo công việc khó được an định. Dù viện dẫn với bất cứ lý do nào, theo tôi, thì đây là một sự thật. Muốn tâm an, mà cảnh luôn luôn xáo động, thì tâm ta thật khó dừng. Làm sao khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần mà không dính mắc cho được? Nếu ai được đối cảnh vô tâm, thì dù ở bất cứ nơi đâu cũng là Cực lạc. Những người được như thế, thì cần gì phải nói đến Tịnh đến Thiên. Lý thuyết bao giờ cũng là lý tưởng, nhưng thật hành thì thật là chanh chua gian

khô. Bởi có đó, điều mà chúng ta phải thật tâm nhìn nhận, thời nay, sự tu hành của người xuất gia, so với thời xưa, thật khó mà đạt được an định. Tu mà tâm không an định, thì thử hỏi: làm sao tương ưng với Phật?

Sống thời đại khoa học, theo nhu cầu của sự sống, con người dù ngoài đời hay trong đạo, ai cũng có nhiều bận rộn. Nếu không khéo, thì mọi người sẽ trở thành “*cái máy biết nói*”. Hiện nay, có biết bao người đang kêu gào về sự bất gốc và nhơn loại đang tiến dần vào ngõ cụt của sự sống!. Nhơn loại ngày nay đang trên đà chạy đua vật chất. Cuộc sống của họ là đồng nghĩa với xáo trộn, nổi loạn, bất an. Tâm trí của họ luôn luôn quay cuồng như chong chóng.

Môi trường sống toàn là náo động ồn ào bởi những thứ động cơ máy móc gây ra. Con người sống hướng động như thế, trách gì mà không nổi loạn! Bệnh tâm thần càng ngày càng nhiều. Con người không còn phương cách chạy chữa. Nương về với Tôn giáo ư? Tìm nơi yên tĩnh để di dưỡng tinh thần, tìm đâu ra đây? Chùa, nhà thờ, hay thánh thất? Tất cả đều như trong một guồng máy sinh hoạt náo động. Nơi nào cũng có những cảnh động bởi do người gây ra.

Chính vì lẽ này, nên có nhiều vị tu hành đang nghĩ đến tìm nơi tháo gỡ bớt những rối rắm trong lòng của mọi người. Nếu không, nó có ngày sẽ nổ tung và thế giới này sẽ trở thành thiêu hủy trong nháy mắt. Đó là một viễn tượng hãi hùng không thể không xảy ra, nếu nhơn

loại không tự tìm phương giải quyết. Con người sống phóng thể như thế, làm sao có được an tĩnh đây? Các nhà lãnh đạo của các Tôn giáo, các ngài đang ưu tư một thảm họa của Nhơn loại như thế! Tất cả như đang dồn hết mọi nỗ lực để tìm phương tháo gỡ: những âu lo, những sợ hãi, những nổi loạn, mà con người vừa là một tác nhân mà cũng vừa là một tác quả.

Pháp cú trên, Phật cho chúng ta như một báo động về cuộc sống của Nhơn loại. Hơn lúc nào hết, thế giới ngày nay, rất cần những con người tỉnh thức. Nhơn loại rất cần những con người hành động, tu chứng. Phật nói một cách rõ ràng rằng: *“bất cứ nơi nào có vị A la hán, thì ở đấy đầy cảnh tượng an vui”*.

Chỉ có con người hết khổ bởi tham sân si hoành hành, thì mới đem đến cho Nhơn loại những suối nguồn yêu thương tươi mát. Suối nguồn yêu thương càng tuôn chảy, thì càng xoa dịu bớt nỗi khổ đau của con người. Muốn có được con người đó, mỗi người cần phải xoay lại tìm nơi chính mình. Có xoay lại, mới tìm thấy. Có tìm thấy và sống được với *“con người thật”* đó, thì Nhơn loại mới hy vọng thoát được nỗi khổ đau tự hủy diệt. Chừng đó, mới thật sự thoát kiếp lưu vong đọa đày...

Tích truyện trên cho ta thấy, một cậu bé mới bảy tuổi đã nhìn thấy đầu nguồn của sự khổ. Sinh, già, bệnh, chết, đó là bốn quy trình sinh diệt, thống khổ, không một ai thoát khỏi. Nhận thức được cảnh tượng già nua, khi cuộc đời tàn tạ, thì con người không còn nhựa sống

vươn lên, bấy giờ, muốn thoát ra khỏi cảnh tượng đó, thì than ôi! đã quá muộn màng rồi! Chi bằng, phải tìm phương giải cứu khi đã ý thức. Không chần chờ, không hứa hẹn, và không nhờ ai khuyên bảo. Chính mình phải tự cởi trói cho mình.

Bằng vào ý thức sáng suốt đó, cậu bé đã trốn thoát. Trốn thoát trong hệ phược của gia đình và thoát luôn khỏi những trói buộc của não phiền. Thế là, không bao lâu cậu bé đã trưởng thành trong nếp sống cao đẹp của một con người thoát tục. Ánh sáng của mặt trời, không còn bị những đám mây mù che khuất. Từ đó, cậu bé đã thật sự lột xác, chuyển hóa con người phàm trở thành một con người thánh. Phàm thánh cũng từ một con người mà ra. Chỉ cần một chữ “Biết” chuyển đổi mà thôi. Chuyển phàm thành thánh, đó là một yếu lý của sự tu hành.

99. Lâm dã là cảnh rất vui với vị A la hán, nhưng người đời chẳng ưa thích; trái lại, dục lạc là cảnh ưa thích đối với người đời, vị A la hán lại lánh xa.

Inspiring are the forests in which worldling find no pleasure. There the passionless will rejoice, for they seek no sensual pleasures.

Kệ Tụng

*Khả ái thay núi rừng
Người phàm lại không ưa
Vị giải thoát ưa thích
Vì không theo dục lạc.*

Lược giảng

Pháp cú này, Phật dạy tại Kỳ Viên, có liên quan đến một phụ nữ. Người phụ nữ hẹn hò với người yêu, nhưng chờ mãi không được, nàng liền đi đến lạc viên. Khi đến nơi, nàng thấy có một thầy Tỳ kheo đang ngồi kiết già tĩnh tọa dưới cội cây. Nàng đi đến trước mặt vị Tỳ kheo, quyến rũ bằng cách cởi hết xiêm y, lỏa thể, cứ cởi ra mặc vô nhiều lần, rồi vỗ tay cười. Khi đó, thầy Tỳ kheo lòng rất hoang mang, không hiểu có sự vì sao?!

Đức Phật quan sát thấy hết mọi việc, Ngài vẫn ngồi yên lặng trong hương thất và rồi sau đó, Ngài bảo:

“Các Tỳ kheo! Chẳng thích thú gì chỗ sống của những người chạy theo dục lạc. Nhưng chỗ những người thoát khỏi dục lạc thì thật là thích thú.

Nói xong, Phật phóng quang hiện thân trước vị Tỳ kheo dạy pháp cú này”.

Đối với việc hưởng thụ lạc thú ở đời, ta có thể tạm chia ra làm ba hạng người. Một, hạng người chạy theo dòng đời hưởng thụ trụ lạc. Hạng người này, họ chơi bời trác táng, sống buông thả, không cần biết đến ngày mai. Họ là hạng người:

Chơi cho liễu chán hoa chê

Cho lãn lóc đá cho mê mãi sâu.

Đại biểu cho hạng người này là đa số các thanh thiếu niên nam nữ ngày nay khắp nơi trên thế giới. Xã hội điên đảo lo lắng vì họ. Họ sống trụ lạc bê tha, đi vào

con đường phạm pháp. Họ sống bất cần đời. Đương nhiên là họ có lý do riêng của họ. Môi trường sống của họ là những nơi hý trường, hay bụi đời. Họ bỏ ngang sự học. Họ không cần biết đến tương lai. Họ chỉ biết hưởng thụ những lạc thú gây mê. Họ là người bạn đời thân thiết của các “nàng phù dung tiên nữ”. Họ không thể vắng thiếu các “nàng bàn đèn” này. Họ có thể nhịn ăn được, nhưng không thể nhịn hút. Họ đã và đang đi vào con đường nghiện ngập. Đây không phải thuộc về loại thú vui giải trí. Mà là một lạc thú sa đọa. Một hiện trạng đau thương nhứt cho gia đình và xã hội. Bản thân họ, họ đã chuốc lấy khổ đau. Họ đã tự hành hạ xác thân họ rất nhiều. Họ giống như những con thiêu thân đang lao đầu vào ánh sáng để tự đốt mình. Họ cũng biết đau khổ và đôi khi họ cũng muốn vùng vẫy thoát ra.

Nhưng họ lại bị những bàn tay vô hình kéo họ. Họ bị xiết chặt, không cách nào vùng vẫy. Càng vùng vẫy, họ càng bị xiết chặt hơn. Khi họ thức tỉnh, muốn quay về nẻo thiện, thì họ lại bị xã hội rẻ khinh. Mọi người nhìn họ bằng cặp mắt khinh thường và ghê tởm. Thế là, họ lại càng mặc cảm và càng bất mãn xã hội dữ dội hơn.

Ngựa quen đường cũ, thế là họ trở lại con đường xưa. Không phải con đường xưa em đi, có đầy hoa thơm cỏ lạ, có suối nước thơm ngát dịu hiền, mà là con đường xưa đầy cam bẫy, gai gộc, móc tét lẫn da nỏ nà trắng đẹp của những lừa tuổi thanh xuân. Một lừa tuổi tràn đầy nhựa sống vươn lên để làm đẹp cho đời và xã hội. Họ là những đứa con thân yêu tương lai của quốc gia. Chỉ một phút chốc sẩy chân, thì chao ôi! Ngàn đời ân

hận! Từ đó, họ rất ghét thù đời và họ lại càng đi sâu hơn nữa. Họ muốn bước ra ánh sáng để xây dựng tìm lại cuộc đời mới, một cuộc đời của đạo nào mà họ còn hồn nhiên ngây thơ trong trắng. Nhưng họ lại bị xã hội xô họ trở lại vào trong bóng tối. Một bóng tối dày đặc của hãi hùng của đau thương tràn đầy giọt lệ. Thật là kinh hồn khiếp đảm!

Xin mọi người hãy mở rộng cõi lòng cảm thông và thương yêu họ hơn. Đôi khi, họ vì hoàn cảnh nào đó mà ta không biết được. Dù sao, họ cũng là con người, cũng có tràn đầy máu nóng, cũng có đầy đủ những chất liệu tình người. Nhưng không may, họ lại bị sẩy chân sa lầy. Họ đã và đang lún sâu vào bùn nhơ của tội lỗi. Đó là tiêu biểu cho một hạng người, lầm đường lạc bước, từ lúc chập chững bước vào đời. Họ bị cơn gió trốt vật chất trụ lạc, xoáy cuộn cuốn hút họ trôi dạt vào biển đời sa đọa. Có những lúc, trong đêm đen, họ nhìn lại thân hình của họ, như một bóng ma trôi, thân tàn ma dại. Thật là tội nghiệp đáng thương lắm thay!

Hạng người thứ hai, không đến nỗi đau thương như hạng người nói trên. Hạng người này, họ còn có chút may mắn hơn, nhưng họ lại thích say sưa cờ bạc. Ngày đêm, họ la cà nhốt mình trong những sòng bài hay những bên ly rượu nồng cháy. Họ không màng tới việc gia đình. Họ bỏ liều vợ con. Đôi lúc, vì sạch tiền túi, họ lại hành hạ đánh đập vợ con. Và cuối cùng, gia đình tan nát, vợ con ly tán chia ly mỗi người một ngã.

Họ sống một mình thui thủi ôm ấp hận buồn chôn sâu đời mình trong bóng tối dày đặc của vô minh tội lỗi. Có người vì đam mê vui hưởng lạc thú nhút thòi, đi vào lầu xanh mua vui, nhưng vui đâu không thấy, mà thấy họ mang bệnh tật suốt đời! Làm khổ mình, khổ người, thật là một họa lây cho xã hội!

Ngoài hai hạng người tìm lạc thú sa đọa trên, còn có người đi tìm thú vui, tương đối lành mạnh hơn. Họ mua vui giải trí bằng cách tiêu khiển đánh cờ hay ca vũ nhạc v.v... Đây là những thú vui không mang lại tác hại cho ai. Họ cho rằng, đời sống cực nhọc vì lam lũ mưu sinh, cần phải có những phút giây thư thả, thoải mái tâm hồn. Hạng người này, ta thấy ở mọi lứa tuổi...

Có người, họ có những thú vui khác, tùy theo sở thích của mỗi người. Đầu tuần, họ trông riết cho đến cuối tuần, để họ đi câu bằng một chiếc thuyền con nhỏ nhỏ, thả trôi bèo bồng trên biển cả bao la. Họ rủ rê đôi bạn bè thân thích, đem theo vài miếng mồi ngon và vài lon bia hoặc một chai rượu ấm, thế là họ vừa câu, vừa thưởng thức. Họ thích ngắm cảnh trời trong mây bạc. Họ sống giữa biển trời nước bao la, tâm hồn họ trải rộng, không vướn bận chuyện đời phiền toái. Mặc cho thế sự thăng trầm. Họ không cần biết tới việc “chánh chị chánh em”.

Cũng theo ý hướng này, có người có trình độ khá hơn, nhút là ở Việt Nam thời xưa, có nhiều cụ đồ nho, trải qua bao cuộc bể dâu thăng trầm với cuộc đời, đến tuổi xế chiều, các cụ thường trở về vườn vui thú điền viên.

Chẳng hạn như cụ Nguyễn Bình Khiêm có bài thơ nói lên niềm vui trong lòng dưới đêm trăng thu:

*Xanh biếc cây già tỏa bóng râm
Đêm về phóng khoáng thành thơ ngâm
Vi vu gió thổi, tan niềm tục;
Vàng vặc trăng soi, rõ đạo tâm.
Tóc bạc giục người, than tuổi lớn
Cúc vàng chiếu rượu, biết thu thâm
Lợi danh cuộn cuộn, theo chi mãi
Bao cuộc hưng vong nghĩ kéo lằm*

Ngược lại, những hạng người nói trên, đối với thú vui của người đạo sĩ có khác. Họ vui sống với thiên nhiên với hoa lá cây rừng. Tâm hồn của họ cảm thấy nhẹ thàng thanh thoát. Vì cảnh trí thiên nhiên rất nên thơ, lặng lẽ, đưa các ngài trở về gần gũi với nếp sống đạo đức hơn. Bởi cảnh trí càng vắng vẻ, thì đối với người đạo sĩ, dễ di dưỡng tinh thần và đi sâu vào nội tâm hơn.

Tìm vào chốn cô tịch, không có nghĩa là trốn đời hay bị quan yếm thế. Mà các Ngài muốn có một cơ hội tốt, nhìn kỹ lại mình nhiều hơn. Thiên sư Không Lộ có bài thơ diễn tả cảnh yên tịnh của thiên nhiên như sau:

*Chọn nơi địa thế đẹp sông hồ
Vui thú tình quê quên sớm trưa
Có lúc trèo lên đầu chót núi
Kêu dài một tiếng lạnh hư vô.*

Thiền Sư Trúc Lâm có bài Cư Trần lạc đạo:

Cốc một chân không. Dụng đời chân khí.

...Núi hoang rùng rợn, ấy là nơi dật sĩ tiêu dao.

Ngược lại, đối với người đời, vì đua đòi say mê dục lạc, làm sao họ biết được và cảm nhận thú vui này.

Cùng một nhịp điệu vui, nhưng thấp hơn một bậc, tức thú vui của những người biết chút ít tu hành thì có khác. Họ không dại khờ đắm mình trong những thú vui giết người không dao như những hạng người sống bê tha phóng dật. Họ tự tạo cho họ một thú vui nhẹ nhàng thanh thoát. Họ không tách mình ra khỏi cuộc đời. Họ vẫn hòa mình trong cuộc sống. Họ vẫn đóng góp những ích lợi cho xã hội. Họ biết họ phải làm gì để nâng cao giá trị làm người. Họ sống với tất cả tâm tư và nguyện vọng. Họ muốn có một nguồn vui đích thực; một nguồn vui được hấp thụ bởi đạo đức mà họ đã cuu mang. Đời họ đã đau khổ nhiều rồi. Họ đã đi qua những đoạn đường đầy chua cay trái đắng. Họ đã biết rõ và chứng kiến: “cuộc thành bại hầu cần mái tóc”. Và hơn thế nữa là: “Đường thế đồ gót rỏ khi khu”. Gót chân họ đã quá dạn dày sương gió. Họ không muốn dẫm chân lên những tấm thảm xanh của cuộc đời dằn trải, mà trong đó toàn là những thứ độc tố giết người. Họ là người sống có ý thức. Họ đang đi tìm một lẽ sống an vui cho mình và cho người. Cái vui của người đạo sĩ vượt thoát những thú vui tầm thường. Thú vui của họ là rừng cây, là khe núi, là gộp đá v.v... Đây! ta hãy nghe và thưởng thức niềm vui của người chúng đạo. Trong Chứng Đạo Ca, ngài Vĩnh Gia Huyền Giác có nói:

*Nhập thâm sơn trụ lan nhĩ
Sâm ngâm u thúy trường tòng hạ
Ưu du tĩnh tọa dã tăng gia
Khuých tịch an cư thật tiêu sái.*

Dịch:

*Vào rừng thăm, trụ am thanh tĩnh mịch
Dưới cội tùng, bên gộp đá bóng râm che
Là tăng quê, vui sâu trong tĩnh tọa, trong êm
đềm
Cảnh lặng lẽ an lành sao nói hết.
(H.T. Thích Từ Thông)*

Vâng! Đúng vậy! Làm sao có thể nói hết được cái vui của một con người đạt đạo giải thoát. Thú vui của họ khác hẳn thú vui của người đời. Một niềm vui thâm trầm, sâu kín và an nhiên tự tại. Vui với gió mát, với trăng thanh, với rừng cây khóm trúc. Các ngài sống lặng lẽ âm thầm, nhưng lại hòa mình trong muôn ngàn điệu nhạc của thiên nhiên. Tiếng chim kêu, tiếng gió thổi vi vu... tất cả là những nhạc điệu thiên nhiên, có một sức mạnh đi sâu vào lòng người tỉnh thức. Đó là cái vui pháp lạc của những con người đạt đạo. Những con người rắn chắc và hùng tráng đi vào đời để độ sanh. Là tu sĩ, chúng ta cũng nên đi tìm một thú vui an tĩnh của tâm hồn trong niềm vui hòa mình với thiên nhiên của núi rừng hoa lá, của cảnh tịch tịnh u nhàn... Đó là cảnh trí đầy thơ mộng của một tâm hồn siêu thoát.

So sánh những hạng người trên, dù họ chọn thú vui nào, vui lành mạnh hay vui sa đọa, cũng đều là những

thú vui phàm tục. Chỉ có những thú vui của các bậc tu hành, mới thoát khỏi vòng tục lụy.

Bởi thế, trong câu pháp cú trên, Phật đã ca ngợi tán dương tinh thần của một vị A la hán đã vui sống với cảnh trí núi rừng thiên nhiên. Trái ngược với hình ảnh siêu thoát này, bên cạnh đó, là một hình ảnh trụ lạc sa đọa trong dục lạc của thế nhân. Điển hình cho hạng người này là cô thiếu nữ đã phơi bày hình thể trước mắt của một nhà tu hành thoát ngoài phàm tục. Giải thoát hay sa đọa, rốt lại, chỉ ở nơi lòng người...

VIII. Phẩm Ngàn (Sahassavagga)

100. Tụng¹¹⁰ đến ngàn câu vô nghĩa chẳng bằng một câu có nghĩa lý, nghe xong tâm liền tịch tịnh.

Better than a thousand useless words is one useful word, hearing which one attains peace.

¹¹⁰ **Tụng kinh:** Tụng có nghĩa là tụng kinh có âm điệu, có ca, có kệ, trầm bổng khác với đọc. Đọc là không cần phải có âm điệu trầm bổng.

Kệ tụng
Đầu nói ngàn ngàn lời
Nhưng không chút lợi ích
Không bằng nói một lời
Nghe xong được tịnh lạc.

Lược giảng

Pháp cú này, Phật dạy tại Trúc Lâm có liên quan đến chuyện tên đao phủ Răng Đồng.

Tên đao phủ này, khi được gia nhập vào bọn cướp khoảng 499 người, nhưng sau đó ít lâu, cả bọn cướp đều bị bắt. Khi nhà vua ra lệnh tử hình bằng cách chặt đầu, thì không có ai dám đứng ra để làm đao thủ phủ. Tên Răng Đồng này, vì hung dữ, nên hắn ta được tên cướp đầu đảng, cử hắn đứng ra làm việc này. Hắn lãnh sứ mạng và chặt đầu tất cả. Những kẻ cướp ở các nơi trong nước, sau khi bị bắt, đều dẫn đến và bị hắn chặt đầu, cộng chung có cả gần hai ngàn người.

Về già, hắn vẫn còn giữ hành nghề chặt đầu người, nhưng đôi khi chặt không dứt như khi còn trẻ. Có khi phải chặt hai ba nhát mới dứt.

Một hôm, Ngài Xá lợi Phất, sau khi xả thiên, đến trước nhà tên đao phủ này. Hắn ta mừng rỡ liền mang sữa và mật dâng cúng. Ngài Xá lợi Phất bảo ông uống đi, vì ông rất thèm khát. Hắn bạch với ngài Xá lợi Phất, rằng: mỗi khi nhớ lại cảnh giết người, hắn quá sợ hãi, đâm ra rối loạn tinh thần.

Ngài Xá lợi Phất hỏi: “Ông tự ý giết người hay là do người khác sai bảo?”

Hắn thưa: “Do người khác sai bảo”.

Xá lợi Phất nói: “Nếu thế thì người đầu có lỗi gì”.

Sau khi hắn chết được sanh lên cõi trời Đâu Suất.

Chuyện này, đến tai Phật. Các vị Tỳ kheo thắc mắc, bạch trình với Phật và nhân đó Phật mới dạy câu pháp cú này. (*Tóm lược truyện tích*)

Qua câu chuyện lược dẫn trên, chắc chắn, chúng ta sẽ thắc mắc và tự hỏi: Tại sao tên đao phủ ác ôn kia, cuộc đời của hắn chuyên giết người như thế, mà sau cuối cùng, hắn lại được sanh thiên? Như vậy, thì giải thích nhân quả như thế nào? Luật nhân quả có đúng không? Tại sao và tại sao lại có chuyện ngược đời như thế? Chắc chắn, sẽ còn có nhiều câu thắc mắc hơn nữa? Ở đây, tuy cuối câu chuyện không có lời giải đáp lý do tại sao. Và Phật chỉ nói một bài kệ:

*Người đao phủ trong thành
Nghe những lời khéo nói
Được nhả và sau đó
Lên cõi trời hưởng vui.*

Điều mà chúng ta nên lưu ý, đọc qua pháp cú này, mục đích chính là Phật khuyên dạy chúng ta, chỉ cần nói một câu ngắn gọn mà có đầy đủ ý nghĩa, còn hơn nói nhiều lời mà vô nghĩa. Như thế, thì làm cho người nghe cũng không được lợi ích gì. Đó là ý chính của lời Phật

dạy này. Tuy nhiên, để chứng minh lời Phật dạy, người ta dẫn câu chuyện tóm lược trên.

Qua câu chuyện được trích dẫn ngắn gọn đó, chắc hẳn mỗi người chúng ta, sẽ có mỗi ý nghĩ và có thể hiểu khác nhau. Mục đích của chúng ta ở đây, không phải là bàn giải sâu vào câu chuyện, mà mục đích của chúng ta là tìm hiểu sơ qua về lời Phật dạy này. Tuy nhiên, theo thiện nghĩ và chỗ hiểu của chúng tôi, thì qua câu chuyện trên, không phải là không đúng nhân quả. Lý do tại sao? Vì tên đao phủ này, thứ nhứt, hẳn ta không phải tự ý làm ác. Mà hẳn làm với một động cơ bị kẻ khác sai sử. Khi bị kẻ khác sai sử, thì rõ ràng hẳn không có chủ tâm. Mà tội có ra nặng là phải do từ ý nghiệp chủ động phát sanh. Nên qua câu nói của Ngài Xá lợi Phất: *Nếu người làm vì người khác sai sử thì người đâu có lỗi gì.* Do lời nói này mà tên đao phủ hết mặc cảm tội lỗi và không còn hối hận ăn năn nữa. Chính câu nói ngắn gọn đó, là mấu chốt của câu pháp cú Phật dạy này.

Quả thật, nếu xét kỹ, ta thấy, một việc làm mà hoàn toàn bị động, thì lỗi đó rất nhỏ. Vì chính họ không phải là người chủ mưu hay đồng lõa. Trường hợp đồng lõa thì khác. Đồng lõa, có nghĩa là đã biểu đồng tình với việc mình làm. Tuy mình không phải là người đứng ra lãnh đạo chủ chốt. Nhưng mình vẫn đóng vai trò hợp tác chặt chẽ với người chủ mưu. Tội đó, chỉ nhẹ hơn người chủ mưu một chút mà thôi. Nhưng vẫn phải có tội. Gọi là tội đồng lõa.

Trường hợp ở đây, tên đao phủ này, tuy bề ngoài thấy hắn ta làm ác, nhưng tay của hắn ta làm theo lệnh của người khác, chứ không phải nghe theo lệnh của tâm hắn sai sử. Do đó, mà tội của hắn, nếu có cũng rất nhẹ. Vấn đề này, cũng giống như vua Trần Nhân Tông, khi điều binh khiển tướng chống quân Nguyên, hoàn toàn không phải làm theo lệnh của nhà vua. Mà nhà vua chỉ làm theo ý kiến của toàn dân, qua hai cuộc đại hội: Bình Than và Diên Hồng. Do thế, vì không phải nhà vua chủ định, nên tội đó rất nhẹ, chỉ cần sám hối là hết. Nhờ thế mà nhà vua sau khi tu mới chứng quả thành Tổ được.

Điều thứ hai, tên đao phủ này, được sự giáo hóa của Tôn giả Xá lợi Phất. Đồng thời, tâm của hắn ta vẫn là tâm lương thiện. Hắn mang thức ăn ra cúng dường Tôn giả Xá lợi phất. Hơn nữa, hắn đã biết cải hối việc làm của hắn trước kia, mặc dù không phải hắn ta tự ý làm. Nhưng có tâm hối cải ăn năn, thì đó là tâm lành. Nhờ đó, khi hắn được ngài Xá lợi Phất khai thị cho hắn một câu ngắn gọn, nhưng xoáy mạnh vào tâm thức của hắn, nên bao nhiêu những ray rức ưu tư sợ hãi, phút chốc tan biến hết. Bởi hắn tin tưởng vào câu nói của một bậc tu hành có đầy đủ đức độ và uy tín lớn. Chính nhờ lời dạy đó, như một tiếng chuông vang dội cảnh tỉnh cho hắn và từ đó hắn biết tu hành và cuối cùng được sanh thiên.

Qua lời dạy này, ta thấy cái chủ ý của Phật là muốn thức nhắc chúng ta, khi phát ngôn muốn chỉ bảo ai, trước hết, cần phải biết đôi cơ của mình muốn nói. Và

khi nói, chỉ cần nói một câu chứa đựng đầy ý nghĩa sâu sắc, làm cho người nghe bắt buộc họ phải lưu tâm và suy nghĩ thật kỹ, như là phải đúng bệnh và hợp cơ. Như thế, mới có kết quả. Bằng không, thì dù mình có nói tràng giang đại hải, toàn là những lời nói rỗng suông, không đầu vào đầu, tức không đúng lẽ thật, thì làm sao người nghe tin tưởng và được lợi ích. Thế nên, nói ít mà phải đúng với chánh lý. Nhờ đó, mà tâm của người nghe được an vui tịch tịnh. Đây là một nghệ thuật và cũng là một tâm lý khi chỉ dạy đối cơ và phải là người thật có uy tín đạo đức. Vì có như thế, người ta mới tin. Có tin, lòng họ mới không nghi. Vì không nghi ngờ, nên mới có được sự an lạc. Đây là Phật nói trong trường hợp chỉ một hai người đối diện, chớ không phải là ở giữa đại chúng. Nếu trường hợp thuyết pháp cho đại chúng nghe thì có khác. Ngoại trừ, có một vài vị Thiên sư khi thượng đường, các ngài không giảng thuyết nhiều, chỉ nói một vài câu ngắn gọn, nhưng rất súc tích, nhằm mục đích khai thị cho đương cơ lãnh hội. Nhưng trường hợp này cũng rất ít thôi.

101. Tụng đến ngàn câu kệ¹¹¹ vô nghĩa, chẳng bằng một câu kệ có nghĩa lý, nghe xong tâm liền tịch tịnh.
Better than a thousand useless verses is one useful verse, hearing which one attains peace.

*Kệ Tụng
Dầu nói ngàn câu kệ*

¹¹¹ **Kệ:** Tiếng Phạn là Gathà, cũng đọc là Già tha, Già đà, dịch là phúng tụng, gồm 4 câu với số chữ nhất định trong một câu.

*Nhưng không chút lợi ích
Không bằng nói một câu
Nghe xong được tịnh lạc.*

102. Tụng đến trăm câu kệ vô nghĩa chẳng bằng một pháp cú, nghe xong tâm liền tịch tịnh.

Better than reciting a hundred meaningless verses is the reciting of one verse of Dhamma, hearing which one attains peace.

*Kệ Tụng
Dầu tụng trăm câu kệ
Nhưng không chút lợi ích
Không bằng một câu pháp
Nghe xong được tịnh lạc.*

Lược giảng

Hai pháp cú trên, Phật dạy ý nghĩa cũng giống như pháp cú số 100. Chỉ khác nhau số trăm và số ngàn câu kệ mà thôi. Ngoài ra, thì không có gì khác cả. Vì vậy, ở đây, xin được thông qua. Xin quý vị đọc kỹ lại pháp cú 100.

103. Thắng ngàn quân giặc ở chiến trường chẳng bằng tự thắng. Người tự thắng là chiến sĩ oanh liệt nhất.

Though one may conquer a thousand times a thousand men in battle, yet he indeed is the noblest victor who conquers himself.

Kệ Tụng

*Dầu tại bãi chiến trường
Thắng ngàn ngàn quân địch
Không bằng tự thắng mình
Thật chiến thắng tối thượng.*

Lược giảng

Một chiến sĩ khi ra chiến trận, có thể chiến thắng hàng vạn quân địch, Phật cho đó còn dễ. Nhưng tự thắng lấy mình, Phật cho đó mới thật là khó. Nhưng có thắng được giặc của chính mình, Phật nói đó là một chiến công oanh liệt nhất. Lý do tại sao? Vấn đề này, chúng ta sẽ bàn sau.

Yếu tố chiến thắng quân giặc của người chiến sĩ ở ngoài trận địa, tuy có nhiều, nhưng yếu tố chính là ở nơi tinh thần chiến đấu. Phải có tinh thần dũng cảm, yêu nước và ý thức quốc gia. Ngoài ra, còn phải nắm vững tình hình, địa hình, địa vật, và phải điều binh khiển tướng giỏi, biết mình, biết người, tức biết thế giặc mạnh yếu v.v.... Nghĩa là những yếu tố phụ, thì có rất nhiều, không thể nói hết. Chỉ có những người giỏi binh pháp và có nhiều kinh nghiệm chiến trường mới hiểu rõ mà thôi.

Ở đây, vì không phải trong lãnh vực chuyên môn của chúng ta, nên chúng ta không thể lý giải bàn sâu. Chỉ nói lên cái yếu tố chính mà giữa người chiến sĩ và tăng sĩ, ít ra, trên ý chí quyết thắng giặc, thì cả hai đều giống nhau. Chỉ khác nhau, một đằng nhằm tiêu diệt giặc ngoài và một đằng nhằm tiêu diệt giặc ở trong tâm. Đó là điểm khác nhau giữa chiến sĩ và tăng sĩ.

Đối với người tăng sĩ, muốn được giải thoát để độ mình độ người, trong tinh thần tự lợi và lợi tha như chư Phật Bồ tát v.v..., thì trước hết, cần phải tiêu diệt những lũ giặc vô minh phiền não nội tâm. Phải thắng cho được những dục vọng luôn sai sử chúng ta. Đó là trách nhiệm chính yếu của người tăng sĩ trong vai trò chuyển hóa nội tâm. Và đó cũng là điều mà Phật nhắm đến để chỉ dạy trong pháp cú này. Tuy nhiên, muốn được thế, chúng ta cần phải trang bị cho mình những thứ vũ khí để chiến đấu với giặc. Vũ khí tuy nhiều, nhưng tóm lại không ngoài ba thứ:

1. *Áo giáp sắt tinh tấn.*
2. *Cây cung Thiền định.*
3. *Mũi tên Trí huệ.*

Đó là ba loại vũ khí chính yếu mà người tu không lúc nào rời ra. Nếu rời ra, chỉ cần một phút giây thôi, thì chúng ta sẽ bị chết về tay quân giặc ngay. Vì ba loại vũ khí này rất là hệ trọng. Bởi thế, Phật dạy, muốn chiến thắng quân giặc, thì chúng ta phải luôn trang bị sẵn sàng, không phút giây nào xao lãng. Có thế, thì mới mong chiến thắng.

Đã có vũ khí trong tay rồi, chúng ta cũng cần phải học hỏi để biết cách sử dụng chúng. Cũng như người chiến sĩ, cũng phải học hỏi cách sử dụng vũ khí, khi ra chiến trận. Mặc dù vũ khí có đó, nhưng không phải ai cũng biết cách sử dụng cho có hiệu quả tốt đẹp. Đó là nói vũ khí bên ngoài có hình tướng, mà người chiến sĩ cũng

cần phải học hỏi để biết cách xử dụng qua. Hà tất gì thứ vũ khí bên trong không hình không tướng. Đối với loại vũ khí này, chúng ta muốn xử dụng cho đúng phương pháp có hiệu quả, tất nhiên, thì thật là muôn ngàn khó khăn. Chính vì những khó khăn đó, nên chúng ta cần phải học hỏi không ngừng để biết cách ứng phó khi sử dụng.

Ba loại vũ khí trong mỗi người chúng ta đều sẵn có. Tại vì chúng ta quên và không biết đem ra sử dụng đó thôi. Vậy, sử dụng chúng như thế nào khi gặp giặc? Nhưng trước hết, chúng ta phải biết giặc là gì?

Giặc có nhiều loại. Có loại giặc bên trong và cũng có loại giặc bên ngoài. Giặc bên ngoài nói chung là những thứ có năng lực cám dỗ ta. Như “Ngũ dục”, “Lục trần” hay “Bát phong” chẳng hạn. Những thứ này, gọi chúng là ma vương. Vì chúng hay phá phách và làm cho chúng ta mất hết chánh niệm. Từ đó, chúng ta dễ bị sa đọa. Đại loại, giặc bên ngoài cũng có nhiều thứ, nhưng tựu trung cũng không ngoài những thứ đó.

Nhưng đối với người tu, thì giặc bên ngoài không đáng sợ lắm, mà chỉ sợ nhất là giặc bên trong. Vì giặc bên ngoài, dù sao, chúng ta cũng còn biết được để ứng phó và diệt trừ. Còn giặc phiền não trong tâm, thật là khó thấy khó biết và rất khó trừ.

Giặc bên trong, nói chung là những loại thuộc Kiến Tư hoặc phiền não. Những loại này, có cạn, sâu khác nhau. Có loại dễ trừ và có loại khó đoạn. Có loại thuộc về căn

bản, có loại thuộc về chi mật. Nhưng dù loại nào, chúng cũng có tác dụng làm cho ta luôn bất an. Chúng ta muốn được thật sự an ổn, là phải tiêu diệt bọn chúng không còn một tên giặc nào. Bây giờ, đất tâm của chúng ta mới được thật sự thanh bình an ổn. Và chừng đó, chúng ta mới thật sự buông bỏ vũ khí. Còn như chỉ còn một tên giặc, dù nhỏ hay lớn, dù thô hay tế, ta cũng không thể nào thờ ơ khinh thường giặc được.

Người tu, đối với lòng dục vọng, thì thật là khó thắng. Thắng giặc ngoài còn hơi dễ, nhưng thắng được giặc trong thật là muôn vàn khó khăn. Giặc ngoài chỉ là ngọn ngành, giặc trong lòng mới là gốc. Sở dĩ có giặc ngoài là do đâu? Có phải do từ lũ giặc bên trong tham, sân, si... làm nội ứng gây ra không? Con người, nếu chỉ một bề lo đi tiêu diệt giặc bên ngoài, mà không tiêu diệt giặc bên trong của mình, thì thử hỏi bao giờ thế giới mới được hòa bình? Thế giới muốn sống trong cảnh thái bình an lạc, thì mỗi con người cần phải nhìn lại để tiêu diệt giặc thù dục vọng bên trong. Một khi cái gốc không có thì làm gì có ngọn?

Thế nhưng, ngày nay con người không lo tiêu diệt giặc bên trong, mà chỉ lo tiêu diệt giặc bên ngoài. Tức là lo đấu đá giữa người với người. Như thế, rõ ràng là họ lo chạy chữa giành hơn thua với nhau trên ngọn mà quên hẳn cái gốc.

Pháp cú trên, Phật muốn chỉ thẳng cho chúng ta diệt thẳng ở nơi cái gốc. Mà muốn diệt thẳng ở nơi cái gốc không phải là chuyện dễ dàng. Tại sao không dễ? Bởi

dục vọng phiền não là những thứ có gốc rễ sâu dày. Không phải chúng có hiện đời mà nó có từ vô lượng kiếp. Cho nên, muốn tẩy thanh nó, không phải một sớm một chiều mà có thể hết được. Đó là nói những người có ý chí muốn thoát ly sanh tử. Còn đối với những ai hài lòng và chấp nhận cuộc sống khổ đau, thì khỏi phải bàn đến. Những thứ phiền não trong tâm thức của chúng ta, tuy chúng vô hình, nhưng chúng có một sức mạnh vô cùng. Chúng sai sử chúng ta. Chúng coi chúng ta như là một kẻ nô lệ. Chúng không bao giờ cho chúng ta sống được yên ổn.

Muốn chiến thắng giặc lớn hay mạnh, trước tiên, chúng ta cần chiến thắng những giặc nhỏ, hay yếu trong tâm trước. Những lũ giặc, tuy nói nhỏ hay yếu, nhưng thật ra chúng cũng có sức mạnh sai sử chúng ta làm những việc bất chánh. Nếu chúng ta không thắng được chúng ngay từ bước đầu, thì hậu quả rất là tai hại khốc liệt. Những loại giặc nhỏ hay chi mạt này, trong Duy Thức chia chúng ra làm 20 thứ. Hai mươi thứ này, như trong bài trước chúng ta đã biết qua.

- Có người, khi lên bàn ăn, chỉ thiếu có trái ớt thôi, mà họ không dần được cơn nóng giận, la ó vợ con om sòm. Từ đó, gây ra có chuyện lớn, chỉ vì không thỏa mãn đòi hỏi khẩu vị của họ.

- Một người nghiện thuốc lá, sai con đi mua, chúng lờ mua sai hiệu thuốc, về nhà, bị họ la ó chửi cho chúng một trận. Thế là tình cha con từ đó đã có sự nứt rạn, sứt mẻ tình cảm không tốt, cũng chỉ vì một chuyện rất nhỏ nhoi mà không thắng được cơn giận.

- Có người vào trong siêu thị, vì không ngăn được lòng tham, nên chồm chia đồ đạc, bị phát giác và cảnh sát đến bắt họ bỏ tù.

- Có Phật tử đến chùa dự tu, vì giành chỗ ngủ nghỉ mà xảy ra có chuyện cãi vả rầy rà lớn tiếng với nhau, đó là do không chế ngự được niệm tranh giành. Một việc nhỏ như thế mà không thắng được dục vọng của mình, nói chi đến việc lớn.

Những việc xảy ra như thế, không bút mực nào kể ra cho hết. Chỉ xin nêu ra một vài việc điển hình thôi. Tất cả đều do con người không chiến thắng được những giặc nhỏ tầm thường đó, cuối cùng, hậu quả rất tai hại. Đối với những dục vọng nhỏ nhặt mà họ không chiến thắng được chúng, thì thử hỏi: những dục vọng lớn hơn gấp trăm ngàn lần, thì làm sao họ có thể chiến thắng cho được? Thế nhưng phải chiến thắng chúng bằng cách nào?

Điều này, trong kinh điển, Phật dạy có nhiều phương cách đối trị, tùy theo thể giặc mạnh yếu. Như người có lòng sân hận nặng, thì Phật dạy phải dùng pháp quán Từ bi để đối trị. Vì người có lòng thương, thì không nhẫn tâm làm đau khổ kẻ khác. Hoặc người có lòng ham muốn sắc dục nặng, thì Phật dạy phải dùng pháp quán bất tịnh để đối trị. Phải hằng quán sát thân thể mình và thân thể người không có chi là sạch sẽ. Từ đó, lòng ham muốn sắc dục sẽ nhẹ dần v.v...

Về những phương cách đối trị này, tất cả đều nằm trong những kinh điển thuộc Bát liễu nghĩa và thuộc về hệ kinh điển A Hàm hay Nguyên thủy Phật giáo.

Cao hơn một bậc, thì Phật dạy người tu phải áp dụng những phương pháp nói trên. Nghĩa là phải ứng dụng Thiên định và Trí huệ để hóa giải mọi mê lầm chấp trước. Muốn sử dụng hai loại này cho có kết quả tốt đẹp, thì Phật dạy người tu phải luôn mặc vào áo giáp sắt tinh tấn. Nếu thiếu áo giáp này, thì khó mà thắng được lũ giặc phiền não hung bạo kia. Bởi vì thế giặc quá mạnh, mà chúng ta ở thế quá yếu. Nên muốn chiến thắng bọn chúng, thì chúng ta phải thường xuyên tinh tấn. Không lúc nào chểnh mảng xem thường bọn chúng. Vì mỗi phút giây, ta luôn đối đầu trực diện chiến đấu với bọn chúng. Nếu thiếu cảnh giác là chúng ta sẽ bị bại trận ngay.

Trong lịch sử nhơn loại, từ xưa tới nay, sử sách ghi lại chưa có một chiến công oanh liệt nào bằng chiến công oanh liệt của đức Phật. Ngài đã chiến thắng một cách oai hùng và vẻ vang. Nhưng, Đức Phật sở dĩ được thế, Ngài cũng đã trải qua một trận thư hùng ác liệt với bọn ma vương . Một trận địa do lũ ma quân bày chiến trận thật là như thiên la địa võng. Lớp ma trong, ma ngoài bao vây đức Phật tứ phía. Nhưng nguy hiểm và đáng sợ nhất là bọn nội ma. Đây là bọn nội công nằm vùng thật đáng ghê sợ. Bọn này, bình thường ta rất khó biết và khó nhận diện chúng. Chúng chuyên môn đánh chúng ta bằng lối đánh du kích. Nếu ta không đề phòng cẩn mật, thì tất bị chúng tấn công ngay.

Nhìn lại, cuộc chiến đấu của đức Phật thật đầy cam go, gian lao thử thách. Thời gian chiến đấu tranh tối, tranh sáng, một mắt, một cùn, phải trải qua mất 49 ngày đêm. Đến đêm thứ 49, đức Phật mới hoàn toàn tuyên bố thắng trận. Vũ khí chiến đấu của đức Phật chỉ có hai loại “*cung Thiên định*” và “*tên Trí huệ*”. Ngoài ra, Phật còn phải mặc *áo giáp tinh tấn*. Phật trang bị cho mình thật kỹ trước khi xuất quân đối địch.

Sau khi chiến thắng một cách vẻ vang oai hùng, bấy giờ Phật mới thật sự lên ngôi Chánh giác. Và tất cả quân ma đều xếp giáp quy hàng. Không một tên nào mà không đầu phục. Tuy Phật chiến thắng có một không hai trong lịch sử nhưn loại như thế, nhưng Ngài không một chút lộ vẻ đắc thắng. Ngài rất khiêm tốn. Ngài tỏ ra rất hiền từ để chiêu dụ quân ma. Bọn quân ma sau khi đầu hàng rồi, chúng xin tình nguyện theo Phật để ủng hộ Phật trên đường giáo hóa. Phật đồng ý hứa khả chấp nhận.

Qua đó, chúng ta thấy, sở dĩ đức Phật thành công trong việc chuyển hóa vô minh phiền não, do Ngài có một quyết tâm kiên trì bền bỉ. Nhờ vào sự quyết tâm kiên cường mãnh liệt đó, nên Ngài tự khắc phục và chiến thắng quân ma một cách vẻ vang anh hùng.

Ngày nay, chúng ta tu theo Phật, thì không có con đường nào khác hơn là chúng ta phải theo con đường mà đức Phật đã đi. Nghĩa là muốn tiêu diệt quân ma phiền não, chúng ta cũng phải sử dụng ba loại vũ khí

nói trên: *cung thiên định, tên trí huệ và áo giáp sắt tinh tấn*. Ba loại vũ khí này, người tu chúng ta phải sử dụng thường xuyên, luôn cảnh giác đề phòng và sẵn sàng tiêu diệt giặc phiền não. Muốn được giải thoát, thì không có con đường nào chọn lựa khác hơn. Bất cứ ứng dụng tu theo pháp môn nào Phật dạy, trọng tâm của hành giả nhằm tới cũng nhằm vào một mục đích duy nhất đó thôi. Ngoài mục đích này ra, thì dù tu cả đời, cũng không mong gì thành công được.

Sau đây, chúng ta hãy nghe bài thơ nói về sự chiến đấu oai hùng giữa một bên là chiến sĩ và một bên là tăng sĩ.

CHIẾN SĨ VÀ TĂNG SĨ

*Anh chiến sĩ cịn tôi l Tăng sĩ
Hai chng ta cng ý chí như nhau
Anh đấu tranh vì lợi ích đồng bào
Dem sức sống tự do về cho dân tộc
Người Tăng sĩ đấu tranh vì Tam độc
Quyết hìn ngang diệt lũ giặc tham tn
Cho nước nhà tâm luôn được bình an
Mang hạnh phúc cho muôn dân được hưởng.
Anh chiến sĩ đấu tranh vì lý tưởng
Anh nu cao chí khí với tình thương
Anh xông pha diệt giặc ở chiến trường
Dành sự sống cho quê hương đầy no ấm
Là tăng sĩ, tôi luôn giữ gìn giới cấm
Quyết hìn ngang bằng chí khí kin tm
Tôi lươn lươn chống giặc lũ m làm
Tôi cương quyết bền tâm luôn chiến đấu*

Anh chiến sĩ trừ gian diệt xấu
Anh oai hùng diệt lũ ngoại bang
Anh phơi gan tử chiến chẳng đầu hàng
D thề giặc ngoại xâm nhiều hung bạo
Là tăng sĩ tôi kiên cường vì đạo
Không đầu hàng dù giặc bạo đến đâu
Trí gươm thiêng mặc chiến giáp áo nâu
Thề tử chiến can trường không lùi bước.
Anh chiến sĩ mưu mô đầy dũng lược
Anh chiêu hàng quân giặc bỏ gươm đao
Anh xông pha diệt giặc chẳng hề nao
Mang vũ khí không lo anh buông bỏ.
Là tăng sĩ tôi luôn luôn bày tỏ
Khuyên ma quỷ nên bỏ ngõ qui hung
Lũ giặc kia no ranh giới ngoại bang
Theo tiếng gọi đầu hàng giành thắng lợi.
Anh chiến sĩ quyết một lịnh đi tới
Anh tuyn thề trợn nghĩa với non sông
Cho phỉ tình nghĩa khí chí tang bồng
Cho đất nước thoát khỏi vịnh nợ ch
Là tăng sĩ tôi vượt qua muôn ngàn thử thách
Tôi nêu cao đạo pháp khắp bốn phương
Vượt gian lao qua muôn vạn nẻo đường
Truyền chánh pháp cho mọi người am tường
đạo lý.

Thích Phước Thái

**104. Tự thắng mình còn vẻ vang hơn thắng kẻ khác.
Muốn thắng mình phải luôn luôn tiết chế lòng tham
dục.**

Kệ Tụng

*Tự thắng vẻ vang hơn
Hơn chiến thắng người khác
Kẻ khéo điều phục mình
Thường sống tự chế ngự.*

Lược giảng

Pháp cú này, Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, liên quan đến một Bà la môn đã hỏi Phật về vấn đề được và mất. Một Bà la môn hỏi Phật về vấn đề được mất. Ông nghĩ chắc là Phật chỉ biết có được, chớ không biết mất. Phật cho ông ta biết là Phật biết cả hai. Phật nói bài kệ như sau:

*Những thứ không ích lợi
Gồm: thứ nhất, ngủ muộn
Biếng lười, chiếm thứ hai
Thứ ba, ánh trăng soi
Thứ tư, giàu sang mãi
Thứ năm, hay đi lại
Thứ sáu, vụng trộm vợ người
Chạy theo những việc ấy
Hỏi này, Bà la môn
Người sẽ được những thứ
Không ích lợi cho mình.*

Nghe xong, Bà la môn tán thán Phật và sau đó Phật hỏi về đời sống thường nhật của ông ta để Phật hóa độ. Ông cho Phật biết, ông chuyên sống bằng nghề bài bạc. Nghề bài bạc, hề thắng ăn được của người khác thì vui, ngược lại, nếu bại bị thua sạch túi, thì u sầu áo não.

Do đó, Phật mới dạy ông về pháp cú nói về sự thắng bại này.

Vấn đề chơi bài bạc, tuy là chuyện nhỏ của mỗi cá nhân, nhưng nó cũng là mầm mống của tham lam, gây nên tranh giành hơn thua đau khổ. Chính mầm mống tham lam hơn thua này, rộng ra là cả thế giới đang điên đảo khổ đau vì nó. Muốn chiến thắng lòng dục vọng này, cũng không phải là chuyện dễ dàng. Trên đời này, chỉ có đức Phật mới là người chiến thắng mình một cách hoàn toàn mà thôi. Ngoài ra, chưa có ai chiến thắng một cách hoàn toàn như thế. Nói chiến thắng là chiến thắng những gì? Như pháp cú 103 chúng ta đã có nói qua. Đó là chiến thắng vô minh dục vọng.

Thông thường, người ta tranh đấu, với mục đích chính là để chiến thắng đối phương. Vì muốn chiến thắng cai trị kẻ khác, bắt kẻ khác phải nghe theo mệnh lệnh sai khiến của mình, nên người ta bất chấp sử dụng mọi thủ đoạn, mọi mách khóe mưu mô, gian xảo, lừa bịp đối phương để họ được chiến thắng dễ dàng. Do đó, nhơn loại đấu tranh không bao giờ ngừng. Đấu tranh vì mục đích chiếm hữu nêu cao danh vọng, địa vị, từ cá nhân với cá nhân và rộng hơn nữa, là từ đoàn thể với đoàn thể và rồi quốc gia với quốc gia v.v...

Khi đánh gục ngã đối phương, thì họ rất tự kiêu đắc thắng. Họ cho họ có đủ tài ba mưu lược. Họ có quyền hơn kẻ khác. Họ bắt mọi người phải trọng vọng phục tùng họ. Kẻ nào có ý tưởng manh nha chống họ, thì họ sẽ thanh toán ngay. Họ luôn kết bè phái để xây dựng

địa vị quyền uy của họ cho được vững chắc. Vì họ không phải là kẻ mạnh bên trong. Họ là người chỉ phô trương thế lực bề ngoài. Họ cảm thấy chinh phục người ngoài nghe theo họ dễ hơn là chính họ chinh phục họ. Vì họ chưa thắng được dục vọng của họ. Dục vọng của họ có quyền hành hơn họ. Chúng nó sai sử họ như một kẻ tôi đòi. Họ có thể hò hét thật oai phong nơi trận mạc. Nhưng họ không thể tự hò hét chống lại dục vọng sai khiến họ. Họ rất sợ và luôn luôn ở vào thế bị động. Một kẻ oai phong hùng dũng như thế, mà không tự thắng họ được. Chính vì họ không tự thắng lấy họ, nên cuối cùng, họ tự chuốc lấy thảm họa rất đau thương.

Hạng người chỉ phô trương huênh hoang thắng kẻ khác, xưa nay không thiếu gì. Nhưng những người tự khắc chế điều ngự dục vọng chính mình, thì thật chẳng có bao nhiêu. Vì thế giới thiếu những hạng người này, nên hơn loại mãi sống trong sự âu lo sợ hãi. Và chiến tranh cứ mãi bùng nổ khắp nơi. Thế giới càng bất an, thì chúng tỏ hạng người hèn nhát quá nhiều. Vì nhát hèn, nên họ không đủ năng lực tự chế. Do đó, nên họ sợ hãi mà phải ra tay trước. Kẻ đi đường hay hút gió hoặc lên tiếng la ó, là chúng tỏ kẻ đó đang sợ ma. Ngược lại, những kẻ gan dạ, thì họ không bao giờ có sự sợ hãi như thế.

Phật dạy, muốn thắng mình phải luôn luôn tiết chế tham dục, đó là một nguyên tắc sống hướng thượng. Những ai muốn trở thành những con người thánh thiện, thì không thể quên nguyên tắc này. Đây là một nguyên tắc cơ bản của đạo làm người và tiến xa hơn là làm

Thánh. Các bậc Thánh hơn từ xưa đến nay, không một ai không áp dụng nguyên tắc này. Có tiết chế lòng tham dục, con người mới có đủ sáng suốt. Và từ đó, lòng người mới cảm thấy nhẹ nhàng thanh thoát. Lòng thương người, thương vật, cũng từ đó mới có cơ hội phát triển hơn lên. Vì họ sống không còn sống cho riêng họ, mà họ sống hài hòa cùng muôn vật. Cái ngã của họ bởi do lòng tiết chế dục vọng, nên càng ngày càng nhẹ bớt dần và đến một lúc nào đó, tự nhiên họ hòa nhập vào đại ngã. Chừng đó, họ sống không còn ranh giới trong phạm trù nhân ngã nhị nguyên.

Con người sở dĩ vùng vẫy không thoát ra khỏi cái lưới đau khổ là vì họ còn quá nhiều tham vọng. Khi đau khổ, thì họ muốn thoát ra. Đến khi cơn đau khổ qua đi, thì lòng tham dục của họ lại tràn ngập chiếm cả tâm hồn. Cứ sống trong sự mâu thuẫn như thế, trách gì mà họ không sa đọa. Bao lâu con người chưa đủ sáng suốt để thoát ra khỏi ngục tù tham vọng, thì bấy lâu con người vẫn còn đi mãi trong bóng tối dày đặc của vô minh, tội lỗi. Cứ thế, thì biết đến bao giờ mới được thoát ra.

Qua câu chuyện lược kể, Phật dẫn dạy cho một vị Bà la môn về việc đắc thất. Con người ai cũng như ai, được thì mừng, mất thì lo buồn. Thắng thì vui mừng hơn hờ, bại thì đau khổ buồn lòng. Đó là một định luật xưa nay của hơn loại. Điều này, chúng ta thấy quá rõ qua những kỳ Thế vận hội (world cup) . Cứ nhìn vào những bộ môn vận động thể thao mà các vận động viên thể giới tranh giải hơn thua với nhau, thì đủ chứng minh họ

tranh giành hơn thua với nhau quyết liệt. Vì sự tranh chấp hơn thua thắng bại này, thậm chí còn gây ra nhiều cuộc ẩu đả đổ máu dữ dội. Vào trận đấu, ai cũng muốn chiếm hữu phần thắng về mình. Họ ra sức tranh nhau chí tử, bất kể thân thể. Miễn sao giành phần thắng lợi về cho mình và đội nhà là được. Họ biểu dương lực lượng, tài nghệ giữa cá nhân và cá nhân, giữa đội này và đội kia. Tất cả cũng chỉ vì muốn ăn thua mà ra. Dù đó là những loại bộ môn tranh tài vì nghệ thuật cao thấp. Rồi đến các khán giả cũng thế. Quốc gia nào cũng muốn ủng hộ bên vực đội nhà của mình. Từ đó, gây ra những tranh chấp trở nên hận thù và có khi chém giết nhau. Tất cả cũng chỉ vì niệm hơn thua, thắng bại, được mất, theo kiểu thắng thì làm vua, còn thua thì làm giặc. Do đó, mà gây ra biết bao cảnh tượng thảm trạng đau thương!

Đối với những kẻ ham mê bài bạc, cũng do lòng dục vọng tham lam muốn ăn thua mà ra. Họ bị con ma tham sai sử họ. Bất cứ ai bước chân vào sòng bài, khi chơi, cũng đều khởi niệm muốn ăn thua cả. Nhứt là những người có máu nóng đỏ đen, thì càng thua, họ càng đánh lớn. Người nào cũng khởi lòng tham, muốn lấy hết túi của người khác. Có ai vào sòng bài mà không muốn ăn thua bao giờ. Chính niệm tham hơn thua này, khi đã thua trắng tay, thì lại sanh ra nhiều tật xấu. Như nào là gian lận, tranh cãi, đánh đập, chém giết nhau. Có người vì thua quá phải tiền vay bạc hỏi nợ nần chòng chát v.v... Đến nỗi hết phương trả nổi, rồi bán hết tài sản mà cũng không trang trải hết nợ nần. Bà la môn này là một tay chuyên nghiệp cờ bạc. Sống

về nghề đỏ đen. Người ta thường nói, cờ bạc là bác thàng bản. Từ xưa tới nay, chưa có ai chơi nghề cờ bạc mà làm giàu cả. Nghèo sạt nghiệp, tiền khô cháy túi thì có.

Ngày nay, quốc gia nào cũng có tổ chức những sòng bài lớn công khai. Họ trang bị cảnh trí thật hấp dẫn lôi cuốn, để cho dân chúng đến chơi. Tiếng Anh gọi những sòng bài bạc này là Casino. Có biết bao người chết dài dài vì những sòng bài này. Dù là những tay chuyên nghiệp, sành điệu tứ đồ tường, cũng phải bỏ mạng sa trường, khó thoát khỏi bàn tay hung thần đỏ đen. Biết bao gia đình tan nát cũng vì nó. Thậm chí, có người vì thua quá nợ nần chông chất, không sao trả nổi, nên đành phải ôm 52 lá bài tự tử. Dù chết, cũng mang chúng theo để xuống suối vàng đánh tiếp. Vì muốn cảnh tỉnh những ai quá nghiện ngập, cứ mãi đắm say mê bài bạc, sẽ có ngày tán gia bại sản, nên có bài thơ vói nhan đề là: “Casino đừng vào cửa tử”.

*Casino thần kỳ quyến rũ
Tám lòng tham biết đủ là bao
Bởi đắm mê nên phải té nhào
Chừng hối hận làm sao cho kịp*

*Ai cũng biết bạc bài là bịp
Nhưng dễ gì tự hối ăn năn
Bởi lòng tham ai cũng muốn ăn
Nhưng chung kết thua là phần chắc.*

Lời tục ngữ thế gian đã đặt
Bài bạc thì gọi bác thẳng bản
Anh cha mình, là gốc khổ đau
Lao tâm trí hao mòn thân xác

Đều cũng bởi đam mê bài bạc
Suốt kiếp đời, khôn đốn ru sầu
Bằng như ai, giấc ngộ quay đầu
Mới cứu vãn gia đình thống khổ

Nhờ biết đạo, dứt lòng tham hoen ó
Tiền của người, chớ ham muốn về mình
Nhơn phi hiền, thì chẳng có giao liên
Vật phi nghĩa, lòng thẳng ngay bất thủ

Người tu phải quyết tự mình làm chủ
Đừng để cho quỷ tham muốn dẫn đường
Dắt đi vào địa ngục chốn tai ương
Kẻ đánh bạc mấy ai đâu giàu có?

Vâng thầy dạy, kể từ nay dứt bỏ
Trở nên người Phật tử biết tu hiền
Quyết trì trai, giữ giới kết thiện duyên
Đặng trau sửa, trở nên người toàn thiện

Nhờ Phật pháp nay được phân tâm tiến
Cả gia đình, đều hạnh phúc an toàn
Nguyện đời đời, quyết vâng giữ lời vàng
Của đức Phật, để xứng danh con Phật .

(Trích tập thơ Diệu lý pháp đăng của HT Giác Nhiên)

105. Dù là Thiên thần, Càn thất bà ¹¹², Ma vương, hay Phạm thiên, không một ai chẳng thất bại trước người đã tự thắng.

Self-conquest is far better than the conquest of others. Not even a god, an angel, Mra or Brahm can turn into defeat the victory of such a person who is self-subdued and ever restrained in conduct.

Kệ Tụng

*Dầu Thiên thần, thất bà
Dầu Ma vương, phạm thiên
Không ai chiến thắng nổi
Người tự thắng như vậy.*

Lược giảng

Đối với những Thiên thần hay ma vương, đều có thể lực rất lớn. Nhờ phước báo tu hành mà họ được thụ hưởng thú vui hơn người. Tuy nhiên, nếu luận về sức mạnh ở nơi tự chiến đấu khuất phục mình để vươn lên thành tự đạo quả cao hơn, thì họ sẽ không tự thắng lấy họ được. Dù hưởng phước báo vui thích sang trọng như thế, nhưng làm sao họ không có ngày sa đọa thoát khổ. Họ thuộc về loại chỉ biết hưởng thụ mà không biết tự khắc chế lo tu. Nhưng, phước báo kia có ngày sẽ hết.

¹¹² **Càn thất bà:** Tiếng Phạn là Gandhàrva. Vị thần này có nhiều tên gọi khác nhau, dịch là Hương thần, là một trong 8 bộ chúng. Vị thần này, không uống rượu ăn thịt, chỉ tìm mùi hương để nuôi thân của mình nên toàn thân rất thơm. Vị thần này hầu bên trời Đế Thích lo về sửa nhạc. Thần khản na la lo về pháp nhạc.

Một người, dù cho có tiền rùng bạc bễ đến đâu, nhưng chỉ biết một bề tiêu xài xả láng, thì thử hỏi làm sao không tiêu hao cạn kiệt cho được. Cho nên, ở đây, Phật nêu ra những hình ảnh Thiên thần này, mục đích là để Phật so sánh giữa con người biết chế ngự những dục vọng của mình, thì dù cho những Thiên thần kia cũng không thể nào so sánh được. Vì sao? Vì những ai biết chế ngự dục vọng, tất nhiên, là họ đang hướng tiến trên đường giải thoát. Khi họ được giải thoát mọi đau khổ buộc ràng, chùng đó, họ hóa độ mọi người, mọi loài thoát khổ như họ. Thế thì, họ sẽ đạt được thành công trong tiến trình hướng thượng.

Pháp cú này, cũng như pháp cú trên, Phật xoáy mạnh vào tinh thần tự thắng. Tại sao thế? Bởi việc tự thắng lấy mình là một việc khó khăn nhứt trên đời. Nói thì nghe dễ dàng lắm, nhưng khi đối diện với thực tế, thì lúc đó mới thấy được hiện tượng của lòng dục vọng nổi lên. Chúng nổi lên như cuồng phong vũ bão. Chúng bắt kẻ ai, ở vào bậc nào. Miễn sao họ thỏa mãn được lòng tự ái nuôi lớn bản ngã của họ thôi.

106. Mỗi tháng bỏ ra hàng ngàn vàng để sắm vật hy sinh tế tự¹¹³ cả đến trăm năm, chẳng bằng giây lát cúng dường bậc chân tu; cúng dường bậc chân tu trong giây lát thắng hơn tế tự quĩ thần cả trăm năm.
Though month after month for a hundred years one should offer sacrifices by the thousands, yet if only for

¹¹³ **Tế tự:** Giết những loài sinh vật để cúng tế thần linh.

*a moment one should worship those of perfected minds
that honour is indeed better than a century of sacrifice.*

Kệ tụng

Tháng tháng bỏ ngàn vàng

Tế tự cả trăm năm

Chẳng bằng trong giây lát

Cúng dường bậc chân tu

Sự cúng dường như vậy

Hơn trăm năm tế tự.

Lược giảng

Pháp cú này, Phật dạy tại Trúc Lâm, liên quan đến chú của Xá lợi Phất.

“Một hôm, ngài Xá lợi Phất đến thăm chú và Ngài hỏi người chú có từng làm việc thiện không? Người chú đáp: có. Và ông cho biết, mỗi tháng ông cúng dường cho các đạo sĩ Kỳ na giáo (lỏa thể) một ngàn đồng. Họ bảo rằng: nhờ phước bố thí cúng dường như thế mà được sanh thiên. Vì muốn cho người chú hiểu rõ con đường chánh đạo, nên Xá lợi Phất dẫn người chú đến gặp Phật và trình bày việc làm trên. Nhân đó Phật mới dạy pháp cú này”. (*Lược truyện tích*)

Trong pháp giới, chúng sanh có nhiều loại. Riêng về loài người, chủng duyên của mỗi người rất sai biệt. Sự sai biệt đó là do nghiệp nhân gây tạo của mỗi người sai khác. Từ sự huân tập chủng tử sai khác, nên căn tánh trình độ của mỗi người sai khác. Trong kinh có nêu ra năm loại chủng tánh:

1. Chủng tánh phàm phu.
2. Chủng tánh ngoại đạo.
3. Chủng tánh bất định.

4. Chứng tách Tiểu thừa.
5. Chứng tách Đại thừa.

Qua năm loại chứng tách trên, xét kỹ, mỗi người trong chúng ta, không ai lại không rơi vào một chứng tách. Tùy theo chủng duyên gieo trồng mà có sự nặng nhẹ khác nhau. Nếu người nào rơi vào chứng tách ngoại đạo, thì thật là nguy hiểm. Bởi người có chứng tách ngoại đạo, họ không bao giờ tin vào lý nhân quả. Họ theo tà đạo, họ thích những việc cúng bái cầu nguyện van xin thần linh. Họ là hạng người hoàn toàn ý lại vào thần linh. Họ nghĩ rằng, cuộc sống của họ đều do thần linh an bài và sắp xếp mọi việc. Do đó, họ tin tưởng vào các đấng thần linh một cách tuyệt đối. Vì họ cho rằng các đấng thần linh có quyền ban phước giáng họa. Dù vậy, có những ngoại đạo mà chứng tách ngoại đạo của họ không sâu dày lắm, một khi họ gặp được Minh sư chỉ dạy cho họ con đường chánh lý, thì họ có thể hồi đầu quay về chánh đạo.

Vấn đề này, thời Phật, đọc kinh A Hàm, chúng ta thấy Phật đã từng tranh luận với ngoại đạo qua mọi phương diện. Nhứt là về phương diện niềm tin và chân lý. Kết quả, có nhiều vị lãnh tụ của các giáo phái đều xin quy y với Phật và trở thành những Phật tử chơn chánh. Trong hàng đại đệ tử của Phật, phần lớn, là do Phật cảm hóa thân nhận từ ngoại đạo. Có những vị là những bậc giáo chủ của các giáo phái lớn. Như trường hợp Ngài Xá lợi Phất, Mục kiên Liên và ba anh em Ca Diếp v.v...

Ngoài ra, cũng có những vị thuộc về chủng tánh Bất định, nghĩa là họ không thuộc về một loại chủng tánh nào đặc biệt trong 4 chủng tánh kia. Họ thuộc về hạng người gặp đâu xấu đó. Nghe triết thuyết, đạo giáo nào hay, họ chạy tìm đến. Họ không theo một tôn giáo nào cố định. Nay theo đảng này, mai chạy đảng kia. Có người nói, họ thuộc về loại “đạo vòng”. Họ cứ chạy lòng vòng, không có nơi nào mà họ đặt niềm tin vững chắc. Họ thuộc dạng người ba phải. Cái gì đối với họ cũng phải hết. Vì căn tánh của họ thuộc loại bất định. Nên sự tu hành của họ không có lập trường vững chắc. Họ chạy trong vòng chánh đạo còn đỡ. Ngược lại, họ chạy theo tà đạo, thì thật là nguy hiểm vô cùng. Niềm tin của họ như cây không rễ cái. Họ thuộc về hạng người rất dôi dào niềm tin. Nơi nào, họ cũng tin. Ngay cả bình vôi, cà ràng, ông táo, ông tà, bà năm, cậu bảy gì họ cũng tin cả. Niềm tin của họ giống như thức ăn xà bần hay loại mì xào thập cẩm. Thật không đâu ra đâu. Hạng người này, họ tu không có mục đích. Mục đích của họ có chăng, đó là Đạo Vòng, như trên đã nói. Họ thật là hạng người đáng thương xót!

Trở lại câu chuyện lược dẫn trên cho ta thấy, chú của Ngài Xá lợi Phất, đang tôn thờ ngoại đạo. Niềm tin của ông rất mạnh. Ông tin tưởng vào việc làm phước cúng tiền của ông để được sanh vào cõi Phạm Thiên. Tu phước để được sanh thiên, đó là điều tốt. Trong kinh Thập thiện, Phật cũng thường hay khuyến khích người Phật tử tu mười điều lành để được sanh thiên. Thế nhưng, tại sao ở đây, Phật chẳng những không tán thán khuyến khích mà Phật còn bài bác và dạy cho ông ta

điều này? Như vậy, Phật có tự mâu thuẫn không? Vấn đề này, không khéo ta sẽ dễ sanh nghi.

Trước hết, nói về kinh Thập thiện, Phật có khuyến khích người Phật tử nên làm lành ở nơi ba nghiệp, để được sanh về cảnh giới lành. Thường trong kinh gọi là cõi trời. Nhưng chúng ta nên nhớ, Phật giáo có chia ra năm thừa. Tất cả năm thừa đều là Quyền phương tiện. Phật tạm bày ra như thế, để chiêu theo căn tánh sai khác của chúng sanh. Chớ đó không phải là mục đích Phật nhắm tới, mà mục đích Phật nhắm tới chỉ có một Phật thừa mà thôi. Còn lại, tất cả đều là phương tiện. Sở dĩ phân chia như thế, mục đích là Phật muốn nâng cao trình độ chuyển hướng mọi người từ thấp lên cao. Giống như những chặng đường nghỉ chân trên lộ trình dài tiến đến Phật quả. Tùy theo căn tánh của mỗi người mà Phật khuyến khích họ hướng thiện. Từng bước hướng lên, càng ngày càng tiến. Chớ không phải như chủ đích của ngoại đạo, họ xem sự sanh thiên là mục đích cứu cánh của họ. Họ không có con đường tiến lên. Họ bế tắc ở đó. Nếu chỉ có thế, thì con người không thể nào giải thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi khổ đau được.

Chính vì thế, nên ở đây, Phật muốn chuyển hóa cho ông có một hướng tiến cao xa hơn trên lộ trình tu chứng. Nếu chỉ biết bố thí, cúng tế để được sanh thiên, thì chưa phải là đạt đến mục đích hoàn thiện. Vì bố thí cúng dường, tuy là điều lành, điều tốt, nhưng vẫn còn hướng ngoại để được hưởng phước. Đó thuộc về phước báo hữu lậu, có giới hạn. Khi hưởng hết, tất nhiên, phải sa đọa. Cúng dường cho những kẻ tu theo ngoại đạo, tà

giáo, sao bằng cúng dường cho bậc chân tu. Vì bậc chân tu là người hướng dẫn mình đúng chân lý. Nếu mình nương theo đó, nỗ lực tu hành, tất nhiên có ngày mình sẽ đạt thành thánh quả. Do đó, nên Phật nói: *“cúng dường cho bậc chân tu trong giây lát thắng hơn tế tự quý thần cả trăm năm”*. Vì quý thần họ vẫn là chúng sanh. Họ tự cứu họ không nổi, nói chi đến việc cứu ai? Quý thần làm sao họ hiểu được chánh pháp. Nên dù cho cúng tế cho họ cả hằng triệu năm, họ cũng vẫn là họ và ta cũng vẫn là ta. Nghĩa là ta vẫn mê tín và không tiến bộ chút nào.

Cúng dường hiểu theo nghĩa sâu hơn, có nghĩa là tự mình trường dưỡng pháp thân huệ mạng của mình càng ngày càng thêm lớn. Đó mới thật sự là cúng dường pháp thân thanh tịnh. Và chỉ có cúng dường như thế mới mong thoát khỏi sanh tử luân hồi.

Người biết tự tu là người tự khắc chế làm chủ lấy mình, là người không còn nô lệ ngoại cảnh. Người không mong cầu những phước báo nhỏ nhoi. Cúng dường cho bậc chân tu, dĩ nhiên, vượt hơn bố thí cúng dường cho những người tu theo tà ngoại gấp trăm ngàn lần. Vì ý hướng tu hành của họ còn kẹt vướng trong tự ngã. Bậc chân tu là bậc thoát ngoài vòng tranh chấp nhị nguyên. Chỉ có những ai thoát ngoài đôi đũa, người đó mới thật sự là bậc chân tu. Và cúng dường cho những người đó là có phước hơn cả. Nói về sự bố thí cúng dường, phước báo hơn kém nhau, trong kinh Tứ thập nhị chương có một bài kinh nói về vấn đề này như sau:

Phật dạy rằng: “cho một trăm người ác ăn, không bằng cho một người lành ăn; cho một ngàn người lành ăn, không bằng cho một người trì ngũ giới ăn; cho một muôn người trì ngũ giới ăn, không bằng cúng dường cho một vị Tu đà hoàn ăn; cúng dường cho một trăm muôn vị Tu đà hoàn ăn, không bằng cúng dường cho một vị Tư đà hàm ăn; cúng dường cho một ngàn muôn vị Tư đà hàm ăn, không bằng cúng dường cho một vị A na hàm ăn; cúng dường cho một ức vị A na hàm ăn, không bằng cúng dường cho một vị A la hán ăn; cúng dường cho mười ức vị A la hán ăn, không bằng cúng dường cho một vị Bích chi Phật ăn; cúng dường cho một trăm ức vị Bích chi Phật ăn, không bằng cúng dường một Tam thế chư Phật ăn; cúng dường cho một ngàn ức Tam thế chư Phật ăn, không bằng cúng dường cho một vị Vô niệm, Vô trụ, Vô tu, Vô chứng ăn”.

Qua bài kinh này, Phật so sánh cho chúng ta thấy về hơn kém trong việc bố thí. So sánh phước báo hơn nhau ở chỗ qua tiến trình tu chứng của người tu do đoạn trừ phiền não nhiều ít mà có sự hơn kém khác nhau. Nhưng tại sao cúng dường cho Tam thế chư Phật mà không bằng cúng dường cho một bậc Vô niệm Vô Trụ Vô tu Vô chứng? Bởi Tam thế chư Phật ứng hóa trong chúng sanh giới, cũng chỉ từ nơi Pháp thân chân thật tức là “Vô vi Chơn như tánh”. Vô vi chơn thật pháp tánh là căn bản của chư Phật. Tất cả chư Phật đều dùng vô phân biệt trí mà chứng Pháp vô vi bình đẳng. Pháp thân không thể dùng trí suy nghĩ đến được, nó không trụ chỗ nào, không cần tu mới có, cũng không cần chứng ngộ mới được. Trí Vô lậu phân biệt lại cũng

không bị sanh diệt, không dời đổi. Ấy là chơn thân của Phật tự tha bình đẳng, tức Vô niệm Vô trụ Vô tu Vô chúng, chính là Vô phân biệt trí, thân chúng chơn như tánh rốt ráo thành Phật. Cúng dường như thế mới gọi là cứu cánh. Do đây, trong Phật pháp bất cứ pháp nào cũng đều phải đến chỗ cứu cánh.

107. Cả trăm năm ở tại rừng sâu thờ lửa, chẳng bằng trong giây lát cúng dường bậc chân tu, cúng dường¹¹⁴ bậc chân tu trong giây lát thắng hơn thờ lửa cả trăm năm.

Though for a hundred years one should tend the sacrificial fire in the forest, yet if only for a moment one should worship those of perfected minds that worship is indeed better than a century of sacrifice.

Kệ tụng

*Dầu trải một trăm năm
Thờ lửa tại rừng sâu
Chẳng bằng trong giây lát
Cúng dường bậc chân tu
Sự cúng dường như vậy
Hơn trăm năm tế tự.*

Lược giảng

¹¹⁴ **Cúng dường:** Đọc trại âm của chữ cung dưỡng. Chữ cung có nghĩa là cung cấp. Dưỡng là nuôi nấng. Cúng dường có nghĩa là cung cấp nuôi dưỡng ngày càng tăng trưởng.

Pháp cú này, Phật dạy tại Trúc Lâm, có liên quan đến người cháu của Trưởng lão Xá lợi Phất.

Truyện tích kể lại: “Trưởng lão cũng đến người cháu hỏi thăm có từng làm việc thiện không. Hằng tháng anh ta giết một con thú để tế lửa, vì tin rằng sẽ lên cõi Phạm thiên như thầy anh ta bảo. Trưởng lão cũng khuyên anh đến gặp và thỉnh Phật dạy cho. Phật thuyết như sau:

“Bà la môn, dù ông thờ lửa một trăm năm như thế, công đức cũng chưa bằng giá trị lễ kính đệ tử ta trong một khoảnh khắc”. (*Tích truyện Pháp cú tập II trang 98*).

Tế tự là một tín ngưỡng của người dân Ấn đã có trước khi Phật ra đời. Con người đứng trước vũ trụ bao la, họ đâm ra sợ hãi. Từ đó, họ nảy sanh ra ý niệm tín thành sùng bái thiên nhiên. Họ cho rằng, mỗi một hiện tượng thiên nhiên, đều có một vị thần ngự trị điều khiển cai quản. Như Thần mây, Thần mưa, Thần gió, Thần lửa v.v... Và cũng từ đó, họ sáng tác ra những bản thánh ca và nghi thức cúng tế Thần linh. Thời này, sử ghi lại, gọi là thời đại Đa thần giáo. Đã có nghi thức, tất nhiên phải có người đứng ra chủ tế. Cho nên, từ đó nảy sanh ra một giai cấp nắm quyền chủ tế, tức là hạng tăng lữ, đó là nguyên nhân có ra Bà la môn giáo sau này.

Bà la môn, Trung Hoa dịch là Tịnh hạnh hoặc Phạm hạnh, chỉ cho phái tu hạnh trong sạch. Kinh điển của phái này gọi là Phệ đà (Veda), Trung Hoa dịch là Minh luận hoặc Trí luận. Kinh điển của Bà la môn gồm có 4 thứ:

1. Lê câu phệ đà (Rig-Veda)
2. Dạ du phệ đà (Yajur Veda)

3. Sa ma phệ đà (Sàma Veda)
4. A thát bà phệ đà (Atharva Veda)

Bốn thứ kinh điển này, được gọi chung là Tứ Phệ đà thánh điển. Đó là một hệ thống tư tưởng triết lý về thời xưa của xứ Ấn Độ.

Trong bốn loại thánh điển trên, thì Dạ du phệ đà, được xem như là bộ thánh điển chuyên thuyết minh về việc cúng tế Thần linh. Do đó, hầu hết những người theo Bà la môn giáo, đều phải nằm lòng bốn thánh điển này. Đối với việc cúng tế Thần linh, họ rất tôn sùng và kính trọng. Vì theo giáo thuyết của đạo Bà la môn, người nào cúng tế như thế, thì sau khi mạng chung, sẽ được sanh lên cõi trời Phạm thiên để hưởng phước báo. Đó là một tập quán tín ngưỡng lâu đời của họ. Thế mà, khi gặp Phật, họ được Phật chuyển hóa và rồi sau đó, họ từ bỏ tập quán tín ngưỡng lâu đời mà quy y với Phật. Như thế, chúng ta mới thấy sự hóa độ của Phật, ít ra là bước đầu, chắc chắn là không phải chuyện dễ dàng.

Đọc qua các bộ Thánh điển A hàm, ta thấy rất rõ về vấn đề này. Nghĩa là Phật đã đương đầu tranh luận với ngoại đạo, như là đối với các vị tăng lữ Bà la môn. Vì kinh điển của họ cũng có những tư tưởng cao thâm. Chính đức Phật cũng hấp thụ và thu thái tinh hoa của tư tưởng kinh điển này. Sử liệu đã ghi lại cho chúng ta thấy như thế. Thế nên, trên bước đường giáo hóa của Phật, nếu như Ngài không có đủ uy đức và có nguồn giáo lý với hệ thống tư tưởng siêu việt vượt lên trên các

trào lưu tư tưởng học thuyết đương thời, thì thử hỏi làm sao, họ có thể quy phục trở về với đức Phật cho được?

Điều quan trọng nhất, và đáng nói ở đây, là đức độ cảm hóa của đức Phật. Vì các vị giáo chủ lãnh tụ đương thời, chưa có vị nào có một đức độ và hiểu biết hơn Phật. Cho nên, nhờ đó, mà Phật mới dễ cảm hóa. Điều này, cũng cho chúng ta một bài học rất lớn về việc nhiếp hóa độ chúng. Muốn độ chúng cho có hiệu quả, tất nhiên, một vị tăng sĩ phải hội đủ hai yếu tố căn bản: *đức độ và tài năng*. Nhưng giữa hai yếu tố này, thì từ xưa tới nay, qua kinh nghiệm của chư Tổ sư cũng như của các bậc tăng già cho chúng ta biết, thì đức độ bao giờ cũng được nêu cao và đặt lên hàng đầu.

Một người dù cho họ có tài giỏi, học rộng thông suốt đến đâu mà thiếu đức độ, thì họ cũng không hóa độ được ai. Đức độ có ra là nhờ vào giới luật. Người nào gìn giữ giới luật nghiêm minh, thì chắc chắn người đó sẽ được mọi người quy kính. Tuy nhiên, bên cạnh giới đức, người tăng sĩ cần phải có khả năng về học lực. Với thời đại khoa học văn minh tân tiến ngày nay, nó đòi hỏi người tăng sĩ phải có kiến thức rộng cả hai lãnh vực: “thế pháp và nội điển”. Trong hai điều này, thì phần nội điển là chính yếu, người tăng sĩ, bao giờ cũng phải coi trọng, vì nó là mạch sống căn bản của người tăng sĩ. Nói cách khác, nếu mang hình thức của một tăng sĩ mà giáo lý nội điển Phật giáo không thông, thì tự mình đã không được lợi ích, nói chi đến việc làm lợi ích cho người. Và như thế, thì người tăng sĩ, chắc chắn

là sẽ bị người ta đánh giá rất thấp. Do đó, rất trở ngại trong việc hoằng hóa độ sanh.

Hơn thế nữa, người ta đến với mình, không phải họ đến với cấp bằng học lực cao ngoài đời. Bởi những thứ này, đối với họ, họ coi thường. Vì họ cũng đã có và có khi họ còn có cao hơn chúng ta. Họ đến với đạo, mục đích là để tìm hiểu những gì khác hơn cái mà họ đã có. Cho nên, vấn đề được minh định rõ ràng rằng, đối với người tăng sĩ, bao giờ kiến thức Phật học cũng phải đặt nặng và tìm hiểu nghiên cứu học hỏi không ngừng. Vì đó là trách vụ và sở trường chuyên môn của người tăng sĩ. Còn thế pháp, kiến thức phổ thông, chỉ là phụ lực trong việc nghiên cứu và truyền bá chánh pháp mà thôi. Nếu người tăng sĩ đánh lộn sòng, thì rất là tai hại trong việc nghiên cứu và truyền bá chánh pháp.

Trở lại vấn đề trên, việc tôn thờ Thần lửa để cúng tế của những vị theo đạo Bà la môn giáo, mà tiêu biểu như người cháu của Tôn giả Xá lợi Phất, sau khi đến gặp Phật, Phật dạy cho ông ta pháp cú này, bởi vì việc tế tự chỉ gây thêm nghiệp sát hại chúng sanh mà thôi, thực tế, không được lợi ích gì. Cứ mỗi lần cúng tế như thế, thì giết chết những mạng sống khác. Việc làm này, thử hỏi làm sao có phước cho được? Vì mê tín mà họ làm, bởi họ chưa được khai thông hiểu chánh lý nhân quả, nên khi đến với Phật, Phật sẽ chỉ bày và chuyển hóa họ được ngay, bởi do đức độ và uy tín của Phật quá rộng lớn, trùm khắp.

Bên cạnh đó, Phật còn có nhiều người đệ tử tài giỏi. Hầu hết, các Ngài đều xuất thân từ giới lãnh tụ ngoại đạo quy kính đức Phật. Nhờ thế mà các vị ngoại đạo này, khi được gặp Phật là họ được khai thông và hồi đầu quy y Phật ngay. Từ đó, họ sẽ không còn theo con đường tà ngoại nữa.

108. Suốt năm cúng dường để cầu phước, công đức chẳng bằng một phần tư sự kính lễ bậc chánh trực, chánh giác.

Whatever gifts and oblations one seeking merit might offer in this world for a whole year, all that is not worth one fourth of the merit gained by revering the Upright Ones, which is truly excellent

Kệ tụng

*Suốt năm trường cúng dường
Bồ thí để cầu phước
Không bằng một phần tư
Kính lễ bậc chánh trực.*

Lược giảng

Pháp cú này, Phật dạy tại Trúc Lâm, có liên quan đến người bạn của Tôn giả Xá lợi Phất.

Theo tích truyện kể lại: Trưởng lão cũng đến hỏi bạn mình như đôi với chú và cháu của mình trước đây. Việc thiện của anh bạn từng làm là mổ vật tế lễ để được sanh thiên. Ngài cũng khuyên và dẫn bạn đến gặp Phật, thưa thỉnh và được Phật chỉ dạy như sau:

“Bà la môn, dù ông có dâng tế vật một năm, cũng không công đức bằng một phần tư công đức của một thiện tín bố thí cho dân chúng, hay người biết tôn kính đệ tử ta”.

Tại sao dâng tế vật một năm, không bằng công đức của người bố thí cho dân chúng? Hoặc là người biết tôn kính đệ tử Phật? Phân tích lời Phật dạy cho vị Bà la môn trên, chúng ta thấy có ba vấn đề được bàn đến:

1. *Vấn đề cúng tế.*
2. *Bố thí cho dân chúng.*
3. *Tôn kính đệ tử Phật.*

1. Vấn đề cúng tế.

Khi nói đến cúng tế, tất nhiên, người ta sẽ nghĩ ngay đến việc làm mê tín. Vì sao? Vì không có lẽ thật. Ở đây, nếu phân tích ta thấy có ba vấn đề:

- a. Người cúng tế
- b. Vật cúng tế
- c. Đối tượng được cúng tế.

a. Người cúng tế: Với tâm niệm của người cúng tế là mong cầu phước báo cho riêng mình. Đó là động cơ, do lòng ích kỷ thúc đẩy mà làm. Dù cúng với bất cứ lý do nào, tựu trung, họ cũng chỉ vì bản ngã muốn hưởng lợi cho cá nhân mình mà thôi. Từ quan niệm ích kỷ đó, mà họ ra tay sát hại sinh vật để cúng tế. Và khi cúng tế, họ chỉ tin tưởng vào một đấng Thần linh vô hình nào đó, mà họ chưa từng biết mặt mũi ra sao. Đó là một việc làm quá mê tín. Họ tin một điều không có lý lẽ gì hết.

b. Vật cúng tế: Đây là những sinh vật bị họ giết hại. Những sinh vật này, chúng cũng có mạng sống như con người. Chúng cũng ham sống sợ chết như con người. Mạng sống của chúng tuy nhỏ, nhưng sự ham sống của chúng không khác gì con người. Như vậy đoạn mạng sống của chúng, thì đây là một việc làm rất tàn nhẫn và độc ác.

c. Đối tượng dâng cúng: Họ hoàn toàn mờ mịt không hiểu. Chỉ nghe nói Thần linh, mà họ không biết Thần linh ra sao. Như vậy, đối tượng mà họ tin tưởng để cúng bái chỉ là một ảo tưởng, huyền hoặc mông lung mà thôi.

Phân tích đại khái qua 3 điều đó, ta thấy họ hoàn toàn là mê tín. Họ hành động theo kiểu xưa bầy nay làm, không có một chút trí tuệ nhận xét. Do đó, Phật mới nói là một việc làm vô ích. Chẳng những không có ích lợi cho ai mà còn tổn hại cho chính mình. Vì thế, nên Phật mới nói là không bằng một người bố thí cho dân chúng.

2. Bố thí cho dân chúng.

Thật vậy, tiền bạc hay sinh vật mà họ cúng tế, nếu như họ đem ra bố thí cho những người nghèo, thì đó là một ích lợi thiết thực. Lợi cho họ và lợi cho mọi người.

Xã hội thời xưa hay xã hội thời nay cũng thế. Xã hội nào cũng rất cần những con người giàu lòng nhân ái. Những con người biết yêu thương đồng loại. Biết chia ngọt xẻ bùi, theo tinh thần lá lành đùm lá rách. Và xã hội nào, những con người bất hạnh, nghèo khổ đói rách cũng rất nhiều. Thành phần này rất cần sự giúp đỡ yêu thương của mọi người. Giúp đỡ cho họ có được một cuộc sống tương đối thoải mái, phước báo còn hơn gấp mấy ngàn lần cúng tế Thần linh. Thần linh thời nay là những thành phần nghèo khổ. Đó là một đối tượng rất cần mọi người quan tâm thương tưởng đến. Và Thần linh này có mặt khắp nơi trên thế giới. Họ đang gào thét cầu cứu. Thay vì cúng tế cho một Thần linh ở một thế giới mờ lung vô hình nào đó, sao bằng giúp đỡ bố thí cho những Thần linh cụ thể bằng xương bằng thịt đồng loại. Bởi thế, nên Phật luôn đề cao sự tương trợ này. Ngài luôn khuyến khích những ai có được phước báo giàu sang, nên trải rộng lòng thương để bố thí cho dân chúng nghèo đói. Không những Ngài khuyến giáo trong thời đại của Ngài, mà còn trải dài qua mọi thời đại, bất luận thời gian hay không gian nào. Hễ còn có nhơn loại trên quả địa cầu này, thì vấn đề bố thí của cải san sẻ tình thương đến cho mọi người vẫn còn có giá trị và cần thực hiện.

Như vậy, cho chúng ta thấy, đức Phật bao giờ cũng dạy cho người ta nên có lòng từ bi hiếu và thương. Cần thực hiện những gì thực tế, đừng mơ tưởng ảo vọng viển vông. Việc làm nào cũng phải dựa trên lẽ thật mà làm. Có thế, thì mới đem lại sự lợi lạc cho mình và người.

Trở lại câu pháp cú Phật dạy trên, Phật nhấn mạnh và so sánh cho chúng ta thấy giữa một việc làm hữu ích thực tế và một việc làm vô ích.

3. Tôn kính đệ tử Phật.

Như những bài trước chúng ta cũng đã có nói qua về việc cúng dường bố thí. Cúng dường, bố thí là một hạnh lành. Việc làm này cần được khuyến khích và tán dương. Tuy nhiên, căn cứ theo pháp cú này, Phật dạy, thì vấn đề cúng dường để cầu phước báo nhơn thiên, nó chỉ được hưởng phước báo giới hạn tạm thời thôi. Ở đây, Phật muốn khuyến khích và chỉ dẫn chúng ta vượt hơn phước báo đó bằng cách là kính lễ bậc chánh trực, chánh giác. Tại sao kính lễ bậc chánh trực, chánh giác mà phước báo hơn cúng dường để cầu phước? Vấn đề này, có nghĩa cạn và sâu khác nhau. Nếu nói theo nghĩa thông thường, chúng ta kính lễ bậc chánh trực, chánh giác, thì sẽ được vị này hướng dẫn chỉ giáo chúng ta thẳng tiến trên đường giác ngộ. Vì họ là người tu hành đạt đạo và như thế là chúng ta đã gặp được bậc minh sư, một người thầy đã giác ngộ. Tất nhiên, vị thầy này sẽ hướng dẫn, chỉ dạy chúng ta tu hành đúng theo chân lý. Nhờ đó, mà chúng ta mau được giác ngộ giải thoát. Đó là nói theo nghĩa thường.

Còn nói theo nghĩa sâu hơn, thì chánh trực, chánh giác là chính bản tâm chúng ta. Bản tâm của chúng ta vốn là thanh tịnh sáng suốt, lúc nào cũng chánh giác chánh trực. Nếu chúng ta biết *kính lễ* (hết lòng bảo hộ tôn trọng và sống thực) ở nơi bản tâm đó, thì chúng ta sẽ

được giác ngộ giải thoát. Không cần tìm kiếm ở đâu xa. Tại sao? Bởi vì các bậc A la hán hay Phật, Bồ tát, cũng từ nơi bản tâm đó mà thành. Phật và bồ tát, các Ngài khéo nhận ra và sống thực trọn vẹn với cái chân lý đó, mà được thành tựu đạo quả. Nếu chúng ta khéo nhận và khéo tu như các Ngài, thì chúng ta cũng sẽ được như các Ngài không khác. Đó là một lẽ thật. Vì các Ngài cũng là con người như chúng ta. Các Ngài làm được, thì tại sao chúng ta không làm được? Nếu chúng ta có quyết tâm thẳng tiến, thì dù một đời không được, trải qua nhiều đời cũng phải được. Chỉ cần chúng ta có ý chí kiên cố và bền vững. Nghĩa là cho đến bao giờ đạt được kết quả thì thôi. Đó là nói theo nghĩa sâu và cũng là nghĩa thực tế nhất, vì không ý lại bên ngoài.

Đức Phật không chấp nhận cho chúng ta chỉ biết một bề ý lại cầu khẩn van xin bên ngoài, dù là cầu khẩn van xin ở nơi Ngài. Ngay cả đức Phật, chúng ta còn không ý lại van xin, thì thử hỏi trên đời này, chúng ta còn cầu khẩn van xin ai nữa chớ? Chỉ có những ai mê muội mới làm việc vô nghĩa mê tín đó mà thôi!

109. Thường hoan hỷ tôn trọng, kính lễ bậc trưởng lão thì được tăng trưởng bốn điều: sống lâu, đẹp đẽ, vui vẻ, khỏe mạnh.

To one ever eager to revere and serve the elders, these four blessingd accrue: long life and beauty, happiness and power.

*Kệ tụng
Thường tôn trọng, kính lễ
Bậc kỳ lão trưởng thượng*

*Được tặng thưởng bốn pháp:
Thọ, sắc, lạc, sức khỏe.*

Lược giảng

Pháp cú này, Phật chú trọng đến phần lễ nghĩa của con người. Vì lễ nghĩa là cội gốc nhân bản của con người. Người sống không có lễ độ, phép tắc, thì quả thật họ là người thiếu nhơn cách và phẩm giá con người. Dù sống trong xã hội nào, xưa hay nay cũng thế. Tối thiểu, con người phải biết xử sự với nhau cho có lễ độ. Vì lễ độ là nâng cao cung cách của đạo làm người. Con người có lễ độ, biết kính trên nhường dưới, đó là nét đẹp, lịch sự từ bên trong lẫn bên ngoài của con người.

Ngày xưa, đối với các nước Á Đông, như là Trung Hoa, người ta rất xem trọng lễ nghĩa. Trung Hoa, thời xưa là một nước theo nền triết lý Khổng Mạnh. Cho đến ngày nay, dù trải qua bao nhiêu biến thiên lịch sử, đổi đời..., nhưng vấn đề lễ nghĩa, họ vẫn còn gìn giữ. Tuy không được như xưa, nhưng họ quyết duy trì, bảo vệ truyền thống tốt đẹp này của họ. Như chúng ta đã biết, lễ nghĩa đối với Nho giáo, được đặt lên hàng đầu.

Dân tộc Việt Nam ngày xưa cũng thế. Vì chịu ảnh hưởng của Nho giáo trải qua nhiều thế kỷ, nên việc lễ nghĩa, dân ta rất coi trọng. Bước đầu vào trường học, một em học sinh phải học lễ nghĩa trước. Bởi thế mới có câu châm ngôn: “tiên học lễ, hậu học văn”. Các cụ ta ngày xưa quan niệm, lễ nghĩa là cội gốc của con người. Người nào thiếu lễ độ trong việc cư xử, không

biết lễ phép kính trên nhường dưới, thì người đó sẽ được các cụ cho đó là thứ thất học, mất dạy.

Đối với trong gia đình, việc lễ nghĩa các cụ rất nghiêm khắc. Mọi người cư xử với nhau phải có tôn ty trật tự. Phải biết kính trọng yêu thương kẻ lớn người nhỏ. Đi phải thưa về phải trình. Mở lời, thì phải dạ thưa. Càng giữ lễ nghĩa chừng nào, thì càng tốt chừng đó. Người nào có giữ gìn lễ độ, thì người đó mới được xã hội kính trọng nể vì. Nhờ thế mà duy trì được nếp sống kỷ cương trong gia đình rất tốt đẹp. Đối với ngoài xã hội cũng thế. Những vị bô lão trong làng, có nhiều kinh nghiệm già dặn trong cuộc sống, rất được mọi người kính trọng. Họ coi những vị đó là những bậc trưởng thượng. Bởi thế mới có câu: “Kính lão đắc thọ”. Nghĩa là phải kính trọng những người già cả sống lâu. Vì xã hội Việt Nam thời xưa, người nào càng sống lâu, thì được người ta càng nể nang, trọng vọng.

Đó là nói theo phong tục xã hội ngoài đời. Còn trong đạo, riêng đạo Phật của chúng ta thì sao? Tất nhiên, việc lễ nghĩa, phép tắc của một vị tăng sĩ phải gìn giữ hơn người đời. Một người mới bước chân vào đạo tập tu theo hạnh người xuất gia, tất nhiên, những vị này phải được học tập rất kỹ về những phép tắc oai nghi. Ngoài những giới luật Sa di, các vị đó còn phải học 24 thiên oai nghi. Oai nghi là dạy những phép tắc lễ độ của một người tu xuất gia. Đây là những phép tắc lễ độ rất lịch sự của người tu. Sự lễ độ của người đời, nếu đem so sánh với những oai nghi phép tắc này, thì thật chẳng có nghĩa lý gì.

Nói dài dòng như thế để chúng ta thấy sự lễ độ của con người thời xưa rất là quan trọng. Dĩ nhiên thời nay, thì sự lễ độ này đã sút giảm đi nhiều. Theo trào lưu văn minh tân tiến của các nước xã hội tây phương, con người phần nhiều đã biến chất. Những cái nét đẹp lễ nghi của thời xưa, như bị phủ mờ. Dù rằng, ngày xưa vẫn đề lễ nghĩa, các cụ quá đặt nặng, thành thử nó quá lễ mễ, rườm rà. Nhưng dù sao, nó cũng là cái nét đẹp hơn một thời của người Á Đông. Chẳng những đẹp thôi, mà nó còn duy trì được nếp sống tôn ty trật tự trong gia đình và ngoài xã hội. Đó là văn hóa cao đẹp của mỗi quốc gia dân tộc.

Ngày nay, dù sống trong những xã hội tây phương, nhưng người Việt Nam chúng ta thuộc thế hệ lớn, họ vẫn còn duy trì truyền thống lễ nghi của một vài tập tục quý giá cao đẹp. Trong khi tiếp xúc xã giao giữa mọi người, không phân biệt màu da sắc tộc, người Việt Nam theo thói quen, họ vẫn giữ lễ độ kính trọng người già nua trọng tuổi. Chẳng những lễ độ đối với người trọng tuổi, mà còn đối với tất cả mọi người. Đây là một nét đẹp truyền thống đáng kính.

Thể hiện lễ độ không có nghĩa là khúm núm, dạ bẩm thưa, mà là thể hiện bằng những cử chỉ hay hành động rất lễ phép. Điều đó, là nói lên sắc thái văn hóa của dân tộc từ ngàn xưa truyền lại. Thế hệ con em của chúng ta, dù chúng chịu ảnh hưởng đời sống của xã hội tây phương rất nhiều, nhưng không vì thế mà chúng lại đánh mất sự lễ độ với mọi người. Nói thế, không có

nghĩa là chúng ta đánh giá rất thấp xã hội tây phương không có lễ độ. Họ là những con người rất lịch sự đó chớ. Họ có nhiều thái độ, cử chỉ nói năng đáng kính lắm. Nhưng mỗi nước có mỗi sắc thái văn hóa, tập tục khác nhau. Đối với những người trọng tuổi già nua, họ rất kính trọng. Điều này, không phải trên lý thuyết, mà họ đã thể hiện ngay trong đời sống hiện thực. Đây cũng là chánh sách giúp đỡ người già của chánh phủ. Tuy nhiên, vấn đề này, nó thuộc về lãnh vực xã hội. Chúng ta không lạm bàn đến.

Trở lại vấn đề, qua lời Phật dạy trên, ta thử tìm hiểu: *Tại sao thường hoan hỷ tôn trọng kính lễ bậc trưởng lão thì được tăng trưởng bốn điều: sống lâu, đẹp đẽ, vui vẻ, khỏe mạnh?* Nói thế, thì ta có thể đặt ngược lại vấn đề: những ai không biết kính trọng bậc trưởng lão, thì họ không sống lâu, đẹp đẽ, vui vẻ, khỏe mạnh sao? Nhưng thực tế, ta thấy, có biết bao nhiêu người, họ không biết kính nể ai, dù đó là cha mẹ hay ông bà họ, chớ chưa nói đến người ngoài, thế nhưng tại sao họ lại hội đủ những điều nói trên? Thế thì, lời Phật dạy trên có còn đúng với xã hội ngày nay không? Nói rõ ra là đã lỗi thời rồi chăng? Chúng ta sẽ nghĩ sao về những vấn đề này?

Đối với những lời Phật dạy, nếu xét về phương diện đối cơ, có đôi khi chúng ta thấy, có những điều không còn phù hợp với thời đại con người ngày nay. Tuy nhiên, trong trường hợp này, xét qua lời Phật dạy, ta thấy thời nào cũng vẫn đúng và có giá trị như thường.

Điều quan trọng mà chúng ta cần chú ý trong pháp cú trên là ba chữ: “Thường hoan hỷ”. Trong cuộc sống hằng ngày, ta thấy người nào luôn luôn hoan hỷ với mọi người, thì đó là người rất vui tánh. Sở dĩ họ hoan hỷ với mọi người là vì trong lòng họ không chứa những độc tố sâu muộn ganh ghét. Họ sống với một tâm hồn hỷ xả cởi mở vui vẻ. Họ không cố chấp bất cứ ai hay việc gì. Gặp ai, họ cũng niềm nở vui tươi. Họ không phải hạ người chỉ biết sống bề ngoài. Họ không bải buôi theo lối xã giao thường tình. Họ là mẫu người đạo đức sống thật lòng. Họ không màu mè làm ra vẻ kiêu cách, lập dị. Do sống thật với lòng, nên họ có quá nhiều hạnh phúc. Họ không bắt bẻ phiền muộn ai, cái gì qua rồi thì thôi, họ không bao giờ để lòng. Do đó, mà họ không cần phải bóp trán suy tư. Đời họ không có để vương bận gút mắc việc gì dù nhỏ hay lớn. Nên họ không có những nếp nhăn nheo trên vàng trán.

Từ một nếp sống hoan hỷ đó, thấy ai, nhìn ai họ cũng cảm kính vui tươi. Vì họ không thuộc hạ người nặng chấp ngã, nên họ rất lễ độ kính trọng mọi người. Đối với kẻ lớn hay người nhỏ, họ cũng đều tỏ thái độ thương kính. Phật dạy, tất cả đều do tâm. Tâm người hoan hỷ, thì nhìn đâu cũng hoan hỷ. Đối với người trọng tuổi, họ còn kính nể, hà tất gì đối với những bậc trưởng lão đức độ. Hai chữ trưởng lão Phật nói ở đây, là nói lên người có đức độ khác hơn người thường. Lòng ta càng kính trọng đối với những bậc này, thì ta càng tăng thêm phước đức.

Phước đức có ra là do ở chỗ ta biết khiêm cung. Mà người luôn khiêm cung là người rất có lễ độ. Do đó, nên bản thân họ không làm mịch lòng ai. Nhờ đó mà họ có một đời sống đạo đức. Điều ta nên nhớ là đừng quên hai chữ “tăng trưởng” của pháp cú trên. Tăng trưởng có nghĩa là cái đã có rồi, chỉ làm cho thêm lớn mạnh hơn lên, chứ không phải cái chưa có mà ta làm cho có. Không phải chúng ta kính trọng bậc trưởng lão rồi thân hình của chúng ta lại biến đổi đẹp đẽ hay sống lâu, khỏe mạnh v.v... Ở đây, Phật dạy chúng ta phải luôn hoan hỷ tôn trọng, kính lễ bậc trưởng lão, tất nhiên là chúng ta sẽ được tăng trưởng phước báo. Bốn điều nói trên là do con người có phước mà có. Đã có rồi, tất nhiên, Phật khuyên bảo chúng ta nên tài bồi thêm cho những điều phước báo đó càng ngày càng thêm lớn. Bốn thứ đó đều do từ tâm hoan hỷ vui vẻ kính trọng mọi người mà ra. Hoan hỷ có ra là do người biết trải rộng tâm lòng yêu thương hỷ xả. Như vậy, người nào có được tâm hồn luôn hoan hỷ với mình và mọi người, thì chắc chắn người đó sẽ được tăng trưởng bốn điều phước báo đó. Và điều này, chúng ta thấy, cũng rất là phù hợp với ngành y khoa. Đối với ngành học này đều khuyên con người nên vui sống, đừng bao giờ chứa chấp những sầu muộn, lo lắng trong lòng. Càng chứa chấp những thứ đó nhiều chừng nào, thì con người càng đau khổ và dễ sanh bệnh nhiều chừng nấy. Bởi chúng là những thứ độc tố tàn hại con người. Do đó, những ai muốn được sống lâu, đẹp đẽ, vui vẻ, khỏe mạnh, thì hãy nhớ và thật hành đúng như lời Phật dạy trong câu pháp cú này.

110. Sống trăm năm mà phá giới, không tu thiền, chẳng bằng chỉ một ngày mà trì giới¹¹⁵, tu thiền định¹¹⁶.

Better it is to live one day virtuous and meditative than to live a hundred years immoral and uncontrolled.

Kệ Tụng
Dâu sống một trăm năm
Phá giới, không thiền định
Không bằng sống một ngày
Trì giới, tu thiền định.

Lược giảng

Đời sống của một đời người, nếu chỉ ước định theo thời gian dài hay ngắn, sống lâu hay chết non, thì sự ước định đó, quả là điều rất nông cạn và vô nghĩa. Giá trị của con người không phải ở thời gian lâu hay mau. Nếu sống lâu mà con người toàn gây tạo những điều ác đức,

¹¹⁵ **Trì giới:** Trì là gìn giữ. Giới là ngăn cấm. Trì giới là giữ gìn những giới luật đã lãnh thọ cho nghiêm mật, không được buông lung.

¹¹⁶ **Thiền Định:** Có 2 nghĩa: 1/ Thiền là dịch âm tiếng Phạn Dhyàna; Định là dịch ý tiếng Phạn Samdhi. Thiền v Định đều là để tâm chuyên chú vào một đối tượng mà đạt tới trạng thái tịch tĩnh, không tán loạn. Hoặc chỉ Thiền là dịch âm từ Dhyàna, Định là dịch ý. Phạn Hán tịnh xưng gọi là Thiền định. Cận chỉ Tứ thiền của ci Sắc giới v Tứ định của ci Vô sắc giới, gộp lại gọi l Tứ thiền bt định. X. *Pháp Hoa kinh, Đề bà đạt đa phẩm*; 2/ Đồng nghĩa với Tọa thiền. *Ngũ gia tham tường yếu lộ môn phụ lục*: “Người tu Thiền định, trước là trải tám bề đoàn, sau đó ngồi kiết gi ngay ngắn”.

lợi mình hại người, thì sự sống lâu đó, chỉ là một họa hại cho hơn loại. Xã hội loài người không thể chấp nhận những hạng người đó. Vì muốn củng cố địa vị quyền lợi danh vọng của mình, mà họ bất chấp mọi thủ đoạn gian ác. Họ sống bất chấp luật pháp. Họ coi luật pháp như là một sự trói buộc. Họ thích sống tự do muốn làm gì thì làm theo ý muốn của họ. Họ luôn gây ra những xáo trộn bất an trong xã hội. Họ làm theo mệnh lệnh dục vọng sai sử. Hạng người này, thì dù cho họ có kéo dài sự sống đến ngàn tuổi thọ đi chăng nữa, thì cũng chỉ gây thêm những ung nhọt độc cho xã hội mà thôi!

Giả sử những con người chuyên gài bom khủng bố giết người, mà họ càng kéo dài sự sống của họ lâu chừng nào, thì thế gian này, càng đại loạn nhiều chừng ấy. Con người cứ mãi sống trong sự phập phồng lo âu sợ hãi. Sống nom nớp lo sợ như thế, thì thử hỏi còn gì là ý nghĩa của sự sống?

Nhìn vào thảm trạng của thế giới bất ổn ngày nay, không biết con người có đủ tỉnh thức để tìm ra nguyên nhân gây ra hay không? Theo Phật giáo, không có một việc làm nào mà không có nguyên nhân. Và cũng không có nguyên nhân nào mà không có kết quả. Nhân và quả là một luật định tự nhiên, như bóng theo hình. Mọi việc xảy ra, nếu mọi người bình tâm suy xét, thì không có việc nào là ngẫu nhiên cả. Lòng người bất ổn vì nhiều lý do ngoại tại và nội tại gây ra. Nhưng điều quan trọng vẫn là nguyên nhân nội tại. Tìm rõ nguyên nhân nội tại, để rồi mọi người tìm phương giải quyết,

và phải thành thật nghiêm trọng giải quyết. Có thể, thì nhơn loại mới mong có cuộc sống an ổn. Bằng không, thì dù cho cả thế giới cùng đứng chung một chiến tuyến với nhau, để chống lại khủng bố, thì việc làm đó, chỉ là chạy chữa trên bề mặt và nhứt thời mà thôi. Và như thế, sẽ không bao giờ tiêu diệt được kẻ thù khủng bố. Vì kẻ thù khủng bố, chính nó lại nằm sâu kín trong lòng của con người. Có người sẽ hỏi, luận cứ vào đâu mà nói như thế?

Bởi vì, như chúng ta đã thấy, trên thế giới, hệ thống an ninh của mỗi quốc gia, cũng như toàn thế giới, đều rất là chặt chẽ. Thế mà, không hiểu tại sao, cứ thỉnh thoảng lại xảy ra những cuộc khủng bố giết chết người hàng loạt. Như thế, thì sự an ninh phòng bị của mỗi quốc gia, lấy gì làm bảo đảm? Và nguyên nhân khủng bố phát xuất từ đâu? Làm sao chặn đứng được? Rõ ràng, sự phòng thủ của mỗi quốc gia, chỉ ở một mức định giới hạn nào đó, và cũng chỉ ở ngoại diện mà thôi. Làm sao họ có đủ năng lực phòng thủ từ trong lòng tham, sân, si sâu kín của mọi người? Ai có đủ năng lực phòng thủ và triệt tiêu mầm mống phát sanh khủng bố này? Chỉ có mỗi người tự trả lời. Và phải trả lời một cách thành thật. Sau khi trả lời, thì cũng tự mỗi người tìm cách giải quyết mà thôi. Cuối cùng, không có một hệ thống an ninh quốc gia nào toàn hảo, dám bảo đảm một cách chắc chắn rằng, sẽ không có khủng bố xảy ra trên quốc gia của họ. Ai dám đứng ra bảo đảm một cách chắn chắn trước quốc dân đồng bào như thế?

Muốn bảo đảm an toàn một cách hữu hiệu, chỉ có một con đường duy nhất, theo Phật giáo, là mỗi người phải tự tu và giữ giới. Giới luật ở đây, không như thiết là phải giữ đúng theo giới luật Phật dạy. Mỗi Tôn giáo đều có giới luật của họ. Và trên hết vẫn là giới luật Nhân bản của mỗi người. Nghĩa là, dù cho người nào đó không có theo một Tôn giáo nào, nhưng chính bản thân họ là một Tôn giáo của đạo làm người. Là con người, đúng theo ý nghĩa của nó, tất nhiên là ta phải sống tròn như cách, phẩm giá của con người. Nếu không, thì không còn là con người nữa.

Pháp cú trên, Phật nhắm thẳng vào việc xây dựng con người và xã hội loài người. Sống lâu mà phá giới, không làm lợi ích cho ai, thì thử hỏi sống lâu để làm gì? Càng sống lâu chỉ thêm chật đất mà thôi. Một sự sống như thế, có khác gì một khúc cây khô bên đường. Chỉ làm cho chướng ngại người đi đường mà thôi.

Điều quan yếu hơn nữa, Phật đề cao những ai biết trì giới và tu thiền, vì có giữ giới tất nhiên là sẽ đem lại sự lợi lạc cho mình và người. Có tu thiền thì tâm ta mới được an tĩnh. Lòng có an tĩnh, thì sự sống mới có giá trị hạnh phúc. Sống có hạnh phúc, dù chỉ một ngày thôi, nó cũng mang lại một sự sống có đầy đủ ý nghĩa. Như người biết thưởng thức giá trị hương vị của món ăn ngon, không cần phải ăn nhiều, mới là thưởng thức. Ăn nhiều, đôi khi chỉ chuốc thêm khổ, chớ chẳng lợi lạc gì. Điều này cũng rất là thực tế. Cho nên, người khéo biết thưởng thức hương vị tuyệt diệu của món ăn, chỉ cần ăn chút ít là đủ. Bởi thế, con người sống và phải biết sống

cho có giá trị của sự sống. Sống như thế, mới thật sự có ý nghĩa, chỉ cần sống thời gian một ngày là đủ. Đây là đứng trên phương diện giá trị của đạo đức mà nói, chứ không phải đứng về mặt thời gian lâu mau. Sống lâu mà như một cục thịt biết đi, thử hỏi sống lâu để làm gì?

Thế giới ngày nay, rất cần đến những con người biết sống yên tĩnh. Muốn có được nếp sống đó, Phật dạy hãy xoay lại nhìn kỹ lại chính mình. Có nhìn lại mình, thì mới tìm ra được nguồn sống an vui hạnh phúc. Bằng không, thì không mong gì thế giới sống trong sự an bình!

111. Sống trăm năm mà thiếu trí tuệ, không tu thiền, không bằng chỉ sống một ngày mà đủ trí tuệ, tu thiền định.

Better it is to live one day wise and meditative than to live a hundred years foolish and uncontrolled.

Kệ Tụng

*Dầu sống một trăm năm
Không tuệ, không thiền định
Không bằng sống một ngày
Có tuệ, tu thiền định.*

Lược giảng

Trong đạo Phật, thiền định và trí tuệ vô cùng quan trọng. Người tu hành muốn tiến đến Phật quả mà thiếu hai pháp tu trọng yếu này, thì không mong gì thành công được. Nhờ có thiền định mà tâm an lạc. Thiền định như một cái phao nổi. Người nào muốn không bị

chết chìm trong biển khổ sanh tử, thì không còn cách nào hơn là phải bám chặt vào cái phao nổi thiên định. Tuy nhiên, có thiên định mà thiếu trí huệ, cũng không được. Theo Đại thừa, trí huệ và thiên định phải được quân bình đồng đẳng với nhau, không trước không sau. Như ngọn đèn và ánh sáng. Nhưng trí huệ, nhà Phật chia ra cũng có nhiều thứ: cạn, sâu, thấp, cao khác nhau.

Lực dụng của trí huệ là để biện biệt chánh tà, phải trái, chân ngụy. Đối với người đời, nếu thiếu trí huệ, thì họ cũng không thể thành công trong nghề nghiệp sinh tồn của họ. Cho nên, trong mọi lãnh vực sinh hoạt, lãnh vực nào cũng cần phải có trí huệ điều khiển. Trí huệ thế gian là do sự tích tụ kinh nghiệm mà có. Nói rõ hơn là nhờ họ học hỏi ở nhà trường cũng như qua sự tiếp xúc ứng xử theo môi trường xã hội. Đáng lý phải gọi là trí thức, chớ không phải là trí huệ. Nhưng vì người đời họ quen gọi như thế. Trí huệ thế gian, tùy theo trình độ học hỏi, tiếp cận kinh nghiệm sự sống mà cũng có sâu cạn, cao thấp khác nhau.

Người nào khéo biết ứng dụng trí huệ vào trong đời sống, thì tương đối, người đó đỡ khổ. Bất cứ việc làm nào, họ cũng dùng trí huệ để cân nhắc lợi hại, thành bại, nên hư, đắc thất v.v... Nhờ sự cân nhắc suy xét kỹ càng, nên việc làm của họ, ít bị thất bại và thường đưa đến có kết quả tốt đẹp hơn. Ngược lại, đối với những người không khéo biết vận dụng trí huệ để suy nghiệm kỹ càng trong những hành động, lời nói, việc làm của mình, thì những người này, kết quả thường bị thất bại,

có đôi khi đưa đến đau khổ ngút ngàn. Thế nên, bất cứ hạng người nào và bất cứ lãnh vực sinh hoạt nào trong xã hội, đối với việc sử dụng trí huệ vào đời sống, thật là thiết yếu. Thiết yếu như hơi thở và mạng sống. Xin nhắc lại, người nào làm việc gì mà thiếu trí huệ soi sáng, thì khó mà được thành công tốt đẹp.

Trong Phật giáo, tùy loại chủng tánh mà có các loại trí huệ sai khác. Như trí huệ của hàng phàm phu, Nhị thừa, Bồ tát và đỉnh cao nhất là trí huệ Phật. Dù phân chia có nhiều loại trí huệ, tùy chủng tánh và trình độ căn cơ sai khác, nhưng tựu trung cũng nhằm tiến đến mục đích giác ngộ giải thoát. Trên đường tiến đến Phật quả, mỗi hành giả đều phải tự trang bị cho mình một thứ trí huệ. Tu hành thiếu trí huệ, thì cũng như kẻ ở trong căn nhà tối. Tệ hại hơn nữa, như là kẻ bị mù mắt. Tuy chưa bị mù mà ở trong nhà tối, thì cũng như mù. Dù đôi mắt của người đó vẫn còn sáng. Cho nên, trí huệ đối với người tu mong cầu thoát ly sanh tử khổ đau, nó quan trọng còn hơn là mạng sống. Vì có trí huệ, mới biện biệt được lẽ chánh, tà, chơn, giả và từ đó mới nhận định đúng chân lý. Có nhận định đúng, hành đúng theo chân lý, thì mới mong thoát khổ. Bằng ngược lại, thì dù cho sống một trăm năm hay hơn, mà tâm hồn ngu si tăm tối, tạo vô số nghiệp quả, đi mãi trong khổ đau, thì thử hỏi sống như thế có nghĩa lý gì?

Nhơn loại đang sống trong ngôi nhà lửa. Một ngôi nhà lửa không chỉ riêng hạn cuộc trên quả địa cầu, mà cả Tam giới. Nhà lửa đang bốc cháy dữ dội. Hằng ngày, có biết bao tiếng kêu la thảm khốc, cầu cứu của nhơn

loại. Dù kêu la trầm thống như thế, nhưng con người vẫn không có ý muốn chạy thoát ra khỏi ngôi nhà lửa. Nhơn loại cam tâm chịu chết cháy. Lửa si mê tham dục càng lúc càng bốc cháy cao ngọn. Một số ít người, dù có ý muốn chạy thoát ra, nhưng vì thiếu ý chí cương quyết và thiếu trí tuệ soi sáng, nên cuối cùng, họ cũng bị thiêu hủy trong ngọn lửa si mê tham dục.

Những ai muốn thoát khỏi ngọn lửa tham dục và thoát ra khỏi ngôi nhà lửa, Phật dạy, chỉ có một con đường duy nhất, đó là thiền định và trí huệ. Trí huệ là ngọn hải đăng có công năng soi sáng và phá tan mọi bóng tối si mê. Người tu, nếu không có ánh sáng của ngọn hải đăng trí huệ này, thì chắc chắn khó được giải thoát. Nhờ có trí huệ mà con người tránh được mọi sai lầm. Nhưng muốn cho cây trí huệ luôn được tốt tươi, thì ta phải trồng nó cắm sâu vào đất thiền định. Thiếu đất thiền định, thì cây trí huệ sẽ không thể nào tươi tốt được.

Cũng như pháp cú trên, Phật cho chúng ta thấy, những ai dù sống lâu đến đâu, nhưng nếu không tu thiền định và trí huệ, thì chỉ là vô ích. Ngược lại, những ai mà biết tu thiền định và trí huệ, thì dù chỉ sống một ngày thôi, cũng là đầy đủ ý nghĩa. Lý do tại sao? Vì Phật không đặt định căn cứ vào thời gian. Vì thời gian không có nghĩa lý gì đối với một người đã đạt đạo. Thời gian có ra, chỉ đối với những ai còn bị dính mắc hai đầu. Nói rõ ra là những người còn quá nhiều tham vọng chấp trước. Còn đối với những người sống được với cái thực thể

chơn thật rồi, thì đó mới thật là sống thực. Và đó mới chính là sống với con người thật của chính mình.

Pháp cú trên, Phật chỉ rõ con đường giác ngộ giải thoát. Con đường Tam vô lậu học: “*Giới, Định, Huệ*”, đó là một đại lộ thênh thang rộng lớn mà bất cứ hành giả nào muốn tiến đến Phật quả, thì không thể nào không đi trên đại lộ đó. Vì không có con đường nào khác hơn. Đó là con đường chư Phật Tổ đã đi qua. Dù hành giả đi qua bất cứ con đường nào khác, nhưng muốn tiến đến cái đích cuối cùng của sự giác ngộ giải thoát, thì nhứt quyết cũng phải đi con đường đó mà thôi.

Tóm lại, pháp cú trên, Phật cảnh giác cho mọi người thức tỉnh về lẽ sống. Sống mà với một tâm trí u mê, như một kẻ lữ hành đi trong đêm tối, thì thử hỏi làm sao tránh khỏi khổ đau sa đọa hàm hố. Sống như thế, dù có kéo dài sự sống đến đâu, cũng chỉ là một cái xác chết ướp khô. Đã thế, thì có chi là giá trị của sự sống. Nếu sự sống chỉ có biết ăn, mặc, ở không thôi, cả đời làm nô lệ cho dục vọng, miệt mài chạy theo nhu cầu vật chất, tâm trí luôn bán loạn điên cuồng, không có một phút giây an lạc, hạnh phúc, thì, than ôi! Càng sống lâu chừng nào, chỉ là một kiếp sống thừa thãi, sa đọa, chìm sâu vào trong bóng tối khổ lụy ngàn đời mà thôi!

112. Sống trăm năm mà giải đãi không tinh tấn, chẳng bằng chỉ sống một ngày mà hăng hái tinh cần.

*Better it is to live one day strenuous and resolute than
to live a hundred years sluggish and dissipated.*

Kệ Tụng

*Dầu sống một trăm năm
Lười nhác, không cố gắng
Chẳng bằng sống một ngày
Hăng hái tận sức mình.*

Lược giảng

Ngoài đời hay trong đạo, đức tánh siêng năng bao giờ cũng rất cần thiết. Trên cõi đời này, ta chưa từng nghe thấy ai cả đời lười biếng không làm gì hết mà họ thành công. Một em học sinh, muốn có được mảnh bằng trong tay, thì ngày đêm phải miệt mài đèn sách. Một bác nông phu, muốn tới mùa thu hoạch cao, thì ngày đêm phải lặn lội vất vả nơi đồng ruộng. Một chị bán hàng muốn có tiền khá, thu lợi nhuận nhiều, thì cũng thức khuya dậy sớm, chạy lo buôn bán. Một khoa học gia, muốn phát minh những máy móc tối tân tinh vi, thì cũng phải ngày đêm giam mình trong bốn bức tường để tâm nghiên cứu không ngừng. Nói tóm lại, trên thế gian này, trăm ngành, vạn nghề, không có một ngành nghề nào, mà người ta không chịu khó bỏ công sức ra mà được thành tựu.

Tuy nhiên, những người siêng năng làm việc này, với mục đích của họ là mong cầu danh lợi. Do lòng tham dục thúc đẩy mà họ phải chịu vất vả. Làm vì muốn được giàu sang, ăn trên ngồi trước hơn người. Cả đời,

họ chỉ biết lam lũ, tận tụy với công việc. Họ cũng thuộc thành phần siêng năng trong xã hội. Những hạng người này, đương nhiên là họ thuộc thành phần tốt trong xã hội. Họ được xã hội kính nể trọng vọng.

Ngược lại, hạng người lười biếng ăn không ngồi rồi, tất nhiên là họ bị xã hội khinh bỉ chê bai. Họ càng sống lâu chừng nào, chỉ tổ làm khổ cho xã hội chừng nấy. Thường những kẻ làm biếng hay lánh nặng tìm nhẹ và chém vè công việc. Kẻ lười biếng, bản thân họ vô bổ, vô ích. Đối với gia đình, họ là một gánh nặng. Hạng người này, ở đâu và thời nào cũng có. Tệ hơn nữa, họ sống kiếm ăn bằng cách trá hình, như họ hóa trang làm một kẻ ăn mặc rách rưới, sống lang thang rày đây mai đó, để đi xin ăn. Thật tế, họ không phải là kẻ tàn tật hay bệnh hoạn. Hạng người này, ta thấy họ hay kiếm sống ở những nơi đô thị đông đúc. Họ đi xin ăn ở những người buôn bán thị thành. Họ lợi dụng lòng tốt của một số người giàu lòng từ tâm thương người.

Nói tóm lại, kẻ lười biếng bao giờ cũng có mưu mô và lý luận của họ. Miễn sao họ sống vinh thân phì gia mà không cực khổ vất vả là được. Họ sử dụng nhiều thủ đoạn mảnh lới để được ấm no. Họ là hạng người không cần đến cung cách nhân phẩm. Đối với hạng người này, những từ ngữ đẹp, đối với họ đều vô nghĩa.

Đó là nói sơ qua hai hạng người thuộc xã hội ngoài đời. Còn đối với người tu trong đạo thì sao? Về người tu, theo đạo Phật đại khái có hai giới: tại gia và xuất gia. Đối với hàng Phật tử tại gia, nếu lười biếng không

siêng năng tu hành thì sao? Câu trả lời đơn giản là họ sẽ không có kết quả tốt đẹp trên đường đạo. Dù họ đã quy y, mệnh danh là Phật tử, nhưng nếu họ không tinh tấn tu hành làm lành, làm phước v.v..., thì bản thân họ hiện tại chẳng những không được lợi ích mà đời sau cũng chẳng có gì. Bởi nhân không gây tạo, thì làm sao có kết quả. Họ không biết hướng thượng tu hành, thì dù là Phật tử, nhưng không khác gì người đời. Cho nên, hai chữ tinh tấn trong nhà Phật nói, nó có nghĩa là phải luôn luôn phát triển hạnh lành. Nói rõ và cụ thể hơn, người Phật tử phải noi theo Tứ chánh cần, là một pháp tu trong 37 phẩm trợ đạo. Trong Tứ chánh cần Phật dạy:

Điều lành chưa phát sanh, thì siêng năng làm cho nó phát sanh. Nếu như nó đã phát sanh, thì nên cố gắng siêng năng làm cho nó phát triển mạnh hơn nữa. Ngược lại, điều ác chưa phát sanh, thì cố gắng siêng năng tu hành đừng cho nó phát sanh. Nếu như nó đã phát sanh, thì hành giả nên siêng năng tinh cần tu các pháp lành để nhằm tiêu diệt nó, không cho nó tăng trưởng.

Đó là bốn pháp chuyên cần tu hành của người Phật tử không phân biệt tại gia hay xuất gia. Đây là phương pháp hướng thiện mà Phật dạy chung cho cả hai giới hành trì. Tuy nhiên, đối với người xuất gia, Phật dạy còn nhiều phương pháp tu cao hơn. Nhưng dù pháp tu nào, Thiền, Tịnh, Luật, Mật... tất cả cũng đều xoáy mạnh vào trung tâm điểm là diệt trừ phiền não. Có siêng năng hành trì tu tập, mới chóng mau diệt trừ hết

phiền não. Hết phiền não, tất sẽ được giải thoát. Ngược lại, thì là một cuộc sống phóng túng buông lung sa đọa. Vì lười biếng là hiện thân của sa đọa. Bởi thế, nên trong Kinh Bát Đại Nhơn Giác Phật dạy: “*Giải đãi trụy lạc, thường hành tinh tấn, phá phiền não ác, tởi phục tứ ma, xuất ám giới ngục*”.

Nghĩa là:

Phật dạy: *Lười biếng sẽ bị đọa lạc, thường tu hành tinh tấn, phá phiền não ác, nhiếp phục bốn loại ma, có thể mới mong ra khỏi cái ngục ám giới.*

Qua đó, cho chúng ta thấy, người xuất gia, nếu lười biếng, tất nhiên là sẽ bị sa đọa, chẳng những ngay trong hiện đời mà còn mãi mãi về sau nữa. Vì người xuất gia với một ý nguyện cao siêu là mong cầu thành tựu Phật quả. Với sự mong cầu tối thượng đó, mà tối ngày lười biếng không siêng năng nỗ lực tu hành, thì thử hỏi sẽ thành cái gì? Chắc chắn là thành ma thì có! Bởi vì không nhiếp phục được bốn ma, thì làm sao ra khỏi ngục tù ám giới?

Tóm lại, qua pháp cú trên, Phật dạy người nào không nỗ lực siêng năng tu hành, để cầu thoát ly sanh tử khổ đau, thì dù cho họ có kéo dài mạng sống hằng sa kiếp đi nữa, thì chỉ đi sâu trong khổ đau mà thôi. Và như thế, thì sự sống thật là vô ích. Đó là kẻ sống suông chết uổng! Sống như thế, mỗi người hãy tự hỏi có thật đáng sống hay không?!

**113. Sống trăm năm mà không thấy pháp vô thường
sinh diệt, không bằng sống chỉ một ngày mà được
thấy pháp sinh diệt vô thường.**

*Better it is to live one day seeing the rise and fall of
things than to live a hundred years without ever seeing
the rise and fall of things.*

Kệ Tụng

*Dẫu sống một trăm năm
Không thấy pháp sinh diệt
Chẳng bằng sống một ngày
Thấy được pháp sinh diệt.*

Lược giảng

Vô thường sinh diệt là một trong Tứ pháp ẩn thuộc hệ giáo lý Nguyên thủy. Tứ pháp ẩn là: *khổ, không, vô thường và vô ngã*. Có thể nói suốt mười hai năm thuyết giáo độ cho hàng Tiểu cơ, Phật chỉ xoay quanh bốn chân lý này. Đây là bốn chân lý mà về sau đã được các nhà kết tập kinh điển Phật giáo liệt vào giáo hệ A Hàm. Bốn chân lý này, thật vô cùng quan trọng cho những ai thật tâm nghiên cứu giáo lý Phật giáo. Chúng là nền tảng cơ bản của hệ Phật giáo Đại thừa sau này. Nói cách khác, các nhà Đại thừa chỉ dựa vào bốn chân lý này mà triển khai rộng ra thêm. Dĩ nhiên, có những điều siêu việt hơn. Nhưng dù diễn dịch dưới hình thức nào, bước đầu nghiên cứu, các nhà Đại thừa không thể bỏ qua.

Nhìn vào vạn hữu vũ trụ, chúng ta thấy không vật nào thoát khỏi bốn quy trình sinh diệt. Đối với các pháp

thuộc hiện tượng vật lý, thì chúng chịu chung một quy luật: *sanh, trụ, dị, diệt*. Đối với những loại khoáng vật như đất, đá...thì chúng có chung một luật định: *thành, trụ, hoại, không*. Đối với con người thì: *sanh, lão, bệnh, tử*. Đối với thời tiết thì chúng cũng có bốn mùa: *xuân, hạ, thu, đông*. Những quy luật thiên nhiên này chi phối và vận hành toàn bộ. Tất cả đều có chung một quy luật: vô thường. Nói đến vô thường, người ta thường chia ra có ba thứ:

1. Hoàn cảnh vô thường.
2. Thân vô thường.
3. Tâm vô thường.

Ba thứ hiện tượng vô thường này, trong các kinh điển, Phật thường nhắc đi nhắc lại rất nhiều. Tại sao Phật thường lặp đi lặp lại như thế? Bởi nó rất quan yếu về mặt tu hành cũng như về mặt cảnh giác thức nhắc con người. Bởi Phật biết rõ, con người rất dễ mau quên. Dù vô thường luôn luôn xảy đến với họ trong từng giây phút. Đối với ngoại cảnh, sự đổi thay dễ thấy nhưt. Dễ thấy, nhưng không phải dễ tỉnh giác. Đối với những ai có căn cơ trình độ nhạy bén, khi họ nhìn vào sự vật như hoa rơi, lá rụng, thì họ liền giác ngộ lý vô thường ngay. Từ sự tỉnh giác đó, họ quyết tìm phương giải thoát. Ngược lại, cũng cùng một cảnh vật đó, nhưng đối với những con người thuộc căn cơ chậm lụt, hay nghiệp chướng sâu dầy, thì họ không một chút tỉnh giác. Họ coi sự chuyển biến đó như không có gì xảy ra.

Nhằm thức nhắc con người luôn nhớ đến lý vô thường để lo tu hành sớm được giải thoát, trong Kinh Bát Đại Nhon Giác, mở đầu có bài kinh, Phật dạy: “*Thế gian vô thường, quốc độ nguy thúy, tứ đại khổ không, ngũ ấm vô ngã, sanh diệt biến dị, hư nguy vô chủ. Tâm thị ác nguyên, hình nhi tội tâu, như thị quán sát, tiệm ly sanh tử*”.

Điều giác ngộ thứ nhất, Phật dạy: “Thế gian này là vô thường, cõi nước dòn bở, là tạm bợ, thân tứ đại là khổ, là không, năm ấm không có cái ta chân thật, sanh diệt đối đời luôn luôn, luống dối không chủ. Tâm là nguồn gốc tội ác, thân là rừng tội lỗi, hằng quán sát như thế, lần lần xa lìa sanh tử”.

Bài kinh này, Phật dạy để thức nhắc cho chúng ta phải hằng để tâm ghi nhớ. Có hằng nhớ đến lẽ vô thường như thế, chúng ta mới nỗ lực huân tu. Có nỗ lực huân tu và thường xuyên quán sát, thì chúng ta mới mong hết khổ.

Kinh Tứ Thập Nhị Chương, trong đó cũng có hai bài Kinh Phật dạy về quán vô thường và vô ngã.

Phật ngôn: *Quán thiên địa niệm phi thường, quán thế giới niệm phi thường, quán linh giác tức Bồ đề, như thị tri thức đặc đạo tột hỷ.*

Phật ngôn: *Đương niệm thân trung tứ đại các tự hữu danh, đô vô ngã giả; ngã ký đô vô, kỳ như huyễn nhi.*

Dịch nghĩa:

Phật dạy: Quán trời đất nghĩ là chẳng phải thường, quán thế giới nghĩ là chẳng phải thường, quán linh giác tức Bồ đề, hiểu biết như thế được mau đắc đạo.

Phật dạy rằng: Phải quán bốn đại trong thân, mỗi đại tự nó có tên, đều không có cái gì là ngã, ngã đã không có thì chúng chỉ như huyễn mà thôi. (Bản dịch của giáo sư Hoàn Quan)

Diễn dịch văn vần:

Dù trời đất bao la rắn chắc
Luật vô thường hữu sắc tức không
Đã do duyên hợp khó mong
Bền lâu vĩnh viễn biến sông đổi đời
Chỉ linh giác đời đời chẳng đổi
Đạo Bồ đề lãnh hội an vui
Đường tu quyết chẳng thoái lui
Viên thành quả giác mới nguôi dạ này
Quán bốn đại thân này giả dối
Mỗi đại kia đều có tên riêng
Suốt thông đạo lý nhân duyên
Huyễn thân vô ngã bền kiên được nào.
(T. Phước Thái)

Qua hai bài kinh trên, Phật dạy chúng ta phải quán lý vô thường từ thô đến tế. Thô, thì rộng lớn như trời đất bao la, tất cả cũng đều biến hoại. Tế, thì thân và tâm, tất cả đều vô thường huyễn hóa, chúng thay đổi từng sát na. Tất cả như giòng nước chảy trôi, luôn luôn biến dịch không ngừng. Tuy nhiên, Phật dạy chúng ta phải tế tâm quán sát trong cái vô thường có cái không vô

thường, chính đó là linh giác hay bản tâm chân thật của ta.

Pháp cú trên, Phật dạy, nếu chúng ta nhận được cái lý vô thường sanh diệt của vạn vật như thế, thì không uổng một kiếp sống, dù chỉ sống thời gian rất ngắn một ngày thôi. Tại sao thế? Bởi trong Kinh Phật thường dạy, người nào thấy được pháp sanh diệt là thấy được Đạo. Tức là đã nhận ra được pháp bất sanh bất diệt. Đã thế, thì sự sống chết, còn mất, đối với người đã nhận ra được lẽ thật (Niết bàn) thì đối với họ thực sự có nghĩa lý gì đâu! Vì họ đã nhận ra được trong cái vô thường có cái “chơn thường”, như thế, thì còn gì là ước định thời gian lâu hay mau! Đó là đã thể nhận được “Cành mai” không rụng trước cảnh mùa xuân thiên nhiên của đất trời, dù tất cả hoa lá đều rơi rụng. Đó là “cành mai bất hoại” của ngài Mãn Giác Thiền Sư và cũng là của tất cả chúng ta. Vì ai cũng có sẵn cành mai đó. Được thế, thì còn gì phải luận bàn đến thời gian và sự sống nữa chớ!

*“Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận
Đình tiền tạc dạ Nhứt chi mai”.*

114. Sống trăm năm mà không thấy đạo tịch tịnh vô vi, chẳng bằng sống chỉ một ngày mà thấy đạo vô vi tịch tịnh.

Better it is to live one day seeing the Deathless than to live a hundred years without ever seeing the Deathless.

*Kệ Tụng
Dầu sống một trăm năm*

*Không thấy pháp bất tử
Chẳng bằng sống một ngày
Thấy được pháp bất tử.*

Lược giảng

Vô vi tịch tịnh là tên khác của Niết bàn. Trong bài kệ, thì gọi là pháp Bất tử. Pháp bất tử là pháp bất sanh bất diệt. Chỗ khác gọi là con người bất tử. Tức là con người không còn sanh diệt, biến đổi trong thế giới hiện tượng vô thường. Niết bàn là cảnh giới an lạc. Cảnh giới này vượt ngoài thời gian và không gian. Đây là cảnh giới mà bất cứ người tu hành nào cũng mong cầu đạt đến. Trong kinh có chia ra hai loại Niết bàn: Tiểu thừa và Đại thừa. Niết bàn của Tiểu thừa gồm có hai loại: Hữu dư y và vô dư y. Niết bàn của Đại thừa cũng có hai loại: Vô trụ xứ và Tụ tánh thanh tịnh. Niết bàn của Tiểu thừa là Niết bàn của A la hán. Niết bàn của Đại thừa gồm có Niết bàn của Bồ tát và của Phật. Tụ tánh thanh tịnh Niết bàn là Niết bàn của Phật. Đạt đến Niết bàn của Phật mới là quả vị cứu cánh. Còn quả vị Niết bàn A la hán, tuy cũng thoát khỏi vòng sanh tử, nhưng chưa phải là quả vị rốt ráo. Đó chỉ là hóa thành dụ như trong Kinh Pháp Hoa nói mà thôi.

Người tu cần phải đạt cho kỳ được quả vị Phật. Đó là mục tiêu cuối cùng mà các hành giả Đại thừa đều nhắm tới. Muốn đạt đến quả vị Phật, tất nhiên hành giả phải trải qua nhiều khó khăn, chướng ngại, thử thách. Nhưng, nếu đã tu mà không nếm được mùi vị an lạc giải thoát, thì chúng ta chưa phải thật sự tu. Đó là điều quả quyết như thế.

Pháp cú trên, Phật muốn so sánh cho chúng ta thấy giữa hai thế giới trầm luân và giải thoát. Con người dù sống một trăm năm hay hơn thế nữa, mà không có những giây phút an lạc hạnh phúc, thì thử hỏi đời sống đó như thế nào? Có phải là một cuộc sống đồng nghĩa với khổ đau không? Tuy nhiên, muốn có được một đời sống an lạc, không phải tự nhiên có được. Tất nhiên, hành giả phải diệt trừ những nguyên nhân gây ra khổ đau. Có tìm ra được nguyên nhân và rồi tiêu diệt chúng, thì bây giờ có được hạnh phúc an lạc.

Nhân lời dạy này của Phật, mỗi người chúng ta hãy thành thật nhìn lại mình thật kỹ, xem mình thật sự có được hạnh phúc an lạc chưa? Và sự an lạc hạnh phúc đó, nếu có, thì thời gian được bao lâu? Nên nhớ là an lạc thực sự, nghĩa là tâm ta không còn có chút phiền não nào dấy khởi. Giống như mặt nước phẳng lì không một gợn sóng lẫn tẩn. Trong một ngày, nếu chúng ta thật sự có được những phút giây đó, thì ta mới nhận ra được giá trị đích thực của sự sống. Và mới nhận ra được sự quý giá của lời Phật dạy đây. Còn bằng không, chỉ là đọc suông vô ích. Chúng ta hãy cố gắng thực tập cho mình có những phút giây yên tĩnh và chánh niệm. Chúng ta đừng sống hoạt động như cái máy nữa. Chúng ta nên tập và giữ chánh niệm từng hơi thở. Sau khi nắm vững được hơi thở và giữ vững được chánh niệm trong mỗi hơi thở ra vào, từ đó, chúng ta mới tập qua những bước đi và hành động. Nghiệm lại thật kỹ, đời sống của mỗi chúng ta, từ trẻ đến già, chúng ta chưa thực sự có được những giây phút sống thực cho

mình. Chúng ta chưa hoàn toàn làm chủ lấy mình. Chúng ta sinh hoạt trong sự loạn động của tâm thức sai sử. Chúng ta luôn luôn mất mình. Chúng ta làm việc trong sự quay cuồng, vọng động và buồn chán. Chúng ta đi tìm lạc thú trong công việc. Đó là một cách chạy trốn với chính mình. Vì mình không dám nhìn thẳng vào chính mình. Chúng ta hãy bình tâm mà nhận xét, từng phút giây, chúng ta đã bị đồng hóa theo công việc. Thậm chí, những lúc rỗi rảnh, chúng ta ngồi chơi một mình, tưởng chừng như mình sống lại cho mình, kỳ thật mình vẫn sống theo ngoại cảnh. Đến lúc ngồi yên tu, những pháp trần vẫn luôn khuấy động ta. Chúng ta luôn luôn làm cho ta bất an.

Có thiền quán sâu sắc, chúng ta mới thấy cuộc sống của chúng ta thật sự là vô nghĩa. Sống cứ quay lẩn theo vòng danh lợi, theo vọng chấp duyên trần, không một phút giây yên tĩnh và sống thực, sống như thế, thì có gì là ý nghĩa của sự sống ? Cả nhơn loại ngày nay, từ sinh chí tử, đều sống như thế. Chỉ trừ một số ít người, nhận ra được đâu là giá trị đích thực của sự sống và đâu là con đường giải thoát. Sau khi họ ý thức và nhận ra, họ quyết chí tìm phương cỡi trói và nhờ thế họ mới đến được đầu nguồn của sự sống. Đến đó, chỉ họ tự biết họ mà thôi. Đúng với câu: *“như nhơn ẩm thủy, lãnh nóng tự biết”*. Nghĩa là: *như người uống nước, lạnh nóng tự biết*. Và chừng đó, mới thấy được nguồn hạnh phúc an lạc mà cả trần gian này thật khó tìm.

115. Sống trăm năm mà không thấy pháp tối thượng, chẳng bằng sống chỉ một ngày mà thấy pháp tối thượng.

Better it is to live one day seeing the Supreme Truth than to live a hundred years without ever seeing the Supreme Truth.

Kệ tụng

*Dù sống một trăm năm
Không thấy pháp tối thượng
Chẳng bằng sống một ngày
Thấy được pháp tối thượng.*

Lược giảng

Pháp thế gian chỉ là pháp đối đãi sanh diệt. Mọi hiện tượng đều nằm trong phạm trù duyên sinh. Đã do duyên sinh hình thành, thì tất cả chỉ là giả tướng. Sống cả đời chỉ chạy theo hiện tượng, khác nào như một kẻ đùa giỡn bắt bóng. Như một người nhắm mắt, nhìn trong hư không thấy hoa đốm lăng xăng, họ cho là thật có hoa đốm. Họ không biết rằng, hoa đốm có ra là do họ bị bệnh nhắm mắt. Cũng thế, mọi hiện tượng ở đời, giống như hoa đốm. Vì mê, nên chúng ta tưởng là thật. Khác nào chúng ta nằm mộng. Do ngủ mê nên thấy những cảnh buồn vui xảy ra trong giấc ngủ. Đang lúc còn mộng, làm sao ta biết đó là mộng? Sau khi thức giấc, bấy giờ, ta mới biết cảnh đó là mộng. Cũng thế, hiện tại, chúng ta là những người đang sống trong mộng. Không phải là mộng nhỏ mà là trường kiếp đại mộng. Phật nói, tất cả chúng sanh đang sống trong mê mộng là thế. Đã sống trong mộng, thì mọi hoạt động của ta cũng đều là mộng cả. Từ ngoại cảnh cho đến thân tâm ta đều là mộng. Biết là mộng, nhưng thực tế

chúng ta chưa thực sự tỉnh thức. Có tỉnh thức chẳng, cũng chỉ là tỉnh thức từng chập, từng cơn. Nghĩa là hốt tỉnh, hốt mê. Được hốt tỉnh hốt mê cũng là khá. Có người suốt cả đời sống trong mê muội mà họ không hay biết. Họ không có một phút giây nào tỉnh thức. Họ cho tất cả đều là thật. Từ đó, họ tạo không biết bao nhiêu nghiệp ác, để rồi lãnh lấy mọi hậu quả khổ đau.

Pháp cú trên, Phật nói pháp “tối thượng” là pháp chân thật. Pháp này là tên khác của “bản thể” hay “bản tâm” của mỗi chúng ta. Pháp tối thượng là pháp không sanh diệt; là pháp thường trụ bất biến; là pháp mà chư Phật đã chứng và tất cả chúng ta đều sẵn có. Chúng sanh và chư Phật đều có giống nhau không sai khác. Chỉ sai khác là chư Phật tròn chứng, tức sạch hết vô minh phiền não. Ngược lại, chúng ta cũng sẵn có đó, nhưng vì mê mờ không nhận ra. Khác nào, Phật cùng chúng ta sẵn có chất vàng ròng. Thể chất của vàng thì giống nhau không khác. Nhưng chỉ khác là một cái đã hoàn toàn trong sạch và ra khỏi quặng, còn một cái thì còn đang ở trong quặng. Quặng như là dụ cho vô minh phiền não. Chất vàng ròng là dụ cho Phật tánh. Chúng ta sẵn có Phật tánh sáng suốt đồng với Phật, nhưng vì bị vô minh phiền não che phủ quá sâu dày, nên Phật tánh chúng ta tuy có đó, nhưng không hiển lộ được. Ngược lại, Phật thì hoàn toàn giác ngộ, như vàng hết quặng như. Nhà Phật gọi là: *Như lai tại triền và Như lai xuất triền.*

Muốn cho chất vàng ròng hiển lộ, tất nhiên, mỗi ngày chúng ta phải gia công lau chùi bụi bặm. Sự gia công

lau chùi đó, tức là mỗi người tinh tấn tu hành diệt trừ phiền não. Muốn diệt trừ phiền não cho có hiệu quả, tất nhiên, ta phải biện biệt biết rõ chân giả. Phải dùng trí huệ nhận rõ các pháp chỉ là giả tướng. Chúng chỉ là những cái bóng trong gương. Lâu nay, chúng ta nhận lầm bóng mà quên gương. Bây giờ, chúng ta y theo lời Phật dạy, dùng trí bát nhã quán chiếu cho thật rõ, nên bỏ bóng nhận gương. Tức không còn lầm chấp vọng tưởng cho là thật mình nữa. Đối với các pháp hiện đời cũng thế. Tất cả đều không thật, chỉ là ảo ảnh phù du mà thôi. Chúng ta phải dùng trí tuệ bát nhã thể nhận như thế. Lâu nay, sở dĩ chúng ta bị đau khổ triền miên là bởi do nhận lầm các pháp giả mà cho là thật. Từ đó, khởi sanh biết bao vọng chấp, tạo nghiệp. Ngày nay, nghe theo lời Phật, Tổ chỉ dạy, ta kiên quyết không còn nhận lầm nữa. Đã từ lâu, ta đã bị giấc vô minh đồng hóa. Nay, khi nhận diện ra chúng, quyết không để chúng lừa ta nữa. Người nào hằng sống được như thế, tức nhận ra được pháp tối thượng.

Một khi đã nhận được pháp tối thượng rồi, thì hành giả sẽ không còn đau khổ nữa. Khác nào mắt của hành giả đã được chữa trị lành mạnh trong sáng trở lại. Chùng đó, không còn nổi vui mừng hạnh phúc nào hơn. Bây giờ, hành giả sẽ không còn thấy hoa đóm lãng xãng như trước kia nữa. Mà hành giả sẽ thấy cả một bầu trời trong tạnh. Trước mắt hành giả là bầu trời xanh bao la. Bao nhiêu cảnh đẹp phơi bày trước mắt. Núi là núi, sông là sông. Mọi hiện tượng là như thế. Hành giả đến đây rồi, thì chỉ có mây trắng và trời xanh mà thôi.

IX. Phẩm Ác **(Pàpavagga)**

**116. Hãy gấp rút làm lành, chế chỉ tâm tội ác. Hễ
biếng nhác làm lành giờ nào thì tâm liền ưa chuyện
ác chùng ấy.**

Hasten to do good; restrain your mind from evil.

He who is slow in doing good, his mind delights in evil.

Kệ tụng
Hãy gấp rút làm điều lành
Ngăn tâm làm điều ác
Ai chậm làm việc lành
Ắt tâm ưa việc ác.

Lược giảng

Thiện và ác là hai phạm trù đối nghịch. Hễ có cái này thì không có cái kia. Đối nghịch như sáng và tối. Tuy chúng đối nghịch nhau như thế, nhưng cả hai đều phát xuất từ tâm. Như hiện tượng sáng và tối có ra cũng từ hư không mà có. Tâm, thì có tâm thiện và tâm ác. Các nhà Duy Thức phân tích tâm lý con người, họ chia chẻ ra tâm sở ác nhiều hơn tâm sở thiện. Những tâm sở thiện ác này, chúng thuộc quyền sở hữu của tâm vương. Vì là những kẻ tùy tùng, nên tâm vương có quyền ra lệnh sai sử chúng.

Vì trong tâm mỗi người ác nhiều hơn thiện, nên khi hiện hành ra bên ngoài, thì đương nhiên ác phải nhiều hơn. Bởi thế, nên không lạ gì, chúng ta thường thấy xã hội loài người có nhiều nổi loạn, chiến tranh. Con người tạo ra những điều bất thiện, từ nơi ba nghiệp: thân, miệng và ý. Trong ba nghiệp này là do ý nghiệp chủ động. Tạo nghiệp lành hay nghiệp dữ đều do Ý thức sai sử. Công năng của ý là suy tư tính toán lợi hại. Nó suy nghĩ điều lành thì ít, mà suy nghĩ điều ác thì nhiều. Do nghĩ ác, nên nó sai sử thân làm ác và miệng nói ác. Từ đó, gây ra không biết bao nhiêu điều thảm họa cho nơn loại.

Việc làm lành đối với con người thật khó khăn. Khó khăn như người trèo lên dốc núi cao. Ngược lại, làm ác thì rất dễ dàng như từ trên núi cao tuột xuống. Cho nên sách Nho có câu: “*Tòng thiện như đặng, tòng ác như băng*”. Nghĩa là: « *Làm theo điều lành như trèo lên cao, làm theo điều ác như tuột xuống dốc* ». Xưa nay, trong xã hội loài người, ta thấy những người hiền từ ít hơn những người hung dữ. Do đó, mà xã hội luôn xảy ra nhiều bất ổn. Thành phần tạo loạn nhiều hơn thành phần xây dựng. Kẻ xấu lúc nào cũng nhiều hơn kẻ tốt. Họ kết bè lập phái phá rối trật tự an ninh thường xuyên như cơm bữa. Tạo ác cũng có nhiều hạng trong xã hội. Nhưng dù hạng nào, cũng gây ra những xáo trộn bất an cho xã hội. Thế nên, bao lâu con người còn nghĩ ác, làm ác, thì bấy lâu con người vẫn còn phải chịu nhiều đau khổ.

Muốn giảm bớt khổ đau, không gì hơn, con người phải mau mau hướng thiện làm lành. Đồng loại không biết yêu thương tương trợ cho nhau, thì thử hỏi làm sao mọi người có thể vươn lên để sinh tồn? Muốn sinh tồn con người cần phải làm lành nhiều hơn.

Pháp cú trên, Phật dạy: *Hãy gấp rút làm lành, chớ chỉ tâm tội ác*. Thời đại của Phật, dù sao, tâm ác của con người chắc hẳn không đến nỗi như hiện nay. Chúng mình là có nhiều người tu chứng. Những người có thiện duyên gặp Phật, được Phật giáo hóa, không bao lâu, họ đã tu hành chứng quả. Họ chuyển đổi tâm thức rất nhanh. Chuyển mê khai ngộ rất lạ. Chúng tỏ lòng

lành của họ nhiều hơn ác. Thiện căn của họ rất sâu dày. Điều này, đọc sử Phật giáo chúng ta thấy rõ như thế. Thế mà, Phật còn khuyên bảo phải gấp rút làm lành.

Nhìn lại, xã hội loài người hiện nay ra sao? Ác tâm của con người gia tăng cực độ. Mặc dù bên họ vẫn còn có mặt các Tôn giáo. Nhưng khổ nổi, không phải Tôn giáo nào cũng tốt hết. Nếu tốt hết, thì làm gì có xảy ra những cuộc thánh chiến. Trong quá khứ, lịch sử Tôn giáo cũng đã chứng minh cho chúng ta thấy như thế. Dù bản chất của Tôn giáo là thánh thiện. Nhưng, những kẻ chủ trương và thừa hành Tôn giáo lại bất thiện. Do đó, họ hành động ngược lại. Họ nhân danh Tôn giáo để tàn sát lẫn nhau. Thế thì, tin vào ai đây? Tin vào tâm mình chăng? Phật dạy, tâm mình không thể tin được. Khi nào chúng quả A la hán mới có thể tự tin vì A la hán đã dứt hết phiền não. Niềm tin, nếu đặt không đúng chỗ, cũng rất là tai hại, nguy hiểm. Chỉ còn có một con đường duy nhất, là tin ở nơi Phật, Bồ tát và A la hán. Những bậc này đã giác ngộ giải thoát. Phật là một bậc cho chúng ta đáng tin hơn cả. Tin ở nơi Phật, thì phải cố gắng làm theo những lời Phật dạy. Có hành trì đúng theo lời Phật dạy, thì chúng ta mới mong hết khổ.

Phật dạy: *con người hãy gấp rút làm lành*. Không cho những điều ác phát sanh. Nếu điều ác đã lỡ phát sanh, thì ta nên tìm cách tiêu diệt chúng. Ta hãy nhìn sâu vào tâm thức để chuyển đổi từng tâm niệm. Nghĩ lành, làm lành, đó là con đường thẳng hoa thánh thiện. Không có con đường nào khác hơn, nếu con người muốn hết khổ.

Nếu như mọi người, ai cũng tỉnh giác tu hành, thì lo gì thế giới này không được an bình.

Phật dạy: *Hễ biếng nhác làm lành giờ nào thì tâm liền ưa chuyện ác giờ ấy*. Sách Nho có câu: “*Nhàn cư vi bất thiện*”. Con người nhàn rồi hay làm những việc bất lương. Đây là một tâm lý không thể chối cãi được. Bạn rộn lu bu với công việc, không còn thời giờ nghĩ đến hay làm những việc sai quấy. Đó là một hiện thực. Có người nói làm công việc bận rộn khó tu. Lời nói này, nếu đứng về phương diện ứng dụng tu theo thời khóa tụng niệm, thì đúng. Còn đứng về phương diện ứng dụng tu giữ chánh niệm hay niệm Phật theo công việc làm, nói thế thì không đúng. Nếu vì bận rộn công việc không tu được, thì tại sao các vị vua chúa họ tu thành công. Thử hỏi công việc của chúng ta có bận rộn bằng các vị đó hay không? Họ bận rộn làm việc cả ngày lẫn đêm. Một ông vua phải giải quyết biết bao nhiêu công việc triều chánh, như trường hợp vua Trần Thái Tông chẳng hạn. Thế mà, khi Ngài khéo biết ứng dụng tu thiền trong mọi việc làm, kết quả Ngài đã được thành công. Đó là nói, khéo biết ứng dụng tu trong khi làm. Như thế, cũng vừa lợi mình và cũng vừa lợi người.

Ở đây, Phật khuyên con người ngoài việc tự tu ra, cần nên siêng năng làm những việc lành. Nhờ siêng năng làm việc giúp ích cho người, chúng ta mới có một niềm vui. Chính niềm vui đó là nguồn động lực thúc đẩy chúng ta tạo nhiều thiện nghiệp hơn nữa.

Bởi thế, chúng ta thấy những người phát tâm làm việc thiện nguyện, họ đều có một niềm vui nhẹ nhàng trong tâm thức của họ. Chúng ta thấy đa số người Tây phương, họ rất hăng say làm việc từ thiện. Họ thích phục vụ làm lợi ích cho xã hội, họ không ích kỷ. Dù họ không biết bố thí là gì. Nhưng, họ có tấm lòng yêu thương người. Họ trải rộng lòng bác ái ra. Lắm khi, chúng ta nói nhiều việc bố thí thương người, nhưng gặp việc thì chúng ta lại không bằng họ. Có khi nào chúng ta chịu khó đến từng nhà gõ cửa để xin từng đồng từng cắc của những người có tấm lòng tốt không? Không phải người nào cũng có tấm lòng tốt hết. Đến gõ cửa gặp người lịch sự không nói chi, nếu gặp người mất lịch sự, thì sao? Có buồn giận họ không? Việc này chúng ta có làm được không? Thế mà, người Tây phương thỉnh thoảng ta thấy có một số người họ tình nguyện làm việc này. Họ đến từng nhà xin, ai cho cũng tốt mà không cho cũng không sao. Cho hay không, họ vẫn tỏ thái độ vui vẻ, không tỏ thái độ bực bội khó chịu.

Có người, như là thanh thiếu niên nam nữ trẻ tuổi, họ cầm lon đứng xin tiền ở các nơi công lộ. Đến ngã tư, đèn xanh đèn đỏ, xe ngừng lại, họ cầm lon đến từng chiếc xe một, ai có từ tâm thì cho, không có thì thôi. Cứ thế mà họ đứng ngoài trời, có khi giữa trưa trời nóng đỏ lửa, hay có khi trời lạnh như cắt. Thế mà, họ vẫn vui vẻ tươi cười với công việc. Thật đây là một việc làm thiện nguyện đáng kính và một nghĩa cử đáng phục.

Thử hỏi, chúng ta có làm được việc này như họ không? Chúng ta hãy thử trả lời thành thật với chính mình. Đây là hạnh làm lành tuy nhỏ, mà không phải dễ làm. Điều này là một sự thực. Xã hội rất cần những hạng người như thế, nhưng rất tiếc, những hạng người như thế không nhiều. Nếu số người này càng tăng nhiều chừng nào, thì xã hội loài người chắc chắn là sẽ giảm bớt khổ đau nhiều chừng đó. Hơn ai hết, họ ý thức cảm thông được nỗi khổ của con người. Vì họ là con người, một con người có đầy đủ chất liệu tình người. Họ cảm thông những điều bất hạnh của con người, cho nên, họ cố gắng làm lành. Cả đời, họ làm lành mà họ không bao giờ thấy đủ. Quả đúng như sách Nho nói: “*Chung thân hành thiện, thiện dư bất túc, nhứt nhứt hành ác, ác tỵ hữu dư*”. Câu này có nghĩa là: “*Trọn đời làm lành, điều lành chưa đủ, một ngày làm ác, ác tỵ có thừa*”. Người xưa nói: “*Chớ thấy điều ác nhỏ mà làm, chớ nên thấy điều thiện nhỏ mà không làm*”. Nước nhỏ từng giọt lâu ngày cũng đầy lu. Đó là điều mà mỗi người chúng ta nên nhớ và cố gắng thực hiện. Có thế, thì xã hội mỗi ngày mỗi tốt đẹp hơn lên.

117. Nếu đã lỡ làm ác, chớ tiếp tục làm thêm, chớ vui làm việc ác. Hễ chứa ác nhứt định thọ khổ.

.Should a person commit evil, let him not do it again and again.

Let him not find pleasure therein, for painful is the accumulation of evil.

Kệ Tụng

*Người lo làm điều ác
Chớ tiếp tục theo làm*

*Chớ vui trong điều ác
Chứa ác, tất thọ khổ.*

Lược giảng

Hành động tạo ác là hành động bất an ổn cho mình và người. Một khi đã lỡ làm ác, thì lòng bối rối, ray rức, hối hận không vui. Nếu tạo ác vì vô tình, thì lòng không mấy gì ân hận lắm. Ngược lại, một hành động cố tâm gây tạo, thì đó là một trọng tội. Tội càng nặng, thì cõi lòng càng đau khổ luôn bất an. Kéo dài cuộc sống đau khổ, thì có khác nào sống trong cảnh địa ngục. Chính vì hiểu thấu tâm trạng đau khổ này, nên trong nhà Phật, Phật chế ra có nhiều loại giới luật. Mục đích của giới là : « phòng phi chí ác ». Nghĩa là ngăn ngừa những hành vi xấu ác.

Bản chất của con người, thích làm ác hơn làm lành. Vì căn bản phiền não của con người nhiều và nặng. Do đó mà con người mãi tạo ác. Muốn ngăn chặn phần nào trong việc tạo ác này, nên Phật chế ra giới luật. Tùy theo căn tánh của mỗi người mà nhận giữ những giới luật khác nhau. Phải phù hợp với khả năng và hoàn cảnh của mình đang sống.

Nhờ có giới luật, nên ngăn chặn bớt những nghiệp ác của con người. Ở đây, Phật dạy : « nếu ai đó đã lỡ làm ác, chớ tiếp tục làm thêm ». Vì càng gây thêm, thì càng lún sâu vào tội lỗi. Như thế, thì con người chỉ chuốc thêm họa hại cho mình mà thôi. Một người vì lòng tham lam, cướp giựt đồ đạc của người khác, có thể lần đầu, anh ta không bị luật pháp truy nã bắt được.

Nhưng, hành động của anh đã có bản án rồi. Anh đã có tên trong sổ bìa đen rồi. Nếu anh ăn quen tiếp tục gây tạo nữa, thì chắc chắn những lần sau, anh khó mà thoát khỏi được. Vì « *chơi dao sẽ có ngày bị đứt tay* ». Hay « *đi đêm có ngày sẽ gặp ma* ». Đó là những câu nói của người xưa. Lời nói này, phát xuất từ kinh nghiệm thực tế của người xưa. Túi khôn của loài người dạy ta như thế.

Anh có thể thoát được luật pháp thế gian, nhưng còn luật nhân quả thì sao ? Hẳn là luật nhân quả khó mà dung tha anh. Làm lành hay làm dữ cuối cùng rồi cũng phải trả. Luật nhân quả rất công bằng là ở chỗ đó. Nếu gây nhân mà không có quả, thì thế gian này sẽ trở thành đại loạn mất rồi ! Nghĩa là không còn là xã hội loài người nữa. Mọi người sẽ sống trong sự hỗn loạn đảo điên. Và rồi, con người không biết sẽ đi về đâu ?!!!

Nếu ai vì một phút giây mê muội, không kềm chế được lòng dục vọng sai sử, mà tạo ra nghiệp ác, thì Phật khuyên, nên hồi tâm cải hối và không nên tiếp tục làm ác. Có người, khi bước vào con đường tội ác, có đôi khi, họ cũng muốn hồi đầu thoát ra, nhưng cũng thật khó khăn. Khó khăn vì chung quanh họ còn có nhiều áp lực. Đó là nói những người còn có chút lương tâm phục thiện. Bởi những người này, bước đầu vì một hoàn cảnh lý do nào đó, nên họ mới sa chân mắc bẫy vào trong một tổ chức tội ác. Thật ra, lúc đầu, họ không phải là hạng người có tâm độc ác. Thực trạng này, ta thấy xảy ra rất nhiều trong xã hội.

Ngược lại, có người đã lỡ tạo ác, thì họ cho lỡ luôn. Họ không bao giờ dừng lại. Hạng người này, họ không có tâm phục thiện. Họ chủ trương đã làm thì làm tới nơi, để chứng tỏ cho mọi người thấy họ là anh hùng, một con người gan dạ không sợ chết. Họ bảo, dừng lại cũng chết. Đã lỡ phóng lau, thì phải theo lau. Họ cho rằng, đã leo lên lưng cọp rồi, thì không thể tuột xuống. Hạng người này, họ không có tâm cải hối. Họ thuộc hạng người cố chấp và cứng đầu. Họ coi việc làm ác, gây rối rắm, bất an cho xã hội, là một hành động thích thú, vì họ đã trả được mối thâm thù xã hội. Họ thù ghét xã hội vì họ bị đối xử bất công v.v... Nghĩa là, đối với hạng người này, họ có nhiều lý do viển vông để biện hộ cho việc làm của họ. Họ là hạng người thích vui làm ác. Nhưng họ quên rằng luật pháp khó dung tha họ. Lương tâm họ cũng không dung tha họ. Và luật nhân quả cũng không quên họ. Đã gây nhân ác rồi, trước sau mau chậm gì cũng phải bị trả quả mà thôi. Không một ai có tài cao bay xa chạy mà thoát khỏi. Nên nhớ câu : « *Thiên võng khôi khôi sơ nhi bất lậu* ». Nghĩa là, lưới trời lồng lộng chớ không lọt một ai. Điều này, hẳn mọi người đều biết rõ. Bởi vậy, trong câu Pháp cú trên Phật dạy : « **Hễ chứa ác nhất định thọ khổ** ».

Trong Kinh Phật dạy :

*Giả sử bá thiên kiếp
Sở tác nghiệp bất vong
Nhơn duyên hội ngộ thời
Quả báo hoàn tỵ thọ.*

Nghĩa là :

Dù cho trải qua trăm ngàn kiếp

*Chỗ tạo nghiệp không bao giờ mất
Một khi thời tiết nhân duyên đã đến
Thì quả báo phải tự thọ lấy mà thôi.*

Xin mọi người khắc ghi sâu đậm lời dạy này. Có nhớ đến luật nhân quả như thế, thì con người mới bớt gây thêm tội ác. Chẳng những không gây tội ác, mà con người còn làm những điều phúc thiện. Nếu mọi người nghĩ lành và làm lành, tùy theo khả năng và hoàn cảnh của mình, thì không những bản thân mình được lợi lạc an vui mà những người khác cũng được an vui như mình. Được thế, thì con người sống trong một cộng nghiệp an ổn hài hòa và hướng thiện. Đó là niềm ước vọng chung của nhơn loại. Mong sao mọi người, bất luận thành phần nào trong xã hội, nếu ai cũng làm theo những điều Phật dạy trên đây, thì chắc chắn mọi người sẽ chấm dứt khổ đau và cùng nhau sống trong sự an vui hạnh phúc. Thật là tốt đẹp biết bao ! Nhưng biết đến bao giờ kỳ vọng này mới mong đạt được ? !

118. Nếu đã làm việc lành, hãy nên tiếp làm mãi, nên vui làm việc lành. Hễ chứa lành nhưt định thọ lạc.

Should a person do good, let him do it again and again. Let him find pleasure therein, for blissful is the accumulation of good.

*Kệ tụng
Người đã làm điều thiện
Nên tiếp tục mà làm*

*An vui trong điều thiện
Chứa thiện, tất an lạc.*

Lược giảng

Pháp cú này, Phật dạy ngược lại pháp cú trên. Phật khuyên bảo những ai đã làm lành, chớ nên bỏ cuộc, mà hãy tiếp tục làm mãi. Có người lúc đầu hăng say làm việc thiện, nhưng khi gặp một vài nghịch cảnh chướng duyên thử thách nào đó, thì họ liền thôi thất đạo tâm và bỏ cuộc. Khi mới phát tâm, họ phát tâm rất mạnh. Họ làm bất kể khó khăn. Nhưng rất tiếc, chỉ mạnh được lúc đầu, nhưng sau đó, họ lại thôi bước lên. Thậm chí, họ không còn làm nữa. Họ thuộc hạng người đầu voi đuôi chuột. Nghĩa là họ thiếu ý chí và lập trường. Hoặc giả, họ đặt mục tiêu không đúng chỗ. Họ làm vì háo danh, háo lợi, muốn có tiếng tăm trong xã hội. Vì thiếu lập trường và đặt sai mục tiêu, nên khi gặp chướng ngại là họ dễ thôi chí nản lòng buông bỏ.

Việc làm lành, Phật dạy chung cho mọi người. Dù xuất gia hay tại gia cũng thế. Làm lành có nhiều phương diện và nhiều lãnh vực khác nhau. Nhưng làm lành dưới dạng thức nào, cũng nhằm mục đích lợi mình, lợi người, lợi vật hiện tại và mai sau. Người làm lành, tất nhiên, là người có tâm tốt. Nhưng tâm tốt không chưa đủ mà cần phải có tâm hỷ xả. Không nên để tâm vướng mắc vào việc mình làm. Làm mà còn có tâm chấp trước, thì việc làm lành đó còn có chấp tướng. Còn thấy việc mình làm quan trọng. Vì thấy quan trọng, nên dễ bị mắc kẹt vào sự khen chê.

Khen thì vui mà chê thì buồn. Còn vướng mắc trong niệm vui buồn, thì sự làm lành của mình khó đạt được

thành công. Điều quan trọng là khi làm lành phải có tâm bền chí và nhẫn nại. Bền chí và nhẫn nại đó là hai đức tánh mà một người đã quyết tâm làm lành, vì lợi ích mọi người cần phải có.

Điều quan trọng nên nhớ là khi chúng ta làm những việc thiện nguyện giúp người. Phật dạy, chúng ta nên vui vẻ mà làm. Làm với tâm vui vẻ hoan hỷ, tất nhiên, là ai cũng thích. Chính mình được lợi lạc mà người khác cũng được lợi ích. Trái lại, làm với tâm bực dọc, nổi cáu, quạu quọ, nóng nảy, thì chẳng những thiệt hại cho mình mà còn làm mất thiện cảm ở nơi người khác. Có lắm người, khi làm việc thiện mà không được người ta ưa thích cảm tình cũng với lý do đó. Họ tỏ thái độ khinh thường người khác. Khi trái ý nghịch lòng là họ liền nổi sân la ó nạt nộ om sòm. Họ dùng lời lẽ nặng nề mạt sát mọi người. Vì họ thấy họ là quan trọng. Họ làm với tâm cống cao ngã mạn. Như những trường hợp họ đi ủy lạo, phát thuốc, tặng quà v.v... chẳng hạn. Trường hợp này, ta thấy xảy ra rất nhiều.

Ngược lại, có người họ làm với một ý thức trong sáng và với tâm khiêm cung trân quý mọi người. Họ âm thầm cặm cụi mà làm. Họ vui thích với công việc. Họ không màn ai biết đến họ. Ai biết đến họ cũng tốt mà không biết đến họ cũng không sao. Họ nghĩ đơn giản, họ tự biết họ là được rồi. Đối với mọi người, họ rất vui vẻ. Hạng người này, họ rất dễ gây cảm tình với những bạn đồng nghiệp. Những ai làm chung với họ, cảm thấy có một niềm vui tươi mát. Tâm hồn mọi người đều thoải mái, cười nói tự nhiên. Ai này cũng đều thích

mến họ. Họ khéo léo trong việc cư xử với mọi người. Họ thật tâm phục vụ cho mọi người. Mọi người vui, tức là họ vui. Thật đây là hạng người hiếm có. Đây là hạng người thật sự làm lành và làm với tâm ý như thế, thì chắc chắn là họ sẽ được tăng thêm phước đức. Tập làm lành với tâm ý như thế, không những mình được lợi lạc mà còn đem lại sự lợi lạc cho mọi người. Hạng người này, thật đáng cho chúng ta kính trọng và cũng đáng để người khác noi theo.

Lời Phật dạy tuy đơn giản, chỉ có mấy chữ thôi, nhưng thực tế, không phải dễ gì thực hiện. Cũng một việc làm, nếu không khéo, thay vì có công mà trở thành có tội. Công hay tội đều từ tâm phát khởi. Làm với tâm hoan hỷ, không dính mắc chấp trước vào việc mình làm, thì việc làm đó rất là có phước. Bằng ngược lại, thì chẳng những không có phước báo mà còn thêm tội. Thêm tội ở chỗ cái tâm bất bình. Đối với mọi người, tất nhiên là không ai ưa thích.

Câu kệ tiếp Phật dạy: “*Hễ chứa lành nhất định thọ lạc*”. Tại sao chứa lành mà được thọ lạc? Vấn đề này, chúng ta cần phải lưu tâm tìm hiểu thật rõ. Chứa lành là chứa ở đâu? Điều lành có hình tướng hay không mà chứa? Dùng cái gì để chứa? Cái gì phát khởi thúc đẩy chúng ta làm lành? Và sau khi làm lành, Phật nói hễ chứa lành nhất định thọ lạc. Vấn đề này có liên quan đến Duy thức học. Theo Duy thức, mỗi người chúng ta đều có Tám thức tâm vương. Tám thức đó là: Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Ý, Mạt na và A lại da. Trong tám thức này, thì thức A lại da làm căn bản cho các thức.

Thức A lai da, có ba nghĩa: năng tàng, sở tàng và ngã ái chấp tàng.

Năng tàng nghĩa là thức này có công năng hay chứa các chủng tử thiện ác. Sở tàng là chỗ để chứa các chủng tử thiện ác. Ngã ái chấp tàng là thức này bị thức thứ bảy (Mạt na) chấp làm tự ngã.

Như vậy, thức A Lại da còn gọi “*trì nghiệp chủng tử*”, nó có công năng gìn giữ tất cả chủng tử thiện ác. Mọi hành động, lời nói thiện hoặc ác, đều huân vào trong tạng thức này. Cho nên, nó là cái kho để chứa các chủng tử. Chủng tử là tên khác của tập khí. Những tập khí được chứa nhóm trong thức này, đến khi thuận thực, thì cái nào mạnh, cái đó hiện hành và dẫn nghiệp. Như người ghiền rượu, đến con ghiền họ tự đi tìm rượu để uống. Hoặc vào quán rượu hoặc đi tìm bạn bè hay bất cứ nơi đâu miễn có rượu uống là được. Đây gọi là nghiệp ghiền rượu. Hạt giống rượu của họ được huân vào trong thức A lại da quá mạnh. Hiện đời như thế, thì sau khi chết cũng thế. Nghiệp nào mạnh dẫn họ đi trước để thọ sanh. Cứ tùy duyên mà chiêu cảm thọ báo. Ngược lại, người nào trong đời sống hằng ngày, huân tập nhiều hạt giống lành vào trong A lại da thức, như niệm Phật chẳng hạn, đến khi thuận thực, chính thói quen niệm Phật này, hiện đời họ được an lạc và sau khi nhắm mắt nó dẫn họ thọ sanh vào cảnh giới lành. Bởi thế nên Phật nói: *Hễ chứa lành nhất định thọ lạc là vậy.*

119. Khi nghiệp ác chưa thành thực, kẻ ác cho là vui; khi nghiệp ác đã thành thực, kẻ ác mới hay là ác.

It may be well with the evil-doer as long as the evil ripens not. But when it does ripen, then the evil-doer sees (the painful results of) his evil deeds.

Kệ Tụng

*Ác nghiệp chưa thuần thực
Người ác vẫn thấy vui
Ác nghiệp thuần thực rồi
Người ác mới thấy ác.*

Lược giảng

Người đời vì không rõ luật nhân quả, hay có hiểu đi chăng nữa, nhưng vì si mê, tham lam nên họ cũng vẫn gây tạo việc ác. Trong khi gây tạo việc ác, họ không nghĩ gì đến nhân quả. Vì ham lợi lộc hay danh vọng mà họ bất chấp những thủ đoạn gian ác. Họ tìm đủ mọi cách hãm hại người khác. Ai đau khổ mặc ai, miễn sao họ sung sướng là được. Nhưng họ quên rằng, không một ý nghĩ, lời nói hay hành động nào mà có thể thoát khỏi luật nhân quả.

Trong lịch sử hơn loại, từ cổ chí kim, đã chứng minh cho chúng ta thấy vấn đề này quá nhiều. Một Tần Thủy Hoàng, vì muốn xây dựng cơ đồ vương nghiệp cho được lâu dài, nên ông đã bất chấp mọi thủ đoạn gian ác, nào là xây Vạn lý trường thành, đốt sách chôn học trò v.v... Ông đã hạ lệnh giết chết biết bao người. Sử ghi lại, thời gian xây Vạn lý trường thành để chống giặc

Hung nô, số người lao công tử vong vì công việc này lên đến hàng triệu người. Kết quả, cuộc đời và vương nghiệp của ông ra sao? Có được tồn tại lâu dài hay không? Hay là sau đó, để lại một hậu quả vô cùng khốc hại!

Một Ngô Đình Diệm, vì muốn củng cố quyền uy tột bực, địa vị cai trị của ông và gia đình cho thật vững chắc, đồng thời lại thêm kỳ thị tôn giáo, nên ông và gia đình ông đã ra tay hạ sát, tiêu diệt không biết bao nhiêu người thuộc các đảng phái quốc gia yêu nước đối lập khác và tệt hại hơn nữa, là sát hại nhiều người dân vô tội. Cuối cùng, ông và gia đình ông đã phải trả một cái giá rất đắt. Ông và người bào đệ thân cận cố vấn cho ông, tức người em ruột của ông là ông Ngô Đình Nhu bị chết một cách rất thê thảm. Điều này, đã có nhiều sách sử ghi lại chứng minh rất rõ ràng. Thế mới biết, luật nhân quả thật không thiên vị một ai. Người ta thường nói “*ngày xưa trả báo thì chày (lâu) ngày nay trả báo phút giây nhân tiên*”. Đã thế, nhưng khổ nỗi, trong khi tạo ác, người ta cứ nghĩ đến quyền lợi, danh vọng, địa vị, chức tước, giàu sang v.v...không thôi, có mấy ai nghĩ đến nhân quả tội ác mà mình đã gây tạo đâu. Chừng nào trả quả rồi sẽ hay! Càng giết chết nhiều người chừng nào, họ lại càng thích thú nhiều chừng này. Xưa nay, các nhà lãnh đạo cai trị với tâm ác độc nào cũng thế. Họ nhân danh chủ nghĩa này nọ, toàn là những thứ giả tạo, để sát hại vô số sanh linh. Nói là ích nước lợi dân, nhưng thực tế là vì quyền lợi, địa vị cho cá nhân của họ hơn. Họ thuộc hạng người vị kỷ số một. Bản ngã của họ quá cao lớn.

Họ đã gây ra biết bao đau khổ cho mọi người. Họ vui sống trên những nỗi thống khổ kêu than ngút ngàn của những người khác. Họ không bao giờ có chút từ tâm đoái hoài thương tưởng. Nhưng than ôi! Trong khi gây nhân bất thiện như thế, họ lại quên đi cái quả báo đã có sẵn trong cái nhân mà họ đã gây tạo rồi, chẳng qua nó tới với họ mau hay chậm mà thôi. Vì nhân quả phải trải qua thời gian. Khi quả báo chưa thuận thực, người ta cứ ngỡ là không có. Nhưng thực ra, nó không sai chạy một mảy may nào!

Cứ nhìn vào sự sống của con người xưa và nay, đã có biết bao tấm gương xấu có, tốt có, cho chúng ta thấy rõ. Và gần hơn hết là qua kinh nghiệm nhân quả bản thân của mỗi người. Ít nhiều gì, chắc hẳn chúng ta cũng sẽ thấy rõ. Thiết nghĩ, hơn ai hết, chúng ta nên bình tâm xét kỹ soi rõ ôn lại những hành động nhân quả của chính mình. Có soi rõ như thế, ta mới có cái nhìn thâm thấu về luật nhân quả. Có sợ nhân quả, ta mới biết cái hối làm lành. Ta mới ý thức từng lời nói và việc làm. Ta mới thực sự xây dựng đời ta theo chiều hướng vươn lên để trở thành những con người tốt cho hiện tại và mai sau. Nếu không, thì đời ta sẽ mãi mãi đi trong khổ đau. Vì không có cái nhân nào mà không có cái quả. Và ngược lại, cũng không có cái quả nào mà không có cái nhân. Muốn có cuộc sống an vui cho mình và người, thì ta nên hằng tâm niệm về luật nhân quả. “*Ngừa bệnh bao giờ cũng hay hơn là chữa bệnh*”. Ta nên nhớ câu “*Bồ tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả*”. Tránh nhân ác, thì không bao giờ có quả ác. Bất cứ làm

điều gì, dù lớn hay nhỏ, dù quan trọng hay không, ta cũng nên nắm lòng câu: “*Phàm làm việc gì trước phải nghĩ đến cái hậu quả của nó*”. Đây là một câu nói có giá trị ngàn vàng. Người ta đã bỏ ra cả ngàn lượng vàng mua câu nói này, nhưng xét kỹ thật cũng chưa xứng đáng.

Bất cứ ai, thuộc thành phần nào, nhớ và áp dụng thường xuyên câu nói này, thì chắc chắn, người đó sẽ chỉ gặt hái những kết quả tốt đẹp không thôi và không bao giờ có thất bại trong lời nói và việc làm. Ngược lại, thì họ sẽ chuốc lấy những khổ đau mà do họ đã gây ra. Chừng đó, dù có ăn năn hối hận, thì cũng đã muộn màng rồi. Bởi thế, nên Phật dạy: **khí nghiệp ác đã thành thực (chín mùi), kẻ ác mới hay là ác**. Pháp cú này, Phật nhằm cảnh tỉnh cho mọi người nhớ mà đừng gây tạo nghiệp ác.

120. Khí nghiệp lành chưa thành thực, người lành cho là khổ; khí nghiệp lành đã thành thực, người lành mới biết là lành.

It may be ill with the doer of good as long as the good ripens not. But when it does ripen, then the doer of good sees (the pleasant results of) his good deeds.

Kệ Tụng

Thiện nghiệp chưa thuần thực

Người thiện vẫn thấy ác

Thiện nghiệp thuần thực rồi

Người thiện mới thấy thiện.

Lược giảng

Pháp cú này trái lại với pháp cú trên. Một bên làm ác đưa đến quả ác và một bên làm lành sẽ đưa đến quả lành. Nhưng có điều, Phật muốn nhấn mạnh cho chúng ta thấy, khi làm lành mà quả lành chưa đến, thường thì chúng ta dễ đâm ra chán nản. Có người cả đời chăm làm những điều lành, lẽ ra, họ sẽ luôn luôn gặt hái quả lành mới phải. Nhưng, đôi khi, nó ngược lại. Chẳng những họ không hưởng quả lành như họ đã gây tạo, mà họ toàn gặp những chuyện tai bay họa gởi không thôi. Thế thì, họ than trách cho rằng, làm lành chỉ cho nhọc xác, để rồi lãnh lấy toàn là những thứ ác không! Ngược lại, có những người cả đời họ làm ác, mà sao đời sống của họ toàn gặp những điều lành, nói theo người đời là toàn gặp vận may. Như thế, thì luật nhân quả có công bằng không? Lắm người, vì chưa nghiên cứu kỹ, hiểu rõ nhân quả qua ba đời, nên họ dễ thắc mắc và đâm ra chán nản ngã lòng. Từ đó, họ bất mãn và không còn tin nhân quả nữa. Thật ra, đây là một điều ngộ nhận sai lầm đáng tiếc. Đó là điều người Phật tử cần phải hiểu rõ. Nếu không, thì dễ thôi thất bồ đề tâm.

Như trong những bài trước, nhiều lần chúng tôi cũng đã có trình bày qua về vấn đề này. Vì nhân quả không phải đơn giản, nó rất phức tạp. Nó đòi hỏi chúng ta phải nghiên cứu thật kỹ và rõ ràng. Nếu bảo rằng, nhân nào quả nấy, thì lời nói đó chưa hẳn đúng. Chỉ đúng một phần nào mà thôi. Bởi từ nhân tới quả, nó còn đòi hỏi phải có nhiều trợ duyên. Duyên thì có duyên tốt, duyên xấu, hoặc thuận duyên và nghịch duyên. Nếu khi gây nhân mà không thuận duyên, thì chưa chắc cái

chánh nhân đó hình thành như ý mình muốn được. Thí dụ: gieo hạt cải xuống đất, mà ta không chăm sóc kỹ càng, bị kiến tha hết, như thế, thì làm sao có kết quả cây cải được. Như vậy, muốn có kết quả cây cải, tất nhiên, phải có nhiều trợ duyên và thuận duyên tốt mới được. Ngoài ra nó còn đòi hỏi thời gian, ngắn dài, tùy theo hạt nhân đã gây tạo.

Như trên đã nói, nhân quả phải trải qua ba thời kỳ: quá khứ, hiện tại và vị lai. Như đời trước mình tạo toàn nhân ác, theo nhân quả, thì đời này sanh ra phải trả quả ác. Thí như, năm rồi mình toàn gieo giống ốt, thì năm nay, mình muốn có lúa ăn sao cho được? Có người, đời này làm lành mà gặp toàn việc ác, đây là do nghiệp nhân ác gây tạo trong nhiều đời đến nay quả ác đã thuần thực cho nên phải trả. Còn cái nhân lành chỉ mới gây tạo trong đời này nên nó chưa thuần thực, mà phải chờ thời gian, có khi qua đời sau hoặc nhiều đời sau nữa mới thuần thực. Khi nó thuần thực, tức chín mùi là ta phải trả quả mà thôi. Thí như, năm rồi ta không có gieo hạt lúa, tất nhiên, là ta không có lúa đổ vào bồ. Mà ta mới ra công gieo trồng năm nay thôi. Như vậy, từ khi gieo hạt cho tới có kết quả cây lúa và đến khi gặt hái đổ vào bồ còn phải chờ thời gian. Ngược lại, có người, tuy năm nay, họ không gieo trồng lúa, nhưng họ vẫn có lúa ăn, đây là do năm rồi họ đã gieo trồng. Cũng thế, những người đời này, tuy làm lành mà gặp nhiều quả ác là do đời trước đã gây nhân ác phải trả. Cũng như năm rồi không cấy lúa, tất nhiên, năm nay họ phải đói khát. Còn những người hiện đời họ gây tạo nhiều điều ác đức, nhưng họ vẫn hưởng quả lành, là do đời

trước họ gây tạo nghiệp lành, nên đời nay họ hưởng. Tuy nhiên, cái nhân gây tạo ác hiện đời, chắc chắn đời sau hoặc nhiều đời sau nữa họ sẽ phải trả thôi. Cũng như năm rồi, họ đã gieo lúa và có nhiều lúa đổ trong bờ, năm nay tuy họ không gieo, nhưng sẵn có lúa trong bờ cứ ăn. Đến khi hết lúa, sang năm tới chắc chắn là họ phải đói khổ.

Hiểu nhân quả qua ba thời gian như thế, tất nhiên, ta không còn thắc mắc nữa. Do đó, nếu ngày nay, ta chăm lo làm lành mà gặp nhiều quả khổ, thì ta nên an vui mà trả quả. Đừng trách ai! Tất cả tốt xấu đều do ta tạo lấy. Luật nhân quả rất công bằng là ở chỗ đó. Cho nên Phật dạy, khi chúng ta làm lành mà quả lành chưa đến, thì chúng ta cũng không nên than trách. Bởi vì quả lành chưa thuận thực. Khi nào, nghiệp lành mà ta đã gây tạo, đến một lúc nào đó nó thuận thực, thì dù chúng ta không muốn nó vẫn đương nhiên cứ tới. Người hiểu rõ nhân quả rồi, thì họ vẫn vui sống. Bởi tất cả chính do mình gây tạo. Mình phải chịu trách nhiệm với chính mình. Không oán trời trách đất. Không đổ trút cho ai. Mọi việc thành bại, đắc thất đều do mình tạo lấy. Hiểu vậy rồi, ta cứ lo tạo nghiệp lành. Nếu như ta đang làm lành mà quả dữ cứ tới dồn dập ập lên đầu chúng ta, chúng ta cứ coi đó như là một sự dồn nghiệp phải trả. Trả một lần cho hết nợ. Người trả nợ là vì họ có tiền. Trước kia, họ vì nghèo túng phải chạy vay nợ để sinh sống. Nay làm ăn có tiền rồi, tất nhiên, những người chủ nợ tới đòi. Trước kia, họ không tới đòi là vì họ thừa biết đâu có đòi, thì người kia cũng không có tiền đâu mà trả. Cũng thế, sở dĩ chúng ta trả quả dồn dập

hết chuyện này tới chuyện nọ, là do vì chúng ta ra sức siêng năng tu hành, nên có phước. Khi đã có phước, như người có tiền, thì những nghiệp nhân đã gây tạo từ trước phải trả. Thử hỏi, một người trả hết nợ thì có nên vui hay không? Trong đời, những người thiếu nợ người ta, sau khi thanh toán hết nợ nần, đó là một sự vui mừng hết lớn. Có ai trả hết nợ mà buồn không? Như vậy, tại sao ta không vui để trả nợ?

121. Chớ khinh điều ác nhỏ, cho rằng “chẳng đưa lại quả báo cho ta”. Phải biết giọt nước nhỏ lâu ngày cũng đầy bình. Kẻ ngu phu sở dĩ nay tội ác bởi chứa dần từng chút mà nên.

Think not lightly of evil, saying, “It will not come to me”. Drop by drop is the water pot filled. Likewise, the fool, gathering it little by little, fills himself with evil.

Kệ tụng

*Chớ khinh điều ác nhỏ
Cho rằng “chưa đến mình”
Như giọt nước nhỏ dần
Lâu ngày cũng đầy bình
Người ngu si cũng vậy
Dần dần ác chứa đầy.*

Lược giảng

Pháp cú này, Phật dạy nhằm cảnh giác thức nhắc chúng ta. Thông thường, người ta thích phô trương làm những việc lớn chuyện. Ít có ai chú ý đến những việc nhỏ nhặt. Nhưng người ta quên rằng, nếu không có những việc nhỏ nhặt, thì không thể hình thành một việc

lớn lao được. Cũng như thấy một đồng cát, người ta nghĩ ngay đến số lượng to của nó, chớ không mấy ai nghĩ đến từng hạt cát. Nhưng thực tế, nếu không có từng hạt cát kết hợp lại, thì làm gì có ra một đồng cát to. Ấy thế mà, người ta cứ nhìn trên cái kết quả to lớn, mà người ta không chú ý đến những hạt nhân nhỏ nhiệm. Thử đặt vấn đề ngược lại, nếu không có những hạt nhân nhỏ nhiệm, thì làm gì có cái kết quả to lớn kia. Ở đời, ít có mấy ai nhìn thấu suốt được vấn đề này. Từ lối nhìn hời hợt cạn cợt đó, mà họ đâm ra khinh thường những điều nhỏ nhất. Phật dạy, việc lành hay việc dữ, tất cả cũng bắt nguồn từ những hành động hay lời nói nhỏ nhất rồi rạc kết hợp lại mà thành to lớn.

Người đào giếng, lúc đầu không thấy nước. Họ tưởng nước không có bao nhiêu. Nhưng qua ngày hôm sau, họ trông thấy đầy cả giếng. Nước đó từ đâu mà có? Tại sao lúc đầu không thấy gì, mà sau lại nhiều nước như thế? Nước có ra từ mạch nước. Càng đào sâu vào lòng đất chừng nào, thì càng có nhiều mạch nước chừng ấy. Như vậy, chính những mạch nước chảy rịn ra, người ta gọi là lỗ mọi. Nhờ những lỗ mọi nhỏ này mà nó cứ ngày đêm rỉ chảy. Trải qua thời gian, kết quả có ra đầy cả giếng nước. Người có cái nhìn cạn cợt, họ chỉ biết giếng nước để xài, chớ chẳng màng tìm hiểu nước có ra từ đâu? Tức là họ chỉ nhìn trên cái kết quả mà họ không chịu khó nhìn lại cái nguyên nhân. Có thể họ khinh thường những cái nguyên nhân nhỏ kia. Mà chính cái nguyên nhân nhỏ đó, họ không ngờ nó lại là một kết quả rất lớn.

Một người cầm vũ khí giết người hoặc dao hay súng v.v... không phải một sớm một chiều mà họ có tâm sát hại gớm ghê đó. Mặc dù hành động này đều từ do lòng sân hận mà ra. Tuy nhiên, lòng sân hận đó, kết quả cũng từ do sự huân tập từng việc nhỏ nhặt mà thành tập khí lớn. Tập khí là thói quen. Như lúc đầu, khi còn nhỏ, họ đã khởi lên những niệm ác, như bắt châu chấu, bắt dế cho chúng đấu đá với nhau, con nào bị đá thua, thì chúng ngắt đầu quăng xuống đất v.v... Lớn hơn chút, thì họ lại dùng đàn thun để bắn chim, hay dùng nôm để bắt cá. Từ những ác niệm nhỏ nhỏ đó, mới nhìn qua thì ta thấy không có gì, nhưng chính đó là nguyên động lực để trở thành một thói quen sát sanh hại vật lớn sau này. Đến khi lớn lên, họ quen theo niệm ác đó, mà có thể đi đến giết người không chút gớm tay. Tất cả cũng từ ở nơi những niệm ác và những hành vi ác nhỏ tạo thành. Khi thói quen đã thuần thục rồi, nó có một tác hại rất ghê tởm, khủng khiếp. Vì Phật quá hiểu rõ cái tâm lý và những cái thói quen hung ác nhỏ này, để rồi dần dần trở nên tánh hung dữ, nên Phật dạy: *Chớ khinh điều ác nhỏ, cho rằng chẳng đưa lại quả báo cho ta.*

Kế tiếp, Phật nêu ra cho chúng ta thấy một hình ảnh rất cụ thể. Phật nói: *Phải biết giọt nước nhỏ lâu ngày cũng đầy bình.* Đại đa số chúng ta, hay có niệm khinh thường những lỗi nhỏ. Cứ cho cái gì lớn mới là quan trọng. Nhưng nếu không có nhỏ thì làm sao có lớn. Không có từng giọt nước nhỏ vào bình, thì làm gì có kết quả đầy bình. Một lời nói ác, lúc đầu thấy như không có gì, nhưng nếu chúng ta cứ tiếp tục như thế, tất nhiên, nó sẽ trở thành một tai hại vô cùng. Người xưa

nói: “*Lời nói ác, như búa ở trong miệng*”. Sở dĩ chém mình là do chúng ta bắt cần ngôn mà ra.

Hút một vài điếu thuốc hay uống một vài ly rượu, lúc đầu, thật sự, không thấy gì là tai hại cả. Nhưng, nếu chúng ta không biết ngăn ngừa, cứ để thói quen đó tiếp diễn, lâu ngày sẽ trở thành bệnh ghiền. Một khi đã trở thành bệnh ghiền nặng rồi, thì chừng đó khó phương chạy chữa. Một khi cơn ghiền nổi lên, thì phải làm sao cho nó thỏa mãn. Có biết bao người, vì lúc đầu xem thường những thói quen có tác dụng tai hại này, nên sau khi bị lún sâu vào, thì than ôi! Bây giờ, chẳng những hại mình mà còn gây ra biết bao khổ cảnh cho những người chung quanh khác nữa! Điều này, đã và đang xảy ra như cơm bữa. Họ chết vì rượu, vì bài bạc, vì ma túy, vì cướp bóc, vì đam mê sắc dục vân vân và vân vân. Còn và còn biết bao nhiêu thảm cảnh khác. Tất cả cũng chỉ vì khinh thường những thói quen nhỏ. Cứ cho rằng, chúng là những giọt nước rỉ chảy không sao. Đến khi đầy bình hay đầy giếng, thì than ôi! Đã quá muộn rồi! Bởi thế, kết thúc câu pháp cú này, Đức Phật dạy: *Kẻ ngu phu sở dĩ đầy tội ác bởi chứa dần từng chút từng chút mà nên.*

Lời dạy này như là một câu châm ngôn mà ta phải nằm lòng nếu ta không muốn tiếp tục làm người ngu. Chỉ có người ngu mới khinh thường những điều ác nhỏ. Ngược lại, người trí thì rất sợ. Vì rất sợ, nên họ không bao giờ dám có niệm khinh thường. Họ tiêu diệt những niệm xấu ác từ trong trứng nước. Tiêu diệt nhân, thì làm gì có quả. Người trí bao giờ họ cũng nghĩ đến cái

nhân nhiều hơn. Họ lo chỉnh hình hơn là sửa bóng. Nhờ thế, mà họ ít có khổ lụy. Ngược lại, kẻ ngu thì nghĩ tới sửa bóng mà quên chỉnh hình. Bóng có ra từ hình. Quả có ra từ nhân. Ai cũng sợ quả mà không lo sửa ở nơi nhân. Đó là sự khác biệt giữa kẻ trí và người ngu. Người trí là người nhìn rõ cái gốc của nó. Biết gốc khổ đau, họ không đại dột gì gây tạo. Nhờ thế mà họ vượt qua mọi ách nạn. Và đời sống của họ sẽ đem lại nhiều hạnh phúc an vui. Như thế, khổ hay vui, ngu hay trí, đều do con người tự chọn và tự quyết định lấy.

122. Chớ khinh điều lành nhỏ cho rằng: “chẳng đưa lại quả báo cho ta”. Phải biết giọt nước nhỏ lâu ngày cũng làm đầy bình. Kẻ trí sở dĩ toàn thiện bởi chứa dần từng chút từng chút mà nên.

Think not lightly of good, saying, “It will not come to me.” Drop by drop is the water pot filled. Likewise, the wise man, gathering it little by little, fills himself with good.

Kệ Tụng

*Chớ khinh điều thiện nhỏ
Cho rằng “chưa đến mình”
Như giọt nước nhỏ dần
Lâu ngày cũng đầy bình
Người có trí cũng vậy
Dần dần thiện chứa đầy.*

Luộc giảng

Pháp cú này, Phật dạy tương phản với pháp cú trên. Pháp cú trên, Phật nói rõ về kẻ ngu. Đã ngu, cho nên họ

hay khinh thường những điều ác nhỏ. Từ đó, mà dẫn đến những hậu quả rất tai hại cho mình và người.

Ở đây, Phật nêu rõ hình ảnh của kẻ trí. Như trên, chúng tôi có nói sơ qua về sự ý thức và hành động của người trí. Người trí, vì họ ý thức được luật nhân quả báo ứng một cách đúng đắn, nên họ không dám khinh thường những điều lành nhỏ. Đối với người trí, điều ác nhỏ, họ không làm đã đành, nhưng đối với những điều lành nhỏ, họ cũng không thể bỏ qua. Bởi vì họ biết chắc rằng, giọt nước nhỏ lâu ngày cũng làm đầy bình. Họ làm và giữ đúng như lời Phật dạy.

Nhưng việc lành nhỏ là như thế nào? Vấn đề này, thật có thiên hình vạn trạng, không thể kể ra cho hết được. Ở đây, chúng tôi chỉ xin nêu ra một vài hình ảnh làm lành nhỏ nhất, mà chúng ta thường thấy qua, để từ đó, chúng ta chiêm nghiệm kỹ hơn.

- Một người đi đường, thấy một cây gai hay một miếng chai nằm giữa đường, họ liền khum xuống nhặt liệng vào trong bụi cây rậm. Nhờ thế, mà người khác không sợ ý đạp nhầm để gây ra thương tích đau đớn.

- Một cô thiếu nữ, thấy cụ già muốn băng qua đường, nhưng có vẻ sợ sệt, cô liền đến nắm lấy tay cụ và dìu qua bên kia đường một cách an toàn. Cụ ngỏ lời cảm ơn cô ta rồi rít.

- Một người đến chùa làm công quả giúp cho chùa những chuyện lật vật như lật rau, lượm rác hay lau quét v.v...

-Một cụ già cầm lá đơn trên tay, nhưng rất lo lắng không biết phải điền như thế nào, đang lúc lo lắng đó, thì có anh A đến giúp cho cụ điền giùm. Thế là cụ ta cảm thấy nhẹ nhõm trong lòng và bao nhiêu sự lo lắng đều tan biến hết.

Đó là những điều lành thật nhỏ nhất mà ai cũng có thể làm được. Chỉ cần có một tấm lòng từ thiện thương và giúp người là được.

Thuở xưa, ngài Trì Địa Bồ tát đối với những điều lành nhỏ như thế, Ngài không bao giờ bỏ qua. Ngài thường hay đắp đường sửa cầu. Nghĩa là Ngài làm bất cứ điều gì nhằm lợi ích cho tha nhân, thì dù việc lớn hay việc nhỏ, có khó nhọc đến đâu, Ngài cũng kiên nhẫn làm không bỏ qua. Nhờ thế, mà Ngài có tên là Trì Địa Bồ tát. Chữ Trì Địa có nghĩa là giữ gìn đường xá cho được sạch sẽ, bằng phẳng và cho mọi người dễ đi. Do Ngài chuyên làm những việc nhỏ nhất như thế, nên được người đời tán thán và kính trọng, gọi Ngài là Bồ tát Trì Địa. Như vậy, Bồ tát là một con người rất bình thường và rất gần gũi với chúng ta. Bất cứ ai, làm với một tâm niệm nhắm vào mục đích lợi ích cho tha nhân, đều gọi là Bồ tát. Bồ tát là một con người giác ngộ. Sau khi giác ngộ, đem sự giác ngộ đó giúp cho mọi người bớt khổ được vui, đó là Bồ tát.

Kinh Pháp Hoa có nêu ra hình ảnh của ngài Thường Bất Khinh Bồ tát. Ngài là một con người kỳ đặc. Việc làm lành của Ngài cũng rất là nhỏ nhất. Đi đâu, gặp ai,

Ngài cũng chấp tay xá mọi người và chỉ nói một câu ngắn gọn: “*Tôi không dám khinh các ngài, vì các ngài sẽ là Phật*”. Đã là Phật, tức Ngài muốn chỉ cho chúng ta biết mỗi người đều có sẵn Phật nhân, tức cái chánh nhân để thành Phật. Ngài luôn nhắc nhở mọi người như thế. Chỉ nhắc nhở cho mọi người nhớ lại ông Phật của chính mình. Nếu mọi người biết xoay lại và nhận ra tánh Phật đó, rồi tu hành, tất có ngày sẽ được thành Phật. Việc làm mới nhìn qua, thật là nhỏ nhặt, tầm thường, nhưng xét kỹ, thì thật là vô cùng quan trọng.

Làm với một tâm thành như thế, nhưng Ngài phải hứng chịu biết bao nhiêu điều sỉ nhục. Ngài đã bị mọi người khinh bỉ và đánh đập mắng nhiếc. Thế nhưng, Ngài luôn nhẫn nhịn và không bao giờ bỏ cuộc. Bởi thế, người đương thời mới đặt cho Ngài cái tên là Thường bất khinh. Nghĩa là luôn luôn chẳng dám khinh thường ai, dù đó là một đứa bé hay một kẻ cùng đinh.

Đến như đức Phật, dù đã thành Phật rồi, nhưng đối với những điều lành nhỏ, Ngài cũng không bỏ qua. Có lần, Ngài giúp xỏ kim cho một bà già. Ngài cũng đã từng giúp vá lại chiếc y cho ngài A na luật. Vì ngài A na luật bị mù đôi mắt. Ngoài việc giúp người ra, Ngài còn thương và giúp cho loài vật. Như có lần Ngài ôm vào lòng một con bò câu đã bị trúng tên. Sau khi nhổ mũi tên ra, chính Ngài lấy thuốc băng bó lại vết thương cho nó. Còn và còn rất nhiều những việc làm lành nhỏ nhặt của Ngài, nói sao cho hết.

Thật là cao cả thay! Một tấm lòng từ bi vô lượng! Một người đã hoàn toàn giác ngộ mà còn không bỏ qua những việc lành nhỏ, ngấm lại, chúng ta thì sao!? Chúng ta còn là phàm phu, thế mà không chịu khó làm lành để được thăng tiến như Ngài sao?! Nghĩ đến các Ngài, chúng ta cảm thấy thật là tủi hổ. Các Ngài đã là Bồ tát, là Phật mà gặp việc lành dù nhỏ nhặt đến đâu cũng không bỏ qua.

Người đời thường nói: “*Góp gió thành bão hay tích tiểu thành đũa*”. Có người còn cụ thể hơn, họ thường bảo: “*Thủng thủng mà nhặt hoa rơi*”. Ý nói, nhờ làm những điều nhỏ nhặt mà kết thành những việc lớn. Việc đời hay việc đạo không có một việc làm nào mà không có điểm khởi đầu.

Một người văn hay chữ đẹp, có cấp bằng cao, cũng bắt đầu học vỡ lòng từ những mẫu tự a, b, c... Một người muốn đi xa, cũng phải nhờ ở bước khởi đầu và lần đi từng bước chân một... rồi mới tới đích đã nhắm.

Một vị A la hán, Bồ tát hay Phật, các ngài được thành tựu đạo quả như thế, cũng nhờ làm từng việc lành nhỏ nhặt. Trên đời, không có điều gì tự nhiên mà thành lớn lao được. Tất cả cũng đều bắt nguồn từ những việc nhỏ mà thành. Muốn xây dựng một căn nhà, tất cũng phải nhờ đến những vật liệu nhỏ bé. Và với một khối óc sáng suốt mới tạo nên. Muốn trở thành một con người hoàn toàn thánh thiện, tất cũng phải như thế.

Tóm lại, Pháp cú trên, Phật khuyên chúng ta nên cố gắng làm người trí. Muốn làm người trí cũng không có khó khăn gì. Chúng ta chỉ cần nhìn vào những gì chúng ta làm. Chúng ta biết rõ cái nào lợi cái nào hại. Lợi thì làm mà hại thì tránh. Lợi đây là lợi mình và lợi người. Dùng trí huệ soi sáng mọi ngôn từ và hành động. Nhờ có trí huệ soi sáng như thế, thì chắc chắn chúng ta sẽ không vướng khổ. Sự sống có giá trị là ở chỗ chúng ta biết rõ điều nào đáng làm và điều nào không nên làm. Đó là lẽ sống hướng thượng mà người Phật tử cần thực hiện. Không riêng gì Phật tử, mà bất cứ ai nghe và làm theo lời Phật dạy đây, thì chắc chắn mọi người sẽ thăng hoa trong cuộc sống và chắc chắn sẽ chấm dứt mọi khổ đau.

123. Như người đi buôn mang nhiều của báu mà thiếu bạn đồng hành, tránh xa con đường nguy hiểm làm sao, như kẻ tham tránh xa thuốc độc như thế nào, thì các người cũng phải tránh xa điều ác thế ấy.

Just as a trader with a small escort and great wealth would avoid a perilous route, or just as one desiring to live avoids poison, even so should one shun evil.

Kệ Tụng
Ít bạn nhưng nhiều tiền
Người buôn tránh đường hiểm
Muốn sống tránh thuốc độc
Hãy tránh ác như vậy.

Lược giảng

Phật dạy, người nào muốn được sống yên thân, thì phải tránh xa kẻ ác. Tránh xa kẻ ác, thì không chuốc họa vào thân. Tránh xa như thế nào? Để cụ thể hóa vấn đề cho dễ hiểu, Phật nêu ra hai hình ảnh thí dụ:

1. Như một người đi buôn mang theo nhiều cửa báu, không có bạn đồng hành, tất nhiên, phải tránh xa con đường nguy hiểm.
2. Người muốn được sống lâu, tất phải tránh xa thuốc độc.

Con đường nguy hiểm và thuốc độc là đề dụ cho kẻ ác. Càng tránh xa hai điều này chừng nào, thì càng được yên thân chừng nấy. Cũng thế, kẻ ác là kẻ không có lương tâm. Họ có thể hại mình bất cứ lúc nào. Họ là con người có nhiều thủ đoạn gian trá. Không ai có thể đoán định và suy lường lòng họ được. Họ nói một đằng làm một nẻo. Như thế, thì làm sao ta có thể tin họ.

Tốt hơn hết là ta nên tránh xa họ. Vì ta không muốn gây ra những chuyện không hay. Người hiền làm sao sống chung với kẻ ác. Vì hai tâm niệm và hai lối sống khác nhau. Người ác là người luôn luôn toan tính thủ lợi. Làm bất cứ điều gì miễn sao có lợi cho họ thì được. Họ không màng đến dư luận. Việc khen chê đối với họ bằng thừa. Họ thuộc dạng người trái bom nổ chậm. Ngòi nổ đã có sẵn trong họ. Khi cần là họ cho nổ tung ngay. Mở miệng ra, họ nói chuyện toàn là dao to búa lớn. Họ coi mạng sống kẻ khác rẻ như bèo. Họ giết người như trò chơi.

Thuở xưa, ở Việt Nam, dưới triều đại nhà Hậu Lê, có một vị hôn quân là vua Lê Long Đĩnh, có biệt danh là Lê Ngọa Triều. Ông vua này rất tàn ác. Ông xem việc giết người như là một trò đùa để giải trí mua vui. Lúc buồn, ông ra lệnh cho quân hầu bắt những tù nhân phạm tội, bỏ vào trong bao bố, rồi quăng xuống nước sâu cho chết ngộp. Khi người trong bao đầy chết, thì ông khoái chí vỗ tay reo cười.

Hôm nào nổi trận lôi đình, ông cho người róc mía trên đầu các nhà sư để giải buồn. Trước khi thi hành, ông ra lệnh cho các nhà sư phải cạo tóc cho láng sạch. Xong, ông bảo quân hầu cầm dao thật bén, để một khúc mía dựng đứng trên đầu, rồi từ trên róc xuống. Khi róc, làm bộ giả vờ cho dao rút xuống đầu nhà sư chảy máu ra lênh láng, thấy thế, ông vui cười đắc chí. Thật là một việc làm vô cùng tàn ác.

Ác hơn nữa, kẻ nào có tội, ông bắt phải trèo lên cây thật cao, đến chót vót của cây, bấy giờ ông sai người chặt vào gốc cây cho cây ngã xuống. Thế là, người kia khi từ trên cao theo cây ngã xuống đất dẫy chết, thấy thế, ông vỗ tay vui cười thỏa thích.

Thật là một vết nhơ cũng là một túi nhục cho lịch sử dân tộc Việt Nam. Đất nước sản sanh ra một con người quá tàn bạo độc ác với dân. May mà ông làm vua ngắn ngủi, chớ nếu kéo dài, thì không biết dân tộc sẽ sống ra sao? Con người bạo ác như thế thì làm sao có thể sống lâu cho được. Một con người vừa ác lại vừa hoang dâm vô độ. Hoang dâm đến độ kiệt lực, không còn sức để

ngồi khi lâm triều. Mỗi khi lâm triều, ông đều nằm dài, không ngồi nổi. Sử ghi lại, mỗi khi lâm triều, ông nằm dài để nghe các quan tâu rồi, xong rồi, ông bảo các tên hề nhảy lại lời của các quan tâu. Nhảy theo kiểu làm trò hề, để mọi người nhìn nhau cười trêu nhạo. Ông lấy đó làm một trò cười vui thích.

Suốt chiều dài lịch sử của dân tộc Việt Nam ta, sử ghi lại chỉ có mỗi một ông vua này là bạo ngược đó thôi. Ngoài ra, tất cả đều là những vị minh quân làm vẻ vang cho dân tộc.

Người có tâm tu hành, muốn hướng đời mình về đạo giải thoát, Phật khuyên bảo nên tránh xa điều ác. Gần gũi với điều ác hay những người chuyên làm ác, như cướp của, giết người, đâm heo, thuốc chó, đập đầu bò v.v... không những bất lợi cho mình trong hiện đời, mà còn kéo dài hậu quả đau khổ đến tương lai. Bởi tánh của con người dễ bị tiêm nhiễm. “*Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng*”. Gần họ, ít nhiều gì cũng bị lây nhiễm theo thói ác của họ. Tánh ác bao giờ cũng nhiều hơn tánh thiện. Ảnh hưởng điều ác thì dễ mà ảnh hưởng điều lành thì khó. Bản chất của con người là thế. Phật hiểu rõ tâm lý này. Nên Ngài bảo chúng ta phải tránh xa điều ác.

Vấn đề tiêm nhiễm điều ác ta thấy nhan nhản trước mắt. Em A trong gia đình em là một đứa bé ngoan hiền, nói năng nhỏ nhẹ hiền từ lễ độ. Tánh tình của em thật dễ thương. Ai đến nhà em chơi, thấy em lễ độ trong cách cư xử, cũng đều khen ngợi thích mến. Bởi em là

đứa bé đã được sự hướng dẫn dạy dỗ của cha mẹ rất kỹ càng. Do đó, phải nói, em là một cậu trai rất dễ dạy ngoan hiền. Thế nhưng, chẳng bao lâu, người ta lại thấy tánh tình của em đã đổi khác. Đổi khác một cách hoàn toàn. Em không còn ngoan hiền dễ thương dễ mến như trước kia nữa. Lý do, là vì em đã giao du với những đứa bạn bất lương. Từ đó, em đã bị tiêm nhiễm theo và rồi không mấy chốc, em đã trở thành một tay anh chị hung ác. Đã biết trước sự tình, cha mẹ em dùng mọi cách giáo dục và ngăn chặn. Nhưng tất cả đều vô hiệu quả. Cha mẹ chỉ còn biết kêu trời khóc than mà thôi! Và rồi đành buông tay theo số phận, tới đâu hay đó! Do đó, cho ta thấy, việc tiêm nhiễm điều ác rất là dễ dàng. Vì đầu óc của các em còn non dại. Gần bạn ác, tất nhiên dễ bị ảnh hưởng. Đó là điều khó tránh. Sáng sớm tinh sương, ta bước ra ngoài trời đi dạo, mới đầu, không thấy gì thấm ướt, nhưng đi lâu trong sương, ta mới cảm thấy thấm ướt và lạnh buốt cả người. Thói quen nhiễm của con người cũng thế. Mới đầu, thì thấy không gì, nhưng lâu ngày sẽ thành ra bệnh trạng hết chữa. Biết thế, tốt hơn hết là theo người xưa nói: “*ngừa bệnh hơn là chữa bệnh*”. Tức càng tránh xa càng tốt. Đó là cách khôn khéo và hay nhứt để trở thành một con người tốt đẹp cho mình và cho xã hội.

124. Với bàn tay không thương tích, có thể nắm thuốc độc mà không bị nhiễm độc; với người không làm ác thì không bao giờ bị ác.

If on the hand there is no wound, one may carry even poison in it. Poison does not affect one who is free from wounds. For him who does no evil, there is no ill.

Kệ tụng
Bàn tay không thương tích
Có thể cầm độc dược
Không bị độc xâm nhiễm
Cũng vậy, không làm ác
Không bị ác độc hại.

Lược giảng

Pháp cú này, Phật bảo: Với bàn tay không thương tích, có thể nắm thuốc độc mà không bị nhiễm độc. Điều này thật cụ thể. Một bàn tay, khi đã bị thương tích, khi cầm nắm vật gì dơ bẩn, tất dễ bị nhiễm trùng. Ngược lại, bàn tay không thương tích có thể nắm mọi vật không sao. Dù vật đó là thuốc độc.

Qua hình ảnh thí dụ này, cho ta thấy, một thực tế trong đời sống. Thực tế là những kẻ đã nhúng tay vào tội ác, có khác nào như tay bị nhiễm độc. Một khi đã tạo nghiệp ác rồi, họ luôn sống trong sự lo âu, sợ hãi. Đi đâu, họ cũng luôn nơm nớp đề phòng cẩn thận. Lúc nào, họ cũng cảm thấy bên họ có nhiều kẻ thù. Những kẻ thù như luôn tìm cách ám hại họ. Sống trong hồi hộp, họ mất hết tự do. Họ không thể đi chơi thong thả như người thường. Họ có cảm giác luật pháp như đang bủa vây bắt họ. Giống như bàn tay của họ đã bị thương tích, nên cầm nắm bất cứ thứ gì cũng sợ bị nhiễm trùng. Họ phải luôn đề tâm bảo vệ bàn tay thương tích của họ. Sống như thế, thì thử hỏi còn gì là ý nghĩa của sự sống?

Muốn sống có ý nghĩa, điều quan trọng là ta cố giữ làm sao cho bàn tay của mình đừng bị thương tích. Nghĩa là, Phật dạy, chúng ta đừng làm ác. Các điều ác không làm, thì con người sống rất tự do, thoải mái. Nhìn lên không thấy thẹn với trời, ngó xuống không thấy hổ với mình. Đi đến đâu cũng chẳng sợ ai. Người không làm ác là người có một sức mạnh tinh thần rất lớn. Đúng là: *“dọc ngang nào biết trên đầu có ai”*. Không phải thứ dọc ngang của một sức mạnh bên ngoài; của sự phô trương lực lượng binh hùng tướng mạnh. Dọc ngang theo kiểu của người hùng Từ Hải. Mà là một thứ dọc ngang, họ đã làm chủ được tình cảm của họ trước ngoại cảnh. Họ không còn là kẻ nô lệ hoàn toàn cho ngoại cảnh. Họ là người sống có lý tưởng. Do đó, họ sống ngang dọc trong trời đất. Một thứ ngang dọc có ý hướng cao thượng.

Họ xem tất cả mọi người đều là bạn. Họ không phân biệt màu da chủng tộc. Tâm họ lúc nào cũng nghĩ đến thương người. Vì họ biết rất rõ ở nơi họ. Họ là con người theo đúng nghĩa của nó. Họ chẳng những không làm ác mà họ còn làm các điều lành. Họ là người thấu suốt nhân quả. Họ biết, nếu mình không gieo gió, thì không bao giờ gặp bão. Họ tự kềm chế những trận bão lòng của họ. Họ luôn đề cao cảnh giác. Họ biết, thiếu bảo vệ nghiêm mật, thì bàn tay của họ dễ bị xây ra thương tích. Người sống như vậy, thì còn gì là sợ ác quả. Họ luôn cố giữ cho bàn tay của họ không bị thương tích. Giả như lỡ đã bị, thì họ gấp rút tìm phương chạy chữa. Họ không để kéo dài. Càng kéo dài, họ càng đau khổ.

Mỗi người hãy nhìn lại bàn tay của chính mình. Xem nó có bị thương tích gì không? Bàn tay vật lý dù sao cũng còn dễ thấy và dễ trị liệu hơn bàn tay tâm lý. Có nhìn kỹ lại cả hai, thì cuộc sống của ta mới thật sự có ý nghĩa và mới xứng đáng làm người. Đừng để bàn tay vật lý hoen ố! Hãy để cho nó trong sạch và nở như hoa sen. Cứ mỗi lần chấp hai bàn tay lại, ta chịu khó nhìn nó thật kỹ và thật lâu. Ta thấy vạn vật sơn hà đại địa đều có mặt. Có mặt thực sự. Ta thấy ta là tất cả, tất cả cũng chỉ là ta. Ta có quyền mỉm cười mỗi khi chấp bàn tay lại. Ta cười cho sự sống có mặt của ta. Ta tiếp cận và vui sống với mọi vật. Ta không còn là cái ta riêng rẽ, mà ta là tất cả.

Đã thế, thì còn gì là cô đơn và không còn gì mà phải lo âu sợ hãi. Hãy cố gắng thực tập cho mình có những giây phút trở về với chánh niệm. Một chánh niệm sáng ngời với bàn tay không thương tích. Một bàn tay dịu hiền và nắm bắt tất cả mà không thẹn với lòng...

125. Dem ác ý xâm phạm đến người không tà vạy, người thanh tịnh vô nhiễm, tội ác sẽ trở lại làm hại kẻ ác như ngược gió tung bụi.

Like fine dust thrown against the wind, evil falls back upon that fool who offends an inoffensive, pure and guiltless man.

*Kệ tụng
Kẻ ác hại người hiền*

*Thanh tịnh không cầu uế
Tội ác đến kẻ ngu
Như ngược gió tung bụi.*

Lược giảng

Pháp cú này, Phật cho chúng ta thấy rõ lòng dạ của con người đố kỵ. Kẻ có tâm đố kỵ, ganh tỵ, bao giờ cũng tìm đủ mọi cách nói xấu người hơn họ. Họ là kẻ thích làm nô lệ cho bản ngã. Nói xấu, chê bai, dìm kẻ khác xuống, mục đích là để nâng cao bản ngã của họ lên. Họ thuộc hạng người hay khoác lác phô trương. Gặp ai, họ cũng tự đề cao họ. Họ khoe khoang những việc họ làm. Ai chạm đến bản ngã của họ, thì người đó khó sống với họ. Hạng người này, rất nhiều trong xã hội. Họ ít khi nhìn lại họ. Họ thích nhìn lỗi người để phê bình, chỉ trích nói xấu. Đối với họ, không người nào tốt cả. Họ sống ba hoa bằng cái miệng. Họ nói tía lia, và có tài phịa chuyện đặt điều rất hay. Sở trường của họ là nói khoác, nói móc, chuyện không họ bươi ra cho có, chuyện có họ khóa lấp lại thành không. Đối với hạng người này, khi giao tiếp, ta nên cẩn thận. Phật cho họ là kẻ luôn có ác ý, hay hãm hại kẻ hiền lương. Họ có nhiều mưu sĩ thủ đoạn. Người hiền sợ họ còn hơn sợ rắn độc.

Trong Kinh Tứ Thập Nhị Chương, Phật dạy: *Người ác nghe ai làm điều lành quyết đến phá đó, vậy các ông nên tự ngăn dứt chớ không nên giận trách. Kẻ mang điều ác đến thì họ sẽ chịu điều ác đó. (Thích Hoàn Quan dịch)*

*Phật dạy rằng kẻ mang lòng ác
Hãm hại người lòng dạ thẳng ngay
Nghe ai hành thiện hằng ngày
Tìm đủ mọi cách hại ngay tức thì
Người biết tu nhẫn suy ngăn dứt
Chớ sanh lòng tức bực mà chi
Hơn nhau một tiếng ích gì
Chỉ thêm chuốc lấy thị phi vào mình
Thà nhẫn nhịn làm thinh chịu đại
Kẻ hơn ta chuốc mãi khổ đau
Nhân nào quả nấy trả mau
Đã gieo nhân ác đáo đầu lụy thân.
(T. Phước Thái)*

Bài kinh này, Phật khuyên những ai đã và đang hành thiện, khi bị kẻ ác tâm hãm hại, thì phải nên cố gắng nhẫn nại, đừng vì đó mà nổi sân si lên trách mắng họ. Nếu thế, thì hậu quả sẽ rất là tai hại. Cho nên, ta phải vận dụng trí huệ để mà hóa giải mọi ngôn từ hay hành động giả trá, do lòng si mê của họ gây ra. Chỉ có trí huệ mới thực sự đem lại sự lợi lạc cho chúng ta. Còn kẻ nào gieo gió thì ắt sẽ gặp bão. Luật nhân quả tất yếu là như thế. Người sáng suốt, nên thương kẻ mê mờ.

Một bài kinh khác, cũng trong Kinh Tứ Thập Nhị Chương, Phật dạy:

- *Có người nghe ta giữ đạo, thật hành lòng đại nhân từ, nên đến mắng ta, ta làm thinh không đáp.*

Người kia thôi mắng, ta hỏi rằng:

- Ông đem lễ vật cho người, người kia không nhận, lễ ấy có về ông chăng?

Đáp rằng:

- Về chứ!

Phật nói rằng:

- Nay ông mắng ta, giờ ta không nhận thì ông tự chuốc lấy họa về thân ông rồi, cũng như vang theo tiếng, bóng theo hình, hẵn không rời nhau. Vậy thì cẩn thận chớ có làm ác”.

(Giáo sư Hoàn Quan dịch)

Bài kinh này, ngoài việc Phật khuyên con người không nên ôm ấp tâm niệm ác để hại người. Đức Phật còn cho chúng ta một bài học nhấn nhục thật sống động mà nó được biểu hiện qua hình ảnh bản thân đức Phật. Trên bước đường tu tập, hẵn nhiên chúng ta sẽ gặp nhiều chướng duyên từ nội tâm cho đến ngoại cảnh. Mà ngoại cảnh dù cảnh thuận hay cảnh nghịch thật khó nhẫn nại. Trong trường hợp này, chúng ta thấy có người (dĩ nhiên là ngoại đạo) thấy đức Phật đang thật hành lòng từ ban rải khắp cho mọi người, thế là họ sanh tâm đố kỵ, ganh ghét, tìm cách hại Phật, bằng cách thô bạo là mắng chửi thậm tệ đức Phật. Đức Phật vẫn giữ một thái độ rất khoan dung, từ tốn, không biểu lộ khó chịu dù là một thái độ khó chịu nhỏ nhất cũng không có. Từ tấm lòng rộng lượng bao dung đó, đức Phật ôn tồn nêu ra một thí dụ hết sức cụ thể mà đối phương không thể nào nói được. Đồng thời, Đức Phật còn thương và khuyên họ nên cố gắng làm lành, vì luật nhân quả rất công bằng không chừa một ai cả. Hễ có gây nhân thiện hoặc bất thiện đều phải lãnh lấy hậu quả

sương khỏ tùy theo chỗ tạo nhân, dụ như vang theo tiếng và bóng theo hình, không bao giờ sai chạy.

Bài học nhấn nhục này tạo cho chúng ta có thêm nghị lực sức chịu đựng trước mọi hoàn cảnh thuận nghịch khen chê, để chúng ta vững tiến trên bước đường tu học giải thoát.

Khổng Tử nói: “*Hàm huyết phún nhơn, tiên ô tự khẩu*”. Nghĩa là ngậm máu phun người, thì sẽ dơ miệng mình trước. Mình muốn chửi người, lòng mình đã bất an xáo trộn trước. Thế nên, ở đây, Phật dạy, kẻ ác hại người hiền như ngược gió tung bụi. Hành động này, khác nào như kẻ cầm lửa đốt trời, hay phun nước bọt lên trời, tất cả đều rước họa hại vào thân, tức là hại người trở lại hại mình vậy.

126. Con người sinh ra từ bào thai, nhưng kẻ ác thì đọa vào địa ngục, người chính trực thì sinh lên chư thiên, còn cõi Niết bàn chỉ dành riêng cho những ai đã diệt sạch nghiệp sanh tử.

Some are born in the womb; the wicked are born in hell; the devout go to heaven; the stainless pass into Nibbana.

*Kệ Tụng
Một số sinh bào thai
Kẻ ác sinh địa ngục
Người chánh lên cõi trời
Vô lậu chứng Niết bàn.*

Lược giảng

Nhìn trên hiện tượng sinh lý, tất cả mọi người khi thụ thai đều giống nhau. Không một ai thoát khỏi bào thai mà hình thành. Ở đây, Phật muốn nói rõ cái nhân duyên hiện tại phát sanh từ đó. Như thế, thì mọi người đều giống nhau. Giống nhau khi ở trong thai bào. Nhưng khi ra khỏi thai bào, tiếp cận với môi trường sinh sống, từ đó, khi lớn lên, con người có những tập quán khác nhau. Tùy theo mỗi hoàn cảnh, môi trường sống mà có những tập quán khác nhau. Như vậy, trên hành nghiệp không ai giống ai. Và lẽ dĩ nhiên, cái nghiệp nhân quả khứ thúc đẩy con người khi thọ sanh cũng có khác. Vì nghiệp nhân có khác, nên quả báo khổ vui cũng có sai khác.

Tổ Qui Sơn nói: “*Phù nghiệp hệ thọ thân, vị miễn hình lụy. Bẩm phụ mẫu chi di thể, giả chúng duyên nhi cộng thành*”. Nghĩa là, xét ra, do nghiệp mà ràng buộc có thân. Đã có thân, thì không ai thoát khỏi những điều hình lụy. Do tinh cha và huyết mẹ và nhờ các điều kiện chung hợp lại mà thành. Do nghiệp nhân quả khứ mà có ra thân hình hiện tại. Nói cách khác, cái thân hiện tại này, là kết quả của cái nghiệp nhân đời trước. Các duyên chung hợp lại, gọi là sanh. Khi nhân duyên tan rã, gọi là diệt (tử). Nhưng khi có thân, con người vì nhu cầu của thân mà tạo nghiệp. Kẻ ác tạo nghiệp dữ, thì đọa địa ngục. Người hiền, tạo nghiệp lành, thì được sanh thiên. Đó là luật nhân quả tất yếu. Vấn đề quan trọng ở đây, là vấn đề tạo nghiệp. Phẩm này, có tên là phẩm Ác. Rõ ràng, Phật muốn nói rõ về ác nghiệp. Con người vì mang chủng tử ác, nên khi sanh ra, do tham, sân, si thúc đẩy mà gây tạo nhiều nghiệp ác. Do tạo ác

mà thọ khổ. Muốn hết khổ, Phật khuyên mọi người nên hoán cải làm lành. Có làm lành, thì mới được an vui. Đó là cái yếu lý của sự chuyển mê khai ngộ vậy.

Nghiệp lành và nghiệp dữ, vẫn còn trong vòng đối đãi. Phật vì thương xót chúng sanh, không muốn cho họ tiếp tục thọ khổ, nên Ngài phương tiện chỉ bày ra nhiều pháp môn tu. Ngũ giới và thập thiện là hai pháp tu trong vòng đối đãi, để được sanh vào cõi người hoặc cõi trời. Nếu người nào giữ đúng ngũ giới Phật dạy, thì hiện tại được bớt khổ và tương lai cũng được an vui. Còn nếu giữ được mười điều lành, thì sẽ được hưởng phước báo ở cõi trời. Tuy nhiên, dù sanh trong cõi người hay cõi trời, cũng vẫn là hưởng phước báo có giới hạn. Vì vẫn còn đi trong tam giới. Đó là những phước báo hữu lậu. Ngược lại, Chỉ có cõi Niết bàn mới thật sự dứt hết mầm móng sanh tử khổ đau. Vì Niết bàn là cảnh giới an lạc. Một vị A la hán, nhờ công phu tu hành, dứt trừ hết “Kiến”, “Tu” hoặc phiền não, nên các Ngài đạt được quả vị Niết bàn. Nên Phật dạy: “*Cõi Niết bàn chỉ dành riêng cho những ai đã diệt sạch nghiệp sanh tử*”. Đến đây, các Ngài mới thực sự được giải thoát. Bất cứ ai dứt sạch hết phiền não đều gọi là A la hán.

127. Phật dạy: chẳng phải bay lên không trung, chẳng phải lặn xuống đáy bể, chẳng phải chui vào hang sâu núi thẳm, dù tìm khắp thế gian này, chẳng có nơi nào trốn khỏi nghiệp ác đã gây.

Neither in the sky nor in mid-ocean, nor by entering into mountain clefts, no-where in the world is there a

place where one may escape from the results of evil deeds.

Kệ Tụng

Hoặc trên trời dưới biển

Hay trốn vào động núi

Không chỗ nào trên đời

Tránh được quả ác nghiệp.

Lược giảng

Một người sau khi gây nghiệp ác rồi, họ tìm đủ mọi cách để trốn tránh, nhưng chỉ được một thời gian. Cuối cùng, họ cũng sa vào lưới pháp luật. Vì quả đất tròn, nên họ có chạy đâu, cũng ở trong vòng trái đất. Họ còn sống, dù trá hình với bất cứ hình thức nào, cũng không thể qua mắt được luật pháp. Nhờ thế, mà con người tương đối sống được có chút yên ổn. Chớ nếu như luật pháp lỏng lẻo, mọi người sẽ khinh thường. Chừng đó, ai muốn gây tội ác chi thì cứ gây, vì luật pháp không đủ khả năng bảo vệ họ. Nhờ sự bảo vệ chặt chẽ của luật pháp, nên con người mới có chút dễ thở để sống. Thật vậy, có người sau khi gây ra án mạng, họ cố trốn tránh biệt tích, nhưng sau đó ít lâu, họ cũng bị truy nã tìm ra. Điều này, thỉnh thoảng, ta thấy báo chí thường hay đăng tải. Như vậy, đối với luật pháp thế gian, thì kẻ đã gây ra tội ác, không thể trốn thoát được. Trừ phi, họ biết phép tàng hình hay độn thổ, như Vương Tiễn hay Thổ Hành Tôn, thì mới mong thoát khỏi. Bằng không, thì đừng hòng cao bay xa chạy nơi đâu.

Giả như, họ chết đi, thì họ thoát khỏi luật pháp thế gian, nhưng còn luật nhân quả thì sao? Luật nhân quả

cũng không thể nào dung tha họ. Dù họ sanh ra ở nơi đâu, và loài nào, thì cũng phải trả những gì mà họ đã gây tạo. Thế mới là công bằng chứ! Nếu không, thì sao gọi là luật nhân quả cho được? Nhân đã gây, thì quả phải trả. Cho nên, câu pháp cú này Phật dạy: *chẳng phải bay lên không trung* (dù dùng phi thuyền bay trong không trung, nhưng cũng còn phải quay trở lại trái đất, đâu có ở luôn trên đó được. Nhưng, giả sử con người khi tạo trọng tội rồi, lên trên đó trốn được, thì cũng bị người khác lên trên đó kéo xuống, không dễ gì trốn thoát được đâu) Như vậy, bay lên không trung, thì không được rồi. Không bay lên không trung, thì đi đâu? Thì *lặn sâu dưới đáy biển*. Bây giờ cũng có người lặn sâu dưới đáy biển đó chứ! Nhưng rất tiếc, lặn sâu thì được, mà trốn tội lỗi đã gây thì không. Tại sao? Giả như, họ dùng tàu ngầm đi dưới đáy biển, thì có lúc họ cũng phải trồi lên. Nếu không trồi lên, thì có tàu ngầm khác truy tìm họ. Như vậy, tất nhiên là có chiến tranh dưới biển. Điều này cũng đã có xảy ra. Sống trong thế giới văn minh, kỹ thuật máy móc tinh vi tối tân, thì không có cái gì mà có thể qua mặt họ được. Thế thì lặn xuống đáy biển cũng không xong. Chỉ còn có cách là *chui vào trong hang sâu núi thẳm*. Hiện tại có người đã trốn thoát bằng cách chui hang sâu núi thẳm đó chứ. Nhưng liệu họ có trốn thoát được không? Nhưng đâu có trốn được trong đó, thì chỉ có nước bỏ xác trong đó luôn. Cuối cùng, họ làm mồi ngon cho những con kênh kênh hay loài quạ điều ăn thịt mà thôi.

Tóm lại, pháp cú này, Phật cảnh tỉnh cho con người không nên làm ác. Vì làm ác khó trốn thoát khỏi quả

báo. Luật pháp tuy vô hình, nhưng đừng hòng thoát khỏi. Luật pháp còn không thoát khỏi, thì làm sao thoát khỏi luật nhân quả? Ý thức được lời Phật dạy, trong đời sống hằng ngày, ta cố tránh gây nghiệp ác chùng nào thì tốt cho ta chùng nầy. Mong sao mọi người cố gắng tạo nghiệp lành, để bản thân mình không khổ và người khác cũng được vui lây. Đó mới thực sự đúng với ý nghĩa con người và mới xứng đáng sống trong xã hội loài người.

128. Phật dạy: Chẳng phải bay lên không trung, chẳng phải lặn xuống đáy bể, chẳng phải chui vào hang sâu núi thẳm, dù tìm khắp thế gian này, chẳng có nơi nào trốn khỏi tử thần.

Neither in the sky nor in mid-ocean, nor by entering into mountain clefts, no-where in the world is there a place where one will not be overcome by death.

Kệ Tụng

*Hoặc trên trời dưới biển
Hay trốn vào động núi
Không chỗ nào trên đời
Thoát khỏi tay tử thần.*

Lược giảng

Chết là một định luật tất yếu. Xưa nay, không một ai tránh khỏi. Cái mà không ai tránh khỏi, thì trốn nơi đâu thoát được. Trốn không được, thì phải đối diện. Đối diện để quán chiếu. Quán chiếu thật sâu vào lý vô thường. Đời người một thoáng qua, như bóng câu cửa sổ. Thấy rõ lý vô thường sinh diệt, con người không

còn sợ chết. Không sợ hãi, thì có gì mà phải chạy trốn. Chạy trốn vô ích. Hãy mạnh dạn nhìn thẳng vào cái chết. Chết là hoại diệt mà hoại diệt không có nghĩa là mất hẳn. Làm sao cắt đứt dòng sinh mạng? Sinh mạng là một nguồn sống vĩnh cửu. Đi tìm cái vĩnh cửu trong cái sanh diệt. Lội xuống dòng nước để nhìn nước chảy trôi, đó không phải là cái hứng thú lắm sao? Có lợi xuống và chiêm nghiệm thật sâu vào dòng nước đang chảy, ta mới thấy được sự sinh động của nước. Cứ đứng trên bờ nhìn xuống, làm sao cảm nhận được cái lạnh, cái ấm của nước. Vô thường cũng là một sự sống của muôn vật. Sự đổi thay là một nguồn sống luôn đổi mới. Không ai muốn cuộc đời cứ ngưng đọng một chỗ. Thế thì, còn gì đáng chán cho bằng. Một đứa bé sanh ra, rồi muôn đời vẫn là đứa bé. Như vậy, đứa bé đó có gì là sống. Giá trị sống để tiếp nhận những cái đẹp của đứa bé không có. Cứ đứng yên như thế, thì thật là vô vị. Và cuộc sống của con người và muôn loài chỉ còn là những cái xác chết khô cứng.

Nhờ sự đổi thay của vạn vật, con người mới có những cái đổi mới thích thú trong đời sống. Hôm nay phải có tiến bộ hơn hôm qua. Như vậy, hiện tượng vô thường cho ta nhiều bài học thú vị. Tại sao ta phải sợ vô thường? Ta sợ vô thường là vì ta không bắt kịp với sự sống mới. Ta sống cứ theo một nhịp điệu ôn lại. Cũng ngàn ấy công việc, rồi cũng lặp đi lặp lại như cái máy. Không gì buồn chán bằng, cứ hát đi hát lại một bản nhạc cũ rích suốt ngày. Làm công việc mà ta cảm thấy buồn chán, tại vì ta không mấy hứng thú với công việc mà ta đang làm. Làm vì một lý do bắt buộc phải cho

xong việc. Làm trong sự uể oải, buồn ngủ. Rõ ràng, là ta đã mất hết cái hứng thú làm việc. Bởi ta muốn công việc đứng lại nguyên vị thế trong cái vô thường. Nhưng làm sao ta cho nó đứng nguyên vị thế đây? Trong cơ thể ta đang vận chuyển, từng tế bào của ta hiện đang thay đổi. Các tế bào của ta, chúng cũng đang đi tìm nguồn sống. Chúng cũng đang vươn lên từng sát na để tìm khuynh hướng đổi mới. Thế thì, muốn cho cuộc sống luôn luôn linh động, thì ta phải cảm ơn vạn vật vô thường.

Tìm cái chơn thường trong cái vô thường, đó cũng chỉ là một cách nói. Trong cái vô thường đã sẵn có cái chơn thường, chớ có đâu khác mà tìm. Ý niệm tìm, từ căn bản của nó đã là sai rồi. Ta cứ hồn nhiên vui sống theo cái lương tâm của ta. Ta không bỏ công tìm kiếm gì cả. Cứ nhìn thẳng vào sự sống mà sống. Chết, chỉ là một hiện tượng sinh diệt biến đổi. Một trạng thái sinh thành chuyển tiếp. Không chết là bế tắc của dòng sống. Nước vẫn chảy và mây vẫn trôi. Không ai có quyền bắt nước phải dừng lại và bắt mây phải ngừng trôi. Thật là vô lý. Người nào bắt mây nhốt gió, thì đó là thái độ của kẻ điên rồ. Ngay ý niệm khởi bắt và nhốt đã là một sự lầm lẫn rất lớn. Chân lý là chân lý, làm sao bắt nhốt. Có ai đại đột bắt nhốt một nguồn sống bao giờ. Nguồn sống vẫn luôn linh động trong sự đổi thay kia mà!

Đối diện khác với nghĩa chạy trốn rất xa. Còn có ý niệm chạy trốn, là còn sống trong sống thế giới ảo tưởng. Tất nhiên, không phải là thế giới hiện thực. Thế giới hiện thực là thế giới đang xảy ra. Điều quan trọng

là ta có bắt kịp và tỉnh thức cái đang xảy ra đó hay không? Hay là ta cứ thả trôi cuộn mình theo một thế giới hiện tượng. Đuổi theo thế giới hiện tượng sinh diệt là ta đã tiêu diệt nguồn sống. Ta thực sự là kẻ biến dạng, mất mình. Mất mình một cách đáng thương!...Trốn chạy một chân lý có được không? Câu hỏi đặt ra như thế, thật là ngớ ngẩn. Ngớ ngẩn đến độ mà bạn phải ôm bụng cười. Có thể cười đến vỡ bụng ra cũng không chừng. Đã là chân lý làm sao trốn chạy? Đời sống của chúng ta hiện nay đã và đang lâm vào tình trạng ngớ ngẩn đó. Phật nói, tử thần không ai trốn khỏi. Không trốn khỏi mà chúng ta vẫn sợ. Thật sự chúng ta không muốn nghe tới và cũng không muốn nhận diện. Rõ ràng là chúng ta không dám nhìn thẳng vào lẽ thật. Tử thần là sự sinh diệt khôn lường. Chử thần là một sự biến hóa khôn lường. Sinh sinh hóa hóa, hóa hóa sinh sinh. Cứ thế mà thay đổi không dừng. Một lẽ thật như thế mà chúng ta lại quên đi. Chúng ta bị cuốn hút theo thế giới vật chất. Chúng ta đuổi rượt theo những cái bóng dợn hay xây dựng những tòa lâu đài trên bãi cát. Giống như những Càn thất bà thành. Chúng ta bỏ ra cả cuộc đời để chạy theo những ảo ảnh giả danh đó. Nhưng thực tế, chúng ta không hay biết, dù đã được Phật Tổ thức nhắc rất nhiều. Xin mọi người hãy nắm bắt lấy mình trong mỗi phút giây hành động...

MỤC LỤC

Trang

Lời nói đầu.....	1- 4
Phẩm Song Yếu.....	5- 45
Phẩm không buông lung.....	46-68
Phẩm Tâm	69- 92
Phẩm Hoa	93- 134
Phẩm Ngũ	135- 213
Phẩm Hiền Trí	214- 295
Phẩm A La Hán	296- 357
Phẩm Ngàn	358- 443
Phẩm Ac	444- 502